

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI

Số: 13/2020/CBTT-GEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 11 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
- Mã chứng khoán:	GEG
- Địa chỉ trụ sở chính:	114 Trường Chinh, TP Pleiku, Gia Lai
- Điện thoại :	0269 382 3604
- Fax :	0269 382 6365
- Người thực hiện công bố thông tin:	Phạm Thành Tuấn Anh
- Chức vụ:	Chánh Văn phòng Công ty
- Địa chỉ:	114 Trường Chinh, TP. Pleiku, Gia Lai
- Điện thoại :	0269 222 2170
- Fax:	0269 382 6365

Loại công bố thông tin: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo thường niên năm 2020 đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://geccom.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00001>

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẠM THÀNH TUẤN ANH



Lộng Gió



MỤC LỤC

- 4 GEC - Hành trình đến 2020
- 8 GEC - Những nỗ lực của 2020
- 12 GEC - Danh mục dự án
- 15 GEC - Cam kết minh bạch

Mở lời

- 18 Phòng vấn Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 20 Năng lực Hội đồng Quản trị
- 22 Chặng đường 5 năm 2021-2025
- 27 Quản trị doanh nghiệp tiếp cận chuẩn mực
- 39 Hội đồng Quản trị độc lập theo thông lệ tốt nhất về Quản trị Công ty
- 41 Ủy ban Kiểm toán kết hợp trách nhiệm Giám sát, Kiểm soát và Quản lý rủi ro
- 43 Mô hình Quản trị rủi ro 3 tuyến phòng vệ
- 46 Sự gắn kết giữa hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư và Thị trường vốn

Bản lĩnh

- 54 Chia sẻ của Tổng Giám đốc
- 55 Năng lực Ban Điều hành
- 57 Duy trì hiệu quả hoạt động trên cơ sở đảm bảo tuân thủ Pháp luật
- 60 Chuỗi Giá trị khép kín về Năng lượng tái tạo tại GEC
- 62 Hoạt động Kỹ thuật Tối ưu hóa Sản xuất - Tiết kiệm Chi phí - Tăng Doanh thu
- 65 Củng cố nội lực từ Nhân sự và Đào tạo

Chinh phục

- 70 Hành trình ngày và đêm hiện thực hóa Danh mục đa dạng Năng lượng tái tạo
- 72 Câu chuyện Phát triển bền vững tại GEC
- 75 Cộng hưởng giá trị các Bên liên quan
- 78 Vì Môi trường sống xanh
- 84 Vì trách nhiệm với Cộng đồng
- 90 Vì một nền Kinh tế phát triển
- 95 Thông tin dành cho các Bên liên quan

Sang trang

- 98 Tài chính là nền tảng
- 102 Lợi thế cạnh tranh của GEC trong sứ mệnh phát triển Năng lượng tái tạo
- 108 Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán
- 166 Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kiểm toán
- 174 Những thuật ngữ viết tắt
- 175 Đón điện... Mở tương lai...

Đón Gió



2018 Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, Ban Lãnh đạo định hướng Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đa dạng hóa các loại hình đầu tư, khai thác nguồn Năng lượng tái tạo, đón đầu xu thế và hướng đến Ngành Công nghiệp Năng lượng Xanh, phù hợp chiến lược phát triển bền vững của Quốc gia.

2019 Ánh sáng

Ánh Sáng mỗi ngày lan tỏa đến từng nhu cầu của cuộc sống. Ánh Sáng góp phần vào sự phát triển năng động của kinh tế ban ngày, sự nhộn nhịp của kinh tế về đêm.

2020 Lộng gió

Những thước phim giàu cảm xúc của hành trình ngày và đêm đi tìm nguồn Năng lượng Gió bước đầu ghi dấu những thành quả nhất định. Nỗ lực không ngừng để tìm kiếm những vị trí phù hợp, đo gió, xây trụ, thi công và đóng điện nhằm góp phần xây dựng nguồn Năng lượng sạch cho Việt Nam.

2021 Đón điện...

Mở tương lai...



GEC - HÀNH TRÌNH ĐẾN 2020

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
Tên tiếng Anh	GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	GEC
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, điều chỉnh lần thứ 18 ngày 13/11/2020
Mã số thuế	5900181213
Vốn Điều lệ	2.712 tỷ đồng
Trụ sở chính Gia Lai	114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại	0269 382 3604
Văn phòng Hồ Chí Minh	Lầu 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
Điện thoại	028 3999 8822
Website	www.geccom.vn
Mã cổ phiếu	GEG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TÂM NHÌN

TRỞ THÀNH TỔ CHỨC TƯ NHÂN ĐẦU TƯ HÀNG ĐẦU VỀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

SỨ MỆNH

TỐI ĐA HÓA NGUỒN NĂNG LƯỢNG TỬ THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ VÀ ĐIỆN SINH KHỐI. ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỀ GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG SẠCH, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ỦY BAN KIỂM TOÁN

ÔNG TÂN XUÂN HIẾN
Chủ tịch

ÔNG DEEPAK C. KHANNA
Thành viên HĐQT không Điều hành
Thành viên UBKT

BÀ NGUYỄN THÙY VÂN
Thành viên HĐQT độc lập
Chủ tịch UBKT

ÔNG PHẠM HỒNG DƯƠNG
Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên UBKT

BÀ PHẠM THỊ KHUÊ
Thành viên HĐQT độc lập

BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THÁI HÀ
TGD

ÔNG LÊ THANH VINH
Phó TGD Thường trực

BÀ TRẦN THỊ HỒNG THẨM
GD Tài chính

BÀ TRẦN THIỆN THANH THÙY
GD Vận hành

ÔNG NGUYỄN PHONG PHÚ
GD Phát triển DA

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

3511 SẢN XUẤT ĐIỆN (KINH DOANH CHÍNH)

2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	4212	Xây dựng công trình đường bộ	6810	Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
3314	Sửa chữa thiết bị điện	4222	Xây dựng công trình cấp thoát nước	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	7710	Cho thuê xe có động cơ
3512	Truyền tải và phân phối điện	4321	Lắp đặt hệ thống điện	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
4101	Xây dựng nhà để ở	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
4102	Xây dựng nhà không để ở	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu

DANH MỤC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐANG VẬN HÀNH VÀ ĐANG TRIỂN KHAI CỦA GEC TẠI VIỆT NAM

● Thủy điện ● Điện Mặt trời ● Áp mái ● Điện Gió

755 MWp Điện Mặt trời, Điện Gió, Thủy điện, Áp mái

Tây Nam Bộ - 303 MW	Tây Nguyên - 227 MW	Nam Trung Bộ - 44 MW	Miền Trung - 42 MW	Đông Nam Bộ - 1 MW
Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long	Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông	Bình Thuận, Quảng Nam	Huế	Vũng Tàu
	78 MW		6 MW	
98 MWp	113 MWp	49 MWp	48 MWp	
13 MWp	15 MWp	3 MWp	1 MWp	2 MWp
210 MW	50 MW			



GEC - HÀNH TRÌNH ĐẾN 2020

(tiếp theo)

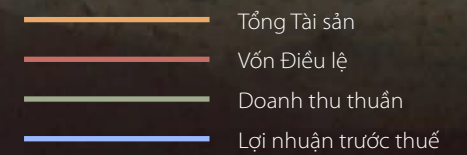


DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2020 TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ

1.493 TỶ ĐỒNG
309 TỶ ĐỒNG

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP VƯỢT TRỘI TRUNG BÌNH NGÀNH

51%



ĐVT: Tỷ đồng

GEC - NHỮNG NỖ LỰC CỦA NĂM 2020

CỔ ĐÔNG

Báo cáo QTCT 2019: Báo cáo tình hình hoạt động QTCT 2019 theo tiêu chuẩn TT 155
Diễn giải BCTC Q4 2019: DTT và LNNT 2019 lần lượt vượt kế hoạch 14% và 25%, giảm sự phụ thuộc ~80% vào Thủy điện trong 2018 thành tăng tỷ trọng Điện Mặt trời lên 58%

BCTN GEC 2019 - Chủ đề Ánh Sáng: Ánh Sáng góp phần vào sự phát triển năng động của kinh tế ban ngày và sự nhộn nhịp của kinh tế về đêm
Diễn giải BCTC Q1 2020: Biên EBIT, Biên EBITDA ghi nhận mức tăng trưởng mạnh lên 55% và 84%. Các NM Thủy điện đã đi vào hoạt động ổn định, trong đó NM đã khấu hao gần hết sẽ tiếp tục cải thiện hơn nữa các chỉ số sinh lời trong tương lai

PHS - Báo cáo phân tích Cổ phiếu GEG: - Giá mục tiêu: 23.400 đồng - Năm giữ	VCBS - Báo cáo nhanh Cổ phiếu GEG: - Giá mục tiêu: 20.500 đồng - Năm giữ	TCBS - Báo cáo One-click Cổ phiếu GEG: - Điểm đánh giá: 79/100 - Mức đánh giá: Tốt
--	---	---

Yuanta - Báo cáo Cổ phiếu GEG: LNNT 2020-2025 kỳ vọng ghi nhận CAGR 37%

VCBS - Cập nhật Cổ phiếu GEG: Ước tính KQKD 2020 với DTT 1.400 tỷ đồng, LNNT 360 tỷ đồng

Cổ phiếu GEG vào VN100 - Kỳ Cơ cấu Tháng 7/2020: GEC là Công ty hoạt động về NLTT duy nhất
Báo cáo QTCT Bán niên 2020: Báo cáo tình hình hoạt động QTCT 6 tháng đầu năm 2020 chuẩn TT 155

Giải thưởng BCTN Quốc tế 2019 - LACP:
- Giải Vàng phân Ngành Tiện ích - Năng lượng
- Top 5 BCTN - Nhóm Quốc gia Việt Nam
VCBS - Khuyến nghị danh mục Cổ phiếu đầu tư:
- Cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng và bắt đầu xuất hiện tín hiệu tăng giá
- Chờ mua
- Giá mục tiêu: 20.000 đồng

VDSC - Báo cáo lần đầu Cổ phiếu GEG: - Giá mục tiêu: 20.800 đồng
- Mua
SBT trở thành CĐ lớn: Nhận chuyển nhượng 19,8 triệu Cổ phiếu (7,3%)
Diễn giải BCTC Q3 2020: DTT 9 tháng đến từ Điện Mặt trời 72%, Thủy điện 23%, khác 5%. TTS đạt 7.089 tỷ đồng, +5% so đầu kỳ; trong đó Tiền và tương đương tăng mạnh 110%

HSC - Báo cáo lần đầu Cổ phiếu GEG: - Giá mục tiêu: 19.500 đồng
- Mua
MAS - Báo cáo Cổ phiếu GEG: - Giá mục tiêu: 16.590 đồng
- Năm giữ
VCSC - Báo cáo Ngành Điện
- Định giá hợp lý
- IRR các DA Điện Mặt trời của GEC ~15-17%, cao hơn IRR trung bình Ngành

Doanh nghiệp niêm yết 2020:
- Top 5 Doanh nghiệp QTCT tốt nhất - Nhóm Vốn hóa vừa
- Báo cáo Tiến bộ vượt trội - Hàng mục Báo cáo PTBV
AVH - CĐ lớn tăng sở hữu lên 20%: AVH mua vào ~2,4 triệu Cổ phiếu, tăng số lượng Cổ phiếu nắm giữ lên 54,3 triệu Cổ phiếu
Ông Đặng Văn Thành gắn kết với chiến lược NLTT GEC: Ông đăng ký mua vào 11 triệu Cổ phiếu GEG (4,1%). Danh mục Điện Gió tiềm năng tại Gia Lai 50 MW và Tiền Giang 150 MW.

TÀI CHÍNH

THÁNG 1
BCTC hợp nhất Q4/2019:
- DTT: 353 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ
- LNNT: 77 tỷ đồng, +45% cùng kỳ
- Biên LNG: 57%
Hội nghị Tổng kết hoạt động Ủy ban Năng lượng và GEC: Tổng kết hoạt động 2019, định hướng chiến lược 2020

THÁNG 3
BCTC hợp nhất Kiểm toán 2019:
- DTT: 1.159 tỷ đồng, 114% kế hoạch ĐHCĐ
- LNNT: 304 tỷ đồng, 127% kế hoạch ĐHCĐ

THÁNG 4
BCTC hợp nhất Q1/2020:
- DTT: 304 tỷ đồng, +75% cùng kỳ
- LNNT: 76 tỷ đồng, +37% cùng kỳ
- Biên LNG: 60%

THÁNG 5
Tài liệu ĐHCĐ thường niên Năm Tài chính 2019 với kế hoạch kinh doanh hợp nhất:
- DTT 2020: 1.531 tỷ đồng, +20% kế hoạch 2019
- LNNT 2020: 320 tỷ đồng, +7% kế hoạch 2019

THÁNG 6
ĐHCĐ thường niên Năm Tài chính 2019 thông qua:
- Chi trả cổ tức 2019 bằng cổ phiếu: 8%
- Kế hoạch phát hành quyền mua cho CĐ hiện hữu 4:1, giá thực hiện 10.000 đồng/Cổ phiếu
- Chào bán riêng lẻ: 27,12 triệu Cổ phiếu cho CĐ chiến lược

THÁNG 7
Hợp tác với Ngân hàng TNHH MTW Woori Việt Nam:
- Tài trợ khoản vay: 437 tỷ đồng
- Lãi suất: Bình quân lãi suất có kỳ hạn 6 tháng của 4 Ngân hàng có vốn Nhà nước + biên độ 3,2%
- Thời hạn: Đến 25/12/2026

THÁNG 8
BCTC hợp nhất bán niên soát xét:
- DTT: 605 tỷ đồng, +18% cùng kỳ
- LNNT: 143 tỷ đồng, 45% kế hoạch năm

THÁNG 9
Phát hành Trái phiếu:
- Giá trị: 200 tỷ đồng
- Kỳ hạn: 24 tháng
- Lãi suất: 10,5%

THÁNG 10
Tăng VDL lên 2.712 tỷ đồng:
- Chi trả 8% cổ tức năm 2019: 16,3 triệu Cổ phiếu
- Phát hành: 50,9 triệu Cổ phiếu cho CĐ hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền mua 100%

BCTC hợp nhất 9 tháng 2020:
- DTT: 959 tỷ đồng
- LNNT: 206 tỷ đồng
- Biên LNG: 57%

THÁNG 11

THÁNG 12
Tăng sở hữu tại GEC: GEC mua 7,3 triệu Cổ phiếu GEC, tăng sở hữu lên 61%
Cổ tức tiền mặt 22% từ GEC: GEC ghi nhận 43 tỷ đồng cổ tức.

DỰ ÁN

Chuyển nhượng NM Thủy điện Kênh Bắc 2 MW:
Tập trung nguồn vốn triển khai các DA NLTT

Thành lập CTCP Điện Gió la Bang:
- VDL: 200 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn của GEC: 99%
- Phát triển Điện Gió: DA la Bang 1 - 50 MW, Gia Lai

Thành lập CTCP Hợp tác phát triển Năng lượng sạch VI-JA
- VDL: 150 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn của GEC: 99%
- Sản xuất và kinh doanh điện từ Năng lượng Mặt trời, Gió và NLTT mới

Hoàn tất BSQH 230 MW Điện Gió:
- DA V.PL Giai đoạn 2: 30 MW
- DA Tân Phú Đông: 150 MW
- DA la Bang 1: 50 MW

NQ HDQT phê duyệt Chủ trương đầu tư 2 DA Điện Gió
- DA Tân Phú Đông 1: 100 MW, Tiền Giang
- DA la Bang 1: 50 MW, Gia Lai

DA Điện Gió ngoài khơi V.P.L 1 Bến Tre:
- Công suất: 30 MW
- Giá FIT1 ngoài khơi: 9,8 UScent/kWh
- Thời hạn PPA: 20 năm
- Đóng cọc móng đầu tiên: T9/2020
- Dự kiến COD: T8/2021

CTCP Điện Gió la Bang - Công ty Con của GEC ký hợp đồng với Vestas Việt Nam và Vestas Asia Pacific A/S - DA Điện Gió la Bang 1:
- 12 Turbine V150 4,2 MW
- Giám sát lắp đặt
- Thỏa thuận Quản lý vận hành 10 năm
- Cam kết hệ số khả dụng theo sản lượng
- Đảm bảo tối đa hiệu quả hoạt động DA

BSQH 49 MWp Điện Mặt trời: DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2, 49 MWp, Tỉnh Long An
Lễ động thổ NM Điện Gió la Bang 1 - 50 MW:
- Tổng vốn đầu tư: 1.955 tỷ đồng
- Sản lượng dự kiến: 154 triệu kWh/năm
- Giá FIT1 trên bờ: 8,5 UScent/kWh, 20 năm
- Dự kiến COD: T10/2021
- Giảm phát thải: 120.000 tấn CO₂/năm
Chủ trương đầu tư: DA Điện Gió Tân Phú Đông 2, 50 MW, Tỉnh Tiền Giang

NLTT tiềm năng: 1.400+ MW
Điện Mặt trời mặt đất vận hành: 260 MWp
Điện Gió đang triển khai: 130 MW
Thủy điện vận hành: 84 MWp
Điện Mặt trời Áp mái vận hành: 34 MWp.

XÃ HỘI

THÁNG 1
"Tết sum vầy": Chương trình Nấu Bánh Chung hỗ trợ Địa phương, cùng vui với CBNV
"Gặp mặt đầu xuân": Chương trình mừng tuổi đầu xuân cho các gia đình CBNV
"Khai quân đầu năm": Lễ ra quân và Tân niên Xuân với sự tham gia của toàn thể CBNV

THÁNG 2
"Niềm vui từ lòng Nhân ái": Chương trình Hiến máu tự nguyện do Tập đoàn TTC phát động

THÁNG 3
Chương trình "Hành động hưởng ứng Giờ Trái Đất 2020":
- Do WWF Việt Nam tổ chức
- GEC phát động người dân ở Khu vực các NM tham gia phong trào trong khung giờ 20:30-21:30 ngày 28/3/2020

THÁNG 4

THÁNG 5

THÁNG 6
Chương trình "Áo trắng yêu thương cùng em đến trường":
180 áo trắng, 55 phần quà trao đến Học sinh nghèo tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tổng hợp, Gia Lai

THÁNG 8

THÁNG 9

THÁNG 10
"GEC Green Growth 2020":
GEC trồng hơn 600 cây xanh tại 2 NM Thủy điện Đa Khai, Lâm Đồng và Đak Pi Hao 2, Gia Lai

THÁNG 11
Chia sẻ khó khăn với người dân bị lũ lụt:
- Chương trình cứu trợ đồng bào Miền Trung do Tập đoàn TTC phát động
- GEC đóng góp 533+ triệu đồng hỗ trợ người dân vùng lũ
Học bổng khuyến học "TTC - Nâng bước thành công" lần 35: 18 phần quà cho Học sinh Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, Pleiku, Gia Lai
Trao tặng Nhà tình thương: 2 Nhà tình thương cho Người dân Xã la Bang, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai

THÁNG 12
Tri ân Khách hàng bán lẻ Chi nhánh Chư Prông, Gia Lai:
Trao 7.028 phần quà, tổng giá trị ~500 triệu đồng.



Vestas Wins Another Order in Vietnam for a 50 MW Wind Project

Vestas' Next Generation Offshore Platform



LACP AWARDS
2019
VISION GOLD WINNER WORLDWIDE

LACP AWARDS
2019
VISION TOP 5 REPORTS VIETNAM

GIẢI TIỀN BẠ VÀNG
CẤP QUỐC GIA
CÁC BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

GIẢI TIỀN BẠ VÀNG
CẤP QUỐC GIA
CÁC BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

RONGVIET SECURITIES

CTCP ĐIỆN GIA LAI (HSX: GEG)

Cần nhiều vốn để tạo động lực tăng trưởng

Gia Lai là một doanh nghiệp với nhiều triển vọng trong ngành điện, với ba mảng hoạt động là sản xuất và bán điện, vận hành và bảo trì các nhà máy điện và các dự án khác trong chuỗi kế hoạch. Công ty đã đầu tư tổng cộng 344 MW và rất nhiều dự án khác trong chuỗi kế hoạch. Năm 2019, tương đương 0,3% tổng thu nhập của công ty, và chi phí đầu tư thấp và chi phí vận hành thấp.

Tiện ích công cộng
Tháng 11, 2020

+42%

Giá cổ phiếu (VND)	14.650
Giá mục tiêu (VND)	20.800
Cổ tức tiền mặt (*)	0

*Dự kiến trong 12 tháng tới

Thông tin cơ bản

Ngành	Điện
Vốn hóa (tỷ đồng)	4.230
SLCPH (triệu cp)	271

hsc
Company Update

Buy

Target price: VND19.550
Upside/downside: 23.7%

Stock data as of 02 October 2020

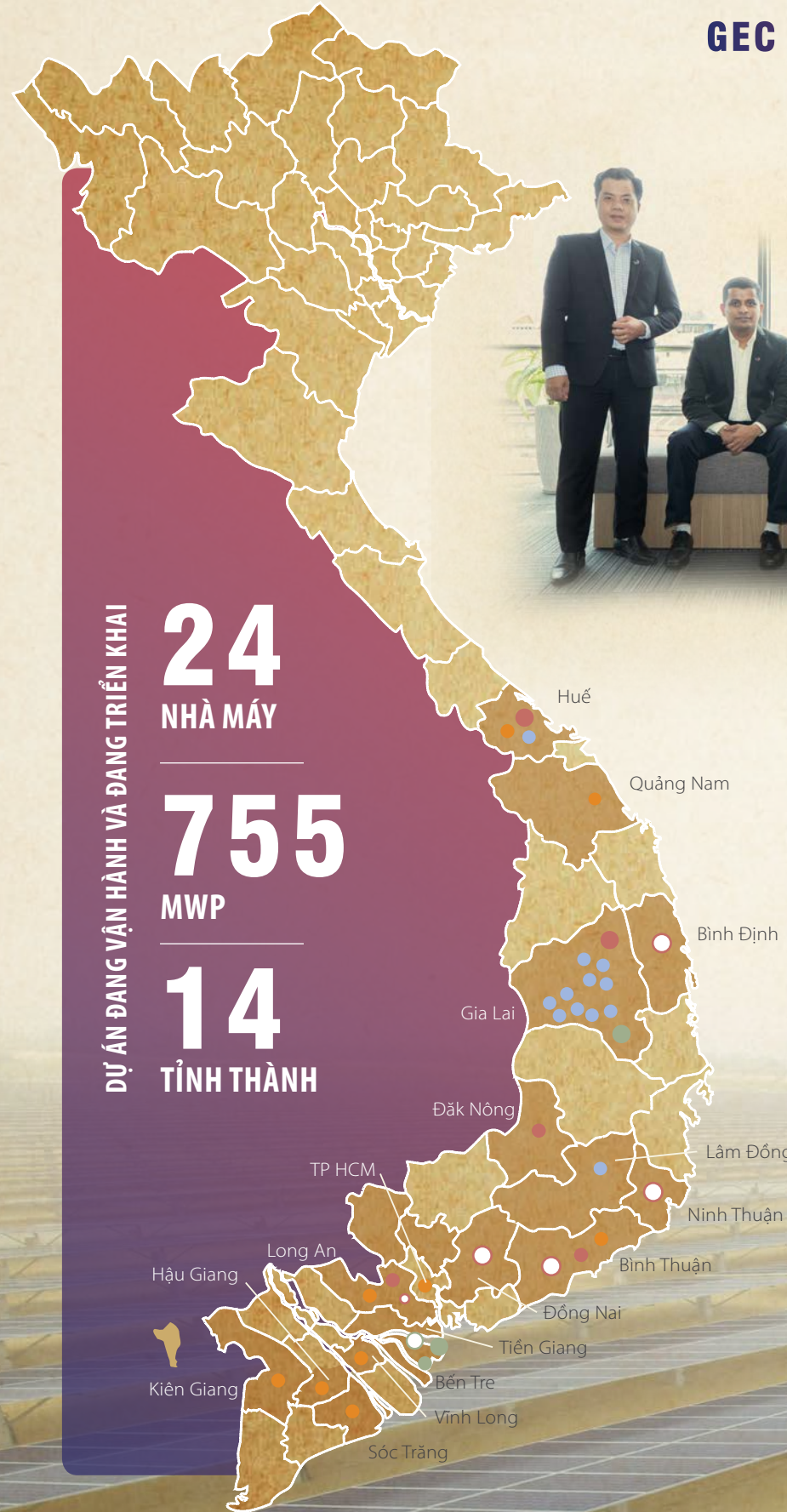
Price (VND)	15.800
52 week High / low (VND)	24.097 / 14.032
Px perf. (3 / 6 / 12 months) (%)	-18.31 / -40.71 / -23.81
Shares outstanding (mn)	271
Free float shares (mn)	81.4
Free float shares (SD avr) (VND mn)	5.940
Trading Cap (VNDbn)	4.205
Market Cap (USDmn)	198
Market Cap (USDmn)	99.9
Market Cap (USDmn)	38.3

Accelerating

- We initiate our... and a target p...
- GEG is a le... company ha... leveraged p...
- The stock... investing... which wil...



GEC - DANH MỤC DỰ ÁN



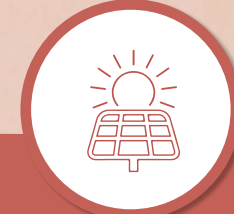
Ban Lãnh đạo Điện Mặt trời

• DỰ ÁN TIỀM NĂNG
Công suất 1.144 MWP Địa điểm

	298	Tiền Giang
	600	Đồng Nai
	147	Bình Thuận
	50	Ninh Thuận
	49	Bình Định

HỆ THỐNG NM ĐIỆN MẶT TRỜI

LÀ ĐƠN VỊ TIÊN PHONG TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI VIỆT NAM, GEC VẬN HÀNH 5 NM ĐIỆN MẶT TRỜI MẶT ĐẤT VÀ HỆ THỐNG ÁP MÁI VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 294 MWP TẠI CÁC KHU VỰC GIA LAI, HUẾ, LONG AN, BÌNH THUẬN, ĐẮK NÔNG, SÓC TRĂNG VÀ HẬU GIANG. NĂM 2020, HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI CUNG CẤP 395 TRIỆU KWH SẢN LƯỢNG, GÓP PHẦN GIẢM THẢI 362 NGÀN TẤN CO₂, MANG LẠI DOANH THU 895 TỶ ĐỒNG VÀ BIẾN LNG ĐẠT 62%.



6 NM ĐIỆN MẶT TRỜI NỐI LƯỚI VÀ HỆ THỐNG ÁP MÁI
343 MWP

Thông tin được thể hiện như sau:
Tên NM - Năm vận hành
Sản lượng bình quân
Công suất - Giờ nắng
Bức xạ
Đầu tư
Tấm pin
Giảm thải CO₂



Phong Điền - 2018
60 triệu kWh/năm
48 MWP - 2.000 giờ/năm
4,6 kWh/m²/ngày
902 tỷ đồng
145.560 tấm pin
51.600 tấn/năm



Krong Pa - 2018
103 triệu kWh/năm
69 MWP - 2.200 giờ/năm
5,2 kWh/m²/ngày
1.301 tỷ đồng
209.100 tấm pin
89.000 tấn/năm



Đức Huệ 1 - 2019
73 triệu kWh/năm
49 MWP - 2.445 giờ/năm
4,93 kWh/m²/ngày
936 tỷ đồng
148.500 tấm pin
63.100 tấn/năm



Hàm Phú 2 - 2019
77 triệu kWh/năm
49 MWP - 2.520 giờ/năm
5,3 kWh/m²/ngày
979 tỷ đồng
148.470 tấm pin
66.600 tấn/năm



Trúc Sơn - 2019
68 triệu kWh/năm
45 MWP - 2.500 giờ/năm
5,09 kWh/m²/ngày
825 tỷ đồng
127.200 tấm pin
58.600 tấn/năm



Áp mái - 2019
47 triệu kWh/năm
34 MWP - 2.200 giờ/năm
5,2 kWh/m²/ngày
612 tỷ đồng
96.339 tấm pin
33.400 tấn/năm



Tên NM - Năm vận hành
Sản lượng bình quân
Công suất giờ nắng
Bức xạ
Tấm pin
Giảm thải CO₂
Tiến độ

Đức Huệ 2 - 2021
74,5 triệu kWh/năm
49 MWP - 2.445 giờ/năm
4,93 kWh/m²/ngày
142.020 tấm pin
64.400 tấn/năm
Đang triển khai



GEC - DANH MỤC DỰ ÁN



13 NM THỦY ĐIỆN **84MW**

Thông tin được thể hiện như sau:
Tên NM - Năm vận hành
Sản lượng bình quân - Công suất
Nguồn nước - Hiệu suất

HỆ THỐNG NM THỦY ĐIỆN

31+ NĂM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH CÁC DA THỦY ĐIỆN, SAU KHI THANH HOÀN NM THỦY ĐIỆN KINH BẮC, GEC ĐANG SỞ HỮU 13 NM VỚI QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ, ĐÚNG CHUẨN LOẠI HÌNH NLTT. DA TẬP TRUNG TẠI 3 KHU VỰC GIA LAI, LÂM ĐỒNG, HUẾ VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 84 MW, THỜI GIAN BẮT ĐẦU VẬN HÀNH TỪ 1989-2015. NĂM 2020, SẢN LƯỢNG ĐẠT 321 TRIỆU KWH, DOANH THU 396 TỶ ĐỒNG VÀ BIẾN LŨNG KHOẢNG 50%.



la Drăng 2 - 1989
7 triệu kWh/năm - 1,2 MW
Suối la Drăng - 5.416 giờ



Ayun Hạ - 2001
20 triệu kWh/năm - 3 MW
Sông Ayun - 6.600 giờ



la Drăng 1 - 2002
4 triệu kWh/năm - 0,6 MW
Suối la Drăng - 5.500 giờ



la Drăng 3 - 2005
9 triệu kWh/năm - 1,6 MW
Suối la Drăng - 5.800 giờ



la Muer 3 - 2005
8 triệu kWh/năm - 1,8 MW
Suối la Meur - 4.333 giờ



H'Chan - 2006
57 triệu kWh/năm - 12 MW
Sông Ayun - 4.700 giờ



Đăk Pi Hao 2 - 2008
37 triệu kWh/năm - 10 MW
Suối Đăk Pi Hao - 4.161 giờ



la Puch 3 - 2009
31 triệu kWh/năm - 6,6 MW
Suối Puch - 4.638 giờ



H'Mun - 2010
67 triệu kWh/năm - 16,2 MW
Sông Ayun - 4.100 giờ



Ayun Thượng - 2011
51 triệu kWh/năm - 12 MW
Sông Ayun - 4.200 giờ



Đăk Pi Hao 1 - 2014
21 triệu kWh/năm - 5 MW
Suối Đăk Pi Hao - 4.200 giờ



Đa Khai - 2010
37 triệu kWh/năm - 8,1 MW
Sông Đa Nhim - 4.568 giờ



Thượng Lộ - 2015
18 triệu kWh/năm - 6 MW
Sông Ba Rạn - 3.000 giờ

HỆ THỐNG NM ĐIỆN GIÓ

GEC ĐANG TRIỂN KHAI VÀ TIẾP TỤC BỔ SUNG QUY HOẠCH CHO CỤM 5 DA ĐIỆN GIÓ TẠI BẾN TRE, GIA LAI VÀ TIỀN GIANG, VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 260 MW. 130 MW DỰ KIẾN VẬN HÀNH TRƯỚC THÁNG 11 NĂM 2021. TRUNG BÌNH MỖI NĂM SẼ CUNG CẤP 396 TRIỆU KWH, GÓP PHẦN GIẢM PHÁT THẢI 362 NGHÌN TẤN CO₂ VÀ MANG LẠI 854 TỶ ĐỒNG DOANH THU.



V.P.L 1 - Bến Tre
T5/2020 - T8/2021
30 MW - 96 triệu kWh/năm
6,35 m/s - 1.320 tỷ đồng
Vestas - CPCEC
87.600 tấn CO₂/năm



la Bang 1 - Gia Lai
T11/2020 - T10/2021
50 MW - 146 triệu kWh/năm
6,27 m/s - 1.955 tỷ đồng
Vestas - PCC1
133.300 tấn CO₂/năm



Tân Phú Đồng 2 - Tiền Giang
T1/2021 - T10/2021
50 MW - 154 triệu kWh/năm
6,23 m/s - 2.242 tỷ đồng
Vestas - PCC1
140.600 tấn CO₂/năm

5 DA ĐIỆN GIÓ ĐÃ BỔ SUNG QUY HOẠCH **260MW** ĐANG TRIỂN KHAI **130MW**

Thông tin được thể hiện như sau:
Tên NM - Địa điểm
Khởi công - Vận hành dự kiến
Công suất - Sản lượng
Vận tốc gió - Đầu tư
Tuabin - EPC
Giảm thải CO₂

GEC - CAM KẾT MINH BẠCH

CAM KẾT VỀ TÍNH HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Trong bối cảnh các biến động và rủi ro không thể lường trước, GEC cơ cấu sơ đồ tổ chức vững mạnh và hợp lý đảm bảo vận hành hiệu quả các quy trình QTDN và QLRR. KTNB với vai trò là tuyến phòng vệ thứ ba trong mô hình QTRR, đóng góp một phần vào những thành quả mà GEC đạt được thông qua phương pháp tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc nhằm rà soát, đánh giá và cải thiện tính hiệu quả của quy trình quản lý, hoạt động kiểm toán và kiểm soát. Cơ cấu này đảm bảo sự hiệu quả của công tác QTRR cũng như củng cố cho các tuyến phòng vệ thứ nhất và thứ hai.

MINH BẠCH THÔNG TIN LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGUYÊN TẮC HÀNG ĐẦU ĐẢM BẢO MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA GEC HƯỚNG ĐẾN BẢO VỆ QUYỀN LỢI HỢP PHÁP CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN; PHÁT HUY TÍNH HIỆU QUẢ CŨNG NHƯ ĐÁP ỨNG NHỮNG TIÊU CHUẨN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VẪN LUÔN THAY ĐỔI. CÙNG GEC HƯỚNG ĐẾN SỰ CHUYÊN NGHIỆP, PHÙ HỢP VỚI CÁC CHUẨN MỤC THỊ TRƯỜNG ĐÒI HỎI NGÀY CÀNG CAO, ỦY BAN KIỂM TOÁN - BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NÓI RIÊNG CŨNG NHƯ TOÀN THỂ GEC NÓI CHUNG VẪN LUÔN NỖ LỰC HOÀN THIỆN TỪ HẠKD, TÀI CHÍNH CHO ĐẾN SỰ QUAN TÂM ĐẾN CỔ ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI.

CAM KẾT THÔNG TIN MINH BẠCH, TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

UBKT cam kết thông tin và số liệu trình bày trong BCTC được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam bằng công tác tự kiểm tra rà soát và được kiểm toán bởi một trong những đơn vị kiểm toán hàng đầu thế giới.

UBKT đánh giá BCTN năm 2020 được thể hiện một cách trung thực và hợp lý, đảm bảo nhu cầu thông tin trọng yếu cho các BLQ bao gồm Cơ quan Ban Ngành, CĐ, NĐT, Đối tác và Cộng đồng - Xã hội.

CAM KẾT NỖ LỰC CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Bên cạnh việc hoàn thành chức năng cốt lõi trong công tác Quản trị nội bộ, UBKT luôn nỗ lực hoàn thiện và cải tiến bộ máy KTNB để đưa GEC tiến gần hơn những quy chuẩn, thông lệ Quốc tế, đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và từng bước tiệm cận tiêu chuẩn Quốc tế, các thông lệ tốt trên thị trường của các hoạt động QTCT, PTBV... KTNB thông qua các kết quả kiểm toán sẽ đưa ra các khuyến nghị một cách độc lập và khách quan nhằm nâng cao giá trị thương hiệu GEC dưới góc nhìn của các BLQ đặc biệt là CĐ.

CÁC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ MÀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN GEC ĐANG TUÂN THỦ



Mở lối

TP HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2019

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ

Những phòng họp liên tục sáng đèn...
Rất nhiều vị trí Dự án tiềm năng nhưng đâu mới là địa điểm khả thi?
Chúng tôi phải giải Bài toán ấy...





PHÒNG VẤN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2020 ĐƯỢC XEM LÀ MỘT NĂM THẬT SỰ KHÓ KHĂN VỚI SỰ BÙNG PHÁT CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19, ÔNG CÓ THỂ CHIA SẺ NGÀNH NĂNG LƯỢNG ĐÃ CÙNG NỀN KINH TẾ VƯỢT QUA NHỮNG CỬ SỐC CỦA ĐẠI DỊCH NHƯ THẾ NÀO?

Năm 2020 là một năm nhiều khó khăn và biến động với hàng loạt những sự kiện xảy ra mà hầu hết chúng ta đều không lường trước được. Sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến kinh tế xã hội trên toàn thế giới. Đối với Việt Nam, năm 2020 còn là năm ghi nhận những diễn biến thiên tai bất thường. Theo Tổng cục Thống kê, thiệt hại do thiên tai gây ra ước khoảng 39.100 tỷ đồng, tương đương 1,7 tỷ USD trong năm, ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người dân và hoạt động sản xuất, kim hãm sức bật của nền kinh tế. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tích cực, trải nghiệm những khó khăn bất ngờ sẽ khơi dậy những thế mạnh tiềm ẩn chưa khai thác của mỗi nền kinh tế cũng như mỗi người chúng ta. Tăng trưởng Tổng sản phẩm nội địa GDP của Việt Nam năm 2020 mặc dù chỉ đạt gần 3% - mức thấp nhất trong 10 năm

qua nhưng lại là 1 trong số ít những Quốc gia ghi nhận tăng trưởng dương - là một thành quả đáng tự hào - khi kinh tế thế giới dự kiến suy giảm ít nhất 4%. Lạm phát bình quân 12 tháng qua tiếp tục được kiểm soát với mức tăng 3,2% so cùng kỳ năm trước, thấp hơn mục tiêu bình quân dưới 4% mà Quốc hội đề ra. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là một trong những Quốc gia thu hút được sự quan tâm của các NĐT Quốc tế, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài-FDI tính đến thời điểm cuối năm 2020 ghi nhận gần 29 tỷ USD và lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất 48%.

Năm 2020, Chính phủ đặt ra mục tiêu kép "Vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế". Để đạt được mục tiêu đó, Ngành Năng lượng có vai trò đặc biệt quan trọng, luôn song hành để đáp ứng cho nhu cầu phát triển Kinh tế

Xã hội. Với các chính sách khuyến khích NLTT của Chính phủ, tính đến cuối năm 2020 tổng công suất lắp đặt Điện Gió đạt 485 MW, Điện Mặt trời là 19.400 MWp - chiếm trên 25% tổng công suất nguồn điện toàn quốc, trong đó có 9.296 MWp từ các nguồn Điện Mặt trời Mái nhà và Điện Sinh khối đạt 327 MW. Theo ước tính, Việt Nam có thể đối mặt với nguy cơ thiếu điện trong giai đoạn 2021-2025, qua đó tiếp tục thúc đẩy việc phát triển nguồn NLTT vẫn là ưu tiên của Chính phủ. Đầu tháng 2/2020, Bộ Chính trị đã ban hành NQ 55 về Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tỷ lệ các nguồn NLTT trong Tổng cung Năng lượng sơ cấp được xác định sẽ đạt khoảng 15-20% vào năm 2030, 25-30% vào năm 2045, tăng mạnh so với mức 10% vào cuối năm 2020.

CHIẾN LƯỢC CỦA GEC TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG, ÔNG CÓ THỂ CHO BIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 VÀ CÁC BƯỚC ĐI TIẾP THEO?

Đối với GEC, 2020 là năm tăng tốc chuẩn bị cho những "quả ngọt" tương lai. Đầu Quý II/2020, Chính phủ đã ban hành Cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam theo VB số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020. GEC đã đón cơ hội, tận dụng các cơ sở hiện có, đưa vào vận hành 34 MWp Điện Mặt trời Áp mái hưởng Giá FIT2 8,38 UScent/kWh. Quan trọng hơn hết là việc tích cực triển khai xây dựng 3 DA Điện Gió V.PL 1 Bến Tre, là Bang 1 Gia Lai và Tân Phú Đông 2 Tiền Giang với tổng công suất 130 MW để kịp đưa vào vận hành trước tháng 11/2021 hưởng giá FIT1 ngoài khơi và trên bờ 9,8 UScent/kWh và 8,5 UScent/kWh; chính thức ghi nhận Doanh thu đóng góp

đáng kể từ Điện Gió. Bên cạnh đó, GEC cũng chủ động chuẩn bị cho Cơ chế Đầu thầu Điện Mặt trời, Chương trình Thí điểm Mua bán điện trực tiếp DPPA để đưa thêm 1 đến 2 DA Điện Mặt trời vào đóng điện trong năm 2021, góp phần phát triển và xây dựng kinh tế Địa phương.

Với tầm nhìn "Trở thành tổ chức tư nhân dẫn đầu về lĩnh vực NLTT tại Việt Nam", sau 31 năm xây dựng và phát triển, GEC đã đưa vào vận hành và đang triển khai một hệ thống danh mục NLTT đa dạng loại hình bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió với tổng công suất lên đến hơn 485 MW, hướng tới

mục tiêu chiến lược 1.700+ MWp năm 2025. Song song với vấn đề đảm bảo các chỉ số sinh lời, GEC vẫn kiên định với sứ mệnh của một Nhà phát triển NLTT có trách nhiệm khi không ngừng hoàn thiện các tiêu chuẩn Quốc tế IFC cho 1 DA NLTT đạt chất lượng về Môi trường và Xã hội; cũng như việc áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho chính Công ty, CĐ, đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng Quốc gia. Những nỗ lực của GEC cũng đã được ghi nhận bằng Giải thưởng Tiến bộ vượt trội - hạng mục Báo cáo PTBV tại Lễ trao giải Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niềm yết năm 2020.

ĐƯỢC BIẾT GEC ĐANG RẤT NỖ LỰC TRONG VIỆC ÁP DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH CỦA CÁC NM; CŨNG NHƯ CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ NHƯ ROBOT LAU PIN, HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI XOAY TRỤC... XIN ÔNG CHO BIẾT HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC?

SONG SONG VỚI VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO CÁC CHỈ SỐ SINH LỜI, GEC VẪN KIÊN ĐỊNH VỚI SỨ MỆNH CỦA MỘT NHÀ PHÁT TRIỂN NLTT CÓ TRÁCH NHIỆM KHI KHÔNG NGỪNG HOÀN THIỆN CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ IFC CHO 1 DA ĐẠT CHẤT LƯỢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI; CŨNG NHƯ VIỆC ÁP DỤNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN NHẪM MANG LẠI CÁC GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO CHÍNH CÔNG TY, CỔ ĐÔNG, ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA.

Một trong những thành tựu không thể không kể đến đó là nỗ lực của Đội ngũ Kỹ thuật GEC đã luôn tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển và làm chủ khoa học công nghệ. Thành công trong việc đóng điện các DA Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam cũng như duy trì quản lý vận hành ổn định các NM chính là động lực và tiền đề để Đội ngũ Kỹ thuật nâng cao tay nghề, áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý NM NLTT. Đến nay, GEC tự tin khẳng định nội lực, chủ động Quản lý - Điều hành mọi hoạt động sản xuất của Công ty, cũng như thương mại hóa những sáng kiến của mình trên thị trường.

Trong năm 2020, những sáng chế mang thương hiệu GEC đã được thị trường biết đến và đánh giá cao như Hệ thống Điện Mặt trời Nổi, Điện Mặt trời Xoay trục, Robot Lau pin... Đồng thời với bề dày kinh nghiệm Quản lý Vận hành tại các NM Điện Mặt trời, GEC cũng đã sẵn sàng kiến tạo đội ngũ Chuyên gia nước ngoài O&M giàu kinh nghiệm, vững kỹ thuật, chủ công nghệ, cùng với nhiều giải pháp tối ưu và tự động hóa tại các NM Năng lượng... tiến đến cung cấp Dịch vụ O&M cho các NM sản xuất Điện bên ngoài thị trường.

VỪA MỚI GIA NHẬP SÀN HOSE, TRONG NĂM 2020 GEC ĐÃ VINH DỰ ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG TRONG ĐÓ LÀ TOP 5 DOANH NGHIỆP QTCT TỐT NHẤT NĂM 2020 - NHÓM VỐN HÓA VỪA DO HOSE, HNX, BÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ DRAGON CAPITAL TRAO TẶNG, ÔNG CÓ THỂ CHIA SẺ VỀ CÔNG TÁC QTCT VÀ CỔ PHIẾU GEG TRONG NĂM QU?

"Ánh sáng" đến từ "Quản trị chuẩn mực - Kiểm soát trách nhiệm - Điều hành chuyên nghiệp". Đây vừa là chủ đề của BCTN GEC 2019 cũng như chính là quan điểm Quản trị được HĐQT GEC định hình làm chuẩn mực, định hướng xuyên suốt để kiến tạo toàn bộ máy tổ chức, tiếp tục tự hoàn thiện và hướng đến mục tiêu PTBV, tối đa hóa hiệu quả hoạt động. Tại ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2019, GEC đã có những thay đổi trong cơ cấu Thành viên HĐQT. Việc tăng cường số lượng Thành viên HĐQT độc lập chiếm 3/5 tổng số Thành viên đã đưa hoạt động QTCT

của GEC tăng tính minh bạch, độc lập và chuyên nghiệp, đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn Quản trị, tiệm cận với các chuẩn mực Quốc tế.

Là Ngành nghề mang tính phòng thủ, trong bối cảnh Covid-19, GEG vẫn là cổ phiếu thu hút được nhiều sự quan tâm của các tổ chức trong và ngoài nước. Thanh khoản của GEG trong năm 2020 tăng khoảng 11% so với 2019. Động thái liên tục mua vào của các CĐ nước ngoài đã nâng tổng sở hữu của 2 CĐ lớn

nước ngoài - Quý Đầu tư Armstrong Singapore, Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC trực thuộc Ngân hàng Thế giới và những CĐ nước ngoài khác đạt mức gần 37%. Ngoài ra, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (HOSEVN30 - SBT) đã trở thành CĐ lớn với sở hữu 7,3% và Ông Đặng Văn Thành - một trong những Doanh nhân nổi tiếng Việt Nam mua vào 11 triệu Cổ phiếu đã củng cố niềm tin của CĐ và NĐT, khẳng định gắn kết với chiến lược phát triển NLTT của GEC.

ĐƯỢC BIẾT GEC ĐÃ THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NƠI CÔNG TY HIỆN DIỆN, THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI. XIN ÔNG CHIA SẺ THÊM VỀ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY?

Thấm nhuần tôn chỉ "Kinh doanh là sứ mệnh chứ không phải quyền lợi" - GEC ý thức rằng thực hiện trách nhiệm Xã hội, vừa là đóng góp của GEC cho Xã hội, vừa là một lợi ích tự thân, củng cố khả năng cạnh tranh của Doanh nghiệp. Trong năm 2020, GEC đã chủ động tìm kiếm giải pháp trong bối cảnh Dịch bệnh, thiên tai; đồng thời chung tay cùng cộng đồng vượt qua khó khăn bằng nhiều hoạt động quyền góp, ủng hộ, thiện nguyện... lan tỏa tinh thần tương thân tương ái vốn là nét văn hóa của gia đình GEC. Từ năm 2012 đến năm 2020, GEC đã đóng góp khoảng 13 tỷ đồng cho hoạt động CSR - Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp.

Bước sang năm 2021, tuy những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam vẫn còn vì ảnh hưởng của các đợt tái bùng phát Covid-19, nhưng kinh tế tư nhân đang chiếm 42% GDP và đóng góp 30% thu ngân sách, tạo ra 85% việc làm cho nền kinh tế sẽ là động lực cho một "Việt Nam hùng cường" vào năm 2045. GEC sẽ mạnh mẽ gương bước đón gió, đưa 3 DA Điện Gió vào đóng điện trước thời hạn, đóng góp thêm khoảng gần 900 tỷ đồng Doanh thu mỗi năm, khẳng định tên tuổi GEC trên thị trường NLTT Việt Nam.

TP HCM, NGÀY 31/12/2020

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TÂN XUÂN HIẾN**





NĂNG LỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **TÂN XUÂN HIẾN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành - Người Đại diện Pháp luật

Ông Tân Xuân Hiến sinh năm 1961.

Ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT lần đầu hơn 1 năm từ năm 2015 và lần thứ 2 tính đến nay là 3 năm bắt đầu từ tháng 3/2018, trong đó Ông có 10 năm làm Thành viên HĐQT của GEC từ 2010. Ông là Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP HCM và là Kỹ sư Điện Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2020, Ông đang nắm giữ 634.996 Cổ phiếu GEG, tương đương 0,23% Cổ phần đang lưu hành.

Cuộc đời Ông đồng hành cùng sự phát triển của GEC với 28 năm gắn bó qua nhiều vai trò Quản trị, Điều hành và là một trong những người đặt nền móng đầu tiên cho việc phát triển NLTT tại GEC; trong đó Ông có 22 năm thực hiện vai trò của Lãnh đạo cấp cao. Nhận thấy tiềm năng và Năng lượng sạch sẽ trở thành xu hướng, Ông đã hoạch định lộ trình chiến lược và đưa GEC trở thành số ít doanh nghiệp phát triển đa dạng NLTT xanh, sạch, thân thiện môi trường tại Việt Nam gồm Thủy điện nhỏ, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và Điện Gió; đặc biệt là vai trò tiên phong đối với Điện Mặt trời Mặt đất. Đội ngũ Kỹ thuật được Ông xây dựng và đào tạo các kỹ năng, nâng cao tay nghề, nghiên cứu, phát triển và làm chủ khoa học công nghệ như đưa Công nghệ 4.0 vào quản lý NM NLTT, tạo ra nhiều việc làm trong các lĩnh vực trọng yếu của Ngành. Tại GEC, với vai trò Chủ tịch HĐQT, Ông phụ trách chiến lược và hoạt động tái cấu trúc cũng như định hướng kinh doanh và phát triển các loại hình sản phẩm.

Ông hiện đang đồng thời nắm giữ chức vụ tại 2 Tổ chức khác là Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú và Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng VPL.



Ông **DEEPAK CHAND KHANNA**

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Ông Deepak Chand Khanna sinh năm 1957 tại Ấn Độ.

Ông có 2 lần được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT với lần đầu gần 3 năm từ tháng 11/2016 đến tháng 4/2019 và lần 2 từ tháng 6/2020 đến nay. Ông là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học George Washington tại Mỹ và Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Delhi, Ấn Độ. Tại ngày 31/12/2020, Ông không sở hữu Cổ phiếu GEG.

Ông có hơn 23 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành tại các Tập đoàn lớn trên thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các Công ty Ông từng trải nghiệm sự nghiệp của mình là Chuyên viên Đầu tư tại IFC Washington DC, GD Quốc gia IFC Hàn Quốc, GD Vùng Mekong IFC Việt Nam, GD Vùng Khu vực Trung Đông và Bắc Phi IFC Dubai. Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính cũng như với tư cách Thành viên HĐQT không Điều hành gần 3 năm cùng GEC và vai trò Thành viên UBKT, Ông đã góp phần cải thiện cơ cấu HĐQT theo chuẩn mực Quốc tế của IFC và các thông lệ tốt trên thị trường. Ngoài ra Ông còn thực hiện tư vấn lộ trình chiến lược phát triển đồng bộ các loại hình NLTT một cách hợp lý và bền vững theo đúng các chuẩn mực đầu tư vì môi trường, cộng đồng, xã hội mà IFC hướng tới.

Ông hiện đang đồng thời là Cố vấn cấp cao tại Quỹ Africa Pledge Partners - Châu Phi.



Bà **NGUYỄN THÙY VÂN**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thùy Vân sinh năm 1980.

Bà đảm nhiệm vai trò Thành viên HĐQT GEC hơn 2 năm từ tháng 9/2018 đến nay. Bà là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Western Pacific và được Viện Thành viên HĐQT Việt Nam cấp Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán. Tại ngày 31/12/2020, Bà sở hữu 391.770 Cổ phiếu GEG, tương đương 0,14% Cổ phần đang lưu hành.

Với 16 năm kinh nghiệm trong vai trò Quản trị và Điều hành Tài chính, Đầu tư, Kế toán Kiểm toán trong đó có 7 năm với vai trò Quản lý cấp cao, Bà đồng thời nhận trọng trách Chủ tịch UBKT GEC thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, nâng cao tính độc lập, bao quát của HĐQT và tham mưu các công tác Quản trị độc lập của Công ty. Các Công ty mà Bà từng tham gia công tác Lãnh đạo cấp cao bao gồm CTCP Thành Thành Công Biên Hòa, CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, CTCP Đầu tư Thành Thành Công, CTCP Kho vận Thiên Sơn. Trong sự nghiệp của mình, Bà xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại các Công ty. Với vai trò Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT, Bà đảm bảo tính tuân thủ của GEC trong chuẩn mực QTCT theo tiêu chuẩn Quốc tế - ASAN SCORECARD 2017-2019, Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD và Bộ Quy tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cho các Công ty đại chúng ban hành ngày 13/8/2019 bởi UBCKNN cũng như bảo vệ lợi ích đặc biệt của các CĐ thiếu số trong quá trình hoạt động của Công ty.

Bà hiện đang nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT - CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC Land).



Ông **PHẠM HỒNG DƯƠNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Phạm Hồng Dương sinh năm 1974.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT GEC từ tháng 6/2020 đến nay. Ông là Nghiên cứu sinh chuyên Ngành Kinh tế Nông nghiệp, Đại học Kasetsart - Thái Lan; Thạc sĩ Quản trị Sản xuất - Đại học Khoa học Ứng dụng Ludwigshafen - Đức; Kỹ sư Hóa - Đại học Bách khoa TP HCM. Tại ngày 31/12/2020, Ông không sở hữu Cổ phiếu GEG.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành, giữ vai trò Lãnh đạo cấp cao tại các Công ty sản xuất có tên tuổi. Những đóng góp của Ông trong lĩnh vực Mía Đường đã giúp Ông gặt hái được nhiều thành công và trở thành một trong những chuyên gia đầu ngành tại Việt Nam. Ông góp phần đưa TTC Biên Hòa trở thành nhà sản xuất Đường lớn nhất trong Khu vực Đông Dương. Ông từng đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT các Công ty Đường Biên Hòa, Bao bì Thành Thành Công, Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai, Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch Thường trực TTC Biên Hòa. Ngoài ra, Ông được đề cử giữ những vị trí quan trọng không chỉ trong Ngành Đường Việt Nam mà trên thế giới. Ông là Thành viên Liên Minh Đường ASEAN (ASA) và Thành viên Hiệp hội Công nghệ Mía Đường Quốc tế (ISSCT). Trên cương vị Thành viên HĐQT độc lập, Ông tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phụ trách tư vấn về các hoạt động liên quan đến đổi mới Công nghệ. Đối với vị trí Thành viên UBKT, Ông lên những mục tiêu và kế hoạch hành động cụ thể, tiếp tục nâng cao hệ thống KSNB, tăng cường vai trò tư vấn, giám sát và hỗ trợ cho hoạt động Quản trị và Điều hành.

Ông đang đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa.



Bà **PHẠM THỊ KHUÊ**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Bà Phạm Thị Khuê sinh năm 1983.

Bà được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT tại GEC từ tháng 6/2020 đến nay. Bà là Thạc sĩ Châu Á học - Đại học Quốc gia TP HCM - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đồng thời là Cử nhân Kinh tế Đông Nam Á - Đại học Mở TP HCM. Tại ngày 31/12/2020, Bà không sở hữu Cổ phiếu GEG.

Bà có trên 15 năm kinh nghiệm làm công tác Quản lý Vận hành, Truyền thông - Tiếp thị trong lĩnh vực Bất động sản, Thương mại - Dịch vụ, Xe hơi, Y tế... Các Công ty mà Bà đã tham gia với tư cách Quản lý bao gồm Mercedes-Benz Haxaco, Toyota Hùng Vương, TTC Trading, DHA Medic và TTC Land. Tại GEC, với tư cách Thành viên HĐQT độc lập, Bà tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD đảm bảo các rủi ro được kiểm soát. Ngoài ra, Bà còn đảm nhận vai trò, trách nhiệm của người giám sát độc lập đối với các hoạt động của BDH, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của toàn bộ CĐ, không tổn tại sự phân biệt.

Bà hiện đang nắm giữ chức vụ Quản lý cấp cao tại 5 Tổ chức khác là Chủ tịch HĐQT - CTCP Đầu tư BDS 66, Chủ tịch Hội đồng Thành viên - CTTNHH Dịch Vụ Quản lý BĐS Sài Gòn Thương Tín, Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu, Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Phát triển Tân Sơn Nhất và Phó TGD - TTC Land.



CHẶNG ĐƯỜNG 5 NĂM 2021-2025

KINH TẾ VIỆT NAM TIẾP TỤC GIỮ VỮNG ĐÀ PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

NĂM 2020, MẶC DÙ CHỊU ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19, VIỆT NAM VẪN ĐẠT GDP 2,91% VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT THUỘC KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI NHỜ NỘI LỰC, TẬN DỤNG TỐT CÁC CƠ HỘI VÀ KHẢ NĂNG ĐA DẠNG HÓA CÙNG NHƯ TÍNH THÍCH ỨNG LINH HOẠT CỦA NỀN KINH TẾ. BƯỚC SANG NĂM 2021, KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN LƯỢC 5 NĂM 2021-2025, CẢ NƯỚC TIẾP TỤC TẬP TRUNG THỰC HIỆN "MỤC TIÊU KÉP", VỪA PHÒNG CHỐNG DỊCH HIỆU QUẢ, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN; VỪA TẬN DỤNG TỐT CÁC CƠ HỘI, NỖ LỰC PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRONG TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI.

Giai đoạn 2021-2025, dự kiến có 15 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,5-7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700-5.000 USD, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20% GDP, tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp - TFP vào tăng trưởng khoảng 45%, năng suất lao động bình quân trên 6,5%/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 là 70%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm 1-1,5 điểm %/năm, tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42%. Năm 2020, trong bối cảnh vốn FDI toàn cầu suy giảm tới 40%, Việt Nam vẫn đạt Tổng vốn đăng ký gần 29 tỷ USD, tuy giảm 25% so với cùng kỳ, nhưng Tổng vốn đăng ký tăng thêm mở rộng đầu tư đã tăng 11%. Theo phân tích của các Chuyên gia kinh tế, triển vọng về thu hút vốn FDI vào Việt Nam trong năm 2021 rất lạc quan, dự kiến sẽ cao hơn mức 29 tỷ USD vốn đăng ký và 20 tỷ USD vốn thực hiện trong năm 2020.

Cần nhắc những yếu tố tích cực cũng như tiêu cực đang tác động lên nền kinh tế Việt Nam hiện nay, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) đưa ra các dự báo về tăng trưởng theo các kịch bản khác nhau về tình hình bệnh dịch:

KỊCH BẢN CƠ SỞ

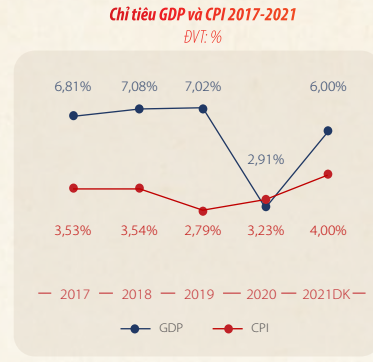
- Bệnh dịch không lan rộng trong nước phần lớn thời gian của năm. Ở nhiều trung tâm kinh tế - tài chính quan trọng trên thế giới, bệnh dịch có thể tái xuất hiện cục bộ trên quy mô nhỏ ở một số Quốc gia
- Hoạt động kinh tế nội địa tiếp tục hoạt động bình thường với sự dần trở lại trạng thái bình thường của kinh tế toàn cầu
- Mức độ tác động của Covid-19 lên các Ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Sản xuất, Chế biến chế tạo và các Ngành trong khu vực Dịch vụ sẽ không nghiêm trọng hơn so với năm 2020

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐƯỢC DỰ BÁO Ở MỨC 5,6-5,8%

KỊCH BẢN BẤT LỢI

- Bệnh dịch trong nước bùng phát với biến thể mới của Virus Covid-19 trong năm 2020 khiến hoạt động kinh tế bị gián đoạn. Bệnh dịch ở nhiều trung tâm kinh tế tài chính quan trọng trên thế giới không có nhiều cải thiện, dù các nỗ lực đưa Vaccine vào đời sống đã diễn ra, nhưng hiệu quả tới người dân chưa đạt quy mô lớn
- Việc đi lại trên thế giới chưa phục hồi. Do đó, dịch vụ lưu trú và ăn uống không có động lực hồi phục do thiếu khách du lịch nước ngoài, trong khi nhu cầu trong nước với các loại hình dịch vụ này cũng bị hạn chế do tình trạng hạn chế đi lại và sinh hoạt do bệnh dịch
- Hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực tư nhân, bắt đầu bộc lộ những tổn thương lớn do khả năng chống chịu dần suy kiệt. Đầu tư công tiếp tục được thúc đẩy để hỗ trợ tổng cầu

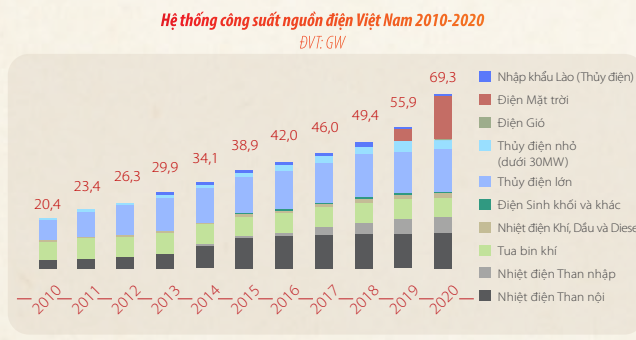
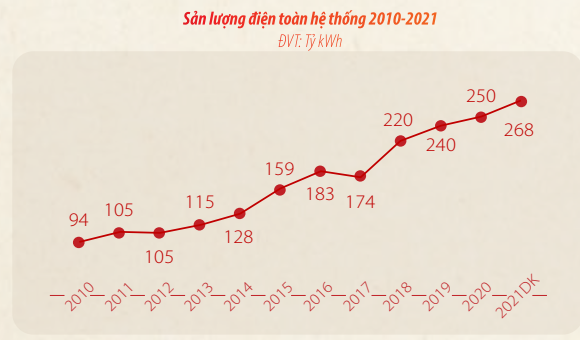
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐƯỢC DỰ BÁO Ở MỨC 1,8-2,0%



Nguồn: Tổng cục Thống kê

NHU CẦU TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG GHI NHẬN ĐÀ TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VÀ ỔN ĐỊNH QUA NHIỀU NĂM

Nhu cầu sử dụng điện liên tục tăng trong những năm qua. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ở mức cao khiến hoạt động sản xuất điện hiện tại phải nỗ lực và liên tục phát triển để đáp ứng hoàn toàn nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất. Nếu như năm 2010 sản lượng điện toàn hệ thống chỉ đạt khoảng 94 tỷ kWh thì đến năm 2019 đã lên tới 240 tỷ kWh - tăng gấp 2,6 lần trong vòng 9 năm và riêng năm 2020 đạt 250 tỷ kWh, tiếp tục tăng 4% so với cùng kỳ. Tỷ lệ tăng trưởng kép 2010-2020 lên đến 10%. Dự kiến trong năm 2021 theo Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia A0, sản lượng điện toàn hệ thống sẽ tăng khoảng 7% lên 268 tỷ kWh. Có thể thấy nhu cầu điện năng của Việt Nam vẫn đang giữ đà tăng trưởng mạnh và ổn định qua nhiều năm.

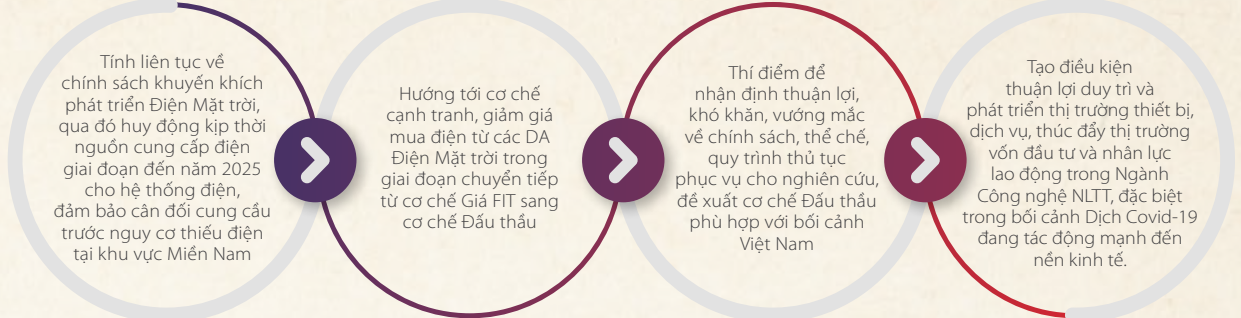


Nguồn: EVN

CÁC CƠ CHẾ MỚI DÀNH CHO ĐIỆN MẶT TRỜI BAO GỒM ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI LƯỚI, ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI VÀ ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI ĐANG ĐƯỢC BCT ĐỀ XUẤT

Trong những năm gần đây, Cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam thông qua các QĐ số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và QĐ số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020 của TTCP đã góp phần cho sự phát triển bùng nổ đối với Ngành NLTT nói chung và Điện Mặt trời nói riêng. Đến cuối năm 2020, tổng công suất lắp đặt về Điện Mặt trời trên cả nước đã đạt tới khoảng 19.400 MWp (trong đó có gần 9.300 MWp là Điện Mặt trời Áp mái), tương ứng khoảng 16.500 MW - xấp xỉ 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện Quốc gia.

Sau khi các Cơ chế ưu đãi hết hiệu lực, BCT đang nghiên cứu hoàn chỉnh Cơ chế Đấu thầu lựa chọn NĐT phát triển các DA Điện Mặt trời cũng như lộ trình thực hiện để trình Thủ tướng phê duyệt triển khai. Trong giai đoạn chờ đợi, BCT đề xuất Chương trình thí điểm xác định giá Điện Mặt trời để thực hiện các DA trong giai đoạn chuyển tiếp. Việc thực hiện Chương trình thí điểm nhằm đảm bảo 4 mục tiêu lớn:



BCT cho biết 8 DA Điện Mặt trời đã được BSQH phát triển điện lực với tổng công suất khoảng 610 MW không đủ điều kiện áp dụng Cơ chế Giá FIT quy định tại QĐ 13; 21 DA Điện Mặt trời - 1.000 MW đã được TTCP thống nhất chủ trương BSQH tại TB số 221/TB-VPCP ngày 1/7/2020 của Văn phòng CP và 103 DA Điện Mặt trời đã hoàn thành thẩm định hồ sơ để nghị BSQH với tổng công suất khoảng 10.000 MW. Các DA này hiện đang chờ chính sách mới về phát triển Điện Mặt trời để tiếp tục quyết định đầu tư.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ cơ chế Giá FIT sang cơ chế Đấu thầu cho các đối tượng DA đã có trong quy hoạch phát triển điện lực và không đủ điều kiện áp dụng Giá FIT quy định tại QĐ 11, QĐ 13, BCT đề xuất thực hiện Chương trình Thí điểm theo CV số 7200/BCT-ĐL ngày 25/9/2020 của BCT gửi các Cơ quan Ban Ngành về Dự thảo QĐ Chương trình Thí điểm xác định giá mua bán Điện Mặt trời.

CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ ĐIỆN MẶT TRỜI

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA	QUY MÔ CÔNG SUẤT	NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN
<ul style="list-style-type: none"> Các DA Điện Mặt trời trong quy hoạch phát triển điện lực 1 lần đối với DA Điện Mặt trời Nổi và 1 lần đối với DA Điện Mặt trời Nổi lưới DA Điện Mặt trời Nổi lưới theo hình thức đối tác công tư (PPP) và hình thức mua bán điện trực tiếp (DPPA) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương trình Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển Điện Mặt trời Nổi lưới 	<ul style="list-style-type: none"> Tối đa bằng 60% tổng quy mô công suất các DA tham gia Chương trình thí điểm <p>THỜI GIAN HỢP ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá bán điện được áp dụng 20 năm kể từ ngày COD <p>THỜI GIAN TRIỂN KHAI</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức xác định giá điện để lựa chọn phát triển DA Điện Mặt trời: Từ tháng 11/2020 đến tháng 5/2021 Chuẩn bị, thực hiện đầu tư và COD: Từ năm 2021 đến 30/6/2022 	<ul style="list-style-type: none"> Các DA Điện Mặt trời tham gia Chương trình Thí điểm có giá bán điện đề xuất từ thấp đến cao, dưới mức giá trần sẽ được lựa chọn để phát triển cho đến khi đạt tổng quy mô công suất của Chương trình Quá trình xác định giá điện trong Chương trình Thí điểm được thực hiện riêng cho Điện Mặt trời Nổi và Điện Mặt trời Nổi lưới. Việc tổ chức xác định giá điện cho các DA sẽ được triển khai nếu có từ 5 NĐT đăng ký tham gia trở lên Tổng công suất các DA được lựa chọn của 1 NĐT trong Chương trình Thí điểm tối đa bằng 20% tổng quy mô công suất của các DA được lựa chọn.

Nguồn: CV số 7200/BCT-ĐL ngày 25/9/2020

Cũng trong năm 2020, Chính phủ cũng đã phê duyệt Chương trình Thí điểm Cơ chế Mua bán điện trực tiếp - DPPA theo CV số 10124/VPCP-CN ngày 2/12/2020 giữa Đơn vị phát điện NLTT và Khách hàng sử dụng điện theo đề nghị của BCT tại VB số 92/BC- BCT ngày 9/10/2020. Theo CV này, Chính phủ đề nghị BCT chịu trách nhiệm thống nhất với BTC và BTP về các nội dung liên quan đến Hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch - CFD và hình thức VB đối với Chương trình DPPA, đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật. Để đánh giá kết quả sơ bộ, BCT dự kiến sẽ triển khai thí điểm cơ chế này trong giai đoạn 2021-2023 với công suất khoảng từ 400-1.000 MW. Sau đó, Bộ sẽ đánh giá, tổng kết và chính thức bước vào triển khai thương mại để hoàn thành Chương trình Thí điểm.

CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM MUA BÁN ĐIỆN TRỰC TIẾP DPPA

ĐỊNH NGHĨA	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN	THỜI GIAN TRIỂN KHAI
<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng được mua điện trực tiếp từ đơn vị phát điện thông qua Hợp đồng CFD do 2 bên tự thỏa thuận Các giao dịch giữa các bên trong Cơ chế DPPA được thực hiện qua Thị trường điện cạnh tranh Đơn vị phát điện được ưu tiên huy động (trừ trường hợp xảy ra quá tải hoặc ảnh hưởng đến an ninh hệ thống điện) 	<ul style="list-style-type: none"> Là đơn vị phát điện có NM sản xuất Điện Mặt trời hoặc Điện Gió nổi vào hệ thống điện Quốc gia đăng ký tham gia Chương trình DPPA thí điểm Có công suất lắp đặt lớn hơn 30 MW Đã được phê duyệt trong các quy hoạch phát triển điện lực, ưu tiên các DA trong khu vực không có hoặc có ít rủi ro nghẽn lưới Có đủ năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm trong phát triển, vận hành các DA điện NLTT 	<ul style="list-style-type: none"> Từ năm 2020-30/6/2022
<ul style="list-style-type: none"> Từ 400 MW đến 1.000 MW 	<p>TIÊU CHÍ LỰA CHỌN KHÁCH HÀNG</p> <ul style="list-style-type: none"> Là khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất công nghiệp, đăng ký tham gia chương trình DPPA thí điểm Mua điện tại cấp điện áp từ 22 kV trở lên Có đủ năng lực tài chính, nguồn lực kỹ thuật Ưu tiên các khách hàng có cam kết Quốc tế trong việc thực hiện mục tiêu về môi trường, chống biến đổi khí hậu và PTBV 	<p>CƠ CHẾ VẬN HÀNH</p> <ul style="list-style-type: none"> Đơn vị phát điện đăng ký tham gia Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh và thực hiện bán điện trên Thị trường điện Giao ngay theo giá Thị trường Giao ngay Khách hàng mua điện từ Tổng Công ty Điện lực để đáp ứng 100% nhu cầu điện tiêu thụ với giá điện được xác định cho từng chu kỳ giao dịch tương ứng với chu kỳ giao dịch của Thị trường điện Giao ngay Khách hàng và Đơn vị phát điện trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng kỳ hạn với giá mua bán điện, sản lượng điện và thời hạn của hợp đồng do 2 bên tự thỏa thuận để QLRR biến động giá Thị trường điện Giao ngay Tổng Công ty Điện lực căn cứ số liệu đo đếm điện năng tiêu thụ của khách hàng và giá mua điện trên Thị trường điện Giao ngay để lập, công bố bảng kê thanh toán và xuất hóa đơn cho khách hàng theo quy định.

Nguồn: Tờ trình số 544/TT-BCT ngày 21/1/2020

CHẶNG ĐƯỜNG 5 NĂM 2021-2025 (tiếp theo)

CÁC CƠ CHẾ MỚI DÀNH CHO ĐIỆN MẶT TRỜI BAO GỒM ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI LƯỚI, ĐIỆN MẶT TRỜI ẮP MÁI VÀ ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI ĐANG ĐƯỢC BCT ĐỀ XUẤT (tiếp theo)

Cả 2 Chương trình Thí điểm xác định giá mua bán điện và Mua bán điện trực tiếp đều áp dụng cho cả Điện Mặt trời Mặt đất và Điện Mặt trời Nổi nếu các DA đáp ứng đủ tiêu chí tham gia Chương trình Thí điểm. Riêng đối với Điện Mặt trời Mái nhà, đến nay chưa có QĐ mới của TTCP và hướng dẫn thực hiện tiếp theo của BCT. Như vậy, kể từ đầu năm 2021 trở đi, loại hình và giá mua bán điện đối với Điện Mặt trời Mái nhà vẫn chưa được xác định. Cục trưởng Cục Điện lực và NLTT cho hay, chính sách về NLTT cũng không thể kéo dài 3-4 năm nếu áp dụng cơ chế giá cố định. Nếu cứ áp giá cố định thì mỗi năm sẽ phải ban hành 1 QĐ mới để áp giá mới. Còn nếu muốn có chính sách ổn định, dài hạn thì phải tính theo giá thị trường. Về cơ chế khuyến khích Điện Mặt trời mới, hiện đơn vị đang phối hợp với các đơn vị tư vấn nghiên cứu các mô hình, quy mô và giá mua bán điện tương ứng cho từng loại hình Điện Mặt trời Mái nhà và dự kiến trong Quý I/2021 sẽ báo cáo BCT xem xét, trình TTCP về chính sách khuyến khích Điện Mặt trời Mái nhà cho giai đoạn tiếp theo.

CÁC CƠ CHẾ ĐỐI VỚI ĐIỆN GIÓ - LOẠI HÌNH ĐANG RẤT ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẶC BIỆT LÀ GIAI ĐOẠN NƯỚC RÚT NĂM 2021

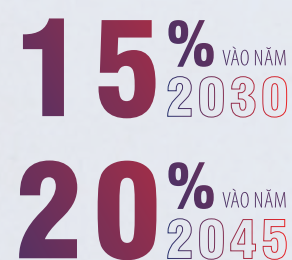
Không đứng ngoài cuộc đua, Điện Gió cũng đang tiến hành chạy nước rút khi VB số 693/TTg-CN do TTCP ban hành về việc bổ sung các DA Điện Gió vào Quy hoạch phát triển điện lực. Đến nay, tổng công suất các DA Điện Gió đã được phê duyệt vào Quy hoạch trên cả nước đến năm 2025 là 11.800 MW, trong đó 4.800 MW Điện Gió đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 1/1/2019, dự kiến vào vận hành đến năm 2021, chủ yếu ở Khu vực Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, trong số 4.800 MW đã BSQH, tính đến cuối năm 2020, mới chỉ mới có 538 MW quy mô công suất đã đi vào vận hành. Hiện tại, các DA Điện Gió được áp dụng giá mua tương đương 8,5 UScent/kWh cho trên bờ và 9,8 UScent/kWh cho ngoài khơi và sẽ áp dụng tới hết ngày 31/10/2021 theo QĐ 39/2018/QĐ-TTg.

BCT đã tiến hành lấy ý kiến việc kéo dài thời gian ưu đãi cho Điện Gió đến hết năm 2023. Cụ thể, dự kiến Giá FIT 2 Điện Gió trên bờ của DA vận hành từ T11/2021-T12/2022 là 7,02 UScent/kWh, DA vận hành trong năm 2023 là 6,81 UScent/kWh. Đối với DA trên biển, Giá FIT 2 lần lượt là 8,47 UScent/kWh và 8,21 UScent/kWh trong cùng khoảng thời gian này. Thực tế từ ngày 1/11/2021 chưa biết giá Điện Gió sẽ điều chỉnh như thế nào và với diễn biến khó lường của Đại dịch Covid-19 tại một số Địa phương, các tổ chức Quốc tế cũng như Cơ quan Trung Ương đề nghị kéo dài cơ chế Giá FIT cho các DA Điện Gió đang triển khai đầu tư xây dựng - song bị chậm tiến độ hoàn thành do tác động bất lợi của nguyên nhân khách quan là Covid-19, khiến việc triển khai đầu tư xây dựng các DA bị chậm trong khâu cung cấp thiết bị gió và trong công tác xây lắp, không thể đưa vào vận hành kịp hưởng mức giá theo QĐ 39/2018/QĐ-TTg.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẮM NHÌN ĐẾN 2045

Tại NQ 55-NQ/TW do Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 11/2/2020 về Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề cập những mục tiêu cụ thể, hoạch định rõ ràng và chi tiết

Giảm phát thải khí nhà kính



Tỷ lệ tiết kiệm Năng lượng



Tỷ trọng của NLTT



Nguồn: NQ 55-NQ/TW

Theo NQ 55, định hướng phát triển Năng lượng Quốc gia trong giai đoạn tới cần phát triển nhanh và bền vững các nguồn phát điện với cơ cấu và phân bố hợp lý, bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định theo hướng đa dạng hóa, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái.

Đối với loại hình Nhiệt điện, NQ 55 chú trọng phát triển Nhiệt điện khí theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn khí trong nước, đồng thời chú trọng phát triển nhanh Nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa Điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, bên cạnh đó cũng chú trọng phát triển Nhiệt điện than ở mức hợp lý theo hướng ưu tiên những tổ máy công suất lớn. Đối với Điện Sinh khối, Rác thải và Chất Thải rắn sẽ được khai thác tối đa nguồn Điện Sinh khối đồng phát; tăng cường phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối.

Trước 2030

TỔNG CÔNG SUẤT NGUỒN ĐIỆN
125-130 GW

ĐIỆN THƯƠNG PHẨM
550-600 TỶ KWH

ĐỘ TIN CẬY ĐIỆN NĂNG
TOP 4 DẪN ĐẦU ASEAN

ĐỘ TIẾP CẬN ĐIỆN NĂNG
TOP 3 DẪN ĐẦU ASEAN

Thủy điện

- Huy động tối đa các nguồn Thủy điện hiện có
- Phát triển có chọn lọc, bổ sung một số Thủy điện nhỏ và vừa, Thủy điện tích năng
- Có chiến lược hợp tác phát triển Thủy điện gắn với nhập khẩu điện năng dài hạn từ nước ngoài

Điện Gió và Điện Mặt trời

- Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý
- Khuyến khích phát triển Điện Mặt trời Ắp mái và Nổi
- Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển Điện Gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam

Nguồn: Báo cáo vận hành hàng năm của Điều Độ Quốc Gia và thống kê Điện Mặt trời Ắp mái của EVN - Dự thảo Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045

Dựa trên NQ 55, TTCP đã phê duyệt QĐ số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 về việc Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường Năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, lộ trình phát triển Thị trường điện như sau:

2021-2025

LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- Củng cố, hoàn thiện Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh
- Triển khai xây dựng và đưa vào vận hành Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh theo tiến độ quy định tại QĐ số 63/2013/QĐ-TTg ngày 8/11/2013

TỪ 2026

- Hoàn thiện, phát triển và mở rộng phạm vi Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh

THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH

XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ ĐIỆN CẠNH TRANH

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

- Thực hiện tái cơ cấu Ngành Điện theo quy định tại QĐ số 168/QĐ-TTg ngày 7/2/2017 của TTCP, đảm bảo Thị trường Bán buôn điện vận hành minh bạch, công bằng, hiệu quả
- Hoàn thiện các cơ chế vận hành của Thị trường điện Giao ngay, các cơ chế hỗ trợ vận hành Thị trường điện Giao ngay và hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ Thị trường điện Giao ngay và hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ Thị trường Bán buôn điện, đảm bảo Thị trường điện vận hành theo đúng mô hình thiết kế đã được phê duyệt
- Nghiên cứu, xây dựng để án tái cơ cấu Ngành Điện phục vụ Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh phù hợp với mô hình thiết kế Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh đã được phê duyệt
- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp lý phục vụ vận hành và điều tiết Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh
- Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh các quy định pháp lý về cơ chế giá bán lẻ điện phù hợp với thị trường Bán lẻ điện. Xóa bỏ các rào cản để bảo đảm giá điện minh bạch, xác định theo nguyên tắc Thị trường cạnh tranh theo đúng tinh thần tại NQ số 55-NQ/TW.

Nguồn: QĐ số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020

BCT vừa có VB số 828 xin ý kiến các Bộ Ngành liên quan đối với dự thảo Đề án Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2045 - Quy hoạch Điện VIII. Theo đó, với dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam 2021-2030 đạt bình quân 6,6%/năm, 2031-2045 bình quân 5,7%/năm; điện thương phẩm năm 2030 ước đạt 491 tỷ kWh, năm 2045 là 877 tỷ kWh. Hệ số đàn hồi điện thương phẩm/GDP đạt 1,13 lần năm 2030 và giảm xuống 0,58 lần năm 2045 - năm 2020 hệ số này là 1,20. Dự thảo nhấn mạnh, cơ cấu nguồn điện cho thấy Quy hoạch Điện VIII khuyến khích phát triển mạnh mẽ NLTT ngoài Thủy điện, từ khoảng 13% năm 2020 lên tới gần 30% năm 2030 và 44% năm 2045. Đây được đánh giá là xu hướng phù hợp với sự phát triển của trên thế giới.

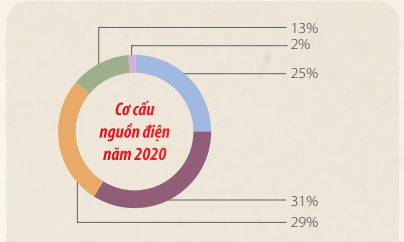
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GEC 2021 KHƠI NGUỒN GIÓ MỚI ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CHẶNG ĐƯỜNG 5 NĂM 2021-2025

Mục tiêu GEC	Năm 2021	So với 2020
Điện thương phẩm	862 triệu kWh	Tăng 1,2 lần
Doanh thu thuần	1.823 tỷ đồng	Tăng 1,2 lần
Lợi nhuận trước thuế	320 tỷ đồng	Tăng 1 lần

Cơ cấu sản lượng điện 2021

- Điện Mặt trời: 55%
- Thủy điện: 10%
- Điện Gió: 35%

Nguồn: GEC



Nguồn: Báo cáo vận hành hàng năm của Điều Độ Quốc Gia và thống kê Điện Mặt trời Ắp mái của EVN - Dự thảo Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045

Cơ cấu nguồn điện Quy hoạch Điện VII điều chỉnh

Cơ cấu nguồn điện dự kiến đến năm 2045 Dự thảo Quy hoạch Điện VIII



Nguồn: QĐ số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016; Dự thảo Quy hoạch Điện VIII tháng 2/2021

GEC vẫn không ngừng mở rộng quy mô danh mục đầu tư đặc biệt trong 2 năm gần đây. Sau bước đầu thành công khi đưa vào vận hành 13 NM Thủy điện với tổng công suất 84 MW, 5 NM Điện Mặt trời và hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà với tổng công suất 293 MW trải dài từ các tỉnh Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ. Bước sang năm 2021, cùng với các Nhà thầu EPC uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT, GEC đang triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành 3 NM Điện Gió và 1 NM Điện Mặt trời, chính thức ghi nhận dấu ấn của GEC trong lĩnh vực Điện Gió.



CHẶNG ĐƯỜNG 5 NĂM 2021-2025 (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2021-2025

ĐỐI VỚI CÁC DA ĐANG TRIỂN KHAI

DIỆN GIÓ

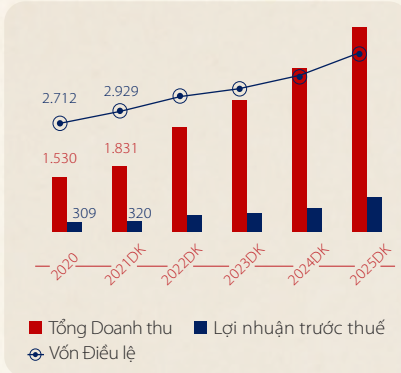
- Tập trung công tác thi công và đưa vào vận hành 3 NM Điện Gió 130 MW (VPL 1, Ia Bang 1, Tân Phú Đồng 2); Chủ động bám sát các mốc tiến độ, đảm bảo hoàn thành các hạng mục chính DA theo kế hoạch, đồng thời thường xuyên liên tục giám sát chất lượng thi công, giải quyết các vướng mắc và trình báo cáo hướng xử lý kịp thời
- Tiếp tục phát triển danh mục Điện Gió được BSOH tại Khu vực Tiên Giang, Cà Mau, Phú Yên...; Mở rộng quy mô đầu tư, đảm bảo hoàn thành mục tiêu chiến lược đến 2025
- Tăng cường hợp tác đầu tư, mở rộng phát triển DA thông qua các kênh M&A để đảm bảo bổ sung nguồn lực tài chính cho các DA Điện Gió 2021-2025
- Sử dụng tối ưu công nợ nhà thầu cho các DA Điện Gió triển khai theo mục tiêu chiến lược đến 2025
- Chủ động công tác kiểm soát chi phí đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính cho các DA Điện Gió khi giá FIT giảm dần, đồng thời hướng tới tối ưu chi phí đầu tư để tham gia cơ chế Đấu thầu giá điện và thị trường Điện cạnh tranh trong tương lai.

DIỆN MẶT TRỜI

- Bám sát Chương trình Thí điểm cơ chế DPPA, cơ chế Đấu giá/Đấu thầu điện... do BCT ban hành
- Tiếp tục hoàn tất công tác BSOH đối với các DA đã hoàn tất công tác rà soát đầu nối trình BCT, đồng thời nghiên cứu và áp dụng các cơ chế, chính sách cho các DA Điện Mặt trời đảm bảo mang hiệu quả đầu tư
- Thực hiện kiểm soát, tiết giảm chi phí đầu tư thông qua việc tận dụng các chính sách hạn mức nhà thầu, công nợ trả chậm (Pin Sharp, Inverter Siement, ABB...)
- Tự triển khai các DA Điện Mặt trời hoặc thông qua các nhà thầu EPC trong trường hợp đảm bảo tính cạnh tranh về chi phí, chất lượng công trình và các điều khoản thanh toán thương mại
- Tiếp tục tìm kiếm và M&A các DA Điện Mặt trời tiềm năng, đáp ứng các tiêu chuẩn về pháp lý, khả năng truyền tải, đầu nối để mở rộng danh mục đầu tư
- Phát triển được các DA có quy mô lớn tại các Tỉnh Đồng Nai, Phú Yên, Bình Thuận... từng bước khẳng định vị thế trên thị trường NLTT
- Công tác phát triển DA gắn liền với hợp tác đầu tư, M&A... nhằm tạo nguồn cho hoạt động đầu tư mở rộng đến năm 2025.

Tổng Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế - Vốn Điều lệ 2020-2025

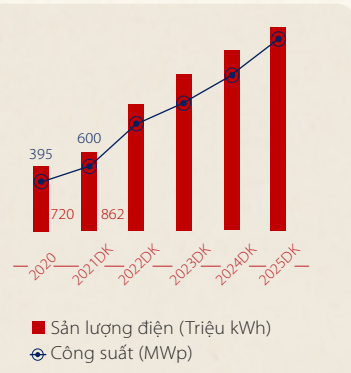
ĐVT: Tỷ đồng



ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

- Đảm bảo công tác quản lý vận hành hiệu quả tại các NM NLTT thông qua kiểm soát và duy trì ở mức cao nhất các chỉ tiêu về hiệu suất hệ thống và an toàn thiết bị, xây dựng danh mục dự phòng tối ưu
- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy định, số tay hướng dẫn nội bộ trong hoạt động quản lý vận hành tại các NM Năng lượng
- Phối hợp các Ban QLDA đảm bảo công tác triển khai các hạng mục thi công tại các DA NLTT đáp ứng chất lượng và tiến độ theo kế hoạch phê duyệt
- Kết hợp đào tạo đội ngũ nhân sự, tiếp nhận chuyển giao công nghệ hướng đến từng bước làm chủ công tác vận hành tại các NM Điện Gió. Hiện nay, GEC đã làm chủ công nghệ trong lĩnh vực Thủy điện và Điện Mặt trời
- Mở rộng thị trường cung cấp Dịch vụ Kỹ thuật, thương mại hóa các thiết bị Điện Mặt trời, sản phẩm Năng lượng... đối với Khách hàng ngoài hướng đến tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm 20% Doanh thu toàn Ngành
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm công nghệ, giải pháp tối ưu hóa sản xuất... từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển lĩnh vực NLTT 2021-2025.

Công suất - Sản lượng điện 2020-2025



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH HỢP LÝ, ĐẢM BẢO NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

- Tiếp tục đảm bảo thanh khoản thông qua việc triển khai kết hợp linh hoạt các giải pháp vốn qua các kênh truyền thống - Thị trường vốn, Thị trường nợ và các kênh bổ trợ/đột phá mới nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025
- Thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất các phương án tái cấu trúc danh mục đầu tư kết hợp thanh toán các tài sản hiện hữu để đảm bảo nguồn vốn đối ứng đầu tư DA
- Tiếp tục mở rộng kênh Trái phiếu huy động vốn đồng thời kết hợp tái cấu trúc các khoản vay khi các DA Năng lượng vận hành ổn định
- Phát triển kênh huy động vốn Quốc tế nhằm tối ưu chi phí tài chính cho các DA NLTT - các khoản vay xanh
- Xây dựng danh mục sở hữu tối ưu hướng đến mục tiêu niêm yết và huy động vốn tại các DA NLTT trên TTCK.

ĐỐI VỚI CÁC NM ĐÃ ĐI VÀO VẬN HÀNH

- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các NM kết hợp nghiên cứu nâng công suất nhằm đảm bảo vận hành tối ưu
- Tập trung vận hành hiệu quả các NM hiện hữu thông qua việc kiểm soát chi phí vận hành, chi phí sửa chữa theo thứ tự ưu tiên để tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất điện
- Tích cực chủ động đánh giá hoạt động sản xuất hiện hữu để đưa ra các giải pháp vận hành phòng ngừa rủi ro phát sinh, đưa ra các cảnh báo và đánh giá rủi ro trong tương lai
- Kết hợp với các chuyên gia và các kỹ sư lành nghề xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng đúng lịch định kỳ để tối ưu chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

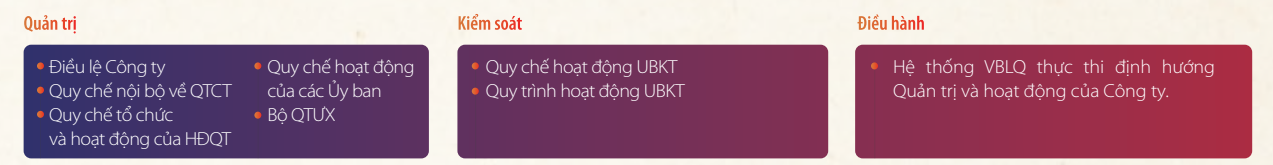
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC

Rất nhiều các khảo sát và nghiên cứu uy tín trên thế giới đã chỉ ra lợi ích của QTCT tốt đối với thành quả tạo ra của một doanh nghiệp, từ sự hiện diện của thương hiệu, tính hiệu quả của các chỉ số tài chính đến vốn hóa trên TTCK cũng như giá trị Công ty. Hầu hết các Quốc gia có Thị trường vốn đều có Bộ Quy tắc QTCT riêng - là thông lệ mà các Cơ quan có thẩm quyền sử dụng. Theo Ngân hàng Thế giới năm 2016, trong số 113 Thị trường vốn có 105 Thị trường đã có Bộ Quy tắc QTCT, 65 Thị trường có Bộ Nguyên tắc Tuân thủ hoặc Giải trình và 25 thị trường có Bộ Nguyên tắc Tự nguyện. Thông thường, cổ phiếu của những Công ty có Hệ thống Quản trị tốt thường được đánh giá cao và thu hút được sự quan tâm của nhiều NĐT nước ngoài.

Thực hiện với UBCKNN, các Công ty có điểm QTCT cao hơn sẽ đạt được niềm tin và sự tin tưởng từ NĐT và họ sẽ sẵn sàng mua cổ phiếu với giá cao hơn cũng như là nắm giữ cổ phiếu trong thời gian dài, ngay cả khi điều kiện thị trường kém thuận lợi. Các Công ty theo đó có thể tiếp cận nguồn vốn giá rẻ từ Thị trường vốn đi kèm công nghệ tiên tiến, hỗ trợ phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hệ thống QTCT hiệu quả có tác động đến nền kinh tế Quốc gia vì hỗ trợ các doanh nghiệp tăng trưởng theo xu hướng PTBV, ổn định, giảm nhẹ rủi ro với nền kinh tế.

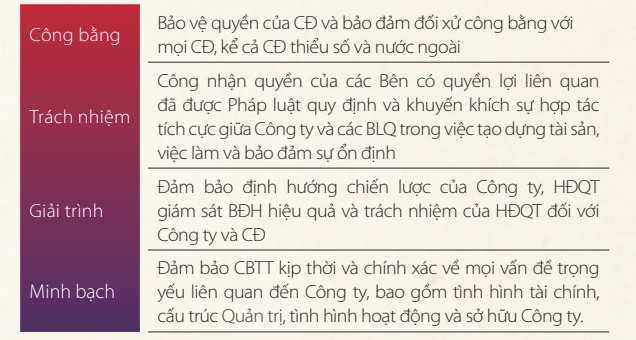
Theo Báo cáo năm 2019 của Morningstar, Inc. - Công ty nghiên cứu đầu tư chuyên cung cấp dữ liệu thị trường, phân tích, đánh giá cổ phiếu, quỹ tương hỗ trên toàn thế giới thì các quỹ đầu tư đặt chỉ tiêu xem trọng yếu tố Quản trị, đóng góp Xã hội và hạn chế tác động Môi trường đã đón nhận thêm 21 tỷ USD dòng vốn đầu tư mới, cao gấp 4 lần năm 2018, lập kỷ lục từ trước tới nay. Dựa trên Báo cáo về "Chỉ số QTCT ở Khu vực Châu Á và Việt Nam 2015-2017"

GEC đã xây dựng và ban hành một hệ thống các cấu trúc và quy trình để định hướng và kiểm soát Công ty, tạo ra cơ chế Quản trị - Kiểm soát - Điều hành thống nhất và xuyên suốt để Công ty vận hành một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả. Điều này đảm bảo sự PTBV của Công ty, vì lợi ích của CĐ và các BLQ khác theo thứ tự ưu tiên bao gồm Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CĐ - NĐT tiềm năng và Cộng đồng địa phương.



- Xây dựng nền tảng Quản trị vững chắc, đầy đủ qua các tầng Quản trị - Kiểm soát - Điều hành**
 - Quản trị: Tập trung - Chuẩn mực
 - Kiểm soát: Độc lập - Trách nhiệm
 - Điều hành: Phân cấp - Chuyên nghiệp
- Tuân thủ Pháp luật Việt Nam**
 - Tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật của Việt Nam và các quy định riêng đối với Công ty niêm yết
 - Rà soát để linh hoạt thích ứng trong HĐKD của Công ty
- Áp dụng các chuẩn mực Quốc tế**
 - Cải tiến và chủ động điều chỉnh định hướng Quản trị phù hợp với các chuẩn mực Quốc tế như Đánh giá Thẻ điểm QTCT Asean 2011 và 2019, Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD 2015, Bộ tiêu chuẩn Báo cáo PTBV GRI hợp nhất 2016, Bộ Quy tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cho các Công ty đại chúng 2019 bởi UBCKNN và IFC.

Khuôn khổ Quản trị của GEC được xây dựng dựa trên 4 nguyên tắc cơ bản Công bằng - Trách nhiệm - Giải trình - Minh bạch với 5 vấn đề chính trong một hệ thống Quản trị gồm Trách nhiệm của HĐQT - Môi trường Kiểm soát - CBTT và minh bạch - Quyền của CĐ - Quan hệ của các Bên có quyền lợi liên quan. GEC đã ban hành Sơ đồ tổ chức phù hợp nhằm thực thi và tối ưu hóa công tác Quản trị - Điều hành bao gồm các chức năng Chỉ đạo - Triển khai - Giám sát - Báo cáo.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỤC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019

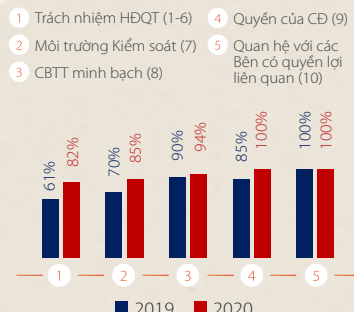
GEC tham chiếu Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất 2019 dành cho Công ty Đại chúng tại Việt Nam do UBCKNN và IFC phối hợp thực hiện và có những đánh giá thực tế công tác Quản trị hiện tại tại Công ty

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục đánh giá dựa trên 10 nguyên tắc QTCT và đáp ứng 148/172 khuyến nghị tương ứng tỷ lệ hoàn thành 86%, cho thấy GEC đang xây dựng, áp dụng và cải tiến hệ thống QTCT ở mức tốt trở lên - tăng 13% so với năm 2019, thể hiện sự nỗ lực liên tục của HĐQT trong các hoạt động Quản trị, Giám sát và Điều hành. Tiêu chuẩn trách nhiệm HĐQT bao gồm Nguyên tắc 1 - Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT, Nguyên tắc 2 - Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp, Nguyên tắc 3 - Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT, Nguyên tắc 4 - Thiết lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT, Nguyên tắc 5 - Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT, Nguyên tắc 6 - Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty, GEC đã đáp ứng 82% - tăng 21% so với năm 2019. Việc đáp ứng 100% Nguyên tắc 9 - Thiết lập khuôn khổ để thực hiện quản lý

CD và Nguyên tắc 10 - Tăng cường tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan đã minh chứng việc xây dựng sự cộng hưởng khác liên quan đến Môi trường Kiểm soát, CBTT minh bạch đều đạt được tỷ lệ đáp ứng tốt trở lên từ 85% đến 94%. Theo lộ trình GEC đặt ra, để thực hiện các tiêu chí theo Bộ Nguyên tắc QTCT ưu tiên cải thiện trong ngắn hạn - 1 năm trong BCTN 2019, đến nay GEC đã cải thiện được 9/14 tiêu chí, đạt 64%. Một số tiêu chí mà GEC chưa đạt được tỷ lệ hoàn thành như mục tiêu đặc biệt đối với Nguyên tắc 4 - Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT là điểm mà HĐQT Công ty chú trọng cải thiện trong thời gian tới. Đối với Ủy ban QLRR, mặc dù hiện nay chưa thành lập, tuy nhiên UBKT trực thuộc HĐQT đã thực hiện kết hợp trách nhiệm Kiểm soát độc lập,

giám sát kiểm toán và QTRR, đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của GEC được giám sát và Quản trị hợp lý.

Đánh giá việc hoàn thành các nguyên tắc QTCT tại GEC theo Bộ Nguyên tắc QTCT Thông lệ tốt nhất 2019



Nguồn: GEC

Tiêu chuẩn Trách nhiệm của HĐQT

Nguyên tắc 1 - Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
1.1 HĐQT cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT được quy định cụ thể trong các văn bản nội bộ như Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Bộ QCLX và công bố trên trang Web Công ty: https://geccom.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00002	97%	98%
1.2 Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, minh bạch, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của CD và Công ty, đồng thời quan tâm đến các Bên có quyền lợi liên quan của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT thực hiện đánh giá và định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động và chính sách QLRR, hướng đến mục tiêu PTBV Không xảy ra tình trạng xung đột lợi ích, hoặc sử dụng thông tin mật trong quá trình làm việc gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc kiểm soát lợi ích cá nhân Thành viên HĐQT giám sát việc thực hiện mục tiêu của BDH qua các kỳ họp định kỳ và đột xuất HĐQT trực tiếp quyết định các khoản đầu tư có giá trị trên 100 tỷ đồng 	97%	98%
1.3 Cùng với BDH, HĐQT cần thúc đẩy văn hóa QTCT tốt và liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó	<ul style="list-style-type: none"> Các văn bản quy định về hoạt động QTCT ngoài việc tuân thủ Pháp luật Việt Nam còn hướng tới các tiêu chuẩn Quốc tế đang khuyến nghị tuân thủ như Bộ Quy tắc QTCT, Asean Scorecard, GRI... Đầu năm, GEC tiến hành rà soát tính tuân thủ về QTCT so với những tiêu chuẩn thị trường đang áp dụng, đi cùng kế hoạch cải thiện trong năm 	96%	97%
1.4 HĐQT cần phải có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho Thành viên HĐQT, TGD và BDH chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị CD	<ul style="list-style-type: none"> GEC tiến hành xây dựng kế hoạch tìm kiếm và đào tạo nhân sự có tiềm năng, đội ngũ Lãnh đạo kế thừa đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, giới tính, độ tuổi và sự gắn bó, phù hợp với chiến lược phát triển 	90%	92%

Kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành 12/15 NQ được ĐHĐCĐ thông qua chiếm 80% và 3 NQ đang tiếp tục triển khai theo lộ trình bao gồm các vấn đề liên quan đến Tài chính và Dự án. Việc phát hành cổ phần riêng lẻ cho NĐT chiến lược, GEC vẫn đang tiếp tục tìm kiếm NĐT tiềm năng và phù hợp với chiến lược.

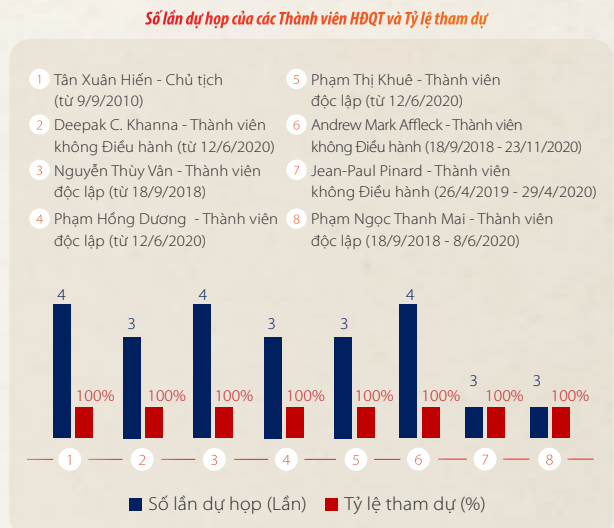
Lĩnh vực	Nội dung NQ	Thông tin chi tiết	Thực hiện
Quản trị	Thủ lao và kinh phí hoạt động của HĐQT 2020	2,7 tỷ đồng	1,7 tỷ đồng
	Sửa Điều lệ Công ty	Phù hợp với LCK 54/2019/QH14, LDN 59/2020/QH14	
	Sửa Quy chế QTCT	Phù hợp với LCK 54/2019/QH14, LDN 59/2020/QH14	
	Thông qua giao dịch với Người có liên quan của Công ty	Ký kết các hợp đồng, giao dịch; cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh	
Nhân sự	Tái bổ nhiệm Thành viên HĐQT	Ông Tân Xuân Hiến	Hoàn thành
	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT	Ông Jean Paul Pinard - Thành viên không Điều hành; Bà Đỗ Thu Ngân, Bà Phạm Ngọc Thanh Mai - Thành viên độc lập	
	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT thay thế	Ông Deepak C. Khanna - Thành viên không Điều hành; Ông Phạm Hồng Dương, Bà Phạm Thị Khuê - Thành viên độc lập	
Tài chính	Kế hoạch SXKD 2020	Tổng Doanh thu: 1.530 tỷ đồng, LNTT: 320 tỷ đồng	Tổng Doanh thu: 1.530 tỷ đồng, LNTT: 309 tỷ đồng
	BCTC năm 2019 đã được kiểm toán	Số liệu BCTC riêng, BCTC hợp nhất	
	Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2019	Cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu 8%	Hoàn thành
	Lựa chọn Đơn vị Kiểm toán 2020	Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính, UBCKNN chấp nhận	

Lĩnh vực	Nội dung NQ	Thông tin chi tiết	Thực hiện
Tài chính	Phát hành cổ phần cho CD hiện hữu, tăng VDL	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán 50.972.919, tỷ lệ 4:1	Hoàn thành
	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho NĐT chiến lược	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán 27.117.593	Đang triển khai
	Kế hoạch Phân phối Lợi nhuận năm 2020	Quy Đầu tư phát triển 3% LNST, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi 5% LNST, Cổ tức 2020 đến 8%	
Dự án	Thông qua chủ trương phát triển Điện Gió	Hiệu quả tài chính đảm bảo IRR tối thiểu 12%	

Để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các NQ ĐHĐCĐ, trong năm HĐQT GEC đã thực hiện 4 cuộc họp vào tháng 1, 4, 8 và 11 với các vấn đề trọng yếu liên quan đến tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2019, phân phối Lợi nhuận cho CTTV do GEC sở hữu 100% vốn, vay vốn, thanh toán tài sản, đầu tư DA, bổ nhiệm Thành viên UBKT... HĐQT đã đưa ra các quyết định nhanh chóng, hợp lý theo đúng quy tắc về QTCT. Nhằm nâng cao tính hiệu quả và hiệu suất công việc, đồng thời không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội kinh doanh đáng giá nào, HĐQT linh hoạt đưa ra các quyết định theo hình thức Lấy ý kiến bằng văn bản theo Tờ trình của BDH và các Ủy ban của HĐQT. Văn phòng Công ty đã thực hiện Lấy ý kiến HĐQT 36 lần các vấn đề liên quan chủ yếu đến phê duyệt bảo lãnh cho các Công ty Con, đầu tư DA, thành lập Công ty Con, nhận chuyển nhượng Cổ phiếu, phê duyệt đơn vị thực hiện đánh giá EHSS cho DA...

Tài chính	Quản trị
Dự thảo kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ, chuyển nhượng cổ phần, vay vốn, chủ trương vay vốn đầu tư DA, bảo lãnh vay vốn, tăng VDL	Phê duyệt các vấn đề liên quan tới hợp ĐHĐCĐ, Lấy ý kiến CD bằng văn bản, các hoạt động liên quan đến Quản trị và Kiểm soát
Nhân sự	Dự án
Phê duyệt các vấn đề nhân sự của Thành viên HĐQT, BDH Công ty, đảm bảo Nhân lực Quản trị và Điều hành	Phê duyệt chủ trương các DA Điện Mặt trời và Điện Gió

Mặc dù có biến động trong HĐQT Công ty năm qua nhưng tỷ lệ dự họp của các Thành viên đều đạt tỷ lệ 100%. Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 42 NQ tập trung chủ yếu vào các vấn đề cốt lõi thuộc hoạt động Tài chính (47%), Quản trị (25%), Nhân sự (15%) và Dự án (13%). Tỷ lệ hoàn thành trong năm đạt 80%, 15% với 9 chỉ tiêu đang thực hiện và 3 chỉ tiêu tương đương 5% ngưng thực hiện.



Nguồn: GEC

Tháng	Nội dung	Tình hình	Loại hình
Tháng 1	Tái bổ nhiệm Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự
	Kế hoạch SXKD và phương án phân phối Lợi nhuận năm 2020 để trình ĐHĐCĐ	Hoàn thành	Quản trị
	Chuyển nhượng cổ phần của CTCP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ	Hoàn thành	Tài chính
	Thanh toán các NM Thủy điện	Đang thực hiện	Tài chính
	Thanh toán tài sản cố định và CTTV	Tạm ngưng	Tài chính
Tháng 3	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019	Hoàn thành	Quản trị
	Bảo lãnh CTCP Năng lượng VPL	Hoàn thành	Tài chính
	Thay đổi kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019	Hoàn thành	Quản trị
	Tái bổ nhiệm Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự
	Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty	Hoàn thành	Quản trị
Tháng 4	Giải thể các Công ty con	Hoàn thành	Quản trị
	Vay vốn Agribank - Chi nhánh Gia Lai	Hoàn thành	Tài chính
	Vay vốn Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	Hoàn thành	Tài chính
	Phân phối Lợi nhuận tại các Công ty TNHH MTV do GEC sở hữu 100% VDL	Hoàn thành	Tài chính
	Điều chỉnh phương án tăng VDL 2020	Hoàn thành	Tài chính
Tháng 6	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng	Hoàn thành	Nhân sự
	Chủ trương Lấy ý kiến bằng văn bản CD	Hoàn thành	Quản trị
	Chủ trương hợp tác phát triển Điện Mặt trời Mái nhà	Hoàn thành	Dự án
	Chủ trương hợp tác phát triển Điện Mặt trời Mái nhà	Hoàn thành	Dự án

Tháng	Nội dung	Tình hình	Loại hình
Tháng 4	Chủ trương hợp tác phát triển Điện Mặt trời Mái nhà	Hoàn thành	Dự án
	Vay vốn Ngân hàng May Bank International Labuan Branch - Singapore	Tạm ngưng	Tài chính
	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019	Hoàn thành	Quản trị
	Thành lập Công ty la Bang	Hoàn thành	Quản trị
Tháng 5	Tái bổ nhiệm Phó TGD thường trực	Hoàn thành	Nhân sự
	Thành lập Công ty VI-JA	Hoàn thành	Quản trị
	Danh sách Ban Kiểm tra Tư cách CD	Hoàn thành	Quản trị
	Bảo lãnh cho các Công ty thuộc GEC Group - BIDV	Hoàn thành	Tài chính
Tháng 6	Bầu Chủ tịch HĐQT đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật	Hoàn thành	Nhân sự
	Bảo lãnh cho các Công ty thuộc GEC Group - VCB Leasing	Hoàn thành	Tài chính
	Triển khai phát hành Cổ phiếu để chi trả cổ tức 2019	Hoàn thành	Tài chính
	Tăng vốn cho CTTV	Hoàn thành	Tài chính
	Triển khai phát hành Cổ phiếu tăng VDL cho CD hiện hữu	Hoàn thành	Tài chính
	Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần cho CD hiện hữu và phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức	Hoàn thành	Tài chính



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019 (tiếp theo)

Tiêu chuẩn Trách nhiệm của HĐQT (tiếp theo)

Nguyên tắc 1 - Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT (tiếp theo)

Tháng	Nội dung	Tình hình	Loại hình	Tháng	Nội dung	Tình hình	Loại hình
Tháng 7	Xác định Thành viên độc lập HĐQT	Hoàn thành	Nhân sự	Tháng 9	Phát hành Trái phiếu	Hoàn thành	Tài chính
	Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT	Hoàn thành	Quản trị		Phê duyệt chốt danh sách CĐ	Hoàn thành	Quản trị
	Lựa chọn Đơn vị Kiểm toán 2020	Hoàn thành	Tài chính		Đơn vị tư vấn Báo cáo E&S tiêu chuẩn IFC - DA NM Điện Gió la Bang 1, Gia Lai	Hoàn thành	Dự án
	Điều chỉnh phương án phát hành Cổ phiếu cho CĐ hiện hữu	Hoàn thành	Tài chính		Không tiếp tục tái bổ nhiệm Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự
	Tái tài trợ khoản vay và chi phí liên quan NM Điện Mặt trời Trúc Sơn	Hoàn thành	Tài chính		Bảo lãnh CTCP Điện Gió la Bang	Hoàn thành	Tài chính
	Phê duyệt không tiếp tục tái bổ nhiệm chức vụ Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự		Tăng VDL sau khi chia cổ tức Cổ phiếu	Hoàn thành	Tài chính
	Triển khai DA Điện Gió V.PL Bến Tre	Đang thực hiện	Dự án		Miễn nhiệm Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự
Tháng 8	Góp vốn vào CTCP Thủy điện Trường Phú	Tạm ngưng	Dự án	Tháng 10	Tăng VDL sau phát hành cổ phần CĐ hiện hữu	Hoàn thành	Tài chính
	Rút tài sản đang thế chấp tại Vietcombank	Hoàn thành	Tài chính		Tái cấu trúc Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Đang thực hiện	Quản trị
	Bổ nhiệm Thành viên UBKT	Hoàn thành	Nhân sự		Phương án vốn để triển khai Điện Gió	Đang thực hiện	Tài chính
	Điều chỉnh Bộ phận quyền	Hoàn thành	Quản trị		Bảo lãnh Công ty mẹ tại các DA NM Điện Gió	Đang thực hiện	Tài chính
	Không tái bổ nhiệm đối với Phó TGD	Hoàn thành	Nhân sự		Chuyển giao lưới điện bán lẻ tại Chi nhánh TTC Chư Prông	Đang thực hiện	Dự án
Tháng 11	Chủ trương đầu tư DA NM Điện Gió la Bang 1	Đang thực hiện	Dự án	Tháng 12	Nhận chuyển nhượng cổ phần của CTCP Đầu tư Thành Thành Công tại CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	Hoàn thành	Tài chính
	Chủ trương đầu tư DA NM Điện Gió Tân Phú Đông 1	Đang thực hiện	Dự án		Miễn nhiệm Trưởng KTNB	Hoàn thành	Nhân sự
	Một số nội dung liên quan phát hành thêm cổ phiếu NĐT chiến lược	Đang thực hiện	Tài chính		Bổ nhiệm Trưởng KTNB	Hoàn thành	Nhân sự
					Thực hiện quyền chọn mua cổ phần phát hành riêng lẻ cho CĐ chiến lược CTCP Thủy điện Trường Phú	Đang thực hiện	Tài chính

Nguyên tắc 2 - Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
<p>2.1 HĐQT cần sở hữu quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò cheo lái và giám sát Công ty hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> HĐQT GEC gồm 5 Thành viên, duy trì mô hình hoạt động phù hợp thông lệ tốt với năng lực chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực Năng lượng 20%, Tài chính 60%, Quản trị - Điều hành 100%; 20% Người nước ngoài; 40% Nữ; 60% Độc lập; 100% không Điều hành; 100% trên 15 năm kinh nghiệm Quản trị - Điều hành Tính đa dạng trong cơ cấu HĐQT đem đến những góc nhìn đa diện, tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm để việc ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn. Ông Deepak có bề dày kinh nghiệm 23 năm Lãnh đạo cấp cao của IFC - Tổ chức đi đầu trong nỗ lực cải thiện hoạt động QTDN trong khối kinh tế tư nhân và là đơn vị hỗ trợ UBCKNN xây dựng Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất, tham gia tư vấn LDN 2020 và nhiều văn bản Pháp luật khác liên quan đến QTCT GEC đã áp dụng nhiều thông lệ tốt về Quản trị trước khi được quy định tại LDN mới nhất. GEC hiện có 5 Thành viên HĐQT, trong đó 3/5 độc lập - chiếm 60%, vượt mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP về số lượng Thành viên từ 3-5 và tối thiểu 1 độc lập Với 40% nữ, GEC đang thực hiện tốt hơn thông lệ tốt trên thế giới kiến nghị 30%, tham gia vào công tác định hướng Quản trị. GEC kiến tạo môi trường để giới nữ được tham gia vai trò Lãnh đạo với 26% trung cấp và 60% cao cấp. Với những thế mạnh của phái nữ và thành công được ghi nhận từ các vị trí Lãnh đạo, sự cân bằng tương đối về mặt giới tính đã hỗ trợ các hoạt động của HĐQT có tính cân trọng, chu đáo và hài hòa hơn 	<p>80%</p>	80%	90%
<p>2.2 HĐQT cần phải tối thiểu 2/3 Thành viên không Điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia hiệu quả và giúp HĐQT có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành viên không Điều hành chiếm 100%, độc lập là 60%, đây là tỷ lệ hoàn toàn đảm bảo được không có 1 hoặc 1 nhóm Thành viên nào chi phối được việc ra quyết định và lợi ích của Công ty lớn hơn lợi ích của CĐ cá nhân Những tiêu chuẩn cần thiết đối với các Thành viên không Điều hành được quy định rõ trong Điều lệ, Quy chế QTCT, Quy chế HĐQT. Những quy định này đóng vai trò như kim chỉ nam cho các Thành viên tham gia hiệu quả vào các hoạt động của HĐQT đồng thời hiểu và thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình 	<p>60%</p>	60%	70%

Khuyến nghị

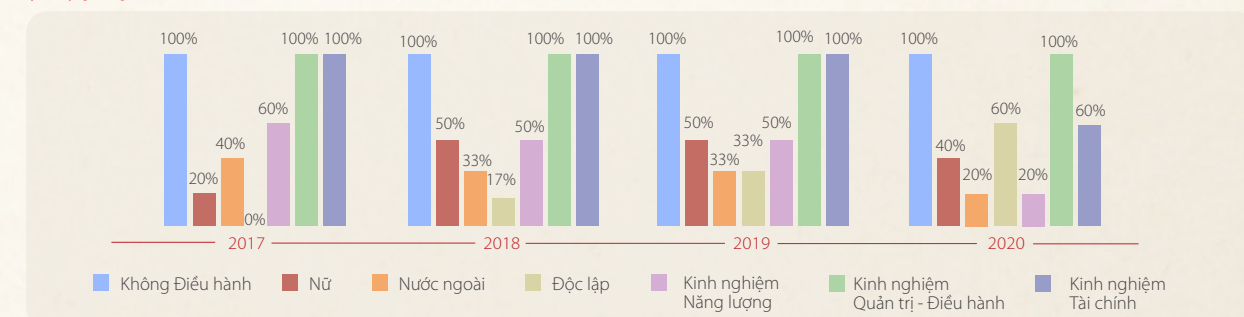
GEC thực hiện 2020

Đánh giá 2019

Đánh giá 2020

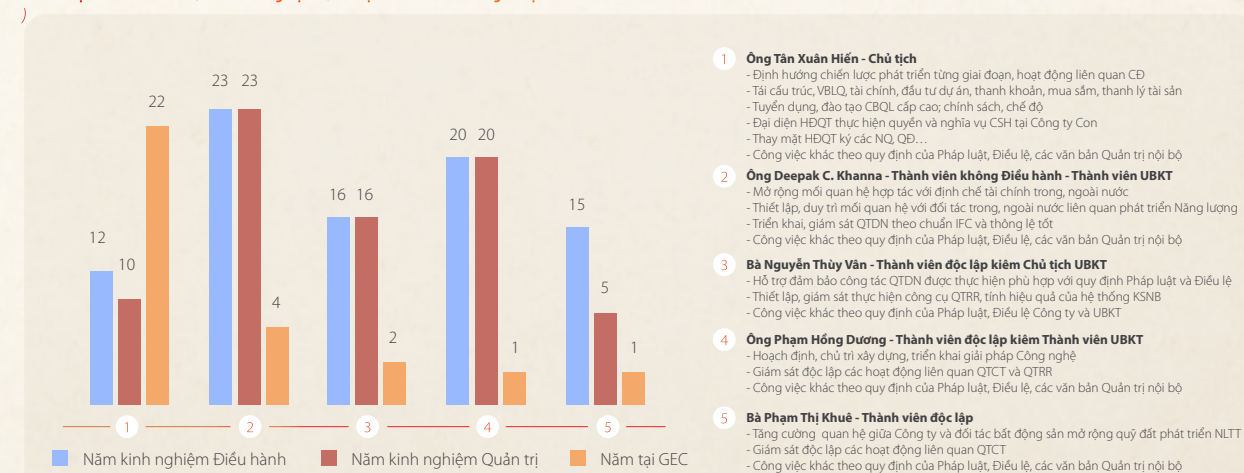
<p>2.3 HĐQT cần phải bổ nhiệm Thư ký Công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT</p> <p>2.4 Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về QTCT 1 chính sách phát triển liên tục đối với HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho Thành viên HĐQT mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các Thành viên HĐQT</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT đều là những người có trên 15 năm kinh nghiệm Quản trị - Điều hành trong nhiều lĩnh vực bao gồm Năng lượng, Quản trị, Kiểm toán, Tài chính Ông Tân Xuân Hiến gắn bó với GEC trên 28 năm và là một trong những người đặt nền móng đầu tiên cho việc phát triển NLTT tại GEC Ông Deepak với gần 3 năm cùng GEC kiêm nhiệm Thành viên UBKT, Ông góp phần cải thiện cơ cấu HĐQT theo chuẩn mực Quốc tế của IFC và các thông lệ tốt trên thị trường. Ông thực hiện tư vấn lộ trình chiến lược phát triển đồng bộ các loại hình NLTT một cách hợp lý và bền vững theo đúng các chuẩn mực đầu tư vì Môi trường - Cộng đồng - Xã hội Bà Nguyễn Thủy Vân - Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch UBKT trên 2 năm, đảm bảo tính tuân thủ của GEC trong chuẩn mực QTCT theo tiêu chuẩn Quốc tế, giám sát và QTRR, bảo vệ lợi ích của CĐ thiểu số Ông Phạm Hồng Dương - Thành viên độc lập, tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD và tư vấn các hoạt động liên quan Công nghệ. Đối với vị trí Thành viên UBKT, Ông nâng cao hệ thống KSNB, tăng cường vai trò tư vấn, giám sát hỗ trợ cho hoạt động Quản trị - Điều hành Bà Phạm Thị Khuê - Thành viên độc lập, tham mưu chiến lược phát triển, mở rộng mối quan hệ với các đối tác Bất động sản, đảm bảo các rủi ro được kiểm soát trong hoạt động Điều hành 	60%	70%
<p>2.3 HĐQT cần phải bổ nhiệm Thư ký Công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT</p>	<ul style="list-style-type: none"> Ông Phạm Thành Tuấn Anh tiếp tục đảm nhiệm vai trò Người phụ trách QTCT dựa trên kiến thức chuyên ngành Quản trị - Tài chính cùng kinh nghiệm 5 năm trong công tác Thư ký và lĩnh vực Năng lượng. Ông được bổ nhiệm lần đầu vào tháng 12/2018 và gia nhập GEC từ năm 2016 Người phụ trách QTCT hỗ trợ HĐQT trong việc xây dựng kế hoạch công việc HĐQT trong năm; đề xuất các phương án cải thiện quy trình và hoạt động Công ty; sắp xếp các chương trình họp HĐQT. Đồng thời cùng Bộ phận Quan hệ NĐT cố vấn cho HĐQT các vấn đề liên quan tới mô hình QTCT theo thông lệ tốt, ĐHCĐ, Lấy ý kiến CĐ bằng văn bản, tuân thủ các yêu cầu pháp lý về CBTT, tương tác với các BLQ, tuân thủ các quy định về chứng khoán, niêm yết hướng tới đẩy mạnh các hoạt động Thị trường vốn 	50%	75%
<p>2.4 Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về QTCT 1 chính sách phát triển liên tục đối với HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho Thành viên HĐQT mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các Thành viên HĐQT</p>	<ul style="list-style-type: none"> GEC tiến hành xây dựng kế hoạch tìm kiếm và đào tạo nhân sự có tiềm năng, đối ngũ Lãnh đạo kế thừa đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, giới tính, độ tuổi, tính gắn bó và phù hợp với chiến lược phát triển Năm 2020, qua hình thức trực tuyến, HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về Quản trị đối với Công ty đại chúng, các quy định mới của LDN, LCK nhằm bắt kịp những xu hướng và yêu cầu mới nhất về Quản trị Các khóa đào tạo hỗ trợ các Thành viên bổ sung thêm các kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp, tăng cường nhận thức các vấn đề liên quan, tiếp cận và áp dụng yêu cầu và xu hướng về Quản trị tại các Quốc gia phát triển, đặc biệt là cơ hội thảo luận, thiết lập mối quan hệ với các Thành viên HĐQT trong cộng đồng Lãnh đạo cấp cao. 	50%	60%

Sự đa dạng trong cơ cấu Thành viên HĐQT



Phân nhiệm Thành viên HĐQT trên kinh nghiệm Quản trị - Điều hành và thời gian tại GEC

ĐVT: Năm

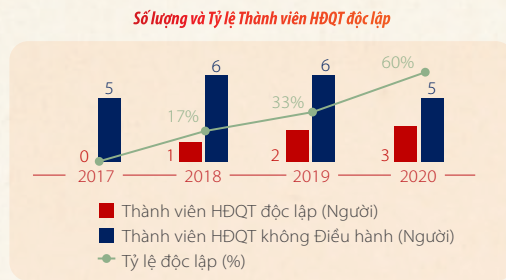


Nguồn: GEC

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019 (tiếp theo)
Tiêu chuẩn Trách nhiệm của HĐQT (tiếp theo)

Nguyên tắc 3 - Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT



Người: GEC

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
3.1 Sau khi được bầu chọn, tất cả Thành viên phải có trách nhiệm với Công ty, dù được bổ nhiệm bởi HĐQT, nhóm HĐQT, quản tài viên hay các Bên có quyền lợi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Trong 3 năm liên tục, Thành viên độc lập của GEC được đề cử bởi HĐQT là CTPC Đầu tư Thành Thành Công và CTPC Xuất Nhập khẩu Bến Tre. Năm 2020, các Thành viên độc lập của GEC đều được ĐHCĐ thông qua với tỷ lệ đạt trên 70% 	76%	90%
3.2 Để thúc đẩy nhận định độc lập của Thành viên và sự liên minh của hệ thống Quản trị, Công ty cần 1/3 Thành viên độc lập	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng Thành viên độc lập tại GEC đạt tỷ lệ 60%, vượt trội so với quy định mới nhất của Việt Nam, Bộ Quy tắc QTCT là 33%, Asean Scorecard 50% Năm 2017, GEC không có Thành viên độc lập và đến 2020, số lượng đã vượt tiêu chuẩn, tăng 1,5 và 3 lần so với 2019 và 2018 	76%	100%
3.3 HĐQT cần phải bảo đảm các Thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để đóng góp cho HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> 2/3 Thành viên Độc lập của GEC có chuyên môn Quản trị - Điều hành Tài chính - Kiểm toán - Quản lý Sản xuất với hơn 16 năm kinh nghiệm tại các Doanh nghiệp niêm yết tại HOSE trong đó có VN30, hài hòa về giới tính 66%-34% nhằm tận dụng tối đa các lợi điểm từ từng Thành viên 	76%	100%
3.4 Thành viên độc lập chỉ nên tham gia HĐQT tối đa 9 năm liên	<ul style="list-style-type: none"> 1/3 Thành viên độc lập tham gia HĐQT GEC từ tháng 9/2018 đến nay 2/3 Thành viên độc lập tại GEC chỉ tham gia HĐQT trong nhiệm kỳ đầu tiên bắt đầu từ tháng 6/2020 	76%	100%
3.5 Thành viên độc lập phải chỉ định 1 Thành viên đứng đầu nếu Chủ tịch không độc lập	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT có 22 năm kinh nghiệm về Quản trị - Điều hành, với chuyên môn về cả 2 lĩnh vực Năng lượng và Kinh tế. Ông đã gắn bó với GEC 28 năm. Tuy không độc lập nhưng là Thành viên không Điều hành nên vẫn đảm bảo và có được nhận định mang tính khách quan, tránh những xung đột lợi ích tiềm tàng có thể xảy ra. 	76%	95%

Nguyên tắc 4 - Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
4.1 HĐQT cần thành lập UBKT và bảo đảm để Ủy ban có đủ nguồn lực và thẩm quyền. UBKT bảo đảm các KSNB phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan	<ul style="list-style-type: none"> UBKT được thành lập từ tháng 9/2018, thực hiện chức năng giám sát độc lập của HĐQT đối với các hoạt động Điều hành, được thực thi theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ UBKT ban hành tháng 10/2018 Tất cả Thành viên của UBKT là Thành viên HĐQT không Điều hành, trong đó 2/3 là Thành viên độc lập và đều có kinh nghiệm từ 16-20 năm trong lĩnh vực Tài chính - Kiểm toán - Quản lý Sản xuất Chủ tịch Ủy ban là Thành viên độc lập, chuyên về Tài chính Kiểm toán, có kiến thức về KTNB, kế toán theo chuẩn mực VAS và IFRS, BCTC và kiểm soát với 16 năm kinh nghiệm trong Quản trị - Điều hành Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán Theo quy mô và yêu cầu hiện tại của Công ty, UBKT với những Thành viên có kinh nghiệm cùng chuyên môn phù hợp đã thực hiện tốt vai trò giám sát kết hợp QLRR, bảo đảm rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty luôn được xác định và xử lý thích hợp. Hoạt động QTRR cũng được quy định rõ ràng trong Điều lệ UBKT 	100%	100%
4.2 HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban QLRR có năng lực để bảo đảm rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty được quản lý phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> Đặc biệt với sự hỗ trợ của IFC, GEC đã ban hành và duy trì Chính sách giao dịch với các BLQ, là một trong các công cụ hữu hiệu để UBKT giám sát và QLRR từ việc xác định các nguyên tắc chỉ đạo mà GEC cần tuân thủ khi thực hiện mọi giao dịch với BLQ. Xác định được các xung đột lợi ích tiềm tàng hoặc thực tế có thể gây nghi ngờ về việc liệu những giao dịch đó có phù hợp với lợi ích tốt nhất của Công ty và các BLQ hay không. Với sự kiểm soát chặt chẽ các giao dịch này - ở mức cao hơn so với quy định của Pháp luật VN và tiệm cận thông lệ tốt, GEC thể hiện sự nghiêm túc cao nhất trong công tác Quản trị, Giám sát và Điều hành, hướng tới lợi ích cao nhất của Công ty và CĐ 	40%	70%
4.3 HĐQT cần phải thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung QTCT và bảo đảm rằng chính sách và hoạt động bổ nhiệm và Lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các Thành viên HĐQT và BDH tài năng	<ul style="list-style-type: none"> Tuy Ủy ban QTCT chưa thành lập nhưng Chủ tịch HĐQT và 1/3 Thành viên độc lập đang thực hiện chức năng nhiệm vụ này theo đúng quy định trong Điều lệ HĐQT Dự kiến trong năm 2021, GEC sẽ thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để tăng cường hiệu quả khung QTCT Ủy ban này hỗ trợ xây dựng, đánh giá chính sách QTCT, xác định các ứng viên đạt chuẩn để làm Thành viên HĐQT, đánh giá tính hiệu quả của từng Thành viên trong năm hoạt động cũng như tham mưu và xây dựng các chính sách lương thưởng thu lao của BLD cấp cao và NNB trong Công ty. 	30%	50%

Nguyên tắc 5 - Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
5.1 HĐQT cần phải thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng Thành viên, và các Ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT tiến hành đánh giá hàng quý để thẩm định kết quả công việc với vai trò một chủ thể Quản trị và rà soát kỹ lưỡng kết quả công việc, vai trò và trách nhiệm của từng Thành viên trong HĐQT, trong UBKT trong cuộc họp HĐQT và UBKT hàng quý 	30%	60%
5.2 HĐQT cần phải thiết lập 1 hệ thống để quy định ở mức tối thiểu, các tiêu chí, quy trình để xác định hiệu quả công việc của từng Thành viên và Ủy ban. Hệ thống này cho phép cơ chế phản hồi từ CĐ	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế QTCT, Điều lệ HĐQT và UBKT quy định rõ tiêu chí, quy trình, quy định để xác định hiệu quả công việc của từng Thành viên bao gồm các giá trị, nguyên tắc và kỹ năng Chủ tịch HĐQT - Thành viên không Điều hành và Chủ tịch UBKT - Thành viên độc lập thực hiện giám sát quy trình đánh giá tại GEC 	46%	90%
5.3 Khi đề xuất mức thù lao chi trả cho Thành viên lên ĐHCĐ phê duyệt, HĐQT phải cân nhắc xem cơ cấu thù lao có phù hợp với vai trò và trách nhiệm tương ứng từng Thành viên, có gắn kết quả hoạt động của cá nhân và Công ty, tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty và cá nhân hiệu quả trong ngắn và dài hạn	<ul style="list-style-type: none"> Việc trình ĐHCĐ mức thù lao chi trả cho Thành viên HĐQT luôn song hành cùng với chiến lược và mục tiêu dài hạn của Công ty; được cân nhắc và đánh giá kỹ càng dựa trên cơ cấu thù lao cũng như kinh nghiệm, vai trò trách nhiệm, phạm vi công việc và đóng góp của từng Thành viên Thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT trong năm 2020 được ĐHCĐ phê duyệt khoảng 3 tỷ đồng, không thay đổi so với cùng kỳ. Số liệu thực tế tương ứng của 2 năm 2020 và 2019 là khoảng 1,9 tỷ đồng và 3,1 tỷ đồng. Đối với thù lao HĐQT được xác định rõ Chủ tịch 30 triệu/người/tháng và Thành viên 20 triệu/người/tháng. 	23%	95%

Thành quả hoạt động của HĐQT và BDH trong năm 2020

Hoạt động	Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020
Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các Thành viên tham gia 100% các cuộc họp HĐQT trong quá trình giữ chức vụ; giám sát, đảm bảo tính trách nhiệm và hoàn thành công việc của từng Thành viên Kiểm toàn bộ máy Quản trị theo thông lệ tốt trên thị trường: Điều chỉnh Điều lệ HĐQT; chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng để thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT khác ngoài UBKT; rà soát và lên kế hoạch cải tiến các nguyên tắc QTCT theo chuẩn mực Thực hiện nghiêm túc các quy tắc Quản trị theo Điều lệ, Quy chế QTCT, Chính sách giao dịch BLQ, Luật pháp Việt Nam; một số nguyên tắc đã triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn khuyến nghị Quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> Nỗ lực thực hiện theo đúng kế hoạch và định hướng của HĐQT trong công tác Điều hành hoạt động liên tục của Công ty Tham gia các cuộc họp HĐQT định kỳ quý để báo cáo và giải trình các công tác Điều hành SXKD Thực hiện nghiêm túc các quy định ESG - Môi trường Xã hội Quản trị đối với tất cả các hoạt động hàng ngày, đặc biệt là đảm bảo đáp ứng chuẩn mực môi trường, sức khỏe và an toàn chuẩn IFC cho DA Điện Gió đang triển khai xây dựng cũng như các DA Điện Mặt trời đã vận hành
Dự án	<ul style="list-style-type: none"> Trước diễn biến phức tạp của Đại dịch Covid-19 và giới hạn thời gian đối với giá FIT 2 Điện Mặt trời trong 2020 và FIT 1 Điện Gió trong 2021, HĐQT đã nhanh chóng đưa ra định hướng và quyết định triển khai mở rộng danh mục Điện Mặt trời và Điện Gió Năm 2020, 34 MWp Điện Mặt trời Mái nhà đóng điện; BSQH và triển khai 5 DA Điện Gió V.P.L 1,2 (80 MW), la bang 1 (50 MW), Tân Phú Đông 1,2 (150 MW), vận hành vượt kế hoạch đối với NM Thủy điện Danh mục DA trong kế hoạch phát triển của Công ty đến năm 2025 ước tính sẽ đạt tổng công suất 1.915 MWp Yêu cầu BDH thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn An toàn Xã hội đối với các DA đưa vào danh mục triển khai của Công ty, theo đó không xuất hiện bất cứ khiếu nại nào từ Cộng đồng trong năm 2020 cũng như 5 năm trở lại đây 	<ul style="list-style-type: none"> 5 NM Điện Mặt trời 260 MWp ghi nhận 832 tỷ đồng DT và 515 tỷ đồng LNG trong năm 2020; tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thi công DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 49 MWp, dự kiến đóng điện Quý III/2021 3 DA Điện Gió 130 MWp: Đang triển khai thi công V.P.L 1 30 MW - dự kiến vận hành Quý II/2021, DA la Bang 1 50 MW - dự kiến vận hành Quý IV/2021, DA Tân Phú Đông 2 50 MW - dự kiến vận hành Quý IV/2021; các DA khi đóng điện sẽ đóng góp thêm khoảng 1.000 tỷ đồng Doanh thu hàng năm 13 NM Thủy điện 84 MW: Vận hành hiệu quả đóng góp 396 tỷ đồng Doanh thu và 100 tỷ đồng LNG, tăng 4% Doanh thu so với cùng kỳ Hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà 34 MWp: Hợp đồng mua bán điện 20 năm với giá ưu đãi FIT 2 8,38 UScent/kWh, đóng góp 22 tỷ Doanh thu và 11 tỷ đồng LNG trong 2020 Các hoạt động Kỹ thuật và Mua bán thiết bị: Ghi nhận 244 tỷ đồng Doanh thu và 37 tỷ đồng LNG, tăng 181% so với cùng kỳ
Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Tạo điều kiện, chủ động hỗ trợ ngay khi cần sự phối hợp để BDH thực hiện tốt công tác đầu tư, tìm kiếm DA tiềm năng, huy động nguồn vốn từ thị trường nợ và thị trường vốn theo đúng định hướng của HĐQT Đưa ra những quyết sách hợp lý và kịp thời khi nhận được đề trình của BDH trong việc phê duyệt chủ trương thực hiện DA, chủ trương vay vốn, bảo lãnh cho Công ty con thực hiện DA 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đàm phán với tổ chức tín dụng điều chỉnh giảm chi phí lãi vay, tiết kiệm chi phí Điện Mặt trời Krông Pa từ 9,4%/năm xuống 8,6%/năm, Điện Mặt trời Phong Điện từ 9,5% xuống 8,7%... Tái cấu trúc khoản vay hiện hữu nhằm tiết giảm chi phí tài chính: Ngân hàng Woori Bank Hàn Quốc tái tài trợ 437 tỷ đồng cho Điện Mặt trời Trúc Sơn với lãi suất bằng bình quân lãi suất có kỳ hạn 6 tháng của 4 Ngân hàng Nhà nước + biên độ 3,2%; kỳ hạn đến 25/12/2026 Hoàn tất công tác tăng VDL lên 2.712 tỷ đồng cân bằng cán cân vốn nợ, chủ động cân đối nguồn vốn đảm bảo vốn đối ứng triển khai hàng loạt DA Điện Gió với tổng mức đầu tư 5.517 tỷ đồng.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019 (tiếp theo)

Tiêu chuẩn Trách nhiệm của HĐQT (tiếp theo)

Nguyên tắc 5 - Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT (tiếp theo)

Thành quả hoạt động của HĐQT và BDH trong năm 2020 (tiếp theo)

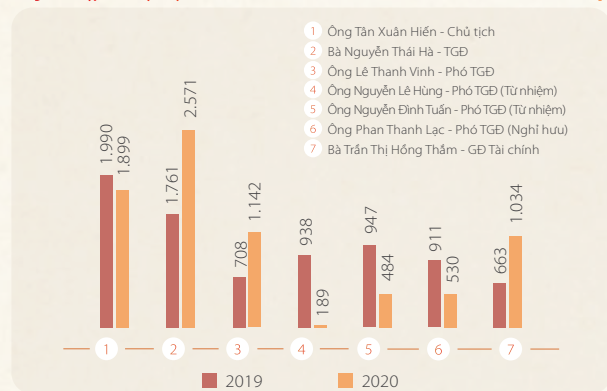
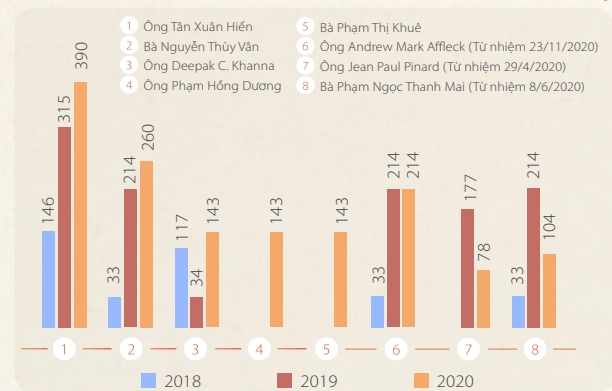
Hoạt động	Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020
Nhiệm vụ	<p>Để xuất, lựa chọn và bổ nhiệm các vị trí quan trọng trong HĐQT và BDH đảm bảo hoạt động liên tục cho Công ty</p> <p>Đảm bảo sự đa dạng trong cơ cấu Thành viên HĐQT và BDH ở nhiều khía cạnh khác nhau, tận dụng thế mạnh của từng Thành viên, duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty - vượt những tiêu chuẩn theo thông lệ tốt</p> <p>Định hướng, giám sát thực thi các cơ chế Lương Thưởng Thu lao, các Chế độ phúc lợi khác để gìn giữ nguồn nhân sự cấp cao có chất lượng và kinh nghiệm trên thị trường Năng lượng và Tài chính</p>	<p>Trong năm 2020, Công ty đã bổ nhiệm, tái bổ nhiệm 28 CBQL, với tỷ lệ bổ nhiệm 93% CBQL từ nguồn nội bộ; tỷ lệ nhân sự kiêm nhiệm đạt 15% để tối ưu hóa nguồn nhân lực nội bộ và tiết kiệm chi phí</p> <p>Thu nhập bình quân của CBQL cấp cao đạt khoảng 63 triệu đồng/người/tháng và CBNV đạt 18 triệu đồng/người/tháng, tăng khoảng 13% so với cùng kỳ và tương đương mức trung bình trên thị trường tại Khu vực TP HCM và lân cận</p> <p>Công ty đã tổ chức 45 chương trình đào tạo, 708 lượt học viên, 856 giờ đào tạo bao gồm các khóa học về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo theo luật định, đào tạo cho CBQL, nhân sự kế thừa.</p>

Thu lao HĐQT 2018 - 2020

ĐVT: Triệu đồng

Tổng thu nhập BLD thực hiện CBTT 2019-2020

ĐVT: Triệu đồng



Nguồn: GEC

Nguyên tắc 6 - Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
<p>6.1 HĐQT phải đảm bảo việc áp dụng Bộ Đạo đức kinh doanh để thiết lập một văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao. Bộ Quy tắc sẽ cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy tắc được phổ biến cho HĐQT, BDH và CBNV, công bố trên trang Web</p>	<p>Sau khi Cổ phần hóa từ năm 2011, GEC bắt đầu xây dựng những quy định về giao tiếp, hành xử trong Công ty và chính thức ban hành QCUX từ 2015</p> <p>Trong quá trình áp dụng, GEC đã không ngừng tìm hiểu và thay đổi các quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tế và học hỏi cả những thông lệ Quốc tế. Lần sửa đổi QCUX gần nhất là vào tháng 5/2020 và hiện đang được vận hành với 3 nội dung chính Cam kết của Công ty, Cam kết về Đạo đức nghề nghiệp của CBNV, Quy tắc giao tiếp ứng xử của CBNV dựa trên 4 nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của ILO</p> <p>Nội dung chính được công bố trên trang Web: https://geccom.vn/upload/quanhecodong/415/filetitle/nsdt.qc_01.01_qc_ung_xu%20gec%202020.pdf</p>	100%	100%
<p>6.2 HĐQT cần đảm bảo triển khai phù hợp, hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh và các chính sách nội bộ</p>	<p>1 năm 2 lần vào tháng 1 và tháng 10, việc đào tạo sẽ được thực hiện cho toàn bộ CBNV, cùng với định kỳ hàng tháng nhắc nhở, hướng dẫn bởi Ban SS, trong 5 năm, không có trường hợp nào vi phạm Bộ QCUX</p> <p>Mỗi nhân sự mới sau khi được tuyển dụng sẽ được tham gia các khóa đào tạo hội nhập trong tháng đầu tiên làm việc để được phổ biến văn hóa ứng xử của Công ty</p>	100%	100%
<p>6.3 HĐQT là đầu mối chịu trách nhiệm tập thể về Quản trị thành công trong dài hạn, mang lại giá trị bền vững cho các BLQ. HĐQT là tấm gương cho BDH và CBNV</p>	<p>BLĐ những năm qua luôn chỉ đạo xuyên suốt, thường xuyên quan tâm đến truyền thông, phổ biến những cam kết về đạo đức nghề nghiệp, những quy tắc giao tiếp ứng xử đến từng đơn vị, cá nhân. Phòng Nhân sự cùng phối hợp với Công đoàn chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ của CBNV trong Công ty thông qua các hoạt động hàng ngày và thông qua các kỳ đánh giá hàng quý.</p>	100%	100%

Định hướng	Quy định cụ thể các hành vi và thái độ khi làm việc được chấp nhận; Cách giao tiếp và ứng xử giữa CBQL với cấp dưới và ngược lại; giữa đồng nghiệp với đồng nghiệp, với Khách hàng, Đối tác, Nhà cung cấp; Giao tiếp qua điện thoại, thư từ...
Đảm bảo kỷ luật	CBNV có nghĩa vụ đọc và hiểu rõ các quy định trong Bộ Quy chế này và nghiêm túc thực hiện. Cấp CBQL được kỳ vọng là không những hiểu, tuân thủ mà còn thể hiện với tư cách của người định hướng, mẫu mực
Thương hiệu	Bộ QCUX đóng vai trò như một tuyên bố công khai về những gì GEC đại diện và cam kết đối với các tiêu chuẩn xã hội về việc thực hiện các hành vi đúng đạo đức. Mọi hành động của CBNV thể hiện trong quá trình làm việc với Khách hàng, Đối tác, Nhà cung cấp chính là đại diện Công ty, thể hiện văn hóa đạo đức kết
Gắn kết nhân viên	Những quy tắc chính là chất keo gắn kết các Thành viên, thúc đẩy lòng trung thành và giữ chân NV. GEC chủ trương xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hướng đến tạo dựng "ngôi nhà thứ 2", gắn kết CBNV trên tinh thần đoàn kết, chia sẻ. Tất cả CBNV đều được trao cơ hội khám phá và thể hiện các tiềm năng bản thân ở mức cao nhất cũng như đạt được đích đến của riêng mình để phát triển và đóng góp cho sự thành công của Công ty
Tuân thủ Pháp luật	Mỗi CBNV phải cam kết tuân thủ quy định Pháp luật và chính sách nội bộ của Công ty; hành động dựa trên lợi ích Công ty; đảm bảo năng lực chuyên môn và tinh thần làm việc thận trọng; trung thực, khách quan, công bằng trong công việc; bảo mật thông tin. Việc áp dụng tốt Bộ QCUX có thể giảm rủi ro tài chính liên quan đến các án phạt của Chính phủ vì hành vi sai trái, đặc biệt là về tham nhũng.

Tiêu chuẩn Môi trường Kiểm soát

Nguyên tắc 7 - Thiết lập khung QLRR và Môi trường Kiểm soát vững mạnh

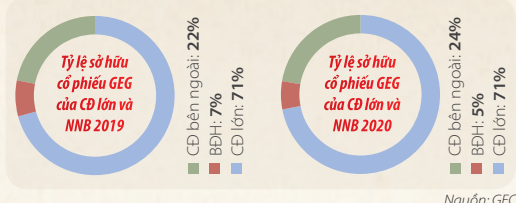
Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
<p>7.1 HĐQT cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống KSNB</p>	<p>HĐQT có trách nhiệm tối hậu trong giám sát khung KSNB và QLRR của Công ty thông qua UBKT bao gồm 3 Thành viên không Điều hành trong đó là 2 độc lập, có các công cụ hiệu quả để giám sát rủi ro và giải trình</p> <p>Hệ thống KSNB của GEC được thiết kế theo tiêu chuẩn COSO - The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission - một trong các chuẩn mực của thế giới trong lĩnh vực KSNB được IFC khuyến nghị sử dụng</p> <p>Môi trường kiểm soát: Hệ thống các chuẩn mực, quy trình, cơ cấu của Công ty luôn được cải tiến phù hợp với tình hình thực tế tại GEC. Các quy tắc đạo đức được thể hiện qua Bộ QCUX và được giám sát thực hiện</p> <p>Đánh giá rủi ro: HĐQT, BDH ý thức cao về việc QLRR, giảm thiểu rủi ro, tận dụng rủi ro, biến rủi ro thành cơ hội để đề ra các quyết sách phát triển, nhận diện, phân tích; đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh và hoạt động của Công ty và có các giải pháp ứng phó phù hợp</p> <p>Hoạt động kiểm soát: Kiểm soát được thực hiện ở tất cả các cấp độ trong Công ty và trong tất cả các giai đoạn của HĐQT bao gồm Môi trường CNTT. Hoạt động kiểm soát được thiết lập thông qua các chính sách và quy trình để đảm bảo giảm thiểu rủi ro</p> <p>Thông tin và truyền thông: Kênh truyền thông tại GEC được đánh giá là cởi mở đối với công việc, khách hàng, nhà cung cấp và các BLQ khác</p> <p>Hoạt động giám sát: Các cuộc đánh giá thường xuyên, định kỳ ở tất cả các cấp độ HĐQT, BDH, Phòng Ban chuyên môn. Hoạt động giám sát của Phòng KTNB, Phòng Kỹ thuật đối với Thủy điện, Phòng O&M đối với Điện Mặt trời, Phòng EHSS đối với an toàn, sức khỏe, môi trường, xã hội... và cả hoạt động giám sát định kỳ của các BLQ cũng được thực hiện góp phần tăng trưởng HĐKD</p>	70%	85%
<p>7.2 HĐQT cần phải thành lập chức năng KTNB để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty</p>	<p>HĐQT phê duyệt chủ trương thành lập Phòng KTNB vào tháng 9/2018, trực thuộc UBKT và Trưởng KTNB báo cáo trực tiếp lên UBKT. Quyền hạn, nhiệm vụ của KTNB được quy định trong Quy chế của KTNB do UBKT phê duyệt</p> <p>Trưởng KTNB được bầu thay thế vào tháng 12/2020, chuyên môn về Kế toán - Kiểm toán, có kinh nghiệm 10 năm trong lĩnh vực Kiểm toán và gắn bó với GEC 2 năm</p> <p>KTNB thực hiện đánh giá và tham mưu cho UBKT về tính đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của Hệ thống KSNB trong việc thiết lập, kiểm soát và giám sát các hoạt động về tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, vận hành NM cũng như vận hành Công ty</p>	80%	90%
<p>7.3 HĐQT cần phải thành lập 1 chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí và quyền hạn cần thiết</p>	<p>Theo đặc thù Ngành Năng lượng không phức tạp như hoạt động các Ngành Ngân hàng, Dầu khí, Dược phẩm, Khai mỏ; chức năng tuân thủ được giám sát bởi KTNB và báo cáo trực tiếp lên cho UBKT cũng như HĐQT để đảm bảo các quy định Luật pháp, đào tạo tuân thủ cũng như nhận diện đánh giá, đo lường rủi ro được thực thi cho các hoạt động của Công ty</p>	60%	70%
<p>7.4 HĐQT cần phải giám sát hệ thống QLRR toàn doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động QLRR hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro. HĐQT cũng cần phải QLRR của Công ty trong phạm vi khẩu vị rủi ro</p>	<p>Tại GEC, trách nhiệm QTRR không chỉ gói gọn trong phạm vi nhiệm vụ Quản trị của HĐQT, giám sát của UBKT mà còn là trách nhiệm tiên quyết của BDH và được quy định rõ trong các quy trình, chính sách nội bộ của GEC. Tất cả được tích hợp vào quy trình quản lý hoạt động, văn bản pháp lý và xuyên suốt trong các chức năng, các cấp, các phòng ban, nhân viên; để GEC nhận diện và kiểm soát các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động hàng ngày</p> <p>Hiện tại, GEC đã xây dựng tốt công tác QLRR, với hệ thống kiểm soát được tất cả các cấp độ tham gia để tạo lập môi trường kiểm soát vững mạnh</p>	60%	85%
<p>7.5 HĐQT cần phải bảo đảm việc Công ty thiết lập một khung quản lý an ninh mạng phù hợp</p>	<p>Các rủi ro an ninh mạng và các ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này gây ra cũng được HĐQT chú trọng. Tại GEC, các rủi ro an ninh mạng được quản lý như là một phần của hệ thống QLRR tổng thể</p> <p>GEC sử dụng các phần mềm phục vụ công tác SXKD và Điều hành có bản quyền. Với việc đầu tư sử dụng phần mềm ERP, GEC đã mang lại một bước tiến lớn trong công cuộc chuyển đổi số, có một hệ thống dữ liệu tự động hợp nhất, xuyên suốt giữa các Phòng Ban và giữa các khâu hoạt động như Quản lý Tài chính, Quản lý Mua hàng, Quản lý Sản xuất, Quản lý Nhân sự. Việc này một mặt giảm thiểu sai sót trong quá trình tác nghiệp, mặt khác, hỗ trợ BDH tối ưu hóa nguồn lực về tài chính và nhân sự</p>	70%	85%
<p>7.6 HĐQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của Kiểm toán độc lập cũng như qui trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà Kiểm toán độc lập đưa ra</p>	<p>Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà Kiểm toán độc lập đưa ra, HĐQT đã lựa chọn PwC - 1 trong 4 Công ty kiểm toán uy tín nhất trên thị trường là Đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2020 sau khi nhận được ủy quyền từ ĐHQĐ, tiếp tục củng cố tính minh bạch và đảm bảo lợi ích cao nhất cho CĐ</p> <p>Trong 5 năm gần đây, những Công ty Kiểm toán đã được chọn bao gồm PwC và Ernst&Young. PwC thực hiện kiểm toán từ 2017 đến 2020. Tổng chi phí cho Hoạt động Kiểm toán của Công ty trong năm 2020 là 420 triệu đồng - giảm 72% so với cùng kỳ, do năm 2019 ghi nhận Chi phí Kiểm toán 2 DA Phong Điền và Krông Pa</p> <p>Cũng trong giai đoạn 2016-2020, nhận định của Công ty Kiểm toán đối với hoạt động của Công ty là trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, Tình hình tài chính, Kết quả HĐKD, Lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các Chuẩn mực VAS, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. UBKT đồng hành để xác định, giám sát chất lượng và đánh giá năng lực của Dịch vụ Kiểm toán.</p>	70%	95%



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019 (tiếp theo)
Tiêu chuẩn CBTT và minh bạch

Nguyên tắc 8 - Tăng cường hoạt động CBTT của Công ty



Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
8.1 HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và quy trình để CBTT cho CB và các Bên có quyền lợi liên quan khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế CBTT sau khi HĐQT phê duyệt được đăng tải và phổ biến trên trang thông tin nội bộ cũng như trang Web của Công ty https://geccom.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00002. Toàn thể BLĐ và CBNV theo đó phải hiểu được trách nhiệm và nghĩa vụ của từng cá nhân, phòng ban về tầm quan trọng của việc minh bạch thông tin cho thị trường Ngoài việc UBKT thực thi giám sát việc CBTT theo quy định, Công ty cũng có Cơ chế để CB và NDT khiếu nại trường hợp Công ty phát sinh sai phạm về CBTT Bộ phận Quan hệ NĐT sẽ là đầu mối làm việc với các Cơ quan Ban Ngành, CB, NDT đảm bảo việc truyền đạt thông tin chính xác, kịp thời cũng như xử lý các vấn đề liên quan đến khủng hoảng truyền thông có ảnh hưởng đến thương hiệu Cổ phiếu 	90%	95%
8.2 Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần phải bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2020, GEC tuân thủ các quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt trong việc CBTT nhanh chóng, kịp thời đến các CB, NDT bằng song ngữ Anh Việt để không hạn chế quyền lợi của CB và NĐT nước ngoài Phân tích tính minh bạch về hoạt động CBTT trong BCTN, đăng tải trên Web và công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông liên quan Quan hệ NĐT Bộ phận Quan hệ NĐT còn thực hiện hàng loạt các cuộc họp với CB, NĐT, Nhà phân tích hàng Quý hoặc khi có sự kiện cần truyền tải qua các phương tiện trực tiếp hoặc gián tiếp để đảm bảo tính xuyên suốt và chuyên nghiệp 	90%	93%
8.3 HĐQT cần phải đảm bảo việc công bố các thông tin phi tài chính, bao gồm các Báo cáo Môi trường và Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> BCTN của Công ty dành nguyên chương để phân tích các hoạt động về Môi trường Xã hội, đảm bảo sự cộng hưởng lẫn nhau về Kinh tế, Xã hội và Môi trường, theo chuẩn mực Hội đồng Báo cáo Chuẩn mực Quốc tế IIRC, Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu GRI và Hội đồng chuẩn mực bảo đảm bền vững SASB, được kiểm định thông tin bởi KTNB Công tác E&S theo tiêu chuẩn IFC luôn được thực hiện trước trong và sau triển khai các DA NLTT, công bố rộng rãi cho các BLQ và nhận được sự thuận duyệt từ các Bên để cùng nhau thực hiện, thể hiện trách nhiệm của Công ty với Cộng đồng 	90%	98%
8.4 HĐQT cần phải đảm bảo thù lao của các Thành viên HĐQT và BDH được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của CB liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị	<ul style="list-style-type: none"> Chế độ thù lao, lương, thưởng của HĐQT và BDH được quy định trong Quy chế hoạt động của HĐQT và công bố rộng rãi trong ĐHCĐ, các tài liệu khác như BCTN, BCTC Lương thưởng và các chế độ khác của BDH sẽ được đánh giá dựa trên thành quả hoạt động trong năm và được sự thuận duyệt của HĐQT. 	90%	93%

Các quyền của CB

Nguyên tắc 9 - Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của CB

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
9.1 HĐQT cần thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của CB và giám sát việc thực hiện các chính sách này	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát và cập nhật các quy định mới liên quan đến việc thực hiện quyền CB. Tại kỳ họp HĐQT Quý III/2020, HĐQT đã thông qua việc áp dụng các quy định của LDN 2020 về nâng cao quyền CB CB hoặc nhóm CB sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên thay vì 10% và phải sở hữu liên tục trong vòng 6 tháng sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu ảnh hưởng đến quyền lợi CB; yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền CB, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền; yêu cầu UBKT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến Quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty Để bảo vệ CB trong tránh pha loãng cổ phần, Công ty có những quy định về quyền ưu tiên cho CB hiện hữu duy trì sở hữu cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành cổ phần mới Những CB lớn sở hữu trên 5% luôn được CBTT trên các phương tiện Quan hệ NĐT để CB nắm bắt thông tin để thực hiện quyền lợi 	85%	95%
9.2 HĐQT cần phải tổ chức họp ĐHCĐ hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> Trong các cuộc họp ĐHCĐ thường niên hoặc bất thường, các Thành viên HĐQT, UBKT cũng như Kiểm toán độc lập đều sẵn sàng trả lời các câu hỏi và đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin của CB Tài liệu họp Đại hội được áp dụng công bố trước 21 ngày từ năm 2020. Biên bản họp chính xác, đầy đủ, bao gồm phần thảo luận của CB và được công bố kèm theo từng NQ song ngữ trong 24 giờ sau Đại hội, đi kèm là bài tóm tắt nội dung chính trên các kênh truyền thông 	90%	98%
9.3 HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán	<ul style="list-style-type: none"> Các chính sách cổ tức của Công ty được công bố rộng rãi trên trang Web, BCTN cũng như các cuộc họp với CB, NĐT và Chuyên gia phân tích Tùy vào kế hoạch và tình hình kinh doanh thực tế trong năm, GEC nỗ lực trong việc đảm bảo quyền lợi của CB thông qua việc chi trả cổ tức đều đặn bằng tiền hoặc Cổ phiếu Tính từ năm 2015, mức cổ tức trung bình GEC trả hàng năm lên đến 10%. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế năm 2020, GEC vẫn tiến hành chi trả cổ tức bằng Cổ phiếu với tỷ lệ 8% 	80%	95%
9.4 Đối xử bình đẳng đối với tất cả các CB	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả CB bao gồm trong và ngoài nước, cá nhân và tổ chức, lớn và nhỏ, ít số, Điều hành hay không Điều hành đều được đối xử công bằng GEC liên tục cải tiến và củng cố để đảm bảo CB có sự thuận tiện nhất khi thực hiện quyền. Năm 2020, HĐQT GEC đã được ĐHCĐ thông qua bổ sung thực hiện tổ chức ĐHCĐ trực tuyến vào Điều lệ và Quy chế nội bộ về QTCT 	80%	100%

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
9.5 Giao dịch BLQ cần được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Công ty và CB	<ul style="list-style-type: none"> Với sự hỗ trợ của IFC, GEC đã ban hành và áp dụng Chính sách giao dịch với BLQ hơn 2 năm nhằm tránh xung đột và đảm bảo quyền lợi của BLQ. Trước khi chấp thuận bất kỳ giao dịch với BLQ nào, người có thẩm quyền phải xem xét các yếu tố: Điều khoản của giao dịch có theo điều khoản HDKD bình thường, công bằng với Công ty và tuân thủ nguyên tắc khách quan thị trường; Có lý do bắt buộc về kinh doanh để Công ty thực hiện giao dịch và sự sẵn có, tính chất, và chi phí cơ hội của giao dịch thay thế; Rủi ro danh tiếng tiềm tàng có thể phát sinh cho Công ty; Giao dịch đó có ảnh hưởng đến tính độc lập của Thành viên độc lập; Có gây xung đột lợi ích cho bất kỳ Thành viên HĐQT hoặc Lãnh đạo cấp cao Công ty cũng đưa ra quy định về ngưỡng trọng yếu - bắt buộc phải được sự rà soát và đánh giá của UBKT, báo cáo cho HĐQT về vấn đề quan trọng Chính sách không những dựa trên quy định của Pháp luật mà còn tuân thủ tiêu chuẩn Quốc tế của IFC và AAM để nâng cao tính minh bạch trong QTCT Tất cả các giao dịch với các BLQ của GEC đều được công bố cụ thể trong Báo cáo QTCT định kỳ được công bố, cũng như được nêu chi tiết tại BCTC kiểm toán 2020 tại mục Thuyết minh BCTC. 	80%	90%

Quan hệ với các Bên có quyền lợi liên quan

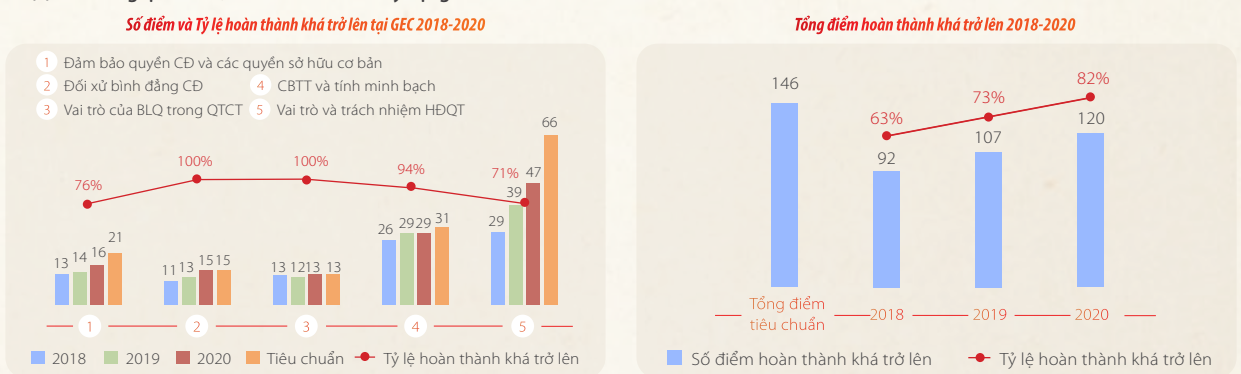
Nguyên tắc 10 - Tăng cường tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan

Khuyến nghị	GEC thực hiện 2020	Đánh giá 2019	Đánh giá 2020
10.1 HĐQT cần phải đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia của Bên có quyền lợi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT GEC luôn quán triệt xuyên suốt trong hoạt động Quản trị rằng Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các Bên có quyền lợi liên quan, được cam kết thông qua các hợp đồng và được quy định cụ thể trong các chính sách về khách hàng, nhà cung cấp, môi trường, cộng đồng, tham nhũng, bảo vệ chủ nợ, phúc lợi và sức khỏe CBNV... cũng như trong Bộ QTUX Dựa trên mức độ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của các Bên có quyền lợi liên quan đến hiệu quả của Công ty và ngược lại, BLĐ thực hiện phân loại và đánh giá tính ưu tiên các BLQ. Để thực hiện được mục tiêu này, BLĐ định vị được mức độ quan trọng của từng nhóm có quyền lợi liên quan trên thang điểm tương quan, xác định cách tương tác phù hợp để đảm bảo cũng như duy trì mối quan hệ gắn kết đối với từng nhóm đối tượng cụ thể 	100%	100%
10.2 HĐQT cần đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa Công ty và các Bên có quyền lợi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nhiều phương tiện và hình thức tiếp cận khác nhau, BLĐ GEC thường xuyên trao đổi với các BLQ để đưa ra các giải pháp hiệu quả, đáp ứng mối quan tâm của các BLQ theo định hướng bền vững, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến Quản trị, Hiệu quả Kinh tế, Bảo vệ Môi trường và Phát triển nguồn nhân lực Trong BCTN hàng năm, các đầu mối liên hệ cho các BLQ trong yếu tố bao gồm Cơ quan Nhà nước, Đối tác Mua Bán Điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CB/NDT tiềm năng và Cộng đồng Địa Phương được công khai bao gồm chức vụ, địa chỉ và số di động để các BLQ liên lạc khi có nhu cầu về công việc cũng như giải quyết khiếu nại. 	100%	100%

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QTCT KHU VỰC ASEAN 2019

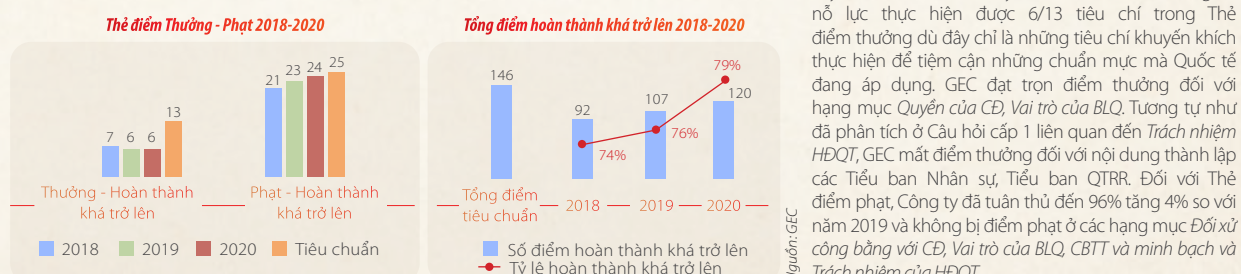
ĐA Đánh giá Thẻ điểm QTCT ASEAN - ACGS là một trong những sáng kiến Khu vực quan trọng nhất của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN - ACMF với mục tiêu xây dựng một Thị trường vốn hội nhập của Khu vực hướng đến sự hợp nhất của Khối ASEAN như một cộng đồng kinh tế thịnh vượng chung và lớn mạnh. Thẻ điểm QTCT được công bố vào năm 2011 và bổ sung thay đổi lần thứ 1 vào năm 2017, khuyến khích các Công ty trong Khu vực ASEAN áp dụng để nâng tầm hoạt động Quản trị, hội nhập Quốc tế.

Câu hỏi cấp 1 là nhóm câu hỏi đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn căn bản của QTCT tốt đến từ (1) Các quy định, luật pháp của các Quốc gia ASEAN và (2) Các thông lệ tốt về QTCT do G20/OECD xây dựng.



Đối với Thẻ điểm Tiêu chuẩn, trong năm 2020, GEC đã thực hiện khá trở lên 120/146 tiêu chí, chiếm 82%, tăng 9% so với năm 2019 và 19% so với năm 2018. Số liệu thống kê này thể hiện được sự nỗ lực của GEC trong công tác hoàn thiện QTCT qua các năm và tiếp tục tiệm cận với việc đáp ứng toàn bộ các tiêu chuẩn của ACGS. *Đối xử bình đẳng CB, Vai trò của BLQ* trong QTCT tại GEC đã đạt 100% tiêu chuẩn - Tương ứng với Nguyên tắc 9 và Nguyên tắc 10 trong Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất. Tiêu chí thấp nhất trong bảng đánh giá thuộc về *Vai trò và trách nhiệm HĐQT* chủ yếu liên quan đến việc chưa thành lập hoặc chưa có nhân sự phụ trách riêng biệt cho các Tiểu ban QTRR, QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng mặc dù vẫn được thực hiện nhiệm vụ trong UBKT và trách nhiệm của từng Thành viên HĐQT. Trong năm 2021, khi Quy mô Công ty và Danh mục DA được mở rộng, HĐQT sẽ thực hiện cơ cấu các Ủy ban phù hợp để hoàn thiện tốt nhất trách nhiệm của HĐQT.

Câu hỏi cấp 2 là nhóm câu hỏi đưa vào (1) Các tiêu chí thường điểm cho các thực hành tiến bộ và mới được áp dụng và (2) Các khía cạnh cần phạt điểm để phản ánh các thực hành hoặc các hiện tượng, sự kiện tiêu cực của Quản trị kém.



Tuy chỉ hơn 1 năm niếm yết HOSE, HĐQT GEC cũng đã nỗ lực thực hiện được 6/13 tiêu chí trong Thẻ điểm thường dù đây chỉ là những tiêu chí khuyến khích thực hiện để tiệm cận những chuẩn mực mà Quốc tế đang áp dụng. GEC đạt trọn điểm thường đối với hạng mục *Quyền của CB, Vai trò của BLQ*. Tương tự như đã phân tích ở Câu hỏi cấp 1 liên quan đến *Trách nhiệm HĐQT*, GEC mất điểm thường đối với nội dung thành lập các Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban QTRR. Đối với Thẻ điểm phạt, Công ty đã tuân thủ đến 96% tăng 4% so với năm 2019 và không bị điểm phạt ở các hạng mục *Đối xử công bằng với CB, Vai trò của BLQ, CBTT và minh bạch và Trách nhiệm của HĐQT*.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN CHUẨN MỰC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GEC DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QTCT KHU VỰC ASEAN 2019 (tiếp theo)

Nội dung chi tiết	Điểm 2020	Điểm 2019
1. Mỗi cổ phiếu phổ thông có 1 phiếu biểu quyết	100%	100%
2. Nếu có nhiều hơn 1 loại cổ phiếu, có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu	100%	100%
3. Mỗi NQ trong ĐHĐCĐ chỉ liên quan đến 1 nội dung của dự thảo NQ	100%	0%
4. Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ dịch sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tiếng Việt	100%	0%
5. Cung cấp tiểu sử của Thành viên HĐQT được bầu chọn	100%	100%
6. Kiểm toán viên/Công ty kiểm toán được bầu chọn được xác định rõ ràng	100%	100%
7. Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	100%	100%
8. Chính sách quy định cấm Thành viên HĐQT và nhân viên không được kiểm lợi từ những kiến thức không được công bố ra ngoài	100%	100%
9. Thành viên HĐQT phải báo cáo giao dịch cổ phiếu Công ty trong 3 ngày làm việc	100%	100%
10. Chính sách yêu cầu Thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty	100%	100%
11. Chính sách yêu cầu 1 Ủy ban bao gồm Thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch BLQ trọng yếu	100%	100%
12. Chính sách yêu cầu Thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong cuộc họp về giao dịch mà TV đó có xung đột lợi ích	100%	100%
13. Chính sách về khoản vay cho Thành viên HĐQT, quy định cấm hoặc đảm bảo khoản vay được thực hiện hợp lý theo thị trường	100%	100%
14. Công bố về việc giao dịch BLQ thực hiện hợp lý và theo cơ chế thị trường	100%	100%
15. Phê duyệt của HĐQT thông qua các giao dịch BLQ, việc phê duyệt phải được biểu quyết bởi HĐQT không liên quan lợi ích.	100%	100%

15 Tiêu chí về đối xử bình đẳng với CĐ mà GEC đáp ứng tốt trở lại năm 2020, đạt 100%.

Nội dung chi tiết	Điểm 2020	Điểm 2019
1. Công bố chính sách và thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi Khách hàng	100%	100%
2. Công bố chính sách và thực hành, mô tả nỗ lực bảo đảm chuỗi giá trị thân thiện với môi trường, phù hợp thúc đẩy PTBV	100%	100%
3. Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	100%	0%
4. Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi Công ty hoạt động	100%	100%
5. Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty	100%	100%
6. Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ	100%	100%
7. Báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về Môi trường/Kinh tế và Xã hội	100%	100%
8. Cung cấp thông tin liên hệ trên trang Web hay BCTN để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	100%	100%
9. Công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho Nhân viên	100%	100%
10. Công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho Nhân viên	100%	100%
11. Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn	100%	100%
12. Chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các BLQ về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang Web hoặc báo	100%	100%
13. Chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên, cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp, không phù hợp đạo đức.	100%	100%

13 Tiêu chí về Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan mà GEC đáp ứng tốt trở lại năm 2020, đạt 100%.

Nội dung chi tiết	Điểm 2020	Điểm 2019	Nội dung chi tiết	Điểm 2020	Điểm 2019
1. Thông tin về CĐ có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên	100%	100%	15. Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán	100%	100%
2. Công bố chi tiết về Công ty mẹ, con, liên kết, liên doanh và có mục đích đặc biệt (SPE)/SPV	100%	100%	16. Báo cáo quý	100%	100%
3. Mục tiêu của Công ty	100%	100%	17. Website Công ty	100%	100%
4. Chỉ số hiệu quả tài chính	100%	100%	18. Đánh giá của chuyên gia phân tích	100%	100%
5. Chỉ số hiệu quả phi tài chính	100%	100%	19. Thông tin trên phương tiện truyền thông, họp báo	100%	100%
6. Chính sách cổ tức	100%	100%	20. BCTC năm kiểm toán được công bố trong 120 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính	100%	100%
7. Chi tiết tiểu sử của Thành viên HĐQT	100%	100%	21. BCTN công bố trong 120 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính	100%	100%
8. Chi tiết về tham gia của mỗi Thành viên trong các cuộc họp HĐQT	100%	100%	22. Sự trung thực hợp lý của BCTC năm được Thành viên HĐQT hoặc Điều hành có thẩm quyền khẳng định	100%	100%
9. Tổng thù lao của mỗi Thành viên HĐQT	100%	100%	23. BCTC Quý gần nhất	100%	100%
10. Tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ với quy tắc QTCT và nếu không tuân thủ, giải thích lý do	100%	100%	24. Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	100%	100%
11. Công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch BLQ trọng yếu	100%	100%	25. BCTN có thể được tải về	100%	100%
12. Công bố tên BLQ, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi giao dịch trọng yếu	100%	100%	26. Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bất thường	100%	100%
13. Công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do NNB thực hiện	100%	100%	27. Biên bản họp ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bất thường	100%	100%
14. Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công khai	100%	100%	28. Điều lệ Công ty có thể được tải về	100%	100%
			29. CBTT tin liên hệ của cán bộ chịu trách nhiệm về Quan hệ NĐT.	100%	100%

29 Tiêu chí về CBTT và minh bạch mà GEC đáp ứng tốt trở lại năm 2019, đạt 91%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÀ NGUYỄN THÙY VÂN

HĐQT : Thành viên độc lập
18/9/2018 - Nay
UBKT : Chủ tịch 18/9/2018 - Nay

- Nữ, 40 tuổi, Việt Nam

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán

- 16 năm Quản trị và Điều hành Tài chính, Đầu tư và Kế toán Kiểm toán

- Điều hành UBKT thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát; nâng cao tính độc lập, tính bao quát của HĐQT; tham mưu các công tác Quản trị độc lập

ÔNG PHẠM HỒNG DƯƠNG

HĐQT : Thành viên độc lập
12/6/2020 - Nay
UBKT : Thành viên 3/8/2020 - Nay

- Nam, 46 tuổi, Việt Nam

- Kỹ sư hóa, Thạc sỹ Quản trị Sản xuất, Thạc sỹ Kinh tế Nông nghiệp

- 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành, giữ vai trò Lãnh đạo cấp cao tại các Công ty chuyên về Sản xuất

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động để đảm bảo mục tiêu đã đề ra của UBKT

BÀ PHẠM THỊ KHUÊ

HĐQT : Thành viên độc lập
12/6/2020 - Nay
UBKT : Không

- Nữ, 37 tuổi, Việt Nam

- Cử nhân Kinh tế Đông Nam Á, Thạc sỹ Châu Á học

- 14 năm Điều hành Vận hành, Truyền thông - Tiếp thị trong lĩnh vực Bất động sản, Thương mại...

- Tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD, đảm bảo các rủi ro được kiểm soát

Bên cạnh tính chủ động trong việc nắm bắt định hướng của Chính phủ về phát triển NLTT thông qua chiến lược phát triển 5 năm đến 2020 cũng như 5 năm tiếp theo đến 2025, GEC cũng đặc biệt chú trọng đến công tác QTCT theo chuẩn mực và thông lệ tốt trên thị trường. HĐQT đã không ngừng hoàn thiện hệ thống Quản trị, Giám sát và hỗ trợ Điều hành, theo đúng các Quy định trong nước như NĐ 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017, TT 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hiệu lực từ năm 2021; cũng như những tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của IFC và UBCKNN ban hành vào tháng 8/2019, Thẻ điểm QTCT ASEAN SCORECARD 2017, 2019 nhằm tăng cường tính minh bạch và sự liêm chính đối với CĐ, NĐT và các BLQ.

Sự đa dạng trong về kiến thức, kinh nghiệm, hành vi, khía cạnh văn hóa, tuổi và giới tính trong HĐQT là vô cùng quan trọng vì nó cho phép Công ty tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm làm cho việc ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn. Để thúc đẩy nhận định độc lập của các Thành viên HĐQT và sự minh bạch của hệ thống Quản trị, Công ty phải có ít nhất 1/3 là Thành viên HĐQT độc lập theo Bộ Nguyên tắc QTCT thông lệ tốt nhất năm 2019 và 50% Thành viên HĐQT độc lập theo ASEAN SCORECARD 2019. Trong năm 2020,

với việc bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Dương và Bà Phạm Thị Khuê trở thành Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 12/6/2020, GEC đã nâng số lượng Thành viên độc lập lên 3/5, chiếm 60% trong khi năm 2019 chỉ là 33% và theo tiêu chuẩn cũng chỉ duy trì ở mức 50%. Việc bổ nhiệm này thể hiện tính chủ động của GEC trong công tác Quản trị, không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn về tính phong phú, mà còn nâng cao tầm quan trọng, tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng về giới với 40% Thành viên HĐQT nữ trong hệ thống Quản trị, 67% Thành viên HĐQT nữ độc lập thay vì chỉ 30% theo chuẩn. GEC đảm bảo không có một hoặc một nhóm Thành viên HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của Cơ quan Lập pháp. Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT cùng UBKT từng bước nỗ lực đưa GEC hướng tới những chuẩn mực Quốc tế trong hệ thống Quản trị, Giám sát, Kiểm soát, Kiểm toán, Điều hành minh bạch và hiệu quả. Các Thành viên HĐQT độc lập tại GEC đều có trên 14 năm kinh nghiệm Quản trị hoặc Điều hành trong nhiều Ngành nghề khác nhau như Tài chính, Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Đầu tư, Kế toán Kiểm toán, Nông nghiệp, Bất động sản...; đủ khả năng chuyên môn cũng như kinh nghiệm để tham gia hiệu quả vào các thảo luận và ra quyết định của HĐQT; thực hiện vai trò trách nhiệm ở mức cao nhất có thể cũng như có những đóng góp thiết thực cho việc lãnh đạo và hỗ trợ UBKT.

NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT CỦA HĐQT ĐỘC LẬP TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, các Thành viên HĐQT độc lập phản ánh được tính độc lập nhất định, không xảy ra các trường hợp thiên vị trong quá trình ra quyết định cũng như các hoạt động giám sát, là bước đệm xây dựng thêm lòng tin đối với CĐ hiện hữu và thu hút NĐT mới, đặc biệt là các Quỹ nước ngoài. Thành viên HĐQT độc lập còn bảo đảm tính khách quan trong từng vấn đề cần ra quyết định, đặc biệt hiệu quả trong các tình huống có xung đột lợi ích. Từng Thành viên đảm nhận vai trò, trách nhiệm của người giám sát độc lập đối với các hoạt động của ĐH, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của toàn bộ CĐ, không tổn tại sự phân biệt. Các Thành viên hoạt động gắn liền với phân công chi tiết trong Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và đặc biệt là Điều lệ của HĐQT liên quan đến Quản trị, Giám sát, Kiểm soát và Kiểm toán.

- Hỗ trợ HĐQT thực hiện QTCT hiệu quả và minh bạch bằng cách cải thiện các vấn đề liên quan đến những mục tiêu QTCT**
 - Giám sát rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản Quản trị nội bộ phù hợp với mô hình Công ty
 - Triển khai hoàn thiện QTCT theo Bộ nguyên tắc Quản trị mới nhất: Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT nhằm đảm bảo chính sách QTCT được thực hiện cả về chức năng và hình thức; đồng thời đảm bảo tuân thủ bộ QCUX
- Định hướng, giám sát công tác phối hợp giữa HĐQT, ĐH và KTNB trong việc triển khai các NQ của ĐHĐCĐ và HĐQT**
 - Giám sát hoạt động thực hiện DA nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và nguồn lực phân bổ
- Giám sát công tác CBTT**
 - Giám sát cải thiện CBTT bằng tiếng Anh trên trang Web của Công ty, các ấn phẩm, các kênh truyền thông cho CĐ, NĐT theo đúng quy định của Pháp luật, bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính
- Giám sát và Kiểm soát BCTC**
 - Giám sát việc lập BCTC phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và các quy định Việt Nam hiện hành đi kèm việc CBTT minh bạch và kịp thời
- Giám sát giao dịch các BLQ**
 - Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các BLQ, đảm bảo tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty; đảm bảo giao dịch BLQ được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường
- Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập**
 - Đảm bảo phù hợp yêu cầu về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian và chất lượng, độc lập, không xung đột lợi ích.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BDH TRONG NĂM 2020

Mục tiêu

SONG HÀNH CÙNG HĐQT VÀ BDH ĐỂ CÁC CẤP CÓ THỂ ĐƯA RA NHỮNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG BẰNG, KHÔNG GÂY XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH GIỮA CÁC BLQ, TẠO RA ĐỐI TRỌNG ĐỂ HÀI HÒA LỢI ÍCH GIỮA CÁC NHÓM CĐ

TIẾP TỤC ĐƯA RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HỮU HIỆU CHO HOẠT ĐỘNG KTNB NHẦM ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG KTNB PHÁT HUY TỐT VAI TRÒ LÀ TUYẾN PHÒNG THỦ THỨ 3 CỦA GEC, GIẢM THIỂU ĐẾN MỨC THẤP NHẤT CÁC RỦI RO, THỰC HIỆN QTRR LÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của HĐQT và BDH

HĐQT đã có những định hướng đúng đắn, nhằm thúc đẩy HĐKD của Công ty

HĐQT đã đưa ra các quyết định và các chỉ đạo kịp thời, tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, tạo điều kiện cho BDH thực hiện nhiệm vụ

Công ty đã ban hành 49 NQ và 5 QĐ của HĐQT. Các NQ và QĐ của HĐQT đều được sự thống nhất cao của các Thành viên HĐQT qua các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT tập trung vào việc triển khai NQ của ĐHĐCĐ và được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại LDN và Điều lệ của Công ty

HĐQT đã thực hiện tốt chức năng Quản trị; Giám sát hoạt động của BDH trong việc thực hiện NQ của ĐHĐCĐ

BDH đã triển khai kịp thời các Chỉ thị, QĐ của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Quy chế tổ chức hoạt động Công ty và LDN

Công ty gần như hoàn thành kế hoạch về Doanh thu và Lợi nhuận thông qua tại ĐHĐCĐ. Theo số liệu BCTC năm 2020 kiểm toán bởi PwC, DTT và LNTT lần lượt đạt 1.493 tỷ đồng và 309 tỷ đồng, tăng 29% và 2% so với cùng kỳ

BDH quyết định thoái vốn thành công tại Công ty có NM Thủy điện công suất nhỏ, hoạt động chưa hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các DA lớn, hứa hẹn đem lại hiệu quả kinh doanh cao. GEC đã bán hết toàn bộ 588.000 cổ phần, chiếm 65,33% VDL tại GBC trong năm 2020

Công ty hoàn tất BSQH 5 DA Điện Gió Tân Phú Đông 1 và 2 - 150 MW; la Bang 1 - 50 MW; V.PL 1 và 2 - 60 MW và tiếp tục BSQH các DA Điện Mặt trời tại Đồng Nai, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Định với tổng công suất 846 MWp cũng như cụm DA Điện Gió tại Tiền Giang có công suất 298 MWp

Công ty đang triển khai xây dựng 3 DA Điện Gió V.PL 1 Bến Tre 30 MW, la Bang 1 Gia Lai 50 MW, dự kiến vận hành thương mại trước tháng 11/2021 và DA Tân Phú Đông 2 50 MW dự kiến COD từng phần từ tháng 11/2021.

Danh mục 13 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái hiện hữu vận hành ổn định, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

So kế hoạch

Tốt

Tốt



Ban Lãnh đạo UBKT và Trưởng KTNB tại GEC

ỦY BAN KIỂM TOÁN KẾT HỢP TRÁCH NHIỆM GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

NĂM 2020, ỦY BAN KIỂM TOÁN TIẾP TỤC VAI TRÒ HỖ TRỢ, TƯ VẤN, GIÁM SÁT VÀ THAM MƯU, ĐÓNG GÓP VÀO HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Được thành lập từ ngày 18/9/2018, UBKT luôn đảm bảo đầy đủ nguồn lực và thẩm quyền để các hoạt động KSNB phù hợp được duy trì. GEC tuân thủ mọi Luật pháp và quy định liên quan đặc biệt là đạo đức kinh doanh và các quy chế nội bộ. Đáp ứng chuẩn mực mà IFC khuyến nghị trong Bộ Quy tắc QTCT mới nhất năm 2019, cơ cấu UBKT của GEC với 3 Thành viên không Điều hành và đa số là Thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban hiện là nữ, chiếm 33%. Cơ cấu này hoàn toàn đảm bảo tính độc lập trong hoạt động Kiểm tra, Giám sát. Ngoài ra, các kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực KTNB, Kiểm soát, Kế toán, Tài chính đặc biệt là các chuẩn mực kế toán IFRS, VAS đã hỗ trợ các Thành viên trong công tác tư vấn, tham mưu những vấn đề trọng yếu đạt hiệu quả cao, tối thiểu hóa rủi ro, tối đa hóa giá trị cho Công ty cũng như các BLQ. Từ khi thành lập đến nay, Ủy ban có sự thay đổi về Nhân sự nhưng nguồn lực đã được bổ sung kịp thời và hoạt động với trách nhiệm cao nhất, trong đó vị trí Chủ tịch Ủy ban vẫn không thay đổi trong suốt hơn 2 năm qua.

Ngoài ra, chức năng KTNB cũng được phát huy để tính khách quan và tư vấn độc lập được duy trì nhằm cải tiến hoạt động cũng như gia tăng giá trị của GEC. Trưởng KTNB báo cáo trực tiếp lên UBKT, việc bổ nhiệm miễn nhiệm cũng được UBKT phê duyệt theo đúng tinh thần khuyến nghị của IFC và các Cơ quan Quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động chứng khoán. Với quy mô hoạt động và đặc thù Ngành, Công ty không có nhu cầu cấp thiết phải thành lập Ủy ban QLRR, theo đó UBKT được trao quyền kết hợp trách nhiệm Giám sát, kiểm toán và QLRR, đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty được quản lý phù hợp. UBKT thay mặt HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, Kiểm soát và Giám sát hiệu quả của hệ thống KSNB.

Trong năm qua, với sự tham gia kiểm soát độc lập của UBKT, hoạt động của GEC minh bạch hơn, thể hiện tính trung thực trong chính sách bảo vệ quyền lợi các BLQ, trong đó có CĐ và NĐT; giảm thiểu rủi ro gian lận; gia tăng hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao giữa các Đơn vị phát triển NLTT quy mô lớn xuất hiện trên thị trường. Trong năm 2020, UBKT đã tiến hành 4 lần họp được ghi nhận trong Biên bản họp, nhiều hơn yêu cầu tối thiểu 2 lần/năm và 3 lần trong năm 2019. Trong đó, 3/4 cuộc họp đều có từ 2/3 số Thành viên UBKT dự họp theo quy định tại Điều lệ UBKT đã ban hành; 1 cuộc họp có 1/3 Thành viên UBKT tham dự chưa đủ điều kiện để cuộc họp được tiến hành, tuy nhiên do thời điểm tổ chức họp, UBKT chưa được bổ sung Thành viên mới, và để đảm bảo hoạt động KTNB được báo cáo và xử lý kịp thời nên Chủ tịch UBKT quyết định tổ chức cuộc họp như định kỳ. Bên cạnh đó là việc các Thành viên chủ động trao đổi trực tiếp hoặc qua thư điện tử, điện thoại để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh đột xuất, tránh kéo dài thời gian giải quyết vấn đề và gây ảnh hưởng đến các cơ hội kinh doanh của Công ty.



STT	Họ và tên	HĐQT	UBKT	Thời gian	Thông tin chi tiết
1	Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên độc lập	Chủ tịch	18/9/2018 - Nay	Năng lực HĐQT trang 21
2	Ông Deepak C.Khana	Thành viên không Điều hành	Thành viên	3/8/2020 - Nay	Năng lực HĐQT trang 20
3	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên độc lập	Thành viên	3/8/2020 - Nay	Năng lực HĐQT trang 21

Ngày họp	Nội dung
Quý 1/2020 3/1/2020	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT trong Quý 4/2019; Đánh giá tình hình SXKD trong Quý 4/2019; Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các BLQ; Thảo luận về công tác KTNB trong Quý 4/2019 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý tiếp theo: Rà soát BCTC Tháng, Quý; Kiểm tra hoạt động, kiểm toán tuân thủ các Đơn vị nhằm đảm bảo các hoạt động trong khuôn khổ; Đánh giá tình hình tài chính Ngành Năng lượng.
Quý 1/2020 10/1/2020	<ul style="list-style-type: none"> Trao đổi thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch của Phòng KTNB: Mục tiêu 2020; Kế hoạch hành động 2020; Kế hoạch định biên 2020; Kế hoạch ngân sách 2020
Quý 2/2020 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận các vấn đề, nội dung: Trình bày trên Báo cáo UBKT tại ĐHĐCĐ thường niên 2019 và Báo cáo Cam kết tình trung thực, hợp lý của các thông tin trên BCTN 2019; Thảo luận về công tác KTNB trong Quý 1/2020 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý 2/2020: Kiểm tra hoạt động CTPC Điện TTC Đức Huệ - Long An; Rà soát công tác tham mưu phê duyệt các gói thầu DA Alin B1; Rà soát các nội dung bài viết trong BCTN; Rà soát việc trình bày BCTC trên ERP với BCTC đã CBTT; Rà soát hiệu chỉnh VBLQ của Phòng Quản lý hệ thống; Rà soát công tác kiểm soát chi phí QLDN tháng 3/2020; Rà soát BCTC Tháng, Quý; Rà soát giao dịch BLQ và số dư tài khoản tạm ứng
Quý 3/2020 10/7/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận về công tác KTNB trong Quý 2/2020 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý 3/2020: Kiểm tra hoạt động kiểm toán tuân thủ các Đơn vị nhằm đảm bảo các hoạt động trong khuôn khổ; Rà soát Báo cáo hoạt động GEC 8 tháng 2020 và theo dõi tương quan với nhân sự; Rà soát tiến độ thực hiện công tác sửa chữa và hồ sơ quyết toán sửa chữa các NM Thủy điện trong GEC Group; Rà soát công tác xử lý Máy cán xà gồ tại GEC; Tư vấn về việc ứng dụng Robot Lau pin tại NM Điện Mặt trời của GEC Group; Rà soát Báo cáo QTCT 6 tháng đầu năm 2020; Rà soát BCTC Tháng, Quý.

ỦY BAN KIỂM TOÁN KẾT HỢP TRÁCH NHIỆM GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

TRONG NĂM 2020, UBKT GEC ĐÃ THỰC HIỆN TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC THEO ĐIỀU LỆ UBKT, ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC KHUYẾN NGHỊ CỦA IFC VÀ CƠ QUAN BAN NGÀNH TRONG BỘ QUY TẮC QTCT MỚI NHẤT VỚI 8 TRÁCH NHIỆM TRỌNG TÂM, ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT XUYỀN SUỐT VÀ HIỆU QUẢ

Công việc	Thực hiện	Kết quả
Giám sát hoạt động Công ty, HĐQT và BDH	<ol style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động của HĐQT theo NQ ĐHĐCĐ; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Giám sát hoạt động của BDH triển khai kế hoạch, hành động theo NQ HĐQT Giám sát tính tuân thủ hoạt động Công ty theo Điều lệ, Pháp luật hiện hành, Quy định nội bộ 	<ol style="list-style-type: none"> Nghi quyết ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đầy đủ và đúng định hướng Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của BDH; Hoạt động của GEC tuân thủ theo quy định Pháp luật Tăng cường hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc gia tăng số lượng Thành viên độc lập, làm rõ và thúc đẩy nghĩa vụ từng Thành viên theo phân công trách nhiệm
Thẩm định BCTC và giám sát CBTT	<ol style="list-style-type: none"> Thẩm định BCTC Bán niên Soát xét và Kiểm toán Năm, soát xét BCTC Quý, Tháng Công tác CBTT đảm bảo tuân thủ các quy định tại TT 155 Hướng dẫn CBTT trên TTCK và Quy chế CBTT số 340/QĐ-SGDHCM tại HOSE 	<ol style="list-style-type: none"> BCTC trung thực, hợp lý trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, chính sách Kế toán áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC Không có vi phạm về CBTT; thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các CĐ, NĐT, Khách hàng và Đối tác
Giám sát, duy trì và hoàn thiện hệ thống KSNB, QTRR	<ol style="list-style-type: none"> Rà soát VBLQ hiện hành; tham mưu, đề xuất cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo hoạt động vận hành ổn định, hiệu quả, phòng tránh rủi ro Đánh giá tính tuân thủ, hiệu quả trong công tác thực thi hệ thống KSNB 	<ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ, tăng cường các chốt kiểm soát để nhận diện và phòng tránh rủi ro Đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của hệ thống KSNB, nâng cao hiệu quả hoạt động QICT
Giám sát hoạt động Phòng KTNB	<ol style="list-style-type: none"> Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán Đánh giá kết quả và chất lượng hoạt động của KTNB Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự về chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc 	<ol style="list-style-type: none"> Hoạt động kiểm toán bám sát theo kế hoạch xây dựng ban đầu và có những thay đổi phù hợp để ứng phó với tình hình Dịch bệnh Covid Hoạt động KTNB khách quan và tư vấn độc lập Các cuộc kiểm tra hoạt động, rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc dựa trên tinh thần đóng góp và xây dựng cho hoạt động của GEC và các CTTV trong GEC Group
Giám sát hoạt động Phòng Kiểm toán độc lập	<ol style="list-style-type: none"> Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty Kiểm toán với các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty Kiểm toán độc lập về kết quả thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC và các ý kiến trong Thư tư vấn 	<ol style="list-style-type: none"> Kiểm toán BCTC luôn đạt tính độc lập, khách quan Nâng cao sự tin nhiệm của CĐ, NĐT, uy tín và hình ảnh GEC; minh bạch và tăng độ tin cậy cho người sử dụng thông tin
Giám sát giao dịch các BLQ	<ol style="list-style-type: none"> Thường xuyên rà soát giao dịch các BLQ Đánh giá, rà soát trình bày và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các BLQ 	<ol style="list-style-type: none"> Công bằng trong các giao dịch, không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ Các giao dịch luôn được thực hiện minh bạch trên cơ sở giá thị trường, tuân thủ theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy định giao dịch BLQ

Đánh giá với kế hoạch

TỐT

NĂM 2021, ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐẶT NHỮNG MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ, TIẾP TỤC NÂNG CAO HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ TƯ VẤN, GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

<p>Giám sát hoạt động Công ty, HĐQT và BDH</p> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và BDH theo quy định của LDN, Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cần trọng trong quản lý Điều hành, hoạt động tác nghiệp đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác QTDN phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Nỗ lực đáp ứng nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất 	<p>Thẩm định BCTC và giám sát CBTT</p> <ol style="list-style-type: none"> Giám sát việc lập và trình bày BCTC tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành Thực hiện thẩm định các BCTC trước khi phát hành và CBTT Giám sát, đánh giá chế độ kế toán áp dụng tại Công ty và các CTTV sau khi hoàn tất công tác M&A Duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập thường xuyên, giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC Giám sát CBTT theo đúng quy định 	<p>Giám sát, duy trì và hoàn thiện hệ thống KSNB, QTRR</p> <ol style="list-style-type: none"> Xem xét, giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống KSNB; giám sát công tác ban hành, triển khai các VBLQ; đánh giá tính tuân thủ và tính hiệu quả của các chốt kiểm soát thuộc VBLQ trong công tác thực thi các văn bản đã ban hành Tham mưu, tư vấn với HĐQT về hệ thống KSNB; tăng cường tính hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích Công ty Xem xét, đánh giá hiệu quả của QTRR bao gồm Rủi ro chiến lược; chính sách, pháp lý, tuân thủ; lái suất, thanh khoản; vận hành sản xuất; an toàn thông tin và môi trường, xã hội
<p>Giám sát hoạt động KTNB</p> <ol style="list-style-type: none"> Thay mặt HĐQT giám sát các hoạt động KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty Đánh giá kết quả hoạt động của KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB hiệu quả và độc lập bằng cách xem xét các kết quả của bất kỳ cuộc kiểm tra chất lượng nào cũng như những phản hồi từ BDH và Kiểm toán bên ngoài Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc 	<p>Giám sát giao dịch các BLQ</p> <ol style="list-style-type: none"> Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các BLQ, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và giao dịch BLQ Đánh giá giao dịch với các BLQ để xem xét liệu các giao dịch có được thực hiện trên cơ sở giá thị trường và khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc CĐ 	<p>Duy trì mối quan hệ với BDH</p> <ol style="list-style-type: none"> Tăng cường các buổi làm việc, trao đổi BDH về các vấn đề chưa chuẩn hóa tại Đơn vị để đốc thúc giải quyết và xử lý kịp thời Đảm bảo BDH được cung cấp đầy đủ các thông tin từ UBKT đối với các quyết định quan trọng.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO 3 TUYẾN PHÒNG VỆ

Năm 2020, GEC tiếp tục hoàn thiện khung QTRR theo mô hình Quản trị "Ba tuyến phòng vệ" khi hoạt động này đang nỗ lực thực hiện vai trò của 3 lớp phòng vệ một cách hiệu quả, từ góc nhìn đến chuỗi hành động phù hợp thông lệ tốt về QTRR. Mục tiêu là đảm bảo các sáng kiến QTRR không chỉ thích hợp với tính đặc thù Ngành, hệ thống QTRR mang tính khoa học mà còn hướng đến quy tắc hoạt động liên tục của GEC. Mỗi tuyến phòng vệ được quy định vai trò cụ thể với trách nhiệm rõ ràng và các tuyến cùng phối hợp trong việc nhận diện, đánh giá và phản ứng với rủi ro. Khung QTRR tại GEC được áp dụng dựa trên các quy tắc minh bạch, gắn kết với trách nhiệm giải trình của BLĐ và hoạt động giám sát của các Đơn vị độc lập. Hoạt động QTRR luôn được xem là một cấu phần không thể tách rời của chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh với sự kết hợp sâu sát của các cấp. GEC hiện nay chưa thành lập riêng Ủy Ban QLRR, tuy nhiên UBKT trực thuộc HĐQT đã thực hiện kết hợp trách nhiệm Kiểm soát độc lập, Giám sát Kiểm toán và QTRR, vẫn đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của GEC được Giám sát và Quản trị hợp lý. Mô hình đang sử dụng cũng hoàn toàn phù hợp với quy mô của GEC cũng như môi trường kinh doanh của Ngành.

TẦM NHÌN, SỨ MẠNG

QTRR của GEC hướng đến một khung QTRR hoàn chỉnh, được thiết kế nhằm nhận diện những sự kiện có khả năng ảnh hưởng tới Công ty. Quản lý các rủi ro trong khả năng chấp nhận, biến rủi ro thành cơ hội để đưa ra những quyết sách kịp thời, hợp lý để đảm bảo những mục tiêu của Doanh nghiệp. Hệ thống QLRR của GEC đang từng bước hoàn thiện để đáp ứng các mục tiêu trọng yếu:

- Tăng cường công tác QTDN, thông tin các rủi ro trọng yếu và các biện pháp cần thực hiện
- Hỗ trợ hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra thông qua các công cụ QTRR
- Xây dựng lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của NĐT và các BLQ
- Tối ưu nguồn lực Doanh nghiệp sử dụng cho quản lý và xử lý các rủi ro chính
- Tối ưu tương quan chi phí, lợi nhuận và rủi ro.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM

QTRR cần thực hiện có quy tắc và nhất quán trong hoạt động quản lý Điều hành để Ban Lãnh đạo các cấp tại GEC xác định trọng tâm, thiết lập chính sách, cơ chế Điều hành, cải thiện các công cụ định lượng rủi ro, tăng cường trách nhiệm Quản lý rủi ro và tạo điều kiện cho việc nhận diện kịp thời các thay đổi trong danh mục rủi ro. Để hoạt động QTRR hiệu quả thì cần phải xác định rõ vai trò, trách nhiệm và đặc biệt là sự phối hợp có nguyên tắc trong Công ty liên quan đến các vấn đề về rủi ro. Nếu sự hợp tác giữa các bên thiếu đầy đủ có thể dẫn đến khó khăn trong phát hiện và quản lý kịp thời các rủi ro xảy ra. Nguyên tắc "3 tuyến phòng vệ" cung cấp cách tiếp cận hiệu quả, tăng cường sự trao đổi giữa QTRR và kiểm soát thông qua việc làm rõ vai trò và nhiệm vụ của các BLQ.

1 Tuyến phòng vệ thứ nhất

Trưởng Đơn vị các Phòng ban Phát hiện và Quản lý rủi ro:

- Tuyến này gồm các bộ phận chức năng kinh doanh và bộ phận chức năng hỗ trợ
- Các Trưởng Bộ phận tuyến phòng vệ thứ nhất có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình chi tiết, kiểm soát và giám sát việc thực hiện quy trình

2 Tuyến phòng vệ thứ hai

Ban Điều hành Theo dõi và Giám sát rủi ro:

- Tuyến này có trách nhiệm Quản lý rủi ro chung cho hoạt động Công ty và tuân thủ
- Tuyến được thiết lập để củng cố, xây dựng và giám sát Tuyến phòng vệ thứ nhất và đảm bảo Tuyến phòng vệ thứ nhất đã được thiết kế phù hợp về quy trình, biện pháp kiểm soát và hoạt động đúng định hướng
- Tuyến phòng vệ thứ hai có thể tham gia vào việc sửa đổi và xây dựng hệ thống QTRR, kiểm soát hoạt động nội bộ và tham gia hỗ trợ Tuyến phòng vệ thứ nhất

3 Tuyến phòng vệ thứ ba

Kiểm toán nội bộ Thực hiện hoạt động giám sát:

- Đảm bảo kiểm tra, giám sát độc lập đối với Tuyến phòng vệ thứ nhất và thứ hai
- Thực hiện hoạt động KTNB, báo cáo trực tiếp cho HĐQT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro.

MÔ HÌNH, CẤU TRÚC QUẢN LÝ RỦI RO

3 Cấp độ tham gia

- HĐQT và BDH:** Xây dựng môi trường kiểm soát toàn diện
- Cấp quản lý nghiệp vụ:** Xây dựng giải pháp, phương pháp quản lý phù hợp
- Nhân viên:** Vận hành, tác nghiệp, thực thi, hành động theo chuẩn.

QTRR tốt hỗ trợ GEC kiểm soát và hạn chế thấp nhất thiệt hại khi rủi ro xảy ra thông qua việc kịp thời triển khai các giải pháp ứng phó đã được chuẩn bị trước đó. QTRR tốt còn là nghệ thuật làm chủ rủi ro khi biến rủi ro thành các cơ hội tăng trưởng. QTRR được gắn vào hệ thống, quy trình vận hành, văn hóa và giá trị GEC, nhằm mục tiêu tối đa hóa giá trị cho các CĐ, đồng bộ chiến lược cũng như các hoạt động vận hành của GEC. GEC luôn hướng tới việc hoàn thiện QTRR với mô hình khung QTRR theo thông lệ tốt gồm 5 cấu phần chính: Chiến lược QTRR; Cấu trúc QTRR; Chính sách, thủ tục, báo cáo; Công cụ QTRR; Công nghệ thông tin.

4 Mục tiêu đảm bảo

- Hệ thống KSNB:** Được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro
- Bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản, nguồn lực và các hoạt động khác:** Thực hiện một cách an toàn, hiệu quả
- Hệ thống thông tin tài chính và quản lý:** Trung thực, đầy đủ, kịp thời
- Hoạt động SXKD:** Tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành; quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO 3 TUYẾN PHÒNG VỆ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ QUẢN LÝ CÁC RỦI RO TRONG NĂM 2020 VÀ 2019

Năm 2020, Đại dịch Covid-19, chiến tranh thương mại diễn ra trên toàn cầu... đã tạo ra hàng loạt sự thay đổi trong hoạt động của hầu hết doanh nghiệp. Hơn lúc nào hết, QLRR thật sự thể hiện được tầm quan trọng trong việc vận hành mỗi Quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Các doanh nghiệp Việt Nam năm qua cũng phải đối mặt với nhiều biến động trọng yếu liên quan đến môi trường, kinh tế và xã hội. GEC không ngoại lệ, mặc dù Ngành Năng lượng ít bị ảnh hưởng trong bối cảnh chung của Đại dịch nhưng vẫn có những rủi ro nhất định liên quan đến hoạt động của Công ty. Việc xây dựng và cải thiện nền tảng QTRR chuẩn mực trong nhiều năm liền trước cũng như 3 tuyến phòng vệ được phối hợp chặt chẽ, năm 2020 GEC nhận diện được 6 rủi ro trọng yếu cũng như tiềm ẩn được đánh giá từ cao xuống thấp với những giải pháp hiệu cụ thể đi kèm. Sự khác biệt về thứ tự trọng yếu của các rủi ro trong năm 2020 và 2019 chứng minh tính ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài lên HDKD của GEC cũng như định hướng QTRR đi kèm.

Mô tả rủi ro	Giải pháp	Đánh giá 2020	Đánh giá 2019
<p>RỦI RO CHIẾN LƯỢC</p> <ul style="list-style-type: none"> Trong bối cảnh các doanh nghiệp đầu tư ồ ạt vào NLTT để hưởng giá điện ưu đãi các năm gần đây phát sinh các rủi ro như hệ thống truyền tải điện phát triển chưa đồng bộ, tình trạng cắt giảm công suất... 	<ul style="list-style-type: none"> GEC đang thực hiện chiến lược "Đến năm 2025, GEC trở thành tổ chức tư nhân dẫn đầu về NLTT tại Việt Nam", "Tối đa hóa nguồn Năng lượng Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Điện Sinh khối, đáp ứng nhu cầu về giải pháp Năng lượng sạch; phục vụ cộng đồng; bảo vệ môi trường; phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng" GEC đang tận dụng lợi thế là Nhà tiên phong trong Ngành NLTT ở từng lĩnh vực tham gia GEC phân tích, đánh giá, nắm bắt các giai đoạn tăng trưởng của Ngành trong chiến lược phát triển để lên kế hoạch cụ thể, khai thác lợi thế cạnh tranh, phát triển hợp lý trong từng thời kỳ, chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, sắp xếp, phân bổ nguồn lực một cách tối ưu để hiện thực các cơ hội, vượt qua thách thức trong quá trình hiện thực chiến lược 	Lấn đầu xuất hiện trong năm 2020 và được quan tâm hàng đầu	Chưa phát sinh
<p>RỦI RO CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ, TUẦN THỦ</p> <ul style="list-style-type: none"> GEC HDKD dưới sự chi phối của hệ thống Pháp luật Việt Nam. Những quy định, chính sách có liên quan: LDN, LCK, Luật Thuế TNDN, các Quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển Điện Mặt trời ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của GEC. Các văn bản dưới Luật một số hoạt động hiện trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động Quản trị, Điều hành và Kinh doanh của GEC GEC chịu sự ràng buộc bởi Pháp luật trong Ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật: Luật Tài nguyên nước 17/2012/QH13, Luật Phòng chống thiên tai 33/2013/QH13, Luật Bảo vệ môi trường 55/2014/QH13, ND 114/2018/NĐ-CP quản lý an toàn đập, hồ chứa nước... Rủi ro pháp lý khác trong hoạt động: Rủi ro do tranh chấp hợp đồng, rủi ro do nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ Bảo hiểm Xã hội... 	<ul style="list-style-type: none"> Để hạn chế rủi ro chính sách, pháp lý, Tổ Pháp chế GEC luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của Pháp luật Việt Nam, những chuẩn mực đang thực hiện trên thế giới để đánh giá ảnh hưởng từ các văn bản Pháp luật mới Thông qua kênh thông tin nội bộ, văn bản Pháp luật mới được cập nhật định kỳ đến toàn thể Khối/Phòng Ban trong Công ty đảm bảo nắm bắt được các thay đổi của Pháp luật để có những bổ sung, cập nhật, hiệu chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ và điều chỉnh hoạt động thực tế để phù hợp với sự thay đổi Tổ Pháp chế phát huy tính chủ động trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và công tác tư vấn; rà soát, thực hiện các vấn đề pháp lý trên tất cả các mảng hoạt động GEC nhận được sự quan tâm của các Cơ quan Quản lý Nhà nước như Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông qua các cuộc kiểm tra định kỳ, GEC sẽ hoàn thiện các hoạt động, đảm bảo tính tuân thủ Pháp luật thông qua kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định trên Tổ Pháp chế thực hiện tham mưu, tư vấn, phối hợp với các Công ty, Văn phòng Luật chuyên nghiệp để nhận tư vấn, hỗ trợ vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động SXKD Trong công tác lập quy, hợp đồng ký kết với các đối tác, Tổ Pháp chế tham gia với vai trò thẩm định, góp ý soạn thảo VBLQ và rà soát các điều khoản hợp đồng đảm bảo hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác Quản trị, Điều hành và tác nghiệp hàng ngày. Lớp phòng vệ thứ 2, 3 cũng thường xuyên đánh giá tính tuân thủ các quy định của Pháp luật và nội bộ đảm bảo thượng tôn Pháp luật và hoạt động cải tiến được thực hiện liên tục nếu các quy định cũ trở nên lỗi thời 	Rủi ro thứ hai	Rủi ro cao nhất
<p>RỦI RO VẬN HÀNH SẢN XUẤT</p> <ul style="list-style-type: none"> Lãi suất cho vay phổ biến từ 5-8%/năm trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn từ 5-6%/năm; lãi suất cho vay trung, dài hạn 7-8%/năm. Bên cạnh việc tăng VCSH, GEC tăng vay nợ ngắn hạn và dài hạn để bổ sung VLSH tài trợ hoạt động SXKD. Biến động về lãi suất ảnh hưởng nhất định đến kết quả HDKD của GEC. Trong năm 2020, dư nợ vay của Công ty chiếm hơn 40% trong cơ cấu nguồn vốn để đáp ứng tốc độ tăng trưởng Để đầu tư cho các DA Điện Mặt trời và Điện Gió đang triển khai đồng loạt, khi các DA chưa đến thời điểm hoàn vốn đầu tư, việc sử dụng đòn bẩy tài chính để đầu tư cho các DA khác tại GEC một mặt hưởng lợi từ lãi suất thấp, nhưng có thể gây áp lực đến dòng tiền thanh toán nợ vay, trả lãi và thanh khoản 	<ul style="list-style-type: none"> Để hạn chế ảnh hưởng của lãi suất, GEC lập kế hoạch vay và trả cụ thể cho từng khoản vay, ký kết các hợp đồng tài trợ với giới hạn biên độ dao động của lãi suất cho vay trong tầm kiểm soát, đàm phán với các đối tác kịp thời điều chỉnh phương án vốn theo tình hình của thị trường tài chính góp phần hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất Nhận biết được rủi ro và nắm bắt cơ hội tăng trưởng, GEC luôn sát sao trong công tác đánh giá tình hình tài chính theo khung nhận diện, đánh giá rủi ro tài chính để phát triển ổn định, đảm bảo dòng tiền cho HDKD và các nghĩa vụ tài chính. GEC tập trung HDKD cốt lõi là sản xuất và kinh doanh điện, đảm bảo thanh khoản và điều tiết dòng tiền hiệu quả bằng cách xây dựng kế hoạch đồng tiến, kế hoạch thu chi ngày tháng quý năm, cân đối nguồn lực tài chính qua các thời kỳ. Suất đầu tư cho các DA Năng lượng luôn đòi hỏi NĐT có tiềm lực tài chính mạnh. Tối ưu hóa tỷ trọng các khoản vay trong tổng cơ cấu vốn, thu hút, đa dạng các nguồn tài trợ, các phương án huy động vốn, mở rộng mối quan hệ Thị trường vốn trong và ngoài nước luôn được GEC chú trọng 	Rủi ro thứ ba	Rủi ro thứ hai
<ul style="list-style-type: none"> GEC có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù Ngành, dẫn đến các tổn thất thiệt hại nếu có xảy ra do sự cố không mong đợi: Sự cố lưới điện, tuyến đường dây, tấm pin Năng lượng Mặt trời, cháy nổ, hỏa hoạn, tai nạn lao động. Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng kết quả hoạt động, an toàn lao động, tính mạng con người và liên quan đến an ninh Năng lượng Quốc gia 	<ul style="list-style-type: none"> GEC có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng cách phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng đến các cấp Quản lý, Khối, Phòng Ban đảm bảo công tác kỹ thuật, vận hành ổn định, an toàn; thực hiện kiểm soát rủi ro vận hành thông qua việc soạn thảo, ban hành và tuân thủ áp dụng hệ thống VBLQ liên quan đến hoạt động sản xuất, tác nghiệp GEC nâng cao mức độ giám sát và phối kết hợp trong nhận diện, ứng phó thông qua ứng dụng CNTT trong điều độ sản xuất nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cố theo thời gian thực, giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại khi phát sinh sự cố; kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về sản xuất, định kỳ thực hiện hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để vận hành ổn định 	Rủi ro thứ tư	Rủi ro thứ ba

Mô tả rủi ro	Giải pháp	Đánh giá 2020	Đánh giá 2019
<p>RỦI RO AN TOÀN THÔNG TIN</p> <ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng CNTT trong Điều hành, quản lý của thời đại công nghiệp 4.0, các thông tin của Công ty được lưu trữ trên phần cứng và không gian mạng đảm bảo giữ vững được sự ổn định và không xảy ra đổ vỡ; góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế số phát triển bất kịp xu hướng của thế giới. Việc chia sẻ thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau qua mạng dẫn đến mối nguy về việc sử dụng, khai thác thông tin khách hàng, thông tin tài chính trái phép, có thể ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu, tổn thất danh tiếng và tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> Các NM tham gia bảo hiểm để phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại nếu có xảy ra Các khóa đào tạo vận hành, củng cố kiến thức và nhận thức của CBNV đảm bảo An toàn Lao động, vận hành được tổ chức định kỳ nhiều lần trong năm Cộng hưởng trong quá trình chuyển đổi số nhưng vẫn đảm bảo an toàn thông tin, GEC thực hành Bộ QCUX và Đạo đức nghề nghiệp, hệ thống VBLQ liên quan đến quản lý hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn chuẩn hóa, nhân sự ký cam kết bảo mật thông tin GEC xây dựng các kịch bản ứng phó rủi ro để có những phản ứng kịp thời trong xử lý và khắc phục sự cố GEC tổ chức đào tạo người dùng ớ các cấp độ trong nâng cao nhận thức An toàn An ninh mạng; nâng cao khả năng bảo mật hệ thống mạng; xây dựng ngân sách trang bị đầy đủ tường lửa, các phần mềm diệt virus để ngăn ngừa các virus máy tính, malware, worm, spyware, adware... có thể gây hại cho hệ thống máy tính GEC quản lý người dùng thông qua quyền admin, hạn chế để mức tối thiểu mã độc lan truyền từ việc người sử dụng truy cập các trang web không an toàn, lây lan qua mạng LAN, kết nối internet và gây hại đến hệ thống CNTT, nguy cơ mất dữ liệu, thông tin bảo mật quan trọng, gây thiệt hại cho hoạt động 	Rủi ro thứ năm	Rủi ro thứ tư
<p>RỦI RO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> Các DA NLTT của GEC hiện đang vận hành và phát triển mới ngoài việc đóng góp cho an ninh Năng lượng Quốc gia thì cũng có những rủi ro tác động đến môi trường, xã hội: Các tác động từ bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn và xói mòn, thay đổi thủy văn sông, các tác động đến hệ động vật... có thể bao gồm việc chuyển đổi môi trường sống và dẫn đến mất đa dạng sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> GEC luôn chú trọng công tác hoàn thiện hệ thống VBLQ, xây dựng kế hoạch ngân sách và kế hoạch hành động liên quan đến EHSS tuân thủ các quy định Pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn do IFC - 1 trong 2 CD chiến lược nước ngoài của GEC cũng như các thông lệ tốt trên thế giới Sàng lọc, phân loại, chọn lựa DA đầu tư Năng lượng đáp ứng các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn, an ninh cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững... Xây dựng, triển khai, giám sát, đánh giá, báo cáo tính tuân thủ Hệ thống Quản lý EHSS với kế hoạch hành động cụ thể xuyên suốt trong các hoạt động của GEC như cam kết Đối với GE NM, bảo đảm An toàn Lao động, Vệ sinh Môi trường cho Nhân viên thông qua những chương trình phòng chống, bảo vệ Đối với CBNV, có trách nhiệm với chính bản thân, gia đình và đồng nghiệp bằng việc tuân thủ những luật lệ và quy định về An toàn Lao động, Vệ sinh Môi trường, nhận biết và giải quyết những nguy hiểm, không gây rủi ro cho người khác Đối với Nhà thầu, trách nhiệm bảo đảm tuân thủ Chính sách về Sức khỏe và An toàn của GEC trong việc thực hiện những hạng mục của Nhà thầu như một điều khoản của Hợp đồng Trong năm 2020, GEC thực hiện lập Báo cáo E&S cho DA Điện Gió Ia Bang và Tân Phú Đông trước khi chính thức triển khai DA, đảm bảo tuân thủ cam kết về Môi trường Xã hội theo tiêu chuẩn Quốc tế. 	Rủi ro thứ sáu	Rủi ro thứ năm

MỤC TIÊU CỦA QTRR TRONG NĂM 2020 VÀ 2021

Công tác QTRR trong năm 2020

GEC nhận thức rõ tầm quan trọng của Quản lý rủi ro xuyên suốt và thống nhất, trong đó nhấn mạnh khả năng đảm bảo duy trì kinh doanh liên tục cũng như chống chịu trong khủng hoảng. GEC luôn theo đuổi mục tiêu PTBV, chủ động nỗ lực rà soát và cập nhật quy trình, thủ tục nội bộ phù hợp với tình hình thực tế và thông lệ tốt. Quản lý rủi ro hiệu quả là sự nỗ lực có tính kỷ luật và liên tục nhằm đạt được sự cải tiến phù hợp.

Các hoạt động nổi bật về QTRR trong năm 2020:

- Hiện thực các giải pháp và giám sát rủi ro trong tầm kiểm soát
- Cập nhật quy trình và quy định hiện hành nhằm nâng cao hiệu quả khi triển khai hoạt động và đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật mới ban hành
- Chiến lược của GEC và sự đầu tư vào CNTT trong những năm vừa qua được phản ánh rõ nét trong việc triển khai và vận hành hệ thống ERP, phần mềm ứng dụng trong Ngành Điện. Các Phòng Ban phối hợp chặt chẽ với Phòng CNTT để hoàn thiện từng bước triển khai các quy trình, thủ tục xác thực và cơ chế báo cáo trực tuyến hỗ trợ các hoạt động QLRR
- Thông qua các cuộc kiểm tra, rà soát thường xuyên và đột xuất để đưa ra các ý kiến tư vấn, tham mưu nhằm củng cố hệ thống VBLQ nội bộ và thực hiện hoạt động cải tiến, khắc phục các điểm chưa hoàn thiện trong công tác quản lý, vận hành
- Theo dõi tiến độ thực hiện công tác sửa chữa theo kế hoạch, tiến độ hoàn thiện các vấn đề sau khi kiểm tra
- Cập nhật thống kê các sự cố phát sinh, xây dựng bộ nhận diện rủi ro tại NM điện và có bước đánh giá, phân loại, thiết lập thời gian tiêu chuẩn xử lý sự cố phát sinh liên tục và đã có kinh nghiệm xử lý. Đối với các trường hợp phức tạp cần sự phối hợp của nhà thầu, chuyên gia, quy định cụ thể thời gian liên hệ, phản hồi ý kiến, các bước xử lý theo để xuất của bên nhà thầu, chuyên gia, để tối ưu hóa hiệu quả trong công tác xử lý sự cố
- GEC triển khai tiếp cận ISO 14001:2015 - Hệ thống Quản lý Môi trường - hỗ trợ GEC có đủ khả năng ứng phó và cân bằng giữa những biến đổi của điều kiện môi trường trong mối tương quan với kinh tế, xã hội và mục tiêu phát triển gắn với bảo vệ môi trường hiệu quả.

Mục tiêu QTRR trong năm 2021

Công tác QTRR cần trọng phù hợp với các ưu tiên chiến lược là cơ sở cho HDKD của GEC. GEC đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện công tác QTRR để hạn chế những rủi ro đã nhận biết được theo cấp độ trong năm 2020 cũng như nhận diện tính trọng yếu của các rủi ro mới sẽ xuất hiện trong năm 2021.

Trong năm 2021, GEC chú trọng tới:

- Bảo vệ sức khỏe tài chính, đảm bảo nguồn vốn được đầu tư hiệu quả nhằm hỗ trợ tăng trưởng và các HDKD
- Sự chủ động của GEC trong công tác QTRR tài chính hướng đến việc hỗ trợ chiến lược và tăng trưởng dài hạn đặc biệt trong giai đoạn 5 năm 2021-2025, nhưng không cản trở khả năng nắm bắt những cơ hội thị trường phù hợp
- Công tác phòng ngừa, loại trừ, tối thiểu hóa tổn thất cũng là một trong những mục tiêu của công tác QTRR mà GEC hướng tới
- Các quy trình, thủ tục được thực hiện bởi mỗi Đơn vị luôn được được hỗ trợ rà soát, đối chiếu với các quy định mới và thực tiễn áp dụng nhằm đảm bảo nguyên tắc hài hòa giữa chấp nhận rủi ro và tuân thủ đầy đủ
- Phát triển các ứng dụng CNTT sẽ tiếp tục được đẩy mạnh với quá trình số hóa đang triển khai
- Góp phần xây dựng chiến lược và triển khai an ninh thông tin cũng nằm trong kế hoạch hành động của GEC khi các dữ liệu, thông số hoạt động SXKD được số hóa.



SỰ GẮN KẾT GIỮA HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN

VỚI NHỮNG NỖ LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN THÔNG QUA VIỆC TRUYỀN TẢI THÔNG TIN KỊP THỜI, MINH BẠCH VÀ HIỆU QUẢ ĐẾN CĐ VÀ NĐT, TUY LÀ NĂM ĐẦU TIÊN CHUYỂN SÀN NIÊM YẾT TRỌN VẸN SANG HOSE NHƯNG GEC ĐÃ ĐÓN NHẬN NHỮNG GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG TRÊN TTCK TẠI LỄ TRAO GIẢI CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NĂM 2020.

TOP 5

DOANH NGHIỆP QTCT TỐT NHẤT NĂM 2020 - NHÓM VỐN HÓA VỪA

HOSE, HNX, BÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ DRAGON CAPITAL TRAO TẶNG

GIẢI BÁO CÁO TIẾN BỘ VƯỢT TRỘI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HOSE, HNX, BÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ DRAGON CAPITAL TRAO TẶNG

GIẢI VÀNG NGÀNH TIỆN ÍCH - NĂNG LƯỢNG

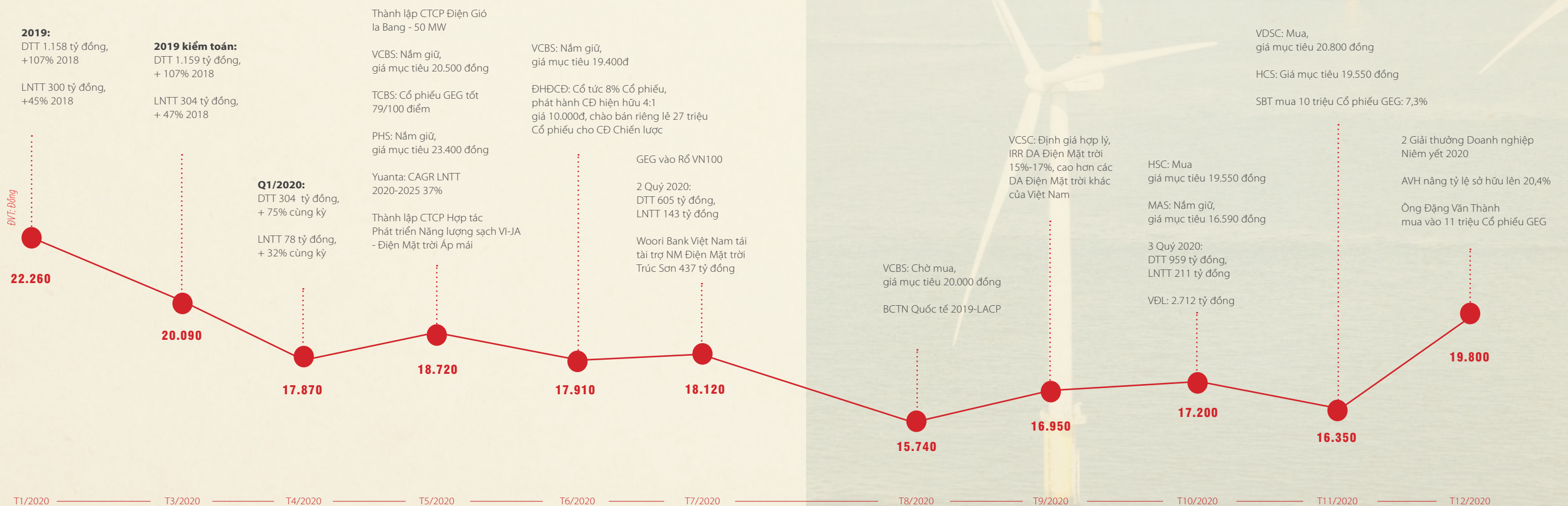
TOP 5 BCTN NHÓM QUỐC GIA VIỆT NAM

HIỆP HỘI TRUYỀN THÔNG CHUYÊN NGHIỆP HOA KỲ - LACP TRAO TẶNG

THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT NHƯNG VẪN ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CĐ VÀ NĐT

Năm 2020 dưới tác động tác động nghiêm trọng của Dịch bệnh Covid-19, CĐ và NĐT nước ngoài không thể di chuyển xuyên Quốc gia để tham dự những buổi gặp gỡ, cập nhật thông tin cũng như tìm hiểu hoạt động của doanh nghiệp. Tất cả các hội thảo NĐT trọng điểm trong năm do các CTCK lớn tổ chức đều phải dời thời hạn hoặc hủy bỏ hoặc chuyển sang hình thức trực tuyến. Bộ phận Quan hệ NĐT của GEC vẫn tích cực truyền tải thông tin trên tất cả các phương tiện truyền thông chính thống và không chính thống, là cầu nối giữa CĐ, NĐT và Công ty.

DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU GEG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT



Trong năm 2020, 8 CTCK có thương hiệu trên thị trường đã viết các Bài Phân tích về hoạt động của GEC. Cổ phiếu GEG theo đó nhận những đánh giá tích cực với khuyến nghị Mua và Năm giữ ở Giá mục tiêu lên đến 24.000 đồng/Cổ phiếu. Đội ngũ Quan hệ NĐT cũng đã tích cực cung cấp thông tin thông qua các hình thức trực tuyến đến CĐ và NĐT với 40 NĐT lớn từ Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Việt Nam như BNP Baribas, SK E&S, PYN Elite, Toyota Tsusho corporation, Dragon Capital...; tuy nhiên giảm 42% so với cùng kỳ do những hạn chế từ Covid-19. Ngoài ra là việc cập nhật các thông tin hàng Quý liên quan đến tình hình hoạt động, CBTT BCTC đến các Chuyên gia phân tích đến từ 10 Định chế Tài chính, CTCK lớn như VinaCapital, PYN, VCSC, VCBS, SSI, Yuanta, TCBS, HSC, PHS, VDSC, tăng 50% so với cùng kỳ. Bộ phận Quan hệ NĐT chủ động CBTT trên các phương tiện trao đổi thông tin giữa cộng đồng NĐT với 11 bài viết Anh Việt theo ngôn ngữ NĐT về phân tích tình hình tài chính, phát triển DA, QTCT và hoạt động Xã hội - Cộng đồng.

Mặc dù bị ảnh hưởng bởi tác động của Đại dịch nhưng với kết quả kinh doanh

tăng trưởng ổn định - LNST năm 2020 đạt 295 tỷ đồng, ghi nhận tăng so với cùng kỳ cộng hưởng hoạt động Quan hệ NĐT phù hợp, cổ phiếu GEG trong năm 2020 đã vào Rổ VN100 trong kỳ Cơ cấu tháng 7/2020 - tập hợp 100 Cổ phiếu tốt nhất thị trường. GEC là Công ty duy nhất trong Rổ Chỉ số này sở hữu danh mục NLTT đa dạng.

Trong các tháng đầu năm, VN Index đã giảm mạnh và tạo đáy tại vùng 662 điểm vào cuối tháng 3/2020 trước khi bật tăng mạnh mẽ lên vùng 1.103 điểm vào cuối năm 2020. Khối lượng giao dịch trong năm 2020 rất sôi động với bình quân 345 triệu cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 5.879 tỷ đồng/phiên. Cổ phiếu GEG giao dịch khá sôi động với khối lượng giao dịch trung bình bao gồm giao dịch thỏa thuận đạt 641.910 Cổ phiếu - cao hơn trung bình Ngành, tương ứng giá trị giao dịch đạt 12 tỷ đồng/phiên. So sánh với các Công ty niêm yết trên sàn HOSE hoạt động trong lĩnh vực Năng lượng, GEG là một trong những Công ty hiếm hoi có danh mục đa dạng bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái,

Điện Gió với tổng công suất đang hoạt động và triển khai lên đến 755 MWp. Vốn hóa Công ty đạt 5.369 tỷ đồng vào cuối năm 2020 tại mức giá 19.800 đồng; Biên LNG và Biên LNR duy trì lần lượt 51% và 20% cao hơn mức trung bình Ngành đã tạo nên sự hấp dẫn của cổ phiếu GEG trong mắt các NĐT nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài đạt 37%/49% (giới hạn sở hữu nước ngoài) vào cuối năm 2020 trong đó 2 CĐ lớn là IFC và Armstrong chiếm tỷ lệ 34,38%.



SỰ GẮN KẾT GIỮA HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN (tiếp theo)

GEG VÀ CÁC CÔNG TY NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH CÙNG NGÀNH TẠI HOSE

Mã cổ phiếu		GEG	
Cổ phiếu đang lưu hành	271.175.188	Giá cổ phiếu (VND)	19.800
Giá trị sổ sách (VND)	11.315	Vốn hóa thị trường (Tỷ đồng)	5.369
Giá cao nhất 12 tháng (VND)	22.000	Giá thấp nhất 12 tháng (VND)	13.800
Giao dịch trung bình 12 tháng 2020 (Cổ phiếu)	641.910	Giao dịch trung bình 12 tháng 2020 (Tỷ đồng)	12
Giới hạn sở hữu NĐT nước ngoài (%)	49	Sở hữu CD nước ngoài (%)	36,64
Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (%)	23,9	EPS (VND)	1.121
P/E (Lần)	15,6	P/B (Lần)	1,5

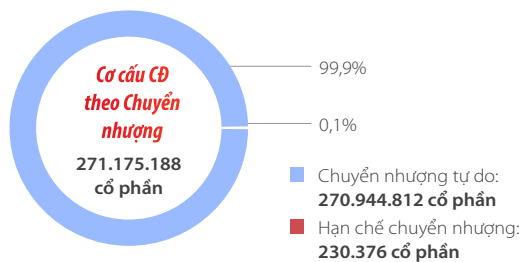
Mã Cổ phiếu	Công suất (MW)	Giá - 31/12/2020 (Đồng)	Vốn hóa (Tỷ đồng)	EPS (Đồng)	P/E (Lần)	Biên LNG (%)	Biên LNR (%)
GEG	316	19.800	5.369	1.121	15,6	51	20
ASM	128	16.900	4.375	1.885	8,6	11	5
TTA	297	19.700	2.660	744	20,6	70	28
BCG	740	13.250	2.703	449	29,7	20	5
LCG	209	14.950	1.723	2.684	5	11	9
CHP	212	19.800	2.909	1.895	9,8	55	34
VSH	136	18.800	4.411	899	20	40	55
SHP	123	23.000	2.155	677	33,2	33	15
Trung bình Ngành	x	x	3.215	1.856	12	37	22

CD CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI CHIẾM 34,38%, ĐỒNG HÀNH CÙNG GEG TRONG 5 NĂM LIÊN TIẾP

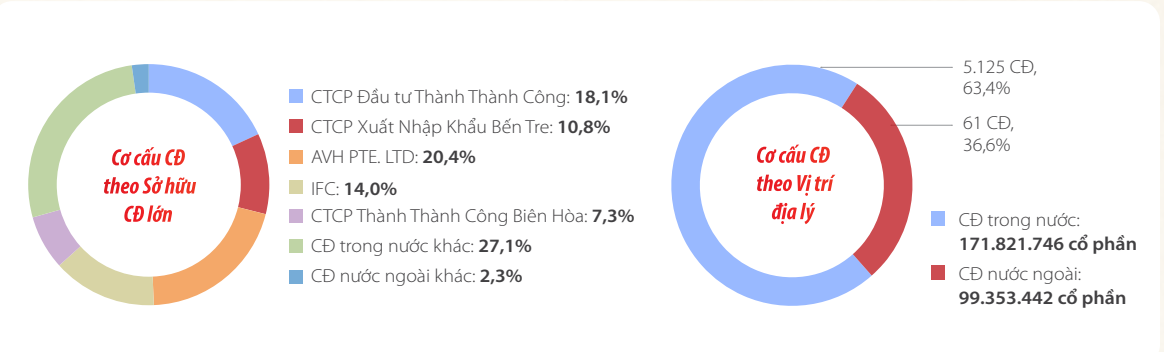
Nguồn: Cafef, GEG tại 31/12/2020

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của GEG tại ngày 31/12/2020 là 271,2 triệu cổ phiếu, tương đương với VDL là 2.712 tỷ đồng. Trong năm 2020, GEG không phát sinh giao dịch Cổ phiếu Quý và tại ngày 31/12/2020, GEG không có Cổ phiếu quỹ. Cơ cấu CD của GEG luôn duy trì sự ổn định khi tỷ lệ sở hữu của các CD lớn luôn duy trì mức trên 70% trong cả năm 2020. Trong năm, GEG đã tiến hành phát hành 51 triệu Cổ phiếu cho CD hiện hữu với tỷ lệ thành công 100%. Với HĐKD duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh Dịch bệnh cũng là yếu tố thu hút sự quan tâm của nhiều NĐT lớn như việc SBT mua vào 20 triệu cổ phiếu - nâng tỷ lệ

lên 7,3%, AVH mua thêm thành công 2 triệu Cổ phiếu nâng tỷ lệ sở hữu lên 20,4% và Ông Đặng Văn Thành lần đầu tiên mua vào 10 triệu Cổ phiếu - cam kết tính gắn kết của vị Doanh nhân này vào chiến lược phát triển NLTT của GEG. Tính đến cuối 2020, tỷ lệ sở hữu nước ngoài đạt 37%, tăng 0,3% so với đầu kỳ. Trong suốt 5 năm đồng hành từ 2016 đến nay, 2 CD Chiến lược nước ngoài IFC và Armstrong đã cùng GEG xây dựng danh mục NLTT tiên phong, đa dạng, hiệu quả và tuân theo những tiêu chuẩn Quốc tế về Môi trường Xã hội mà thế giới đang áp dụng.



Nguồn: GEG



LẤY Ý KIẾN CD BẰNG VĂN BẢN VÀ ĐHĐCD

Nguồn: GEG

Tháng 5/2020, HĐQT Công ty đã chủ động thực hiện Lấy ý kiến CD bằng văn bản thông qua Quy chế hướng dẫn tham dự họp ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử để đảm bảo quyền của các CD không thể trực tiếp tham dự Đại hội do trở ngại từ Covid-19. Tháng 6/2020, GEG tổ chức ĐHĐCD Năm Tài chính 2019 với sự tham gia của CD sở hữu 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong những vấn đề thông qua tại Đại hội có liên quan đến Quản trị, Tài chính, Nhân sự và Dự án, có 3 vấn đề liên quan đến hoạt động Thị trường vốn bao gồm Phương án phát hành Cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019, phát hành cổ phiếu cho CD hiện hữu và chào bán cổ phần riêng lẻ cho CD chiến lược. 67% vấn đề đã hoàn thành như duyệt thuận của Đại hội trừ việc chào bán cổ phần

riêng lẻ cho CD chiến lược chưa thực hiện được do tác động bởi Đại dịch Covid-19 trong năm 2020.

Năm 2020 là năm tăng tốc để chuẩn bị cho những "quả ngọt" gặt hái trong năm 2021. Công ty tích cực triển khai xây dựng 3 DA Điện Gió V.PL 1 - Bến Tre, la Bang 1 - Gia Lai và Tân Phú Đông 2 - Tiền Giang với tổng công suất 130 MW và tổng mức đầu tư 5.517 tỷ đồng. Doanh thu đóng góp từ Điện Gió dự kiến khoảng 1.000 tỷ đồng mỗi năm sau khi các DA Điện Gió đi vào vận hành vào cuối năm 2021. Lịch sự kiện 2021 để chuẩn bị cho hoạt động Quan hệ NĐT cũng đã được lên kế hoạch, định hướng cho 1 năm thật sự sôi động về công tác phát triển DA và nguồn vốn

Thời gian	Lịch Tài chính dự kiến	Lịch Sự kiện Quan hệ NĐT dự kiến
Tháng 1/2021	BCTC Quý 4/2020	Báo cáo tình hình Quản trị năm 2020 Diễn giải BCTC Quý 4/2020
Tháng 3/2021	BCTC Kiểm toán 2020	Báo cáo định giá của các CTCK về cổ phiếu GEG
Tháng 4/2021	ĐHĐCD Thường niên Năm Tài chính 2020 BCTC Quý 1/2021	BCTN 2020 Diễn giải BCTC Quý 1/2021
Tháng 5/2021	x	Báo cáo định giá của các CTCK về cổ phiếu GEG
Tháng 7/2021	BCTC Quý 2/2021	Diễn giải BCTC Quý 2/2021 Báo cáo tình hình Quản trị 6 tháng đầu năm 2021
Tháng 8/2021	BCTC soát xét 6 tháng 2021	COD DA Điện Gió V.PL 1 Bến Tre - 30 MW Báo cáo định giá của các CTCK về cổ phiếu GEG
Tháng 10/2021	BCTC Quý 3/2021	Diễn giải BCTC Quý 3/2021 COD 2 DA Điện Gió la Bang 1 Gia Lai - 50 MW và Tân Phú Đông 2 Tiền Giang - 50 MW
Tháng 11/2021	x	Báo cáo định giá của các CTCK về Cổ phiếu GEG
Tháng 12/2021	x	COD DA Điện Gió Tân Phú Đông 2 Tiền Giang - 50 MW đợt tiếp theo





SỰ GẮN KẾT GIỮA HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CĐ LỚN, NNB VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với NNB	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
HDQT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN							
1	Tân Xuân Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.596.058	0,78	634.996	0,23	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 557.074 - Bán 1.518.136 từ 20-31/12/2020
1.1	Tân Xuân Hậu	Em ruột	14.005	0,009	0	0	- Bán 14.005 cổ phiếu từ ngày 22/6-21/7/2020
2	Andrew Mark Affleck	Thành viên HĐQT	200.000	0,1	266.000	0,1	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 66.000 - Từ nhiệm 24/10/2020
3	Nguyễn Thùy Vân	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT	700.000	0,34	391.770	0,14	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 231.000 - Bán 539.230 cổ phiếu từ 20-31/12/2020
4	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Tổ chức có liên quan của Ông Phạm Hồng Dương - Thành viên HĐQT độc lập	0	0	19.820.145	7,31	- Mua 9.820.145 cổ phiếu 8/10/2020 - Mua 10.000.000 cổ phiếu 5/11/2020
5	Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên HĐQT độc lập	715.000	0,35	5	0,01	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 225.225 - Từ nhiệm từ 12/6/2020 - Bán 940.220 cổ phiếu sau khi từ nhiệm
BAN TGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN							
1	Nguyễn Thái Hà	TGD	1.030.700	0,51	866.911	0,32	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 340.131 - Bán 503.920 cổ phiếu từ 20-31/12/2020
2	Lê Thanh Vinh	Phó TGD	737.300	0,36	60.367	0,02	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 198.837 - Bán 225.670 cổ phiếu từ 11/5-9/6/2020 - Bán 650.100 cổ phiếu từ 20-31/12/2020
3	Phan Thanh Lạc	Phó TGD	155.000	0,08	115.820	0,04	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 12.500 - Chuyển nhượng 38.750 quyền mua - Nghị hưu từ 30/7/2020 - Bán 12.930 cổ phiếu sau khi nghỉ hưu
4	Hà Nguyễn Hoàng	Phó TGD	416.200	0,2	22.046	0,01	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 137.346 - Miễn nhiệm từ 30/10/2020 - Bán 531.500 cổ phiếu sau khi miễn nhiệm
5	Nguyễn Lê Hùng	Phó TGD	111.800	0,05	7	0	- Bán 55.900 cổ phiếu từ ngày 31/7-31/8/2020 - Từ nhiệm từ 14/10/2020 - Bán 55.893 cổ phiếu sau khi từ nhiệm
NNB KHÁC							
1	Trần Thị Hồng Thắm	GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng	327.600	0,16	17.500	0	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 108.108 - Bán 169.708 cổ phiếu từ 9/11-8/12/2020 - Bán 248.500 cổ phiếu từ 20-31/12/2020
2	Phạm Thành Tuấn Anh	Người phụ trách CBTT	331.127	0,16	15.003	0	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 26.841 - Bán 32.100 cổ phiếu từ 7/1-5/2/2020 - Bán 263.140 cổ phiếu từ 8/7-6/8/2020 - Bán 47.725 cổ phiếu từ 20-31/12/2020
CĐ LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN							
1	AVH PTE. LTD	CĐ lớn	39.057.174	19,16	55.305.970	20,39	- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 13.858.866 - Mua 2.023.000 cổ phiếu từ 9-30/11/2020 - Mua 366.930 cổ phiếu từ 3/12/2020
2	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	CĐ lớn	36.947.296	18,12	49.139.903	18,12	Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 12.192.607
2.1	Ông Đặng Văn Thành	Người có liên quan CĐ lớn	0	0	10.588.141	3,9	Mua 10.588.141 cổ phiếu từ 22-29/12/2020
3	IFC	CĐ lớn	28.514.582	13,99	37.924.393	13,99	Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019: 9.409.811.

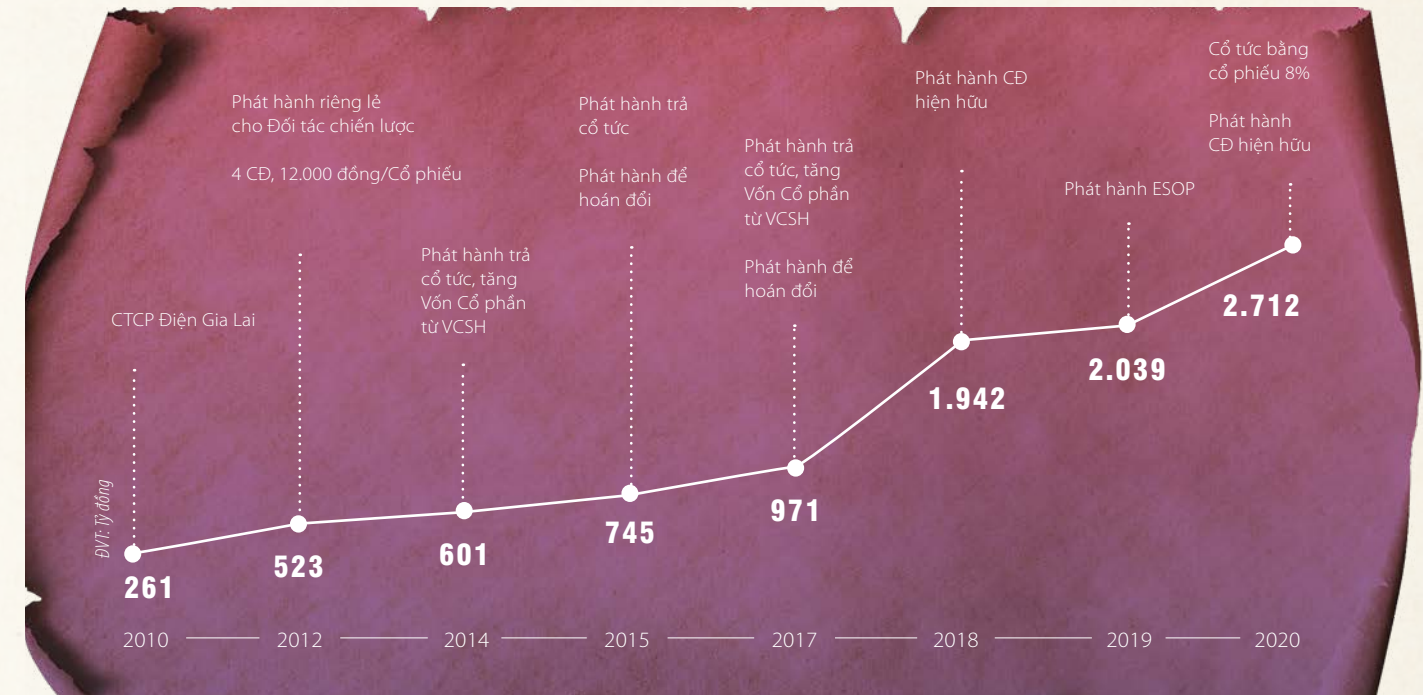
Nguồn: GEC

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN

Với đặc thù của Ngành Năng lượng luôn cần lượng vốn dồi dào để triển khai xây dựng các DA đặc biệt là các DA có vốn đầu tư lớn như Điện Gió với suất đầu tư trung bình cho trên bờ và ngoài khơi từ 40 đến 50 tỷ đồng/MW, BLE Công ty luôn xem xét thận trọng việc huy động vốn từ 2 Thị trường là Thị trường vốn và Thị trường nợ. Quyết định sử dụng nguồn vốn từ Thị trường nào sẽ dựa trên nhu cầu sử dụng vốn thực tế song song với quyền lợi của các CĐ, kể cả những CĐ nhỏ lẻ. Việc lựa chọn các sản phẩm tài chính để huy động vốn trên từng thị trường luôn được cân nhắc kỹ càng dựa trên những ưu nhược điểm của từng loại như chi phí huy động, chi phí bảo lãnh, tính khả thi về thời gian - số tiền, tài sản đảm bảo và khả năng tác động đến bức tranh tài chính của Công ty trong ngắn và dài hạn. Trong năm 2020, BLE Công ty ưu tiên lựa chọn phương án huy động có chi phí vốn thấp với thời hạn và kế hoạch thanh toán phù hợp đặc thù của Công ty cùng với những điều kiện thỏa đáng liên quan tới tài sản đảm bảo.

Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phát hành Cổ phiếu để tăng VDL, tới tháng 10/2020, Công ty đã hoàn thành việc tăng VDL lên 2.712 tỷ đồng qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành Cổ phiếu cho CĐ hiện hữu.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



Nguồn: GEC

Khi lãi suất ngân hàng giảm và nền kinh tế đối mặt với những rủi ro từ Đại dịch Covid-19, việc chia cổ tức không chỉ mang lại ý nghĩa về mặt Lợi nhuận tài chính đơn thuần, mà còn là một sự cam kết của Doanh nghiệp đối với quyền lợi của các CĐ. Với tỷ lệ trả cổ tức trung bình ~10%/năm trong 6 năm qua, GEC là 1 trong số ít các Công ty niêm yết thuộc nhóm vốn hóa vừa và nhỏ mang lại mức lợi tức hấp dẫn cho CĐ. Trong giai đoạn 2016-2020, gần 630 tỷ đồng đã được chi trả cho CĐ thông qua hình thức chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu với tỷ lệ từ 7-20%. Năm tài chính 2019, CĐ của Công ty đã được nhận được mức cổ tức với tỷ lệ 8% - 4% tiền mặt và 4% cổ phiếu, cao hơn so với mức trung bình Ngành là 7%. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế từ Đại dịch Covid-19, việc trả cổ tức bằng cổ phiếu là phương án tối ưu cho cả Công ty lẫn CĐ, và vẫn thể hiện sự cam kết của Công ty đối với quyền lợi của CĐ.

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC QUA CÁC NĂM

	2014	2016	2017	2018	2019	2020 dự kiến
Tỷ lệ chi trả cổ tức/VDL	11%	20%	10%	7%	8%	Đến 8%
Hình thức chi trả	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Tiền mặt	Tiền mặt	Cổ phiếu	Cổ phiếu

Nguồn: GEC

Song song với việc phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức, Công ty cũng thực hiện việc phát hành Cổ phiếu cho CĐ hiện hữu. Với giá chào bán 10.000 đồng/Cổ phiếu và tỷ lệ thực hiện quyền là 4:1, 100% CĐ đã đăng ký thực hiện quyền. Công ty đã phát hành thành công 51 triệu Cổ phiếu, hoàn thành tăng 673 tỷ đồng VDL sau 2 đợt phát hành, đưa VDL tăng thêm 33% so với đầu năm. Trong vòng 5 năm đến 2020, VDL của Công ty đã tăng gần 4 lần, và so với năm 2010, VDL đạt mức tăng lên đến 10 lần.

Đa dạng hóa nguồn lực Tài chính, đáp ứng linh hoạt nhu cầu kinh doanh, GEC tiếp tục cải thiện Năng lực Quản trị, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhằm thiết lập quan hệ với các Định chế ngoài nước. Tháng 7/2020, GEC Group tiến hành hợp tác với Woori Bank - một trong những Ngân hàng lớn nhất tại Hàn Quốc với 15.000 nhân viên toàn cầu, trực thuộc Tập đoàn Woori Financial Group tái tài trợ 437 tỷ đồng cho NM Điện Mặt trời Trúc Sơn với lãi suất ưu đãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của

Ngân hàng Quốc doanh cộng biên độ 3,2%/năm. Đây là NM có thời gian thi công kỷ lục chưa đầy 3 tháng kể từ thời điểm M&A và đã đóng điện thành công trước 30/6/2019 để hưởng giá FIT 1 9,35 UScent/kWh trong vòng 20 năm.

Tại thời điểm 31/12/2020, dư nợ gốc Trái phiếu có tài sản đảm bảo và không tài sản đảm bảo còn lại của GEC là 686 tỷ đồng từ các đợt phát hành trong năm 2019 và 2020 với mục đích đầu tư vào các DA điện kịp thời, bổ sung nguồn vốn kinh doanh và đảm bảo khả năng tín dụng của Công ty. Với 3 DA Điện Gió đang triển khai cấp tập trong năm 2020, GEC tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn tín dụng và kế hoạch phát hành tối thiểu 1.000 tỷ đồng Trái phiếu đảm bảo bằng các NM Thủy điện đang hoạt động hiệu quả với dòng tiền ổn định, kỳ hạn từ 3-5 năm và lãi suất hợp lý từ 9-9,5% để kịp tiến độ COD hưởng Giá FIT 1 Điện Gió ưu đãi cao nhất trong tất cả các loại hình NLTT trước tháng 11/2021.

Bản lĩnh

Tiền Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2019

KHẢO SÁT, ĐO GIÓ, PHÁP LÝ

Đoàn kỹ sư của chúng tôi mang trên mình những bộ thiết bị tiên tiến...
Khảo sát từng ngõ ngách để tìm ra được vị trí dự kiến lắp đặt các trụ điện...
Rồi đây, 20 km đường dây sẽ được dựng lên kết nối những Turbine Gió với đất liền,
như những cánh tay mượn gió đốn điện...

Song hành là Ánh sáng được phát ra từ 5 Nhà máy Điện Mặt trời, chiếm 55% tổng sản lượng Điện mà GEC cung ứng trong năm 2020 tương đương 400 triệu kWh, tạo ra 827 tỷ đồng Doanh thu. Tính trong giai đoạn 3 năm 2018-2020 từ khi Điện Mặt trời bắt đầu đóng điện, lĩnh vực này đã đóng góp lũy kế 1.546 tỷ đồng Doanh thu cho GEC, với Biên Lợi nhuận gộp luôn duy trì trên 60%...





CHIA SẺ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Thị trường nhận thấy tính "chu kỳ ngành" từ tất cả các lĩnh vực. Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ từng Ngành đến từ nhu cầu tiêu dùng và các yếu tố khách quan hay chủ quan tác động... Với Ngành Năng lượng - nhu cầu tăng trưởng và sử dụng điện có vẻ dễ hình dung hơn cả, gắn tương quan với tốc độ tăng trưởng kinh tế - GDP hàng năm, mà năm 2020 vừa qua đều ở mức trên 2%. Thuộc Nhóm Ngành Hạ tầng "có tiềm năng"... tuy nhiên, trong năm 2021, với tác động từ tình hình Covid dẫn đến nhu cầu sử dụng điện suy giảm và bản chất "tính chu kỳ" các loại hình điện theo mức giá FIT đã khắc họa rõ nét bức tranh Ngành Năng lượng nói chung và GEC nói riêng trong năm 2020 vừa qua...

Nếu như năm 2019 là sự nỗ lực đóng điện các DA Điện Mặt trời 9,35 UScent/kWh kịp giá FIT 30/6/2019, thì năm 2020 là năm của Điện Áp mái với giá 8,38 UScent/kWh kịp mốc 31/12/2020 và đẩy nhanh thi công Điện Gió với giá FIT trước tháng 11/2021... Định hướng chiến lược và các bước chuẩn bị cụ thể trước đó từ công tác phát triển - hoàn thiện pháp lý DA đã tạo cơ sở cụ thể cho GEC triển khai 3 DA Điện Gió trong năm 2020 - phần đầu kịp mục tiêu đóng điện trong năm 2021.

Trong năm vừa qua, các hoạt động của GEC tập trung vào (i) vận hành ổn định các NM Thủy điện - tìm kiếm và xúc tiến việc M&A NM Thủy điện đã phát điện, (ii) vận hành ổn định các NM Điện Mặt trời và triển khai 34 MWp Áp mái; (iii) đẩy mạnh thi công 3 DA Điện Gió trên bờ cũng như gần bờ; (iv) bên cạnh đó, việc tìm kiếm phát triển và chuẩn bị các DA cho giai đoạn 2021-2025 cũng vô cùng quan trọng, để kế hoạch đóng điện từng năm không bị gián đoạn và phù hợp với bối cảnh chung. Với danh mục này, GEC sẽ hoàn tất được 260 MW Thủy điện và Điện Gió, ít nhất 343 MWp Điện Mặt trời trong năm 2021...

Các hoạt động thương mại như kinh doanh thiết bị, hoạt động kỹ thuật, O&M, dịch vụ pháp lý điện lực, tư vấn DA... mà trước hết là vững vàng đáp ứng cho việc vận hành của GEC, tiến đến mở rộng cung ứng sản phẩm dịch vụ ra thị trường cũng luôn là mục tiêu hướng đến và có các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho từng năm...

Bước qua năm 2021, với các tín hiệu tích cực hơn về mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm, với nhiệt huyết của đội ngũ của CBNV GEC, với sự hăng say trên các công trường thi công Điện Gió... Dù đâu đây, vẫn còn thấy các thách thức, khó khăn... Nhưng trên tất cả, Ban Điều hành và toàn thể CBNV GEC luôn hạo hức và quyết tâm hướng tới... từng bước đi - từng chặng đường - nỗ lực với các mục tiêu kế hoạch năm 2021, tạo tiền đề vững vàng cho Chiến lược 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Lộng Gió...
Tháng 2 năm 2021...

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ TOÀN THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN GEC
LUÔN HẠO HỨC VÀ QUYẾT TÂM HƯỚNG TỚI...
TỪNG BƯỚC ĐI - TỪNG CHẶNG ĐƯỜNG - NỖ LỰC VỚI
CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021,
TẠO TIỀN ĐỀ VỮNG VẰNG CHO CHIẾN LƯỢC
5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025.

Bà Nguyễn Thái Hà - Tổng Giám đốc

NĂNG LỰC BAN ĐIỀU HÀNH

Bà **NGUYỄN THÁI HÀ**
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thái Hà sinh năm 1980.

Bà đảm nhiệm vai trò TGD tại GEC hơn 2 năm từ tháng 10/2018 đến nay. Bà là Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế TP HCM và có Chứng chỉ Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp. Tại ngày 31/12/2020, Bà sở hữu 866.911 Cổ phiếu GEG, tương đương 0,32% cổ phần đang lưu hành.

Bà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực QTDN và nắm giữ các chức danh Điều hành tại Tập đoàn TTC và ngân hàng thương mại cổ phần có tên tuổi. Bà đã trải nghiệm 8 năm tại các vai trò Lãnh đạo cấp cao của những Công ty trong lĩnh vực Ngân hàng, Du lịch, Đầu tư, Thương mại như Ngân hàng Sacombank, CTCP Du lịch Thành Thành Công, Tập đoàn TTC, CTCP Thương mại Thành Thành Công, với nhiệm vụ chính là thực hiện tham mưu HĐQT trong việc QTCT theo chuẩn mực Quốc tế và định hướng chiến lược. Trong quá trình công tác tại GEC, Bà điều hành hiệu quả hoạt động của Công ty khi TTS và Doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng xấp xỉ 3 lần và 2 lần chỉ trong vòng 2 năm. Bà triển khai thành công 5 DA Điện Mặt trời, hệ thống Điện Mặt trời Áp mái và quyết liệt trong việc mở rộng đầu tư sang lĩnh vực Điện Gió lên đến gần 500 MW đang triển khai. Bà cũng là nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa phát triển Thị trường vốn tại GEC từ việc chuyển sản phẩm M&A cũng như hoạch định chiến lược hợp tác với các NĐT nước ngoài để mở rộng danh mục NLTT. Nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, Bà đã định hướng và phát triển mạnh mẽ đội ngũ Kỹ thuật của GEC. Năm 2020, những đóng góp của Bà trong công tác Điều hành đã đưa GEC lần đầu tiên đón nhận những Giải thưởng có giá trị "Top 5 Doanh nghiệp QTCT tốt nhất nhóm Vốn hóa Vừa và Nhỏ", "Giải thưởng Báo cáo Tiến bộ vượt trội - Hạng mục Báo cáo Phát triển Bền vững" do HOSE, HNX, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Dragon Capital trao tặng.

Bà hiện đang đảm nhiệm
Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang,
CTCP Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển NLTT VI-JA,
Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
và Thành viên HĐQT Tập đoàn TTC.

Ông **LÊ THANH VINH**
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Lê Thanh Vinh sinh năm 1975.

Ông giữ vị trí Phó TGD tại GEC trong thời gian gần 4 năm bắt đầu từ tháng 3/2017 đến nay. Ông là Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc tế, Đại học Erasmus Rotterdam - Hà Lan và Cử nhân Kinh tế Phát triển - Đại học Kinh tế TP HCM. Tại ngày 31/12/2020, Ông nắm giữ 60.367 Cổ phiếu GEG, tương đương 0,02% cổ phần đang lưu hành.

Ông sở hữu 18 năm kinh nghiệm Quản lý và Điều hành tại các Quỹ Đầu tư, Công ty Bất Động sản lớn với 15 năm làm việc ở vai trò Lãnh đạo cấp cao tại CTCP Năng lượng TTC, Tập đoàn Đầu tư KN, CTCP Đầu tư LDG, CTCP Hoa Lâm, TTC Land, CTCP Bất Động sản Liên Minh và Quỹ Đầu tư Ingate Capital. Với kinh nghiệm dày dặn trong nhiều lĩnh vực, tại GEC, Ông đã chỉ đạo triển khai và đưa vào vận hành thành công trước kế hoạch 2/5 DA Điện Mặt trời tiên phong tại Việt Nam với tổng công suất danh mục gần 260 MWp từ tháng 10/2018 đến nay. Ngoài ra, với sự chỉ đạo sát sao, các DA Điện Mặt trời đi vào vận hành ổn định, đóng góp gần 60% Doanh thu với Biên LNG hấp dẫn khoảng 61%. Năm 2020, Ông tiếp tục chỉ đạo phát triển danh mục Điện Gió với 3 DA đang triển khai tổng công suất 130 MW dự kiến vận hành thương mại vào tháng 11/2020 để kịp hưởng Giá FIT1 ưu đãi của Chính phủ. Với kinh nghiệm và giá trị đức kết được từ thị trường Năng lượng, Ông được kỳ vọng là một trong những nhân tố quan trọng trong chiến lược đa dạng và mở rộng danh mục các loại hình NLTT của GEC dự kiến lên đến 1.700 MWp đến năm 2025.

Ông hiện đang đảm nhiệm
Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện TTC Tây Sơn - Bình Định,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định,
Chủ tịch HĐQT - CTCP NLTT Tiền Giang,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Bình Thuận,
Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng sạch Ninh Thuận,
Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng VPL,
Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang,
Thành viên HĐQT - CTCP Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An,
Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển NLTT VI-JA
và Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC.



NĂNG LỰC BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Bà **TRẦN THỊ HỒNG THẨM**

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Hồng Thẩm sinh năm 1983. Sau 14 năm gắn bó với GEC cùng những nỗ lực vượt trội, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Tài chính đến nay khoảng 1,5 năm từ tháng 5/2019 và nắm giữ song song chức vụ Kế toán trưởng từ tháng 11/2016. Bà là Thạc sĩ Kinh tế Đại học Tài chính - Ngân hàng tại Hà Nội và Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2020, Bà nắm giữ 17.500 Cổ phiếu GEG, tương đương 0,01% cổ phần đang lưu hành.

Trong 2 năm nắm giữ vị trí Lãnh đạo cấp cao tại GEC, Bà tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan đến lĩnh vực Tài chính Kế toán. Bà góp phần xây dựng hệ thống Kế toán vững mạnh, minh bạch đối với CĐ và NĐT; tham mưu BDH về những thay đổi của chế độ Kế toán từng thời kỳ bao gồm Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - VAS cũng như việc chuẩn bị và áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IFRS theo thông lệ tốt trên thị trường dành cho các doanh nghiệp lớn đang niêm yết, phù hợp với xu hướng hội nhập thị trường vốn Quốc tế, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Pháp luật. Bà góp phần quan trọng trong việc huy động các nguồn vốn trong nước phục vụ quá trình phát triển danh mục dự án NLTT của GEC đặc biệt là Điện Mặt trời và Điện Gió.

Bà hiện đang đảm nhiệm
Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú.



Bà **TRẦN THIỆN THANH THÙY**

Giám đốc Vận hành

Bà Trần Thiện Thanh Thùy sinh năm 1982. Bà đảm nhiệm vai trò Giám đốc Vận hành từ tháng 7/2020 đến nay. Bà là Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Applied Sciences Northwestern Switzerland, Thụy Sĩ. Tại ngày 31/12/2020, Bà không sở hữu Cổ phiếu GEG.

Bà có 11 năm kinh nghiệm trong Quản trị, Điều hành lĩnh vực Ngân hàng, Bất động sản và Năng lượng với 3 năm trong vai trò Lãnh đạo cấp cao. Bà từng đảm nhiệm các vị trí Quản lý tại Ngân hàng Sacombank, CTCP Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Điền, Ngân hàng HSBC Việt Nam, Tập đoàn Novaland và Tập đoàn TTC. Trong sự nghiệp của mình, Bà tham mưu các chiến lược QTDN và PTBV thông qua việc cải thiện các vấn đề liên quan đến QTDN hiện đại, định hướng theo thông lệ tốt trên thị trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển; giám sát các hoạt động CBTT đảm bảo đúng quy định Pháp luật, rõ ràng và minh bạch. Là 1 Chuyên gia trong lĩnh vực Quan hệ NĐT, Bà giám sát và hỗ trợ hoạt động Quan hệ NĐT, kêu gọi nguồn lực trên Thị trường vốn thông qua việc kết nối và quản lý mối quan hệ với các CTCK, Quỹ Đầu tư, Ngân hàng Đầu tư, Định chế Tài chính... Tại GEC, Bà thực hiện cải tiến Khối Vận hành với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động, chuyên nghiệp hóa bộ máy quản lý theo chuẩn mực góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu cổ phiếu GEG. Bà chú trọng việc cải thiện năng suất lao động cũng như chế độ đãi ngộ với đội ngũ nhân sự, tăng sự hài lòng và tính gắn kết của CBNV đối với Công ty.

Bà hiện đang giữ chức vụ
Thành viên HĐQT độc lập tại TTC Land.



Ông **NGUYỄN PHONG PHÚ**

Giám đốc Phát triển Dự án

Ông Nguyễn Phong Phú sinh năm 1984. Ông được bổ nhiệm chức danh GD Phát triển DA từ tháng 7/2019 đến nay được 1,5 năm. Ông là Cử nhân Kinh tế chuyên Ngành Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TP HCM. Tại ngày 31/12/2020, Ông nắm giữ 117.500 Cổ phiếu GEG, tương ứng 0,04% cổ phần đang lưu hành.

Ông có 8 năm kinh nghiệm về Quản lý Điều hành và Quản trị trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Du lịch và Đầu tư với 5 năm là Quản lý cấp cao. Các Công ty Ông đã trải nghiệm sự nghiệp của mình là CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhật Phong, CTCP Du lịch Golf Việt Nam, CTCP Mia Đường Tây Ninh, CTCP Cao Su Nước Trong. Ông tham gia vào GEC và điều hành Khối Phát triển Dự án triển khai xây dựng và vận hành thương mại danh mục Điện Mặt trời 150 MWp vượt kế hoạch để ra. Ngoài ra Ông còn phụ trách trực tiếp công tác đầu tư DA, các hoạt động M&A để mở rộng danh mục NLTT của GEC. Trong năm 2020, Ông cùng đội ngũ của mình đóng góp vào việc tìm kiếm, triển khai xây dựng cụm DA Điện Gió lên đến 130 MW tại các Tỉnh Miền Tây và Tây Nguyên, hiện thực hóa kỳ vọng ghi nhận Doanh thu và Lợi nhuận đầu tiên từ Điện Gió vào cuối năm 2021.

Ông hiện đang giữ chức vụ
Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiến Giang,
Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gió la Bang,
Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển NLTT VI-JA,
Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An,
Thành viên HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An, Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Tây Sơn - Bình Định, Thành viên HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định, Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Bình Thuận và Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng sạch Ninh Thuận.



DUY TRÌ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

ĐỐI VỚI CÁC DA NLTT



NM Điện Mặt trời Trúc Sơn

PHÁP LUẬT LÀ KHUÔN KHỔ QUAN TRỌNG ĐỂ GEC XÂY DỰNG, THỰC THI CÁC CƠ CHẾ KIỂM SOÁT NHỮNG NGUY CƠ PHÁT SINH RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG. PHÁP LUẬT ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN CÁC CHÍNH SÁCH VĨ MÔ CỦA QUỐC HỘI VÀ CHÍNH PHỦ, VÌ VẬY VIỆC ĐÓN ĐẦU THÔNG TIN KHI CÓ THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH LÀ CẦN THIẾT ĐỂ TỪ ĐÓ GEC CHỦ ĐỘNG HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC KINH DOANH PHÙ HỢP NHƯNG PHẢI ĐẢM BẢO QUY CHUẨN PHÁP LUẬT CHO PHÉP ĐẶC BIỆT LÀ TRONG BỐI CẢNH NGÀNH NLTT CÓ NHIỀU THAY ĐỔI VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.

Số Văn bản	Tên Văn bản
55-NQ/TW 11/2/2020	Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045
13/2020/QĐ-TTg 6/4/2020	Cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam
544/Tr-BCT 21/1/2020	Kiến nghị TTCP phê duyệt Chương trình Thị điểm DPPA
221/TB-VPCP 1/7/2020	Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp và đề xuất Cơ chế xác định giá điện cạnh tranh cho các DA Điện Mặt trời
2093/QĐ-BCT 7/8/2020	Phê duyệt Đề án thiết kế mô hình Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh

CÁC CHÍNH SÁCH DỰ KIẾN BAN HÀNH TRONG 2021

- Chương trình Thị điểm về xác định giá Điện Mặt trời
- Chương trình Thị điểm Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện NLTT và khách hàng sử dụng điện
- Quy hoạch Điện VIII
- Cơ chế hỗ trợ phát triển DA Điện Gió
- Xây dựng các phương án điều chỉnh giá điện phù hợp với Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh
- Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện
- Sửa đổi, bổ sung NG số 134/2013/NG-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực

Năm 2020 tiếp tục là năm bùng nổ của NLTT đặc biệt là Điện Mặt trời và Điện Gió khi cơ chế giá FIT ưu đãi cho 2 loại hình này vẫn tiếp tục áp dụng, đòi hỏi các quy định của Pháp luật phải càng hoàn thiện để tạo ra khung pháp lý phù hợp, vừa tạo điều kiện cho NLTT bứt phá, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu điện của Quốc gia phù hợp mục tiêu PTBV, vừa điều tiết để sự phát triển đi đúng hướng, đúng quy hoạch mà không làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của tổ chức cũng như cá nhân. Ngày 11/2/2020, Bộ Chính Trị ban hành NQ 55-NQ/TW về Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045. Một trong các mục tiêu lớn nhất mà Bộ Chính trị đặt ra đối với Chính phủ là *Xây dựng thị trường Năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả*. Theo đó, Chính Phủ và BCT đã ban hành các Văn bản nhằm đẩy nhanh lộ trình thực hiện Thị trường điện cạnh tranh; Cơ chế DPPA giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ; Cơ chế đấu thầu, đấu giá để đảm bảo cung cấp Năng lượng phù hợp, đặc biệt trong các DA đầu tư NLTT, Năng lượng mới và minh bạch giá mua bán điện.

Với tính chủ động cao, GEC đã đăng ký thí điểm thực hiện mô hình Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh và chủ động tìm kiếm sự hợp tác với các Tập đoàn Quốc tế có cam kết đối với các mục tiêu PTBV và sử dụng NLTT như Apple, Nike, Samsung... dự kiến triển khai trong năm 2021. Các chính sách Pháp luật được điều chỉnh trong lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, đầu tư, đấu thầu, cơ chế phát triển Điện Mặt trời, Điện Gió, Điện Sinh khối... luôn được cập nhật, phổ biến và áp dụng kịp thời. Điển hình là việc GEC bắt đúng nhịp triển khai các DA Điện Gió theo cơ chế Giá ưu đãi FIT1, Điện Mặt trời với cơ chế Đấu thầu hoặc DPPA, Điện Mặt trời Áp mái với cơ chế Giá ưu đãi FIT2. Các hoạt động của GEC trong năm qua đều đảm bảo tuân thủ Pháp luật, đối với các DA đang triển khai là đạt được tiến độ và đối với các DA đang hoạt động là đạt hiệu quả kinh doanh. Đối với các DA Thủy điện, các quy định về an toàn hồ chứa, đập, quan trắc môi trường, quan trắc nguồn nước... được GEC xây dựng lộ trình triển khai theo đúng chuẩn.



DUY TRÌ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO TUÂN THỦ PHÁP LUẬT (tiếp theo)

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QTCT NIÊM YẾT



Lễ Trao giải Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2020

Kinh tế càng phát triển, các yêu cầu về minh bạch thông tin càng trở nên quan trọng, đặc biệt trên TTCK, thông tin là yếu tố mang tính nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định đầu tư. Với mục tiêu phát triển TTCK, Trái phiếu nhằm mục tiêu nâng hạng thị trường, Chính phủ đã ban hành một loạt thay đổi về LDN và LCK có hiệu lực từ đầu năm 2021.

Sau hơn 1 năm niêm yết cổ phiếu tại HOSE, GEC luôn tuân thủ các quy định về LCK, QTCT, CBTT và các yêu cầu khác theo quy định của Pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích của CĐ và các BLQ. Với hàng loạt sự thay đổi trong năm 2020 để nâng tầm TTCK Việt Nam, GEC luôn có phương án chủ động rà soát, điều chỉnh để kịp thời đáp ứng. Năm 2020, đội ngũ Pháp chế của GEC đã tích cực tham dự những buổi Hội thảo góp ý những thay đổi trong Dự thảo LDN và LCK do HOSE tổ chức; nêu ý kiến và kiến nghị cần thay đổi; lắng nghe những khó khăn của các Doanh nghiệp niêm yết khác, để có thể kịp thời nắm bắt, chuyển mình theo những thay đổi và lường trước những rủi ro trong công tác QTDN. Để đảm bảo hoạt động QTCT được công khai, minh bạch và hiệu quả, trong năm qua, GEC đã thực hiện được toàn bộ những mục tiêu đặt ra:

- ĐHCĐ thường niên Năm tài chính 2020 đã bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT để đạt tỷ lệ 1/3 theo quy định của QTCT đối với Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến hiện nay GEC đã thực hiện tốt hơn thông lệ là 2/3 Thành viên HĐQT độc lập
- Bổ sung các tiêu chuẩn Thành viên HĐQT về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, Thành viên không Điều hành
- UBKT được tổ chức với thành phần là các Thành viên HĐQT độc lập có đa dạng kinh nghiệm về quản trị, tài chính và kiểm toán
- Rà soát các giao dịch liên quan để tránh xung đột lợi ích.

CÁC CHÍNH SÁCH DỰ KIẾN BAN HÀNH TRONG 2021

Dự kiến trong năm 2021, Chính phủ và các Bộ Ngành liên quan sẽ ban hành hàng loạt các Văn bản hướng dẫn Luật, hỗ trợ các Công ty hiểu và áp dụng để dàng hơn.

ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



GEC hưởng ứng Giờ Trái đất 2020

Năm 2020 là một năm chứng kiến sự khắc nghiệt của biến đổi khí hậu trên toàn thế giới, Việt Nam nằm trong số những Quốc gia gánh chịu những thiệt hại nặng nề bởi biến đổi khí hậu. GEC luôn ý thức vai trò của mỗi cá nhân trong việc bảo vệ môi trường từ việc định hướng phát triển NLTT đến việc triển khai các DA đạt tiêu chuẩn Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường và Xã hội (E&S) của IFC - Quỹ Tiền tệ Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới và cũng là CĐ chiến lược của GEC; tiêu chuẩn GRI lập Báo cáo PTBV của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu; ngoài các quy định về Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam để giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, xã hội, cộng đồng và hệ sinh thái xung quanh của các DA. Với sự hỗ trợ từ phía IFC, GEC đã xây dựng và áp dụng khuôn khổ nghiêm ngặt trong hoạt động đánh giá các tác động của môi trường như nguồn nước, sinh vật sống, văn hóa bản địa... trước khi đưa ra bất kỳ các quyết định đầu tư DA nào. Trong gần 5 năm áp dụng các tiêu chuẩn Quốc tế trong lĩnh vực triển khai đầu tư DA Năng lượng và vận hành các NM Điện, trong đó nổi bật là 7 Tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội do IFC ban hành, 2 Tiêu chuẩn Môi trường - GRI 300, Xã hội - GRI 400; GEC đã tích lũy đầy đủ kiến thức và có đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm để đưa các quy định đi vào thực tiễn, sâu sát trong từng hoạt động đầu tư của Công ty vì mục tiêu lớn và dài hạn.

Số Văn bản	Tên Văn bản
54/2019/QH14 26/11/2019	LCK 2019
59/2020/QH14 17/6/2020	LDN 2020
153/2020/NĐ-CP 31/12/2020	Quy định về chào bán, giao dịch Trái phiếu Doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán Trái phiếu Doanh nghiệp ra thị trường Quốc tế
155/2020/NĐ-CP 31/12/2020	Quy định chi tiết thi hành một số điều của LCK
156/2020/NĐ-CP 31/12/2020	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK
96/2020/TT-BTC 16/11/2020	Hướng dẫn CBTT trên TTCK
01/2020/NĐ-CP 4/1/2021	Quy định về đăng ký doanh nghiệp

CHỦ ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH CÁC VĂN BẢN NỘI BỘ ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG NĂM 2020

ĐỐI VỚI CÁC DA NLTT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT



Ông Đặng Văn Thành - Chủ tịch Tập đoàn TTC phát biểu tại ĐHCĐ thường niên Năm Tài chính 2019

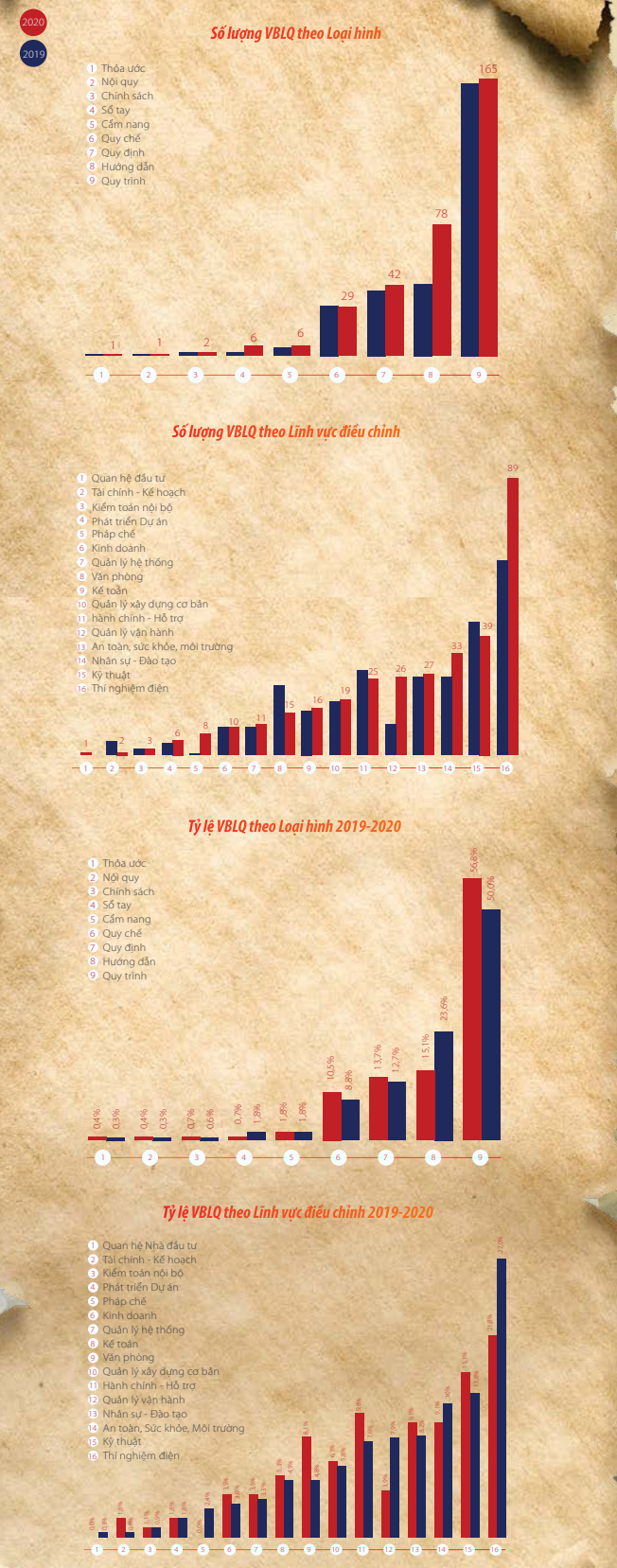
Tại GEC, HĐQT luôn đưa ra những mục tiêu chiến lược, chú trọng và đôn đốc ĐBĐH thực hiện xây dựng và hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý, đảm bảo Công ty vận hành hiệu quả trong khuôn khổ Pháp luật. GEC đã chủ động cập nhật lại, ban hành các VBLQ nội bộ, thực hiện các buổi thảo luận chuyên đề chia sẻ đối với các Đơn vị liên quan để sẵn sàng nguồn lực, tuân thủ các tiêu chuẩn mới; phân tích và phổ biến thông qua Bản tin Pháp lý định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất khi có Văn bản Luật quan trọng mới phát sinh; hướng đến bảo vệ cao hơn quyền, lợi ích của CĐ và thu hút thêm nhiều NĐT mới. Trong năm, HĐQT đã thông qua việc ban hành và sửa đổi 137 VBLQ, nâng tổng số VBLQ đang lưu hành lên 330 VBLQ so với con số 285 của năm 2019.

ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Ngày Hội trồng cây

Trong năm 2020, GEC tiếp tục kiện toàn khuôn khổ VBLQ trong lĩnh vực An toàn, Sức Khỏe, Môi trường với việc liên tục rà soát và ban hành thêm mới 7 VBLQ. Các VBLQ này được xây dựng để đáp ứng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Bộ Tiêu chuẩn được Quốc tế công nhận, tiêu chuẩn này được xem là khung chuẩn và định hướng giúp GEC tổ chức và quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường. GEC đã và đang xem việc tuân thủ các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường chính là một trong các mục tiêu quan trọng nhất trong định hướng kinh doanh dài hạn của Công ty, trích riêng một phần ngân sách để thực hiện các mục tiêu này và nỗ lực thực hiện để hướng đến PTBV.





CHUỖI GIÁ TRỊ KHÉP KÍN VỀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI GEC

GEC đang vận hành Chuỗi Giá trị khép kín trong mảng NLTT từ khâu Phát triển DA và M&A, Pháp lý, Thiết kế và Thi công Xây dựng đến Vận hành NM Điện bao gồm Dịch vụ mảng NLTT và Kinh doanh thương mại. GEC tiếp tục hoàn thiện Mô hình kinh doanh để thích nghi với điều kiện thị trường luôn thay đổi, vừa để đa dạng hóa nguồn thu, đảm bảo tăng trưởng bền vững các Chỉ tiêu Kinh doanh, đặc biệt là phát huy các Chỉ số Sinh lời vốn đang là thế mạnh trong HĐQT của GEC.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

ĐẦU VÀO

NHÂN SỰ

538 NHÂN SỰ CHÍNH THỨC

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT từ Tài chính, Phát triển DA đến Vận hành

TÀI CHÍNH

2.712 TỶ ĐỒNG
VỐN 2020

7.773 TỶ ĐỒNG
TTS 2020

601 TỶ ĐỒNG
VỐN VAY NGẮN HẠN 2020

4.305 TỶ ĐỒNG
NỢ PHẢI TRẢ 2020

Mở rộng mối quan hệ với các Định chế tài chính trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn vốn huy động đa dạng từ cả kênh Thị trường tiền tệ và Thị trường vốn; đặc biệt là tín dụng nhà thầu, phục vụ nhu cầu vốn phát triển DA

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

2.000-2.520 GIỜ NẮNG

4,6-5,3 KWH/M²/NGÀY BỨC XẠ

TỐC ĐỘ GIÓ BÌNH QUÂN **6,3** M/S

CAO NHẤT **27** M³/S

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH

Các DA NLTT của GEC trước khi thi công đều được khảo sát kỹ càng để đảm bảo hiệu suất và hiệu quả hoạt động tối ưu nhất

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

7 TIÊU CHUẨN IFC PS1-7

2 TIÊU CHUẨN GRI 300, 400

Đáp ứng Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam, Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội của IFC và Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo PTBV Quốc tế GRI Hợp nhất gồm Kinh tế, Môi trường và Xã hội

PHÁT TRIỂN DA VÀ M&A

Bổ sung quy hoạch
Tự triển khai và tìm kiếm
Tư vấn M&A

PHÁP LÝ

Tư vấn thiết kế
Tư vấn chuyên ngành Điện
Tư vấn ký kết PPA

THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG

Cung cấp thiết bị
Xây lắp, cơ khí, tổng thầu EPC

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

88 TỶ ĐỒNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật cao nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của NM, tối ưu hóa sản lượng và Doanh thu; cũng như thương mại hóa ra thị trường

VẬN HÀNH

NHÀ MÁY ĐIỆN

13
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

5
NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI

3
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ

3 LOẠI HÌNH DỊCH VỤ MẢNG NLTT

Quản lý Vận hành
Thí nghiệm Dịch vụ
Dịch vụ Kỹ thuật

KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Cung cấp các thiết bị Năng lượng như Robot lau Pin, Inverter, Pin, các sản phẩm dịch vụ liên quan đến Ngành NLTT

TIÊU THỤ

ĐẦU RA

SẢN LƯỢNG ĐIỆN 2020

Đảm bảo tiêu chuẩn vận hành Ngành Điện
Đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường
Đảm bảo hiệu quả về Doanh thu và Lợi nhuận

CUNG CẤP ĐIỆN TRỰC TIẾP CHO EVN

- Hợp đồng mua bán điện 20 năm cho Điện Mặt trời và Điện Gió, tương lai sẽ là đấu thầu cho Điện Mặt trời
- Biểu giá Chi phí tránh được hàng năm cho Thủy điện

CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Các Công ty hoạt động trong lĩnh vực NLTT đặc biệt là Điện Mặt trời và Điện Gió

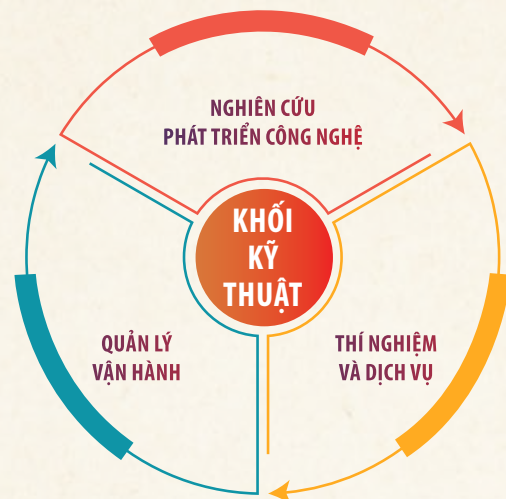
CUNG CẤP CÁC THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG

Khách hàng tiềm năng là Doanh nghiệp và Cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLTT.



HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT - TIẾT KIỆM CHI PHÍ - TĂNG DOANH THU

KHỐI KỸ THUẬT PHỤ TRÁCH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT - NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ, QUẢN LÝ VẬN HÀNH (O&M) VÀ THÍ NGHIỆM DỊCH VỤ, TẬP TRUNG CHUẨN HÓA VÀ HOÀN THIỆN CÁC GIẢI PHÁP NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NHẪM TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT - TIẾT KIỆM CHI PHÍ - TĂNG DOANH THU. NGOÀI VIỆC ĐƯA VÀO ỨNG DỤNG THỰC TIỄN TẠI GEC, MỘT SỐ SẢN PHẨM VÀ SÁNG KIẾN CÒN ĐƯỢC THƯƠNG MẠI HÓA NHƯ ROBOT LAU PIN MẶT TRỜI, DỊCH VỤ O&M NM ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN ĐỂ ĐA DẠNG CÁC NGUỒN THU CHO GEC.



DỊCH VỤ KỸ THUẬT - TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Trong những năm vừa qua hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D) của GEC luôn được chú trọng nhằm cải tiến kỹ thuật đảm bảo các NM Điện hoạt động liên tục, gia tăng sản lượng, nâng cao hiệu quả vận hành. Đây cũng là cơ sở để duy trì và cải thiện hơn nữa Doanh thu cũng như các Chỉ số sinh lời của Công ty. Cải tiến công nghệ cũ của các NM thay bằng công nghệ mới để tự động hóa, lưu trữ số liệu, báo cáo phân tích, đánh giá hiệu quả thiết bị. Đội ngũ Kỹ thuật nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành đã phát minh và chế tạo các công nghệ mới vừa để sử dụng nội bộ, vừa phục vụ mục tiêu thương mại hóa nhằm đa dạng nguồn thu. Bộ phận R&D nghiên cứu các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo AI và IoT để tìm kiếm giải pháp, cơ hội ứng dụng tối ưu trong HĐKD của GEC như Hệ thống giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời; Sản xuất Robot Lau pin đại trà ứng dụng cho các NM Điện Mặt trời; Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc Khí tượng thủy văn NM Thủy điện; Hệ thống Điện Mặt trời tự động xoay theo hướng Mặt trời và Hệ thống Điện Mặt trời Nổi.

Các sáng kiến	Chi tiết triển khai	Kết quả đạt được
Lắp đặt Hệ thống tự động hóa DCS Ayun Hạ: Hoàn thành	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận R&D đã lắp đặt thành công hệ thống tự động hóa DCS Ayun Hạ GE2 Ứng dụng phần mềm Kepare OPC Server và phần mềm HMI/SCADA Indusoft Web Software trong việc xây dựng Hệ thống DCS Ayun Hạ và kết nối dữ liệu NM về Trung tâm điều độ GEC 	<ul style="list-style-type: none"> Tự động hóa quy trình sản xuất và tối ưu hoạt động quản lý thiết bị NM Thủy điện Hoàn tất cài tạo hệ thống tự động hóa DCS Ayun Hạ trong năm 2020
Lắp đặt trạm Khí tượng Thủy văn - Hoàn tất lắp đặt 2 trạm - Đang triển khai 3 trạm, dự kiến hoàn thành tháng 1/2021	<ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng công nghệ truyền dữ liệu không dây LORA tích hợp dữ liệu đám mây và HTTP trong việc xây dựng WebApp cho Trạm để tối ưu hiệu quả quản lý Đang triển khai 3 Trạm NM Thủy điện khác là H'Chan, H'Mun và Ayun Thượng 1A, dự kiến hoàn thành tháng 1/2021 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ quy định Nhà nước liên quan tới Kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu Khí tượng Thủy văn Lắp đặt trạm Khí tượng Thủy văn hỗ trợ GEC làm chủ trong công nghệ giám sát số liệu thủy văn, dự báo nguồn nước và nâng cao hiệu quả vận hành Đưa vào hoạt động Khí tượng Thủy văn tại 2 NM Thủy điện là Đrăng 1 và la Đrăng 2 Thương mại hóa, nhận thầu lắp đặt trạm Khí tượng Thủy văn cho các NM Thủy điện khác
Hệ thống Điện Mặt trời tự động xoay theo hướng Mặt trời (Solar Tracking System): Hoàn tất thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống hỗ trợ thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả so với hệ cố định Chế tạo hệ mẫu 20,7kWp, GEC ghi nhận kết quả sản lượng tăng từ 15%-25%, được kiểm chứng bằng việc thu thập dữ liệu 1 năm tại cùng vị trí giữa hệ xoay và hệ cố định 	<ul style="list-style-type: none"> Tối ưu hóa sản lượng, nâng cao hiệu quả phát điện Duy trì nghiên cứu phát triển, thiết kế và lắp đặt để có thể hoàn toàn làm chủ công nghệ Hoàn thành lắp đặt vận hành thử nghiệm và thu thập số liệu hệ thống Tracking Solar Hướng đến chế tạo đại trà cho các NM Điện Mặt trời khác trên thị trường vì đối với Điện Mặt trời cố định, khi hết giá FIT 2, đơn giá sẽ giảm do đó việc gia tăng 15-25% sản lượng là phương án tối ưu để bù đắp phần Doanh thu giảm
Hệ thống Giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Năng Lượng Mặt trời (PV String Monitoring): Hoàn thành	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành xây dựng 1 hệ thống giám sát thông số đầu vào các chuỗi PV để theo dõi hiệu suất, phát hiện các bất thường Lắp đặt và đưa vào sử dụng module giám sát PV String Monitoring, việc thu thập dữ liệu các dây tẩm Năng lượng Mặt trời được thực hiện liên tục 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi và giám sát hiệu suất dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời, phát hiện các bất thường để có biện pháp phòng ngừa Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng Module giám sát PV String Monitoring Hỗ trợ đánh giá hiệu suất và phát lệnh cảnh báo bất thường về các lỗi string giúp ngăn ngừa các rủi ro của hệ thống
Cải tiến dòng sản phẩm GECBots R1: Hoàn thành	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp vật liệu chế tạo, trang bị 2 chổi, tích hợp webapp, camera giám sát... 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao hiệu suất làm sạch, giảm trọng lượng và độ an toàn vận hành Hoàn tất nâng cấp và giá bán lần lượt cho Loại 2 chổi và 1 chổi là 120 và 109 triệu đồng Giá bán Robot cải tiến cao hơn 39% so với giá cũ
Thương mại hóa sản phẩm R&D: Đang triển khai	<ul style="list-style-type: none"> Thương mại hóa sản phẩm GECBots Cung cấp dịch vụ lắp đặt trạm Khí tượng Thủy văn cho Khách hàng bên ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> Đa dạng hóa nguồn thu cho GEC, nâng cao thương hiệu Công ty Doanh thu đóng góp năm 2020 tăng gấp 10 lần so với năm 2019.

QUẢN LÝ VẬN HÀNH (O&M) - CƯỜNG CỐ VÀ PHÁT HUY ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

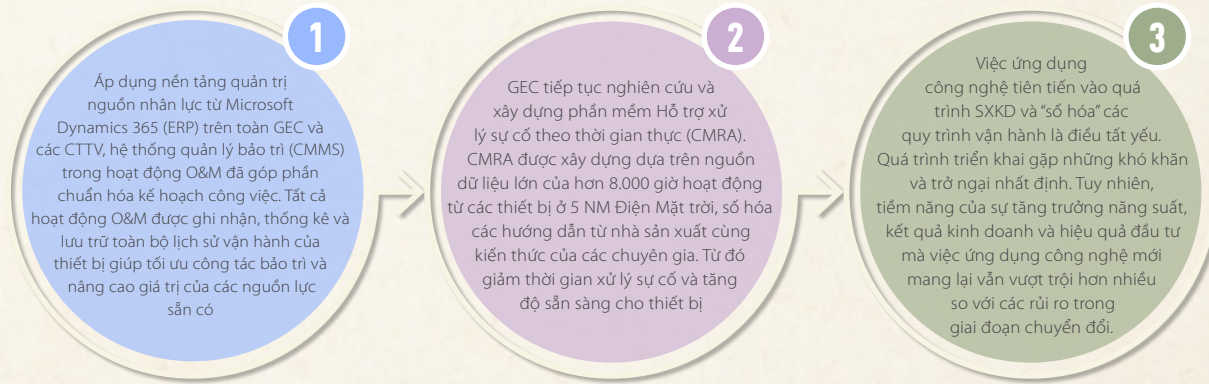
GEC là Công ty tiên phong trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam với 2/5 NM Điện Mặt trời đầu tiên Phong Điền - Huế và Krông Pa - Gia Lai công suất 117 MWp đã COD vào cuối năm 2018. Hai NM này trung bình mỗi năm đóng góp hơn 360 tỷ đồng Doanh thu và 217 tỷ đồng LNG. Trong năm 2020, Biên LNG trung bình của 5 NM Điện Mặt trời tại GEC vào khoảng 61%/năm, cao hơn trung bình Ngành ở mức 35%. GEC luôn chú trọng và nâng cao kỹ năng của Đội ngũ Vận hành và Bảo trì - O&M. Kế hoạch xây dựng đội ngũ O&M được đặt ra và chuẩn bị đồng bộ với kế hoạch xây dựng các NM. Xuyên suốt giai đoạn 2019-2020, việc đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ thuật được thực hiện từ Đội ngũ Giám sát, Phân tích và Chuẩn đoán sớm tại Văn phòng Điều hành từ xa đến Kỹ sư, Kỹ thuật viên vận hành tại mỗi Nhà máy.

các hệ thống Điện Mặt trời Áp mái 34 MWp... Hai năm đồng hành cùng Công ty, Ông và thương hiệu GEC xuất hiện tại nhiều Hội thảo lớn về Năng lượng của Việt Nam cũng như Quốc tế "APAC Solar Energy Digital Event 2020", "Renewable Asset Management in Vietnam"... với tư cách Diễn giả để chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về tối đa hóa hiệu quả vận hành các DA Điện Mặt trời, các cơ hội và thách thức trong bối cảnh bùng nổ Điện Mặt trời tại Việt Nam.

Tiếp tục kiên trì toàn các hoạt động liên quan đến Kỹ thuật, GEC đã bổ nhiệm Ông JitheshDev Kunyil - Quốc tịch Ấn Độ vào vị trí Giám đốc O&M - Lĩnh vực NLTT. Ông Jithesh tốt nghiệp một trong những Trường Đại học trung tâm nổi tiếng nhất của miền Nam Ấn Độ với bằng First Class; tiếp tục con đường học vấn với 2 tấm bằng Thạc sỹ với xếp hạng First Class về Khoa học Vật liệu và Công nghệ và Kỹ sư Vật liệu. Ông có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Khoa học Kỹ thuật, 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT và 4 năm là Quản lý cấp cao tại các Công ty Năng lượng lớn Châu Á. Ông có những thành tựu đáng kể trong việc vận hành và bảo trì các NM Điện Mặt trời với quy mô lên đến 400 MWp;

Tại GEC, Ông Jithesh đang cùng đội ngũ Kỹ thuật thực hiện các kế hoạch trọng tâm như Triển khai hệ thống ERP để kiểm soát tồn kho, theo dõi công tác bảo trì; giới thiệu các công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu suất các Nhà máy như công nghệ làm sạch nano, quét nhiệt bằng máy bay không người lái, thiết lập phòng thí nghiệm Điện Mặt trời với chứng nhận ISO; triển khai hệ thống trung tâm điều khiển từ xa tại GEC... Dựa trên đặc tính riêng của thiết bị, khuyến nghị của nhà sản xuất và các tiêu chuẩn Quốc tế, trong suốt vòng đời, chương trình O&M được triển khai, lên kế hoạch để chủ động về nguồn lực, chi phí và các phương án thực hiện. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng về chất, cùng với văn hóa vận hành mở, phối hợp và chia sẻ kiến thức thường xuyên, Đội ngũ O&M đã chứng minh hiệu quả khi hiệu suất chuyển đổi của các NM đạt 80%, vượt 101% so với kế hoạch; độ sẵn sàng đạt 99,3%, vượt 101% so với kế hoạch.

Các hoạt động điển hình trong năm 2020



Kế hoạch O&M các DA Điện Gió 2021

Với kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động O&M các DA Điện Mặt trời và trong giai đoạn thi công, GEC đang chuẩn bị nguồn lực để chuẩn bị công tác O&M các DA Điện Gió sắp triển khai

Bước đầu, GEC sẽ phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu bảo hành Turbine, tăng cường công tác dự báo sản lượng và an toàn thiết bị

Sự khác biệt giữa một NM vận hành bình thường và NM hiệu suất cao là phụ thuộc lớn vào chất lượng hoạt động O&M.

5 ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

SOLAR TRACKING SYSTEM
↑ 15%-25% SẢN LƯỢNG

GECBOTS
PHIÊN BẢN CẢI TIẾN - GIÁ BÁN CAO HƠN 39%

O&M
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ

THÍ NGHIỆM
CUNG CẤP DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM ĐIỆN VÀ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN ĐIỆN



HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT - TIẾT KIỆM CHI PHÍ - TĂNG DOANH THU (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM VÀ DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HÓA DỊCH VỤ

NGOÀI VIỆC ỨNG DỤNG CHO CÁC NM THỦY ĐIỆN VÀ ĐIỆN MẶT TRỜI CỦA GEC, HIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM DỊCH VỤ ĐANG CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG BÊN NGOÀI NHẦM GIA TĂNG THU NHẬP VÀ TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD. TÌM KIẾM, CUNG CẤP DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH CHO KHÁCH HÀNG BÊN NGOÀI VỚI DOANH THU HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH 153%.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Cung cấp dịch vụ thử nghiệm điện theo ND 107/2016/ND-CP Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp ngày 1/7/2016 và QĐ 332.2020/QĐ-VPCNCL của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 7/4/2020 mang số hiệu VILAS 878 đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với chức năng hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm điện - điện tử
- Cung cấp dịch vụ kiểm định an toàn điện theo TT 33/2015/TT-BCT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện ngày 27/10/2015 và Giấy Chứng Nhận 3579/GCNHĐKB-BCT do BCT cấp 19/9/2017 với chức năng hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện làm việc ở môi trường không nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có điện áp từ 1 kV trở lên

TẦM QUAN TRỌNG

- Tiết giảm tối đa thời gian dừng hoạt động của máy do sự cố, thay thế, sửa chữa thiết bị trước khi đưa vào vận hành
- Đảm bảo an toàn điện cho thiết bị, con người và hệ thống điện của NM
- Việc tổ chức thực hiện tốt công tác thí nghiệm đi đôi với bảo dưỡng sẽ góp phần nâng cao tuổi thọ làm việc của thiết bị và giảm thiểu đến mức thấp nhất các sự cố xảy ra trên thiết bị, đảm bảo sự vận hành tin cậy và nâng cao độ ổn định của hệ thống điện
- Kiểm tra, thử nghiệm phát hiện các khuyết tật (không thể chấp nhận được) để có thể kịp thời bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế sẽ đem lại hiệu quả trong công tác vận hành các NM điện
- Nâng cao sự an toàn của cách điện

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

Hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống điện:

- Thử nghiệm, kiểm định an toàn điện cho toàn bộ 18 NM Thủy điện và Điện Mặt trời
- Thử nghiệm, kiểm định an toàn điện cho NM Kênh Bắc sau khi đã chuyển nhượng
- Thực hiện các thủ tục pháp lý, quản lý và giám sát thi công 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái đang vận hành

Tái đánh giá ISO/IEC 17025:2017

- Hoàn thành và được Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng (BoA) của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy Chứng nhận 7/4/2020
- Đăng ký bổ sung 7 sản phẩm thử nghiệm mới và được BCT cấp Giấy phép 22/10/2020

Tái đánh giá ISO 9001:2015

- Hoàn thành và được Quatest 2 cấp Giấy Chứng nhận 23/11/2020

GECBots

Sản phẩm luôn được nâng cấp và cải tiến hàng năm. Sau hơn 1 năm thương mại hóa đã nhận được sự quan tâm của các Doanh nghiệp lớn trong Ngành NLTT như: PECC2, BIM Group, Bluescope, TTP Phú Yên, DTE, Trung Nam Group...

Sử dụng các loại hình dịch vụ

CTCP Tân Phát, CTCP Tư vấn Xây dựng Tân Phước, JUWI Renewable Energies Private Co.LTD, CTCP Năng Lượng VREC, CTCP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Công, Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa, CTCP Thí nghiệm và Kiểm định điện Miền Nam, Công ty TNHH LV Việt Nam...

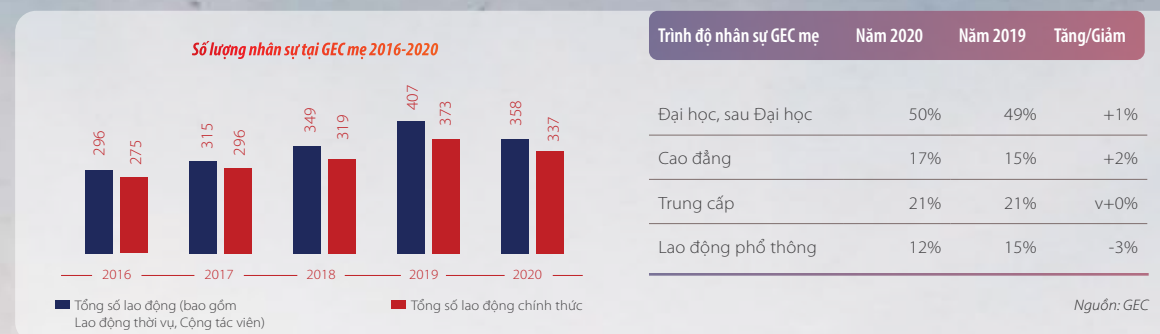
ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

CỦNG CỐ NỘI LỰC TỪ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

NHÂN SỰ LÀ NỀN TẢNG

TÍNH ĐẾN NĂM 2020, NGOÀI VIỆC DUY TRÌ VÀ HÀNH LIÊN TỤC 13 NM THỦY ĐIỆN, 5 NM ĐIỆN MẶT TRỜI; CỘNG HƯỞNG CÙNG CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT, O&M VÀ THÍ NGHIỆM DỊCH VỤ LÀ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH 37 HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI TẠI BÌNH THUẬN, GIA LAI, HẬU GIANG, HUẾ, KIÊN GIANG, LONG AN, QUẢNG NAM, SÓC TRĂNG, VŨNG TÀU, VĨNH LONG, CŨNG NHƯ GẤP RÚT XÂY DỰNG 3 DA ĐIỆN GIÓ ĐỂ KỊP VẬN HÀNH TRƯỚC THÁNG 11/2021. BÊN CẠNH ĐẦU TƯ VÀO CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT, GEC PHẢI CHÚ TRỌNG CHO VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC, ỔN ĐỊNH NHƯNG ĐẢM BẢO MỤC TIÊU TINH GỌN VÀ CHẤT LƯỢNG.

GEC không đứng ngoài trong công cuộc phát triển công nghệ, vì vậy nhân sự của GEC mẹ đã giảm 14% từ 407 người xuống còn 358 người nhờ vào việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động quản lý và sản xuất. Toàn GEC Group trong năm 2020 có 9 Công ty được thành lập nhưng số lượng nhân sự chỉ tăng thêm 3% so với năm 2019, đưa nhân sự toàn GEC Group lên 634 trong đó có 96 kiêm nhiệm. GEC đã tăng cường cử kiêm nhiệm nhân sự tại các CTTV nhằm tối ưu hóa được nguồn lực, tiết kiệm được chi phí vận hành bộ máy và tận dụng được chất lượng nguồn lực để nâng cao năng suất lao động cũng như tạo cơ hội phát triển cho các nhân sự được điều chuyển. Từ 2019 sang 2020, số lượng nhân sự cử kiêm nhiệm tại các Công ty con trong GEC Group tăng từ 30 vị trí lên 96 vị trí. Tỷ lệ điều chuyển của năm 2020 khoảng 3%. Để đáp ứng các tiêu chuẩn cao trong việc mở rộng danh mục đầu tư, vận hành các DA NLTT, trình độ học vấn nhân sự GEC cũng có sự thay đổi tích cực khi tỷ lệ lao động có trình độ từ Trung cấp trở lên tăng 3% so với năm 2019.



Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh, GEC vẫn chăm lo cho đời sống CBNV bằng việc thay đổi các chính sách tiền lương phù hợp để giữ chân những nhân sự giỏi. Quỹ lương năm 2020 của GEC theo đó đạt 76,3 tỷ đồng, tăng 3% so với 2019. Trong đó, Quỹ lương Khối Thủy điện đạt gần 20 tỷ đồng, tương đương 26% Quỹ lương và Khối Điện Mặt trời khoảng 6 tỷ đồng, tương đương 8% Quỹ lương. Đây là 2 Khối hoạt động tính lương theo Doanh thu, vừa đảm bảo chế độ thu nhập cho CBNV, vừa là động lực để gia tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả kinh doanh. So với năm 2019, tỷ lệ Quỹ lương theo từng Khối không thay đổi trọng yếu.

Làm Đồng - khoảng 9-10 triệu đồng/tháng. Mặc dù năm 2020 vừa qua là một năm toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải cùng nhau gồng mình chống dịch, việc thu nhập CBNV tăng lên chứng minh sự nỗ lực và của toàn thể BDH cũng như phản ánh chất lượng công việc của từng CBNV. Trong năm 2021, Quỹ lương của GEC dự kiến đạt 98 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2020 do Công ty chính thức vận hành 3 DA Điện Gió. Thu nhập bình quân năm 2021 dự kiến đạt 21 triệu đồng/người/tháng, tăng 17% so với năm 2020. Năng suất lao động năm 2020 duy trì ở mức cao khi Doanh số đạt 40 triệu đồng/người/tháng, tăng nhẹ so với năm 2019 trong đó Năng suất lao động Khối Thủy điện đạt 126 triệu đồng/người/tháng và Khối Điện Mặt trời đạt 365 triệu đồng/người/tháng.

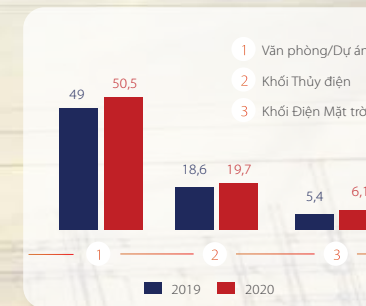
Thu nhập bình quân của CBNV đạt 18 triệu đồng/tháng, tăng 13% so với 2019. Trong đó, Lương bình quân Khối Thủy điện đạt 11 triệu đồng/tháng ngang trung bình Ngành đối với Thủy điện vừa và nhỏ và Khối Điện Mặt trời đạt 14 triệu đồng/tháng, cao hơn khoảng 4% so với trung bình Ngành - 13,5 triệu đồng/tháng đối với các NM Điện Mặt trời có công suất tương đương. Đây là mức lương cạnh tranh tại các Địa phương cũng như các Doanh nghiệp trong Ngành. Tính chung cho GEC, lương bình quân của CBNV bao gồm Khối Văn phòng vào khoảng 18 triệu đồng/tháng, tăng 13% so với cùng kỳ, tương đương với mức trung bình trên thị trường tại Khu vực TP HCM và lân cận khoảng 18-20 triệu đồng/tháng và gần gấp đôi so với mức trung bình trên thị trường tại các Khu vực khác như Gia Lai, Huế,

ĐỂ TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ CÁC KIẾN THỨC PHỤC VỤ CHO CÔNG VIỆC, TĂNG TÍNH GẮN BÓ, THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG TRÊN THỊ TRƯỜNG, CŨNG NHƯ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CBNV, CÔNG TY ĐÃ XÂY DỰNG CÁC CHÍNH SÁCH HẤP DẪN BAO GỒM CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO - PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC; CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ; CHÍNH SÁCH LƯƠNG, PHÚC LỢI VÀ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC NGOÀI LƯƠNG.

Quỹ lương và Thu nhập bình quân 2016-2020 của GEC mẹ



Quỹ lương theo từng Khối của GEC mẹ 2019-2020 (ĐVT: tỷ đồng)



CỦNG CỐ NỘI LỰC TỪ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)

CÔNG TY ĐỂ CAO VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC, LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ, LÀ YẾU TỐ HẠT NHÂN TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO LUÔN ĐƯỢC CHÚ TRỌNG VỚI NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC TẾ ĐỂ DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Mục tiêu năm 2020	Thành quả nổi bật 2020	Định hướng 2021
<ul style="list-style-type: none"> Mọi CBNV đều được tham gia đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng GEC tăng cường công tác Đào tạo nội bộ. Nội dung chương trình bám sát thực tiễn hoạt động, lý thuyết và thực hành được gắn kết ngay trong buổi đào tạo, kinh nghiệm của các nhân sự đi trước được truyền đạt lại cho thế hệ sau. Các hoạt động đào tạo này linh hoạt trong khâu tổ chức và tiết kiệm chi phí cho Công ty Lực lượng nhân sự tham gia vào quá trình triển khai các DA NLTT được đào tạo thường xuyên liên tục dưới hình thức kèm cặp - Trưởng Bộ phận đào tạo cho nhân viên qua quá trình làm việc Lực lượng nhân sự vận hành các DA NLTT được bồi dưỡng định kỳ về công tác vận hành, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ... theo Quy định của Pháp luật liên quan Lực lượng nhân sự Khối Văn phòng được đào tạo chuyên sâu trong từng lĩnh vực 	<ul style="list-style-type: none"> Với định hướng phát triển NLTT là xu hướng toàn cầu, Công ty tiến hành nâng cao trình độ của đội ngũ Kỹ sư, Kỹ thuật tiếp cận công nghệ mới, hiện đại thông qua các Chương trình đào tạo của Nhà thầu, Nhà cung cấp như Chương trình Kỹ sư bảo trì do Nhà thầu Toshiba Mitsubishi Electric Industrial Corporation tổ chức, Chương trình Quy trình sản xuất pin tại Nhà máy thuộc Chint Solar Nguồn nhân lực được đánh giá tổng hợp trên 4 khía cạnh Kiến thức, Kinh nghiệm, Kỹ năng và Thái độ. Công tác đào tạo đã đa dạng hóa hình thức phù hợp với thời đại như Kèm cặp; Đào tạo qua làm việc; Đào tạo Nội bộ dưới sự dẫn dắt của các Giảng viên nội bộ có bề dày kinh nghiệm, chuyên môn sâu rộng; Đào tạo dưới hình thức Workshop với Người điều phối có uy tín; Đào tạo trực tuyến qua video conference và E-learning Năm 2020, Công ty đã tổ chức 45 chương trình đào tạo với 708 lượt học viên, 856 giờ đào tạo với tổng chi phí 355 triệu đồng, gần tương đương so với 2019. Tuy tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nhưng Công ty đã hoàn thành các mục tiêu đào tạo đạt ra với chi phí tiết giảm nhờ linh hoạt trong công tác tổ chức, đa dạng các hình thức đào tạo và triệt để phát huy nguồn lực nội bộ hiện có 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung đào tạo cho nhóm nhân sự Kỹ thuật (Chuyên gia, Kỹ sư, Kỹ thuật) về công nghệ, kỹ thuật sản xuất năng lượng từ nguồn NLTT Đào tạo các khóa theo Luật định: Đào tạo các nội dung liên quan đến điều độ, vận hành hệ thống điện nhằm đảm bảo điều kiện tham gia kiểm tra, cấp chức danh vận hành; đào tạo an toàn vệ sinh lao động; đào tạo an toàn điện... nhằm đảm bảo lực lượng vận hành luôn đủ điều kiện theo các quy định cụ thể đối với Ngành Năng lượng Xây dựng chính sách hỗ trợ 1 phần - toàn bộ chi phí đào tạo (tùy từng đối tượng) nhằm gây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt trong mỗi lĩnh vực chuyên môn Đẩy mạnh trao đổi, học tập trong nội bộ để kiến thức, kinh nghiệm tích lũy được san sẻ cho nhiều đối tượng. Để đạt được điều này, lực lượng Giảng viên nội bộ cần tiên phong đi đầu trong việc tiếp cận kiến thức mới và ngày càng hoàn thiện kỹ năng Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng mềm cho CBNV các cấp: Công ty xác định nhu cầu thông qua khảo sát thực tế, đánh giá kỹ năng của cấp Quản lý trực tiếp và tổ chức đào tạo kỹ năng mềm bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp, hiệu quả Dự kiến năm 2021, Công ty sẽ triển khai 49 chương trình đào tạo với 1.548 giờ đào tạo, chi phí dự kiến 905 triệu đồng, trong đó các nhóm đối tượng đều được tham gia đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> Quản lý cấp cao: Các chương trình về xu hướng quản trị mới, mô hình tái tạo doanh nghiệp; Quản lý cấp trung: Chương trình chuyên môn cho từng chức danh như GD Tài chính, GD Kinh doanh, GD KTNB... Nhân sự tiềm năng, kế thừa: Các khóa nâng cao kỹ năng chuyên môn ở trình độ chuyên sâu; khóa Quản lý cấp trung tiềm năng TTC để nâng cao năng lực quản lý Chuyên viên/Nhân viên: Các chương trình nâng cao nghiệp vụ và nâng cao kỹ năng mềm.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

MUỐI TIÊU

- GEC duy trì môi trường làm việc tốt, ổn định; khuyến khích sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nội bộ trong quá trình thực hiện mục tiêu kinh doanh
- GEC không ngừng đổi mới các chính sách nhân sự theo hướng linh động, phù hợp và thích ứng với sự thay đổi của tình hình kinh tế chịu nhiều biến động vì dịch bệnh trong nước và thế giới

Chỉ tiêu	Các nội dung chính trong đổi mới Chính sách Nhân sự tại GEC năm 2020	Định hướng 2021
Tuyển dụng	Tuyển dụng minh bạch, với các quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, khách quan. Tất cả các ứng viên đều có cơ hội ngang nhau khi tham gia vào hoạt động tuyển dụng	- Tiếp tục duy trì và nâng cao các chính sách tuyển dụng của Công ty - Tim hiểu và đăng ký tham gia một số giải thưởng về Nhân sự để nâng cao giá trị thương hiệu GEC
Đào tạo	Tiếp tục duy trì chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực; Cung cấp những chương trình đào tạo phù hợp nhằm giúp CBNV phát triển chuyên môn một cách chuyên nghiệp, phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ cốt lõi, bồi dưỡng củng cố cho đội ngũ nhân sự kế thừa	- Chương trình đào tạo sẽ định hướng theo 2 tiêu chí: + Đào tạo cho toàn bộ các CBNV theo nhu cầu phù hợp: Đào tạo nội bộ và Đào tạo bên ngoài bao gồm Đào tạo Kỹ năng mềm và Đào tạo Chuyên môn + Đào tạo nhân sự kế thừa theo danh sách những nhân sự tiềm năng được tuyển chọn theo quy trình chuẩn
Tái cấu trúc	- Công tác tinh giảm nhân sự theo lộ trình tái cấu trúc của Công ty, giải quyết hài hòa mềm mỏng quyền lợi của người lao động và đảm bảo hợp lý, hợp tình và đạt sự đồng thuận của người lao động - Tất cả các trường hợp tinh giảm đều được hỗ trợ tương xứng để ổn định cuộc sống trong thời gian sắp xếp lại công việc	- Cơ cấu nhiệm vụ nhân sự phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và chất lượng công việc - Tiếp tục tuyển dụng nhân sự để đảm bảo vận hành các NM Điện Gió ổn định và hiệu quả
Hoạt động kiểm nhiệm	- Tăng cường công tác bổ nhiệm nội bộ, cử kiểm nhiệm trong hệ thống GEC Group nhằm phát triển nhân tài, phát huy hiệu suất của nguồn lực hiện có và tiết giảm chi phí - Trong 15 CTTV của GEC có 9 Công ty đang phát triển DA và BLĐ của 9 Công ty này đều do nhân sự GEC kiêm nhiệm. Năng lực của đội ngũ nhân sự được cử kiểm nhiệm cùng cơ chế Quản trị Điều hành phù hợp đã đảm bảo các Công ty vận hành đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả và tiết kiệm	- Tiếp tục tìm kiếm và hoàn thiện đội ngũ nhân sự kế thừa/tiềm năng - Xây dựng chính sách phát triển cho đội ngũ nhân sự kế thừa thông qua phân công kiểm nhiệm công việc/bổ nhiệm thử thách tại GEC hoặc các CTTV
Quản lý năng suất lao động	- Áp dụng đánh giá năng suất lao động dựa trên KPIs - Thực hiện đánh giá năng lực nhân viên một cách khách quan và toàn diện, từ đó đưa ra mức thu nhập phù hợp, tạo động lực lao động sáng tạo đối với CBNV	- Rà soát, hoàn thiện, cải tiến hệ thống KPIs theo thực tế, tránh lý thuyết; nhằm đánh giá đúng người đúng việc, tạo động lực thúc đẩy hiệu quả lao động cho CBNV.

Chỉ tiêu	Các nội dung chính trong đổi mới Chính sách Nhân sự tại GEC năm 2020	Định hướng 2021
Đảm bảo công việc mùa Covid	- Làm việc linh động phù hợp với tình hình biến đổi do Dịch Covid: + Thành lập Ban Chống Covid - theo sát biến động xã hội và chủ trương của Chính phủ trong thời gian chống dịch, tuyên truyền đến toàn thể CBNV + Thường xuyên cập nhật, tổng hợp báo cáo công tác phòng chống Dịch tại Công ty + Áp dụng việc sắp xếp làm việc linh động tại nhà, đảm bảo hiệu quả công việc + Thực hiện tiết giảm chi phí nhân sự phù hợp để cùng Công ty vượt qua khó khăn trong thời gian chống Dịch	- Theo sát diễn biến tình hình Dịch bệnh, chuyển biến và mức độ phức tạp, Ban Phòng chống Covid lên kế hoạch ứng phó phù hợp, đảm bảo an toàn cho sức khỏe CBNV và hoạt động liên tục của Công ty - Áp dụng các hình thức kiểm soát y tế, khai báo y tế theo công nghệ mới, vừa đảm bảo chất lượng theo dõi vừa tiết kiệm thời gian của CBNV để không ảnh hưởng năng suất lao động.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, PHÚC LỢI, CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC NGOÀI LƯƠNG

Trong năm 2020, GEC tiến đến xây dựng và hoàn thiện chính sách lương, chế độ với 2 mục tiêu xuyên suốt là thu hút - gìn giữ người lao động giỏi và tạo động lực làm việc cho người lao động; đồng thời hài hòa quan hệ giữa Chi phí và Năng suất. Tiến lương bình quân chi trả cho Người lao động phản ánh đúng năng lực chuyên môn, phù hợp với mặt bằng chung tại địa phương, đảm bảo chi phí cuộc sống tại từng khu vực. Chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương cũng là động lực quan trọng để gia tăng năng suất lao động của từng CBNV, phục vụ tăng trưởng Doanh thu và Lợi nhuận cho Công ty.

Mục tiêu	Thành quả nổi bật 2020	Định hướng 2021
Đảm bảo xây dựng chính sách tiền lương linh hoạt phù hợp với yêu cầu khách quan của môi trường kinh doanh, quy chế, định chế của Pháp luật - công khai, công bằng và hợp lý	- Xây dựng chế độ lương khách quan, công bằng, tương ứng với phạm vi công việc và kết quả đánh giá hiệu quả. Mức lương bình quân đảm bảo mức sống cơ bản cho CBNV nhưng vẫn phù hợp với tình hình tài chính Công ty - Áp dụng Chính sách Tiền lương chi trả theo thực tế Doanh thu tại các Đơn vị Sản xuất, khuyến khích tinh thần làm việc, gắn liền giữa trách nhiệm và thu nhập được hưởng; đồng thời tạo động lực làm việc để đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả, hoàn thành mục tiêu + Lương Sản xuất bao gồm Tiền lương Chức danh/Công việc (chi có định hàng tháng), Tiền lương Doanh thu (theo Đơn giá khoán và Doanh thu tính lương) và các Khoản lương ngoài Khoản (Trực Lễ, Tiền ăn giữa ca...) + Hàng tháng, 1 nhân sự sẽ được chi Tiền lương Chức danh/Công việc có định (chiếm khoảng 50% tổng Tiền lương bình quân hàng tháng) mà không phụ thuộc vào Doanh thu. Mức thu nhập này cao hơn tối thiểu Vùng và được tính toán dựa trên bình quân Ngành cũng như chi phí mức sống trong khu vực	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi, điều chỉnh và phát triển chính sách lương thông qua việc nghiên cứu mức sống tại từng Địa phương có NM NLTT cũng như Văn phòng của GEC nhằm thúc đẩy sự nỗ lực cống hiến của CBNV Đảm bảo Tiền lương của CBNV trực sản xuất không dưới 70% tiền lương bình quân kế hoạch Thực hiện rà soát đánh giá năng lực làm việc, hiệu quả công việc làm căn cứ xem xét điều chỉnh tiền lương phù hợp
Đảm bảo xây dựng chính sách phúc lợi tiến bộ, tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại; kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích của CBNV	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia và đóng góp đầy đủ, đúng thời hạn Bảo hiểm Bắt buộc đối với CBNV theo các Quy định mới của Luật Bảo hiểm Xã hội Tăng cường phối hợp với tổ chức Công đoàn trong tiến trình đổi mới hoạt động, từng bước đi vào thực chất, quan tâm thiết thực tới đời sống người lao động Bảo hiểm sức khỏe, thân thể phù hợp với từng vị trí chức danh; mở rộng tạo điều kiện người thân của CBNV tham gia với mức giá ưu đãi Bảo hiểm Nhân thọ đối với CBQL Khám sức khỏe định kỳ kết hợp khám bệnh nghề nghiệp Phối hợp tổ chức Công đoàn thường xuyên thăm hỏi đời sống CBNV Chia sẻ hỗ trợ đối với các trường hợp ốm đau Quan tâm đời sống tinh thần của CBNV Tặng quà các dịp Lễ tết, Lễ kỷ niệm, Sinh nhật, Hiếu Hy... 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục duy trì các Chế độ phúc lợi hiện hữu ưu tiên các chính sách về chăm sóc sức khỏe, đảm bảo điều kiện An toàn Lao động trong công việc cho CBNV Nghiên cứu cải thiện chế độ cho CBNV đặc biệt là CBQL và CBQL xuất sắc nhiều năm liền: Tổ chức sinh nhật cho CBQL, chế độ mua nhà giá ưu đãi thuộc Tập đoàn, du lịch nước ngoài... Phối hợp Công đoàn nghiên cứu phương án và triển khai chương trình vắc xin vi an toàn sức khỏe cho CBNV GEC Group Nâng cao giá trị ưu đãi về các gói bảo hiểm đối với CBNV Mở rộng người thân CBNV được tham gia một số chế độ với điều kiện ưu đãi
Chính sách thưởng và thu nhập khác ngoài lương và có tác động lớn đủ để tăng năng suất lao động, cạnh tranh với các Doanh nghiệp cùng Ngành	- Nâng cao thu nhập bình quân năm nhằm tăng tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng Ngành là nỗ lực lớn của BDH thông qua chính sách: + Thường tháng 13, thưởng KPI, thưởng vượt kế hoạch, thưởng hoàn thành nhiệm vụ trước kế hoạch, thưởng dự án, thưởng tiết kiệm chi phí, thưởng ESOP, thưởng huy động vốn, thưởng DA, thưởng sáng kiến, thưởng thành tích mang về cho Công ty... + Bổ sung chế độ ưu đãi dành cho CBNV làm việc xa xứ + Bổ sung chế độ hỗ trợ cho CBNV làm việc tại các DA Năng lượng - Việc khen thưởng bằng hiện vật, hiện kim, ESOP đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, sáng kiến sáng tạo... một cách kịp thời góp phần tạo động lực làm việc đến toàn thể CBNV Công ty; tạo ra một môi trường làm việc năng động, sáng tạo, hăng hái và phấn khởi.	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục thực hiện các chế độ thưởng như hiện hành và cải thiện các loại khen thưởng cũng như giá trị Thường xuyên theo dõi mặt bằng thu nhập cùng Ngành trên thị trường để xây dựng các chính sách thưởng bổ sung kịp thời nhằm gia tăng tính cạnh tranh, thúc đẩy sự sáng tạo và cống hiến của CBNV Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng thêm chính sách hỗ trợ ngoài lương cho nhóm CBNV tham gia phát triển DA/làm việc thường trực tại các DA có vị trí địa lý khó khăn, cách xa trung tâm.

QUY TRÌNH KHIẾU NẠI DÀNH CHO NHÂN VIÊN KHI GẶP CÁC HÀNH VI KHÔNG HỢP PHÁP

Cơ chế khiếu nại không được quy định rõ ràng trong Pháp luật và Nội quy Lao động Việt Nam. Bộ luật Lao động 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 hiệu lực kể từ 1/1/2021 đưa ra quy định chung về nội dung khiếu nại liên quan Khiếu nại về kỷ luật Lao động, trách nhiệm vật chất. Theo đó, người bị xử lý kỷ luật lao động, bị tạm đình chỉ công việc hoặc phải bồi thường theo chế độ trách nhiệm vật chất nếu thấy không thỏa đáng có quyền khiếu nại với người sử dụng lao động, với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự do Pháp luật quy định.

Nhằm quản lý các than phiền của người lao động tại GEC theo một cách thức có hệ thống, minh bạch, tôn trọng, khuyến khích người lao động nói lên các mối quan ngại về môi trường làm việc như phân biệt đối xử, quấy rối, tiền lương không kịp thời/không đầy đủ, thu nhập, Thuế TNCN, các phúc lợi khác và các vấn đề về sức khỏe và an toàn... GEC đã ban hành "Quy định cơ chế khiếu nại của người lao động" để tăng cường hiểu biết lẫn nhau và giao tiếp giữa Người lao động và CBQL tại Công ty.

- 1 Tiếp nhận khiếu nại** (3 ngày làm việc)
- 2 Xác nhận việc nhận khiếu nại** (5 ngày làm việc)
- 3 Sàng lọc 3 loại khiếu nại**
Loại 1: Đơn giản
Loại 2: Không thể trả lời ngay
Loại 3: Nghiêm trọng
- 4 Giải quyết khiếu nại** (15 ngày làm việc)
- 5 Kết thúc**
- 6 Lưu hồ sơ** (Trong vòng 5 năm).



Chinh phục

Gia Lai, ngày 30 tháng 9 năm 2020

PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

Từ sáng sớm, Đoàn chúng tôi đội gió mưa, băng đường mòn đến với các thôn làng...

Các công tác chuẩn bị cho Dự án cấp tập được thực hiện...

Chúng tôi gặp những người con của vùng đất này, lắng nghe những trải lòng của họ về thiên nhiên, cuộc sống...

Chúng tôi mang theo mình một khát vọng đổi mới...

Đổi mới dựa trên nền tảng vững chắc từ Thủy điện mà GEC đã phát triển trong suốt 31 năm qua, với 321 triệu kWh sản lượng Điện, tương đương 354 tỷ đồng Doanh thu trong năm 2020... Giai đoạn 5 năm 2016-2020, Thủy điện đã đóng góp lũy kế 2.036 tỷ đồng Doanh thu cho GEC, với sản lượng Điện cung cấp cho lưới điện Quốc gia đạt 1,7 tỷ kWh...



HÀNH TRÌNH NGÀY VÀ ĐÊM HIỆN THỰC HÓA DANH MỤC ĐA DẠNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

ĐẦU NĂM 2019, KHỐI PHÁT TRIỂN DA ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI NHIỆM VỤ CHÍNH LÀ THAM MƯU CHO BLD VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, ĐẦU TƯ DA THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, PHÂN TÍCH CƠ HỘI ĐẦU TƯ, THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ XUẤT CÁC PHƯƠNG ÁN M&A NHỮNG DA CÓ TÍNH KHẢ THI. ĐỒNG THỜI LÀ TÌM KIẾM CÁC ĐỐI TÁC TIỀM NĂNG ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỢP TÁC PHÁT TRIỂN ĐỂ MỞ RỘNG DANH MỤC NLTT CỦA GEC GỒM THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ ĐẾN 2025 ĐẠT KHOẢNG 1.700+ MW. NGOÀI VIỆC ĐÁNH GIÁ CÁC DA TỪ CHỦ ĐẦU TƯ BÊN NGOÀI ĐỂ THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG M&A, KHỐI PHÁT TRIỂN DA CHỦ ĐỘNG LẬP KẾ HOẠCH, THỰC HIỆN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ CÁC VỊ TRÍ PHÁT TRIỂN DA MỚI VÀ TRÌNH CHỦ TRƯỞNG LÊN BLD. TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI DA, KHỐI ĐẢM TRÁCH TOÀN BỘ CÁC HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, TIẾP XÚC, ĐÁNH GIÁ, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐỐI TÁC NHƯ TỔNG THẦU EPC, NHÀ CUNG CẤP THIẾT BỊ, ĐƠN VỊ TƯ VẤN... TRƯỚC KHI BÀN GIAO CHO CÁC BAN QUẢN LÝ DA THỰC HIỆN TIẾP QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ ĐƯA NM VÀO VẬN HÀNH.

HIỆN THỰC HÓA DANH MỤC DA ĐIỆN GIÓ LÀ ĐIỂM SÁNG TRONG NĂM 2020

Năm 2020 đánh dấu một bước ngoặt mới mang ý nghĩa chiến lược trong quá trình mở rộng danh mục NLTT của GEC khi Công ty chính thức mở rộng loại hình đầu tư sang phát triển Điện Gió tuân theo đúng các quy trình hướng dẫn bài bản sau gần 2 năm thực hiện thực địa và nghiên cứu. Cơ hội về chính sách khuyến khích phát triển Điện Gió của TTCP tại QĐ số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 với Giá FIT bán điện cho DA trên biển là 2.223 đồng/kWh (9,8 UScent/kWh) và cho DA trên bờ là 1.928 đồng/kWh (8,5 UScent/kWh), chưa bao gồm Thuế VAT đã đưa Điện Gió trở thành loại hình đầu tư hấp dẫn với mức giá tốt nhất trên thị trường hiện nay dành cho NLTT.



Trong năm qua, Khối Phát triển DA đã tiến hành phân tích, tham mưu cho BLD ra quyết định chấp thuận chủ trương thực hiện đầu tư DA, cũng như tham gia trực tiếp vào quá trình tìm kiếm, tiếp xúc, đánh giá, đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác nhằm triển khai các DA Điện Gió. Năm 2020 ghi dấu ấn 3 DA Điện Gió đang gấp rút triển khai sau nhiều nỗ lực là DA ngoài khơi V.PL 1 với công suất lắp máy 30 MW, DA trên bờ la Bang 1 50 MW và DA gần bờ Tân Phú Đồng 2 50 MW. 2 DA V.PL 1 tại Bến Tre và la Bang 1 tại Gia Lai trong kế hoạch dự kiến là hoàn tất thi công xây dựng và vận hành thương mại trước ngày 1/11/2021, riêng Tân Phú Đồng 2 tại Tiền Giang sẽ COD theo tiến độ từng phần trước T11/202 và sau đó; đáp ứng tiêu chuẩn Giá FIT 1 dành cho Điện Gió tại Việt Nam.

	V.PL 1	V.PL 2	la Bang 1	Tân Phú Đồng 1	Tân Phú Đồng 2
Công suất	30 MW	30 MW	50 MW	100 MW	50 MW
Số lượng WTG	7	- Đã hoàn thành công tác Pháp lý BSQH, dự kiến sẽ triển khai trong năm 2021	12	- Đã hoàn thành công tác Pháp lý BSQH, dự kiến sẽ triển khai trong năm 2021	12
Công suất WTG	4,0 MW/4,2 MW		4,0 MW/4,2 MW		4,0 MW/4,2 MW
Sản lượng mỗi năm	96 GWh		146 GWh		154 GWh
Tổng mức đầu tư	1.320 tỷ đồng		1.955 tỷ đồng		2.242 tỷ đồng
Tiến độ triển khai dự kiến	- Khởi công: T5/2020 - Hoàn thành móng - WTG: T5/2021 - COD: T8/2021		- Khởi công: T11/2020 - Hoàn thành móng - WTG: T6/2021 - COD: T10/2021		- Khởi công: T1/2021 - Hoàn thành móng - WTG: T7/2021 - COD: T10/2021

Nguồn: Hướng dẫn Đầu tư Điện Gió, Tập 1 - MOIT/GIZ DA Hồ trợ Mở rộng Quy mô Điện Gió tại Việt Nam

Các DA Điện Gió khi thực hiện ngoài việc được nghiên cứu kỹ các yếu tố trọng yếu trong quy trình triển khai, Khối Phát triển DA cũng đã áp dụng các biện pháp thực hiện và kiểm soát rủi ro một cách linh hoạt để đảm bảo các chỉ số sinh lời của DA. 3 DA Điện Gió V.PL 1, la Bang 1 và Tân Phú Đồng 2 đều đạt được chỉ số tài chính ước tính hiệu quả, với suất đầu tư lần lượt là 44, 39 và 45 tỷ đồng/MW. Với sản lượng điện sản xuất trung bình mỗi năm từ 3 DA ước tính gần 400 GWh, GEC sẽ trở thành một trong những NĐT đón đầu lĩnh vực Điện Gió tại Việt Nam, đóng góp vào mục tiêu chung của Chính phủ trong việc đẩy mạnh công suất phát từ nguồn NLTT, giảm phụ thuộc vào các loại hình nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường, thúc đẩy các mục tiêu bền vững

của Quốc gia. Bên cạnh đó là công tác pháp lý BSQH các DA Điện Gió khác vào Quy hoạch Điện VII cũng như hoàn tất thủ tục pháp lý ký kết PPA và các Thỏa thuận chuyên ngành cho cụm 260 MW Điện Gió đã đề cập. Dù có nhiều thuận lợi từ cơ chế khuyến khích đầu tư của Chính phủ và các Cơ quan Ban ngành qua những cơ chế ưu đãi về giá bán điện, khung pháp lý, thuế...; trên thực tế Điện Gió vẫn là loại hình mang đến nhiều thách thức không chỉ với GEC mà còn với các NĐT NLTT khác, nhà thầu thi công và ngân hàng tại Việt Nam. Tuy đã được nghiên cứu, hình thành và triển khai thành công hàng chục năm tại các thị trường phát triển như Châu Âu, Mỹ, Đài Loan; Điện Gió vẫn được xem là loại hình Năng lượng mới tại

Việt Nam với các yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ, cơ khí chính xác cũng như sự phức tạp trong công tác vận chuyển, lắp đặt. Ngoài ra, sự thiếu đa dạng trên thị trường nhà cung cấp Tuabin gió chất lượng cao, uy tín, phù hợp với đặc tính từng DA và đặc trưng Gió vùng miền cùng với việc Giá FIT1 sẽ hết hạn sau ngày 1/11/2021 chưa xác định được giá mới cũng là những yếu tố trọng yếu đòi hỏi các bên tham gia vào thị trường phải có sự đánh giá và quyết định cẩn trọng, chính xác. Khối Phát triển DA đã nghiên cứu và đưa ra hàng loạt những phương án để thích nghi và đề xuất các giải pháp thực hiện thích hợp.

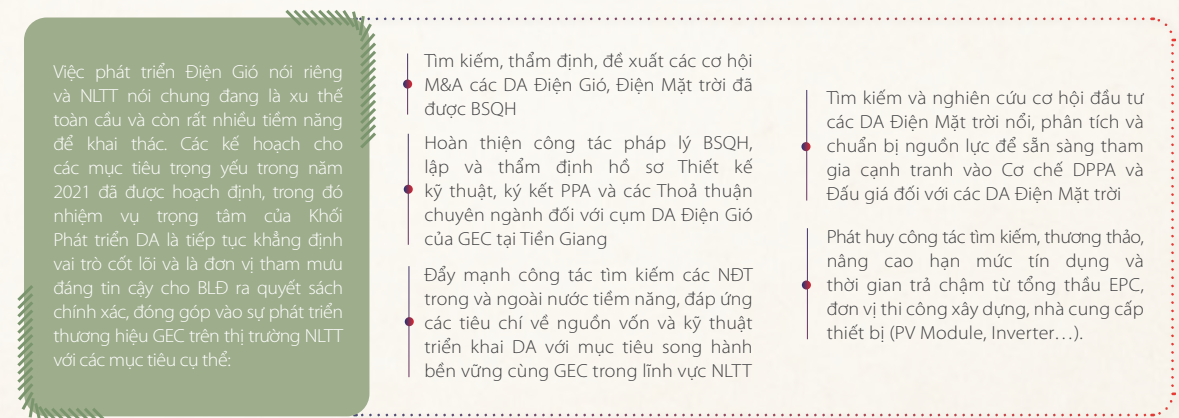


TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN DANH MỤC DA ĐIỆN MẶT TRỜI

Ngoài các công tác cấp tập liên quan đến Điện Gió, Điện Mặt trời vẫn tiếp tục được thực hiện và nhanh chóng triển khai, đưa vào đóng điện 30 MW Điện Mặt trời Áp mái, kịp thời nắm bắt cơ hội từ cơ chế giá hạn ưu đãi của Chính phủ với Giá bán điện FIT 2 1.943 đồng/kWh tương đương 8,4 UScent/kWh. Những DA Điện Mặt trời Áp mái phục vụ nhu cầu của khách hàng từ các Khu Công nghiệp trên khắp cả nước, góp phần cung cấp và giải tỏa nhu cầu về điện ngày càng tăng và đảm bảo ổn định lưới điện Quốc gia. Bên cạnh đó là công tác pháp lý BSQH các DA Điện Mặt trời trong danh mục tiềm năng của GEC vào Quy hoạch Điện VII để có thể chính thức triển khai xây dựng và đóng điện trong năm 2021 xấp xỉ 100 MWp.

Không chỉ tập trung phát triển những DA Điện trọng điểm gia tăng nguồn thu, việc đảm bảo các Chỉ số sinh lời hấp dẫn đối với Ngành NLTT vẫn luôn được chú trọng để duy trì hiệu quả hoạt động. Khối Phát triển DA linh hoạt đối với các công tác tìm kiếm, tiếp xúc, thương thảo trong quá trình làm việc với các đơn vị cung cấp, giãn thời gian thanh toán cho Công ty. Điển hình là những hạn mức tín dụng thanh toán chậm 90-180 ngày với giá trị lớn từ các đơn vị cung cấp thiết bị Pin Mặt trời, Inverter Tier 1 từ Nhật Bản và Trung Quốc.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021





CÂU CHUYỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI GEC

HÀNH TRÌNH ÁP DỤNG PTBV TẠI VIỆT NAM

Tháng 9/2015, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV và các mục tiêu PTBV - SDGs. Chương trình Nghị sự 2030 bao gồm 17 mục tiêu để chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo sự thịnh vượng cho tất cả mọi người như là một phần trong chương trình PTBV mới. Mỗi mục tiêu đều có các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030.

Chính phủ Việt Nam đã giao cho Bộ Kế hoạch Đầu tư chịu trách nhiệm điều phối, Giám sát và báo cáo Chương trình Nghị sự 2030. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo tham vấn với các BLQ để soạn thảo. Theo đó, Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV được ban hành theo QĐ số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của TTCP, trong đó nêu rõ 17 Mục tiêu PTBV của Việt Nam đến năm 2030 bao gồm 115 Mục tiêu cụ thể, tương ứng với các Mục tiêu PTBV toàn cầu được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc. Kế hoạch hành động thể hiện nỗ lực và cam kết của Chính phủ trong việc thực hiện các Mục tiêu SDGs của Việt Nam. Ngày 4/6/2019, TTCP tiếp tục ban hành lộ trình thực hiện các Mục tiêu PTBV Việt Nam đến năm 2030 thông qua QĐ số 681/QĐ-TTg.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA PTBV TẠI GEC

Năm 2020, biến đổi khí hậu gây thiệt hại cho toàn thế giới là 175 tỷ USD, tăng 26% so với mức thiệt hại là 139 tỷ USD của năm 2019. Việt Nam đứng vị trí thứ 6 trong 10 nước trên thế giới chịu tác động nhiều nhất từ biến đổi khí hậu vì đang xảy ra liên tiếp các trận thiên tai như lũ lụt, hạn hán gây thiệt hại lớn đến đời sống người dân và an sinh xã hội, ước tính tổng thiệt hại do thiên tai khoảng 39.100 tỷ đồng, tương đương 1,6 tỷ USD. Vấn đề ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe với tỷ lệ người mắc bệnh hiểm nghèo ngày càng cao. NLTT - Năng lượng sạch trở thành xu hướng chủ đạo, giữ vai trò tiên phong trong công cuộc phục hồi kinh tế bền vững và lâu dài nhất là sau Đại dịch Covid-19 hoành hành trong suốt năm 2020 đến nay trên toàn cầu. Tính ưu việt của NLTT bên cạnh vấn đề kinh tế còn là vấn đề công bằng với môi trường. Cùng với những đóng góp thiết thực và tích cực trong quá trình kiểm soát ô nhiễm, mỗi kWh điện được sinh ra từ hệ thống Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và Điện Gió sẽ giảm một tỷ lệ đáng kể CO₂ phát thải ra môi trường. Theo thống kê số liệu năm 2020 tại GEC, lượng giảm phát thải CO₂ phụ thuộc vào sản lượng điện, Điện Mặt trời giảm phát thải CO₂ nhiều nhất.

Thế giới đang ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu Ngành Năng lượng, trong đó sự phát triển mạnh mẽ của các nguồn Năng lượng xanh được xem là điểm sáng nổi bật. Bất chấp những tác động tiêu cực do Đại dịch Covid-19 kéo theo sự sụt giảm nghiêm trọng của Ngành Năng lượng nói chung, NLTT vẫn tiếp tục được chú trọng phát triển. Là một trong những Khu vực đi đầu trong nỗ lực thúc đẩy sử dụng Năng lượng sạch, Châu Âu đã có những bước tiến nhanh trong quá trình chuyển đổi nhiên liệu Ngành Năng lượng điện. Theo Cơ quan Nghiên cứu khí hậu Ember - trụ sở tại Anh, trong 6 tháng đầu năm 2020, NLTT và Năng lượng Sinh học đã góp phần tạo ra 40% tổng sản lượng điện của 27 nước thuộc Liên hiệp Châu Âu - EU, tăng 11% so cùng kỳ năm 2019. Mới đây, EU đã công bố kế hoạch tiến tới mục tiêu chuyển sang sử dụng chủ yếu NLTT để sản xuất điện năng trong vòng 10 năm tới và tăng cường công suất Điện Gió ngoài khơi lên gấp 25 lần vào năm 2050. Các nguồn NLTT hiện chiếm hơn 30% sản lượng điện năng của EU. Tuy nhiên, các Lãnh đạo EU cho rằng, cần nâng tỷ trọng này lên hơn 60% vào năm 2030, để có thể đạt được mục tiêu trung hòa khí thải CO₂ năm 2050. Theo kế hoạch, mỗi nước Thành viên EU sẽ thúc đẩy các DA NLTT để cùng Khởi đạt được các mục tiêu về chống biến đổi khí hậu; trong đó, tất cả những nước EU giáp biển đều có tiềm năng sản xuất Điện Gió với 3 nước sản xuất chủ chốt là Đức, Hà Lan và Đan Mạch.

Tại Việt Nam, GEC đã cung cấp nguồn NLTT thân thiện cho môi trường góp phần giảm phát thải nhà kính, từ năm 1989, tổng lượng phát thải CO₂ từ lúc Công ty bắt đầu thành lập đến nay là 7,3 triệu tấn CO₂ và đặc biệt là kể từ năm 2019 khi 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên của Việt Nam do GEC vận hành chính thức đóng điện; góp phần tạo lập giá trị bền vững cho môi trường và xã hội. Việc tập trung đầu tư và khai thác NLTT được xem là hướng đi thích thời, vì tương lai vững mạnh của nền kinh tế mà còn góp phần quan trọng trong quá trình phục hồi sau Đại dịch Covid-19. Cùng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế gây ra sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn ngày càng cao, tỷ lệ nghèo và cận nghèo của các hộ dân tộc thiểu số vẫn đang cao gấp 3,5 lần tỷ lệ nghèo và cận nghèo chung của toàn quốc. Với đặc thù Ngành, các NM NLTT của GEC đa phần nằm tại các vùng nông thôn xa xôi. GEC chủ trương sử dụng lao động địa phương cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội để chung tay góp phần xây dựng địa phương.

XÓA NGHÈO VÀ XÓA ĐÓI

Chỉ tiêu

- ~13 tỷ đồng
- 270 triệu kWh
- 7.600

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Thực hiện các giải pháp và hệ thống bảo trợ xã hội Quốc gia phù hợp với tất cả các tầng lớp, đến năm 2030 sẽ bao phủ toàn bộ tới người nghèo và người dễ bị tổn thương
- Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Triển khai trên Toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được điện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương

SỨC KHỎE TỐT VÀ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

Chỉ tiêu

- 28 tỷ đồng
- 320 người thụ hưởng
- 1,7 tỷ đồng
- 590 triệu đồng
- 18 NM NLTT

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đạt được bảo hiểm y tế toàn dân, (1) bảo vệ rủi ro tài chính, (2) tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc y tế thiết yếu, chất lượng, (3) tiếp cận an toàn, hiệu quả, chất lượng, có thể chi trả với các loại thuốc và vắc xin thiết yếu cho tất cả mọi người

Tiêu chuẩn IFC

- Điều kiện làm việc và lao động

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người

GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG

Chỉ tiêu

- 856 giờ đào tạo
- 708 học viên
- 4 tỷ đồng

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đến năm 2030 tăng x% thanh thiếu niên và người trưởng thành được đào tạo nghề, bao gồm các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ thuật phục vụ cho công việc và khả năng làm chủ doanh nghiệp

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

BÌNH ĐẲNG GIỚI

Chỉ tiêu

- 100%
- 60%
- 40%
- 26%
- 18%
- 1

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và có hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng trong Lãnh đạo các cấp đóng vai trò quyết định trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia Lao động của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội

NƯỚC SẠCH VÀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH

Chỉ tiêu

- 18
- 238
- 1,2 tỷ đồng
- 4 lần
- 40 triệu đồng

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đến năm 2030, tất cả mọi người được tiếp cận một cách phổ cập và công bằng với nguồn nước uống an toàn và nằm trong khả năng chi trả
- Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước bằng cách (1) giảm thiểu ô nhiễm, (2) loại bỏ bán phá giá, (3) hạn chế phát hành hóa chất và vật liệu độc hại, (4) giảm một nửa tỷ lệ nước thải chưa qua xử lý và (5) tăng tái chế và tái sử dụng an toàn nước bằng x% trên toàn cầu
- Đến năm 2030, (1) làm tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trên tất cả các lĩnh vực, (2) đảm bảo rút nước và cung cấp nước ngọt bền vững để giải quyết tình trạng khan hiếm nước và (3) làm giảm phần lớn số người trong tình trạng khan hiếm nước

Tiêu chuẩn IFC

- Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người
- Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn
- Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước, giảm đáng kể số người chịu cảnh khan hiếm nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước

GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG

Chỉ tiêu

- 856 giờ đào tạo
- 708 học viên
- 4 tỷ đồng

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đến năm 2030 tăng x% thanh thiếu niên và người trưởng thành được đào tạo nghề, bao gồm các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ thuật phục vụ cho công việc và khả năng làm chủ doanh nghiệp

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA GEC VỚI MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HIỆP QUỐC, TIÊU CHUẨN IFC VÀ MỤC TIÊU PTBV CỦA VIỆT NAM

NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ HỢP LÝ

Chỉ tiêu

- 550 MWp
- 720 triệu kWh
- 503.317
- 1.249 tỷ đồng
- 452.784
- 3
- 10.344 tỷ đồng

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Làm gia tăng đáng kể tỷ lệ NLTT trong cơ cấu Năng lượng toàn cầu vào năm 2030
- Đến năm 2030 mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp các dịch vụ Năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả các nước đang phát triển, đặc biệt là nước kém phát triển và quốc đảo nhỏ

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đến năm 2030, gia tăng đáng kể tỷ lệ NLTT trong tổng tiêu thụ Năng lượng sơ cấp của Quốc gia
- Đến năm 2030, mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ Năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo

VIỆC LÀM BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Chỉ tiêu

- 1.493 tỷ đồng
- 309 tỷ đồng
- 28%
- 358 lao động
- 18 triệu đồng/tháng

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Bảo vệ quyền lợi của người lao động, thúc đẩy và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư và lao động làm các công việc tạm thời
- Tăng cường năng lực của các tổ chức tài chính trong nước để khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm và dịch vụ tài chính

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức
- Tăng cường năng lực các thể chế tài chính trong nước nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm cho mọi người

CÂU CHUYỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI GEC (tiếp theo)

CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG



- 105 tỷ đồng** Cải tạo NM định kỳ 2016-2020
- 88 tỷ đồng** Quỹ phát triển Khoa học công nghệ
- 5** Đề tài khoa học

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cấp năng lực công nghệ trong các ngành công nghiệp ở tất cả các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, đến năm 2030 khuyến khích phát minh và tăng số lượng người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển trên một triệu dân bằng % với kinh phí của cộng đồng và cá nhân cho lĩnh vực nghiên cứu và phát triển

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực công nghệ của các ngành công nghiệp; khuyến khích sáng chế phát minh; đến năm 2030 tăng đáng kể tỷ lệ người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai; tăng đầu tư cho nghiên cứu và triển khai

TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM



- 2** Nhà thầu nước ngoài uy tín: Vetas và CPCEC
- 1** lần/năm: Định kỳ thu gom chất thải nguy hại
- 8.328 lít**: Dầu mua giảm
- 238 triệu đồng**: Tiết kiệm

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Năm 2020 hoàn thành việc quản lý môi trường đối với các hóa chất và các chất thải trong chu kỳ sử dụng của chúng để phù hợp với các khuôn khổ Quốc tế thống nhất, giảm đáng kể việc phát hành chúng ra không khí, nước và đất để giảm thiểu những tác động bất lợi đối với sức khỏe con người và môi trường

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đến năm 2020, đạt quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết Quốc tế đã ký kết, nhằm giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường

ĐỜI SỐNG TRÊN CẠN ĐỜI SỐNG DƯỚI NƯỚC



- 1** NM Thủy điện: Đánh giá loài cá ở lòng hồ
- 3** DA Điện Gió: Đánh giá chim, dơi, động vật đáy

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và tài nguyên biển cho PTBV. Bảo vệ, khôi phục và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên bề mặt trái đất, quản lý bền vững tài nguyên rừng, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học

Tiêu chuẩn IFC

- Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội. Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để PTBV. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG



- 7** NM Điện Mặt trời và Điện Gió: Khu vực khó khăn tại Bến Tre, Bình Thuận, Gia Lai, Huế, Long An, Tiền Giang
- 500 người**: Lao động địa phương
- 13%**: Tăng trưởng về thu nhập CBNV

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Đến năm 2030 từng bước đạt được và duy trì ở dưới 40% mức chênh lệch tốc độ tăng trưởng thu nhập của dân số có mức thu nhập cao so với trung bình toàn quốc

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đến năm 2030, dần đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân Quốc gia

ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



- 7,3** triệu tấn CO₂: Giảm thải 1989-2020
- 1.823 MWp**: Công suất đến 2025
- 7** NM Thủy điện: Hệ thống Khí tượng Thủy văn quan trắc, cảnh báo, dự báo
- 1** giải thưởng: Báo cáo PTBV tiến bộ vượt trội 2020

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Cải thiện giáo dục, nâng cao nhận thức và năng lực của cá nhân cũng như tổ chức trong việc thích ứng, cảnh báo sớm và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ THỂ CHẾ HIỆU QUẢ



- 13%**: CBNV xuất sắc
- 1** lần/năm: Hội nghị người lao động
- 1**: Bộ Quy tắc ứng xử

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Thúc đẩy xã hội hòa bình và rộng mở cho PTBV, mang công bằng đến với tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và rộng mở ở tất cả các cấp

CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG



- 18** NM NLTT: Trồng cây xung quanh NM
- 700** cây xanh: 2018-2020
- 8** DA NLTT: Đánh giá E&S
- 7** tỷ đồng: Chi phí đánh giá E&S
- 1** hướng dẫn: Quản lý Di sản văn hóa

Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Tăng cường bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận

- Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác

Mục tiêu PTBV Liên Hiệp Quốc

- Tăng cường các nỗ lực để bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa và thiên nhiên trên thế giới

- Vào năm 2030, giảm tác động bất lợi của môi trường lên mỗi đầu người ở các thành phố, bao gồm sự chú ý đặc biệt đến chất lượng không khí, và quản lý chất thải đô thị

Tiêu chuẩn IFC

- Di sản văn hóa

HỢP TÁC ĐẠT MỤC TIÊU



- 2** CD Chiến lược Nước ngoài: IFC, Armstrong
- 34%**: Tỷ lệ sở hữu IFC, Armstrong
- 1** Giải vàng: BCTN Quốc tế 2019 - Ngành Năng lượng
- 1** Hội thảo: NLTT

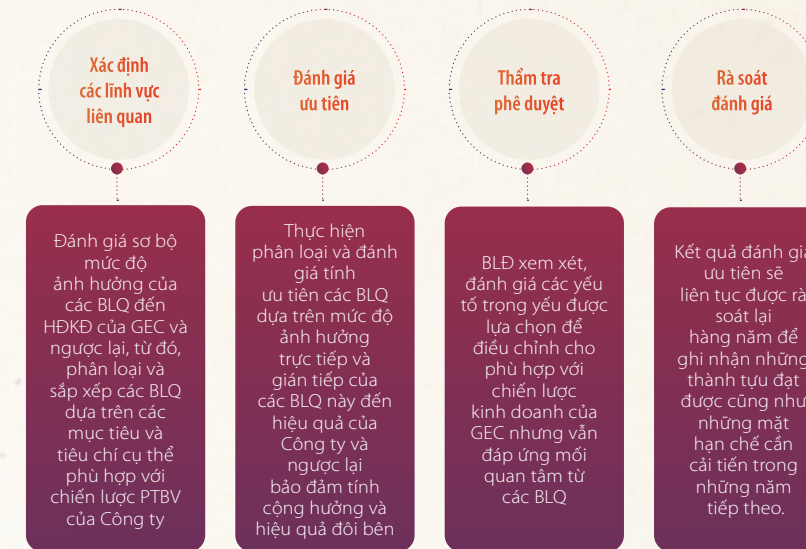
Mục tiêu PTBV Việt Nam

- Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

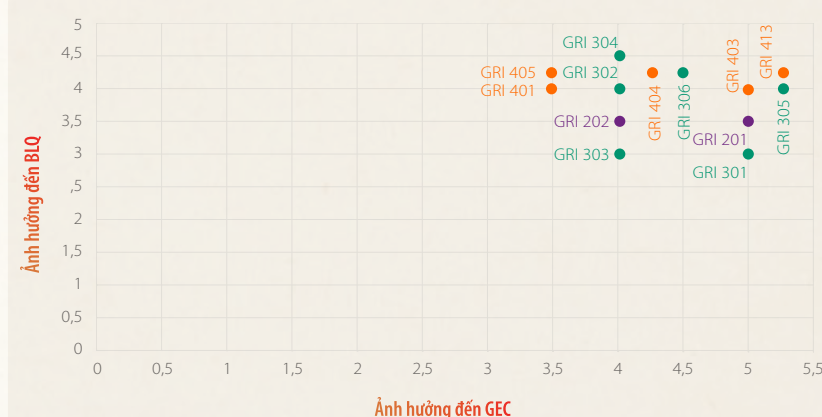
CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Dựa trên kết quả đánh giá các quan tâm trọng yếu tương quan 2 chiều giữa GEC và các BLQ, nỗ lực đáp ứng xu hướng PTBV của Liên Hiệp Quốc, BLD GEC đã xác định ma trận 13 lĩnh vực trọng yếu thuộc Kinh tế, Môi trường và Xã hội



TRONG GIAI ĐOẠN NỀN KINH TẾ CHỊU NHIỀU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 NHƯ HIỆN NAY THÌ KẾT QUẢ HĐKD CỦA GEC CŨNG CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI MỐI QUAN HỆ CỘNG HƯỞNG VỚI CÁC BLQ. THÔNG QUA NHIỀU PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TIẾP CẬN, BLD GEC THƯỜNG XUYỀN TRAO ĐỔI VỚI CÁC BLQ ĐỂ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ TỪ HAI PHÍA, ĐÁP ỨNG MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BLQ THEO ĐỊNH HƯỚNG BỀN VỮNG, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐỒNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI.



Tuy tiếp tục thực hiện tích hợp các nội dung Báo cáo PTBV tóm tắt vào BCTN, song Công ty vẫn theo sát những tiêu chuẩn Quốc tế như Đánh giá Thẻ điểm QTCT Asean 2011 và 2019, Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD 2015, Bộ Quy tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cho các Công ty đại chúng 2019 của UBCKNN và IFC, và đặc biệt là Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo PTBV GRI hợp nhất 2016 để phục vụ cho việc ghi nhận và thực hiện Báo cáo PTBV theo đúng chuẩn mực. GEC nỗ lực từng bước hoàn thiện các mục tiêu trong dài hạn của Công ty trong các lĩnh vực hoạt động từ tài chính đến phi tài chính, đảm bảo hiệu quả kinh tế trong bức tranh chung của cả nước, hài hòa cùng những mục tiêu Môi trường Xã hội vốn đang là thách thức trên toàn cầu hiện nay.

	KINH TẾ		MÔI TRƯỜNG		XÃ HỘI	
	2020	2019	2020	2019	2020	2019
GRI 201 Hiệu quả hoạt động kinh tế	5	3,5	5	3	3,5	4
GRI 202 Sự hiện diện trên thị trường	4	3,5	4,5	4	5	4
GRI 301 Vật liệu	5	3	5	3	3,5	4
GRI 302 Năng lượng	4	4	4	4	5	4
GRI 303 Nước	4	3	4	3	4,25	4,25
GRI 304 Đa dạng sinh học	4	4,5	3	4,25	3,5	4,25
GRI 305 Phát thải	5,25	4	5,25	4	4	4,25
GRI 306 Nước thải và chất thải	4,5	4,25	5,25	4,25	5,25	4,25
GRI 401 Việc làm	3,5	4	3,5	4		
GRI 403 An toàn sức khỏe nghề nghiệp	5	4	5	4		
GRI 404 Giáo dục và đào tạo	4,25	4,25	4,25	4,25		
GRI 405 Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng	3,5	4,25	4	4,25		
GRI 413 Cộng đồng địa phương	5,25	4,25	5,25	4,25		



CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

ƯU TIÊN ĐỐI VỚI GEC

	2020	2019	
Cơ quan Nhà nước	Các chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Ngành	6	6
Đối tác mua bán điện	Đầu ra của sản phẩm	5	5
Đối tác triển khai DA	Đảm bảo tính thành công của DA	4	3
CBNV	Người cùng tạo ra và vận hành DA	3	2
CE, NĐT tiềm năng	Cung cấp vốn kinh doanh cho HĐKD của Công ty	2	4
Cộng đồng Địa phương	Cộng hưởng giá trị giữa Công ty và Xã hội	1	1

ƯU TIÊN ĐỐI VỚI BLQ

	2020	2019	
CBNV	Tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định	6	6
Đối tác triển khai DA	Thành công của DA sẽ góp phần tạo dựng tên tuổi và uy tín cho đối tác	5	5
Cộng đồng Địa phương	Xây dựng các giá trị gia tăng cho Xã hội	4	2
Đối tác mua bán điện	Cung cấp nguồn điện, đảm bảo an ninh Năng lượng Quốc gia	3	4
CE, NĐT tiềm năng	Cổ tức và khả năng sinh lời trên cổ phần sở hữu	2	3
Cơ quan Nhà nước	Đóng góp ý kiến về chính sách cho sự PTBV của Ngành	1	1

6 là cao nhất, 1 là thấp nhất

Là một nhà phát triển DA, GEC chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các giai đoạn từ triển khai ý tưởng, thi công tới vận hành; do đó, chuỗi giá trị sẽ là sự cộng hưởng tương hỗ bởi nhiều BLQ. Dựa trên mức độ tương tác của các BLQ đối với Công ty để hình thành chuỗi HĐKD, trong phạm vi của Báo cáo này, Công ty chọn ra 6 BLQ có ảnh hưởng trọng yếu để thực hiện phân tích. Theo thứ tự ưu tiên có ảnh hưởng đến GEC, các BLQ này bao gồm Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CE/NĐT tiềm năng và Cộng đồng Địa Phương. Theo thứ tự ưu tiên đối với BLQ sẽ là CBNV, Đối tác triển khai DA, Cộng đồng Địa Phương, Đối tác mua bán điện, CE/NĐT tiềm năng và Cơ quan Nhà nước.

Dựa trên mức độ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của các BLQ đến hiệu quả của Công ty và ngược lại, BLE của GEC thực hiện phân loại và đánh giá tính ưu tiên các BLQ, hướng đến cộng hưởng mang lại lợi ích cho đôi bên. Để thực hiện được mục tiêu này, việc định vị được mức độ quan trọng của từng nhóm BLQ trên thang điểm tương quan là rất cần thiết. Từ đó, BLE sẽ xác định cách tương tác phù hợp để đảm bảo cũng như duy trì mối quan hệ gắn kết đối với từng nhóm đối tượng cụ thể.

Nhận phản hồi trực tiếp và gián tiếp từ các BLQ, BLE GEC xây dựng những giải pháp phù hợp để hiện thực hóa những giá trị hợp lý và hiệu quả cho các Bên. Trong năm 2020, GEC hoạt động tích cực trong việc tương tác với các BLQ trọng yếu, đáp ứng yêu cầu của các BLQ cũng như tạo ra những thành quả nhất định về tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG).

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- Cập nhật, áp dụng các chính sách, quy định mới của Nhà nước
- Tham gia các hội nghị, hội thảo do Nhà nước tổ chức
- Đề xuất, góp ý các dự thảo, văn bản Pháp luật

Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Tuân thủ Pháp luật, chính sách, quy trình, thủ tục

Ứng hộ các chính sách và kêu gọi của các Cơ quan Nhà nước

Phát triển DA, nghiệm thu hoàn thành đóng điện

Tương tác hiệu quả với các Cơ quan Nhà nước nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc Ngành

Sẵn sàng cho sự thay đổi chính sách Pháp luật

Tuân thủ các tiêu chí PTBV theo định hướng của Chính phủ

THƯỜNG XUYẾN

- Nộp các khoản thuế, phí đầy đủ, đóng góp 115 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước
- Không để xảy ra các sai phạm liên quan đến Pháp luật
- Đóng điện 34 MWp Điện Mặt trời Áp mái
- BSQH 271 MW Điện Gió và Điện Mặt trời
- Trong quá trình xin BSQH 1.386 MW Điện Gió, Điện Mặt trời và Điện Mặt trời Nổi
- Thực hiện các hoạt động PTBV về Môi trường và Xã hội theo tiêu chuẩn IFC

Tốt

ĐỐI TÁC MUA BÁN ĐIỆN

- Trao đổi trực tiếp thông qua các hợp đồng hợp tác
- Lên kế hoạch hợp tác lâu dài
- Chương trình phối hợp đào tạo
- Phối hợp với Trung tâm điều độ Năng lượng thực hiện theo yêu cầu quản lý Năng lượng
- CBNV phụ trách liên hệ, tiếp nhận và phản hồi thông tin 2 chiều giữa Công ty và Đối tác Mua bán Điện EPTC
- Cập nhật thông tin Ngành, công nghệ, hệ thống đo đếm điện tử, hệ thống kết nối SCADA...

Bao tiêu sản lượng đầu ra

Cam kết chính sách giá

Tuân thủ các quy định của hợp đồng giao dịch

Phương thức thực hiện phân phối, điều phối điện

Quy trình thủ tục liên quan đến điện

Tiếp cận những thông tin, xu hướng mới nhất của Ngành Năng lượng trên thế giới và Việt Nam

THƯỜNG XUYẾN

- Sản lượng điện bán ra 720 triệu kWh, sản lượng điện đầu ra theo đúng cam kết của Hợp đồng, cung cấp điện năng xuyên suốt và ổn định
- Ký hợp đồng PPA với Công ty Mua bán điện EPTC thuộc EVN về sản lượng đầu ra, giá cam kết của Chính phủ
- Hợp tác nghiên cứu phát triển, áp dụng công nghệ trong công tác vận hành, giám sát hệ thống hoạt động các NM, đảm bảo nhân sự đủ trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống
- Nâng cao trình độ của đội ngũ Kỹ sư, Kỹ thuật tiếp cận công nghệ hiện đại thông qua các Chương trình của Nhà thầu, Nhà cung cấp
- Tổ chức các khóa học đào tạo kỹ sư vận hành, chia sẻ kinh nghiệm giữa CBQL và nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động cho 13 NM Thủy điện và 5 NM Điện Mặt trời
- Chuẩn bị sẵn sàng cho việc vận hành các NM Điện Gió COD trong năm 2021

Tốt

ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DA

- Văn bản, thông báo, quy trình môi trường
- Theo dõi, đánh giá quá trình hợp tác và làm việc tại các DA
- Trao đổi trực tiếp thông qua các DA hợp tác
- Các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, chuyên môn
- Đánh giá các chính sách Môi trường Xã hội

Đối tác, nhà thầu chuyên nghiệp có thương hiệu, uy tín

Thiết bị, công cụ dụng cụ đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn, đúng thời hạn

Đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng DA

Tuân thủ Pháp luật về các hồ sơ pháp lý

SXKD có trách nhiệm

KHI CÓ HOẠT ĐỘNG

- Tiếp tục hợp tác với các Nhà cung cấp Vestas, Nhà thầu PCC1, Bureau Veritas... triển khai 3 DA Điện Gió
- Khởi công 2 DA Điện Gió V.PL 1 30 MW và la Bang 1 50 MW trong năm 2020, phần đầu COD trước tháng 11/2021
- Đảm bảo uy tín, thực hiện tốt các cam kết với các đối tác triển khai DA
- Giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời Nhà thầu EPC trong quá trình triển khai DA, đảm bảo thi công DA đạt tiến độ, chất lượng, hiệu suất như cam kết từ hợp đồng EPC để tối ưu hóa sản lượng Điện khí vận hành thương mại
- Đánh giá Môi trường Xã hội đáp ứng tiêu chuẩn Quốc tế của IFC đối với các DA Điện Gió trước và trong khi khởi công

Xuất sắc

CBNV

- Hệ thống E-Office, thông báo nội bộ
- Giao ban và báo cáo tuần, họp định kỳ hàng quý, sơ kết bán niên và tổng kết năm
- Khảo sát NV, các kênh phản hồi trực tiếp và gián tiếp
- Chương trình đào tạo
- Bộ Quy chế ứng xử
- Truyền thông nội bộ
- Thỏa ước lao động tập thể
- Hội nghị Người lao động

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, không phân biệt đối xử

Môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát

Chính sách lương, thưởng, chế độ và thu nhập khác cạnh tranh so với Ngành, phù hợp với từng Khu vực hoạt động

Thành tựu, đóng góp được ghi nhận, gia tăng cơ hội thăng tiến, đào tạo đội ngũ kế thừa

Chương trình đào tạo trong và ngoài Công ty phù hợp với nhu cầu để nâng cao kiến thức và kinh nghiệm

ĐỊNH KỲ

- Tiếp tục thực hiện văn phòng không giấy "paperless office", tiết kiệm thời gian, tăng năng suất lao động, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, bảo vệ môi trường
- Không để xảy ra tai nạn và vi phạm liên quan đến an toàn vệ sinh sức khỏe, nghề nghiệp
- Cải tiến Quy chế tiền lương, Quy định chế độ phúc lợi, Quy chế thi đua khen thưởng; bảo vệ quyền lợi người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo môi trường làm việc cạnh tranh
- Tạo điều kiện nâng cao năng lực và kinh nghiệm thông qua các chương trình chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ
- Triển khai nhóm Chương trình Năng lực Quản lý Lãnh đạo cập nhật kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng để xây dựng đội ngũ kế thừa
- Cập nhật xuyên suốt và áp dụng kịp thời các quy định Luật pháp mới ban hành trong năm, các tiêu chuẩn Quốc tế mới về QTCT, E&S... trong và ngoài nước

Tốt

CE/NĐT TIỀM NĂNG

- Các quy chuẩn về QTCT theo thông lệ Quốc tế
- ĐHCĐ thường niên, họp HĐQT
- Trao đổi trực tiếp thông qua các nhu cầu đầu tư vào Công ty, đầu tư vào DA
- Hội thảo NĐT, Chuyên gia phân tích trong và ngoài nước
- Kênh Quan hệ NĐT ưu tiên khác gồm email, điện thoại, trang Web, mạng xã hội, diễn đàn...

Nâng cao chuẩn mực hoạt động QTCT thông qua năng lực Quản trị, Điều hành của BLE

Chiến lược phát triển trung và dài hạn, chiến lược 5 năm 2021-2025, tiềm năng phát triển Ngành và Công ty

Tuân thủ và minh bạch CBTT theo chuẩn Quốc tế, song ngữ Anh Việt

Kết quả kinh doanh ổn định, các chỉ số tài chính an toàn và bền vững

Tăng trưởng giá trị Công ty và giá trị thị trường của cổ phiếu

Bảo vệ quyền lợi, đảm bảo công bằng với CE/NĐT tiềm năng

ĐỊNH KỲ

- Cập nhật thay đổi Bộ QCLX, cập nhật và áp dụng Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng tại Việt Nam
- GEC đạt 3 giải thưởng uy tín gồm Top 5 Doanh nghiệp QTCT tốt nhất nhóm Vốn hóa vừa, Báo cáo PTBV Tiên bộ vượt trội, Giải Vàng BCTN Ngành Tiện ích Năng lượng từ Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ LACP
- Hoạt động Quan hệ NĐT gồm Thông cáo báo chí, Diễn giải BCTC, Bản tin NĐT, Bài thuyết trình, BCTN, Báo cáo PTBV, thực hiện CBTT song ngữ theo quy định Pháp luật VN và tiêu chuẩn QTCT Quốc tế từ IFC, OECD, Asean Scorecard, GRI...
- 50 cuộc gặp NĐT Châu Âu, Châu Á, Chuyên gia phân tích đến từ Quỹ Đầu tư và CTCK; tỷ lệ sở hữu CE nước ngoài tại thời điểm 31/12/2020 là 36,6%
- DTT và LNNT 2020 lần lượt đạt 1.493 tỷ đồng và 309 tỷ đồng, hoàn thành cam kết chi trả cổ tức cho CE bằng cổ phiếu tỷ lệ 8%
- CE/NĐT tiềm năng được cập nhật thông tin về Ngành, hoạt động Công ty kịp thời, đầy đủ

Tốt

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Phối hợp với Chính quyền Địa phương để hoàn thành DA, không ảnh hưởng Môi trường, Cộng đồng
- Sự kiện được tổ chức tại Cộng đồng Địa phương
- Hoạt động tài trợ cho Xã hội và Cộng đồng
- Các chương trình đào tạo nhận thức về PTBV cho Cộng đồng
- Các hoạt động E&S theo chuẩn Quốc tế IFC

Kinh doanh có trách nhiệm, góp phần phát triển kinh tế Địa phương

Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người dân Địa phương

Bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sống của Cộng đồng Địa phương

Tuân thủ các chính sách Môi trường

Xã hội trong và ngoài nước

KHI CÓ HOẠT ĐỘNG

- Trong 9 năm 2012-2020, Công ty đã đóng góp 13 tỷ đồng cho hoạt động CSR
- Ưu tiên tuyển dụng lao động Địa phương, đào tạo, hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng tay nghề, nỗ lực xóa đói giảm nghèo
- Tạo ra 358 việc làm cho lao động Địa phương, góp phần phát triển kinh tế Địa phương nơi các NM đang hoạt động
- Thực hiện Chương trình bảo vệ môi trường "GEC Green Growth" - Chương trình trồng cây xanh hàng năm với 700 cây xanh từ 2018-2020
- Thực hiện các hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, thu gom chất thải nguy hại và 7 Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội tiên quyết của IFC
- Không vi phạm các vấn đề bảo vệ Môi trường và cam kết Xã hội tiêu chuẩn trong nước và Quốc tế
- Hoạt động tại 14 Tỉnh Thành Khu vực Miền Trung, Miền Nam, đóng góp Năng lượng cho sự phát triển kinh tế Quốc gia.

Xuất sắc



VÌ MÔI TRƯỜNG SỐNG XANH

GRI 301 VẬT LIỆU



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trên thế giới và Việt Nam là một trong những Quốc gia được dự báo chịu nhiều tác động nhất của tình trạng nhiệt độ trái đất tăng, nước biển dâng
- Chủ động trong công tác dự báo và hành động kịp thời, quyết liệt được xem là yếu tố có vai trò quyết định trong việc thích ứng, hạn chế thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Trong giai đoạn 2021-2025, GEC sẽ tiếp tục đa dạng hóa các nguồn NLTT từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió để ổn định hoạt động SXKD mũi nhọn nhằm ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu
- Trong giai đoạn 2015-2020, Công ty đã nỗ lực vận hành các NM NLTT khác nhau gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và tích cực triển khai Điện Gió nhằm tận dụng tối đa các ưu thế của thời tiết theo từng thời điểm trong năm, đảm bảo không vì điều kiện thời tiết bất lợi mà sụt giảm Doanh thu.



Lưu lượng nước

GRI 301-1

VẬT LIỆU ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG

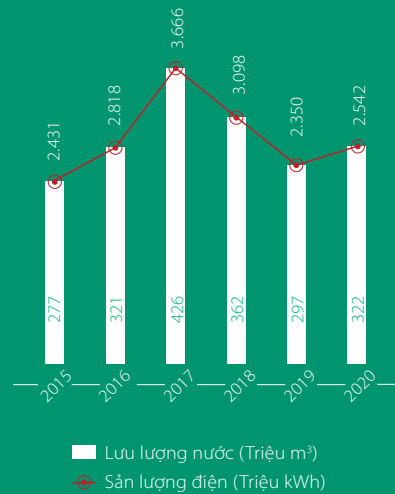
VẬT LIỆU KHÔNG THỂ TÁI TẠO:

Không sử dụng vật liệu không thể tái tạo

VẬT LIỆU CÓ THỂ TÁI TẠO:

Nước, ánh sáng Mặt trời, Gió

NM Thủy điện - Sản lượng Điện và Lưu lượng nước 2015-2020



Nguồn: GEC



Ánh nắng Mặt trời

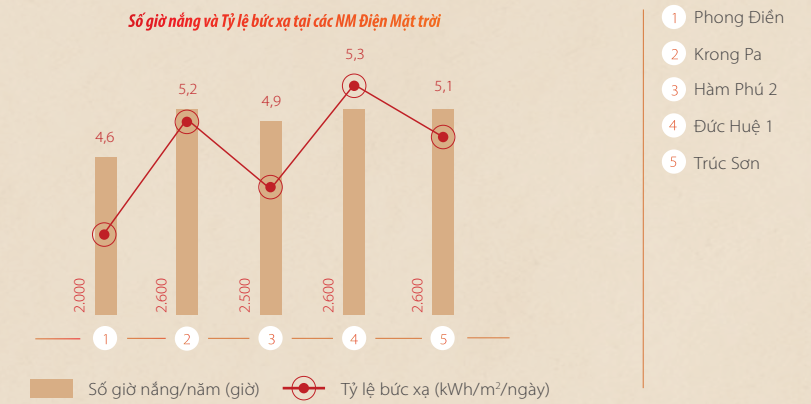
Ánh nắng Mặt trời là nguồn tài nguyên tái tạo miễn phí đối với mọi người sử dụng, vô tận và có sẵn trong tự nhiên. Trong những năm gần đây, Năng lượng Mặt trời tiếp tục được kỳ vọng sẽ là nguồn thay thế một phần cho Năng lượng từ các nguồn nhiên liệu không tái tạo. Trong năm 2020, ngoài bảo đảm việc hoạt động hiệu quả 5 NM Điện Mặt trời với tổng công suất 259 MWp, GEC đưa vào vận hành 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái khoảng 34 MWp. Tính đến cuối năm vừa qua, tổng sản lượng Điện Mặt trời đóng góp 399 triệu kWh - tương đương với khả năng phục vụ cho khoảng 179.788 người dân, tăng 27% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 55% tổng sản lượng của hệ thống.

Tuy nhiên nhược điểm của loại hình Năng lượng này là sản lượng Điện phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết. Để duy trì ổn sự ổn định, các DA của GEC luôn được thẩm định kỹ đặc biệt là vị trí các DA được đặt tại các khu vực có số giờ nắng từ cao đến rất cao và tỷ lệ bức xạ từ tiềm năng đến rất tiềm năng.

Công ty có kế hoạch áp dụng khoa học công nghệ như lắp hệ thống Điện Mặt trời tự xoay theo hướng Mặt trời nhằm tối ưu hóa sản lượng, nâng cao hiệu quả

phát điện. Đối với hệ thống Điện Mặt trời tự động xoay theo hướng mặt trời - Solar Tracking System, trong năm 2020, Công ty đã chế tạo hệ mẫu 20,7 kWp, ghi nhận kết quả sản lượng tăng từ 15%-25%, được kiểm chứng bằng việc thu thập dữ liệu 1 năm tại cùng vị trí giữa hệ xoay và hệ cố định. GEC Bots với mục tiêu nâng cao hiệu suất làm sạch, giảm trọng lượng và độ an toàn vận hành tại các NM Điện Mặt trời. GEC đã thực hiện nâng cấp vật liệu chế tạo, tích hợp Web app và camera giám sát nhằm cải tiến các dòng sản phẩm vừa phục vụ cho hoạt động của chính các NM thuộc GEC, vừa thương mại hóa và đem đến nguồn Doanh thu khác cho Công ty. Ngoài ra Công ty còn hướng đến chế tạo đại trà cho các NM Điện Mặt trời khác trên thị trường vì đối với Điện Mặt trời cố định, khi hết giá FIT2, đơn giá sẽ giảm do đó việc gia tăng 15-25% sản lượng là phương án tối ưu để bù đắp phần Doanh thu giảm. Đối với GEC Bots là để nâng cao hiệu suất làm sạch, giảm trọng lượng và độ an toàn vận hành. Công ty vẫn đang tiếp tục nâng cấp vật liệu chế tạo, trang bị 2 chổi, tích hợp webapp, camera giám sát... sử dụng cho các NM Điện Mặt trời của GEC cũng như hoạt động thương mại hóa để gia tăng Doanh thu.

Số giờ nắng và Tỷ lệ bức xạ tại các NM Điện Mặt trời



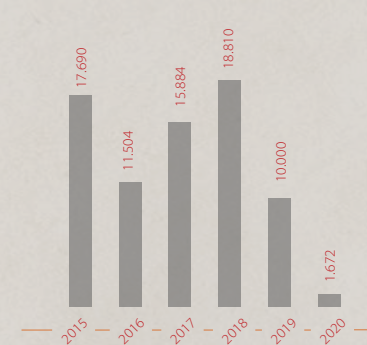
Nguồn: GEC

Từ năm 2019, GEC đã bắt đầu tiến hành lọc lại Dầu Thủy lực để tái sử dụng nên lượng Dầu mua vào giảm đáng kể, cụ thể giảm 47% so với năm 2018. Đặc biệt trong 3 năm gần đây, khối lượng Dầu mua phục vụ sản xuất giảm mạnh hơn 11 lần. Riêng năm 2020 chỉ còn phải mua 1.672 lít, giảm 83% so với năm 2019. Điều này không những hỗ trợ GEC giảm chi phí đầu vào giảm lần lượt 75% so với năm 2019 và 91% so với năm 2018; mà còn giảm khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 19% và 86% so với cùng kỳ 2 năm này.



Dầu thủy lực

Khối lượng Dầu mua phục vụ sản xuất (ĐVT: Lit)



Chi phí mua Dầu chạy tuabin (ĐVT: Triệu đồng)



Nguồn: GEC



VÌ MÔI TRƯỜNG SỐNG XANH (tiếp theo)

GRI 302 NĂNG LƯỢNG



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Mặc dù GEC sản xuất điện từ các loại hình NLTT nhưng là một đơn vị sản xuất, GEC vẫn phải sử dụng những nguồn Năng lượng trong quá trình hoạt động
- Việc kiểm soát nguồn Năng lượng hiệu quả là vấn đề cần được Công ty chú ý quan tâm bởi điều này ảnh hưởng không chỉ đến Lợi nhuận tạo ra mà còn đến tài nguyên thiên nhiên Quốc gia.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- GEC chọn giải pháp sử dụng chính sản phẩm do Công ty sản xuất để phục vụ cho nhu cầu hoạt động của Công ty
- Công ty tận dụng nguồn điện tự sản xuất để tự dùng trong hoạt động SXKD.

GRI 302-1

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

TỔNG NĂNG LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ

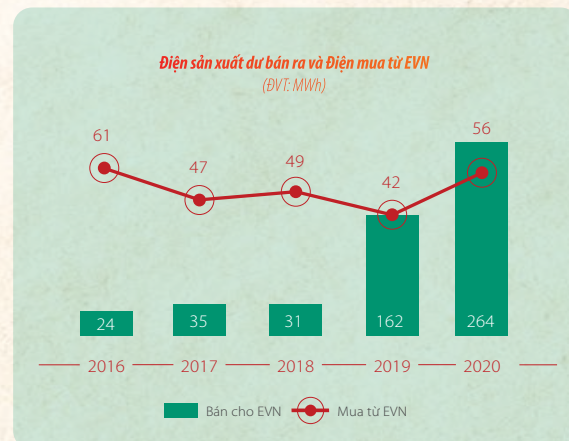
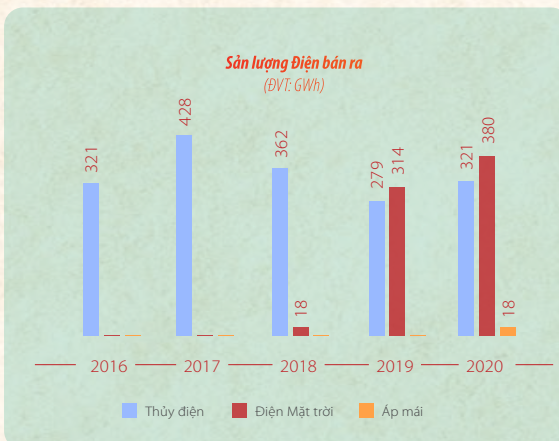
Năm 2020 chứng kiến sự tăng trưởng trong sản lượng của GEC ở cả hai mảng Thủy điện và Điện Mặt trời. Cụ thể, sản lượng điện thương phẩm của Thủy điện là 321 triệu MWh tăng 17%, Điện Mặt trời nổi lưới là 381 triệu MWh, tăng 21%. Tận dụng Giá FIT 2 Điện Mặt trời Áp mái vẫn còn hấp dẫn là 8,38 UScent/kWh, GEC nỗ lực

xây dựng và đưa vào vận hành 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái công suất 34 MWp với tổng sản lượng điện đóng góp là 18 triệu kWh. Toàn bộ hệ thống Điện Mặt trời Áp mái đã đóng góp thêm vào Lợi nhuận của Công ty xấp xỉ 3%.

Ngoài ra, Công ty đã đưa vào vận hành thêm 1 hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà tại khu đất trống của NM Điện Mặt trời Krông Pa bên cạnh 2 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái tại Trụ sở chính và Khu Sản xuất Điện Phú, Gia Lai. Theo đó sản lượng điện bán cho EVN từ 3 hệ thống trên tăng 63%, từ 162 MWh năm 2019 tăng lên 264 MWh. Đối với các NM Thủy điện, GEC sẽ tận dụng điện tự dùng cho NM và trạm biến áp vào mùa mưa từ 500-1.000 kWh/tháng/NM, tổng tiết kiệm khoảng 450 triệu đồng/năm. Đối với NM Điện Mặt trời và Áp mái, 100% NM tận dụng điện tự dùng phục vụ sản xuất và sinh hoạt từ 1.400-1.500 kWh/tháng, tiết kiệm khoảng gần 400 triệu đồng/năm. GEC đang từng

bước góp phần gia tăng sản lượng điện phục vụ cho nhu cầu của xã hội, giảm nguồn cung cấp điện từ Nhiệt điện, Điện Than và quan trọng hơn là theo kịp xu hướng sử dụng NLTT của thế giới.

Năm 2020 cũng là năm khởi động 3 DA Điện Gió của GEC, dự kiến đến tháng 11/2021 sẽ đưa vào vận hành thương mại toàn bộ 2 DA tại Bến Tre và Gia Lai, riêng Tiến Giang sẽ hòa lưới từng phần. Tổng công suất của 3 NM Điện Gió này đạt 130 MW, bổ sung thêm vào các danh mục các loại hình NLTT của GEC hàng năm lên tới 396 triệu kWh - tương đương với khả năng phục vụ cho khoảng 178.437 người dân. Sau khi vận hành hoàn toàn 3 NM Điện Gió, cùng với 13 NM Thủy điện và 5 NM Điện Mặt trời cũng như hệ thống Áp mái, tổng công suất sẽ gần 550 MWp và sản lượng điện sản xuất ra tương đương 1.116 triệu kWh - tương đương với khả năng phục vụ cho khoảng 502.867 người dân mỗi năm.



Nguồn: GEC

GRI 302-4

GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

LƯỢNG GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG:

Sáng kiến những Robot vệ sinh tấm pin Năng lượng Mặt trời

LOẠI NĂNG LƯỢNG GIẢM TIÊU HAO:

Ước tính trong cùng thời gian hoạt động, việc sử dụng Robot lau 1 block pin - 20.790 tấm pin sẽ tiết kiệm 55 giờ và 40 m³ nước trong 1 lần lau pin so với việc sử dụng phương pháp thủ công.

Các dòng Robot vệ sinh tấm pin Năng lượng Mặt trời - GEC Robotic Solar Panel Cleaning được GEC duy trì sử dụng kể từ năm 2019 đến nay. Việc sử dụng Robot giúp tiết kiệm nước, nhân công cũng như thời gian thao tác so với việc áp dụng phương pháp thủ công. Ngoài ra, với một mức chi phí đầu tư ban đầu hợp lý cho Robot vệ sinh, GEC đã có thể tự vận hành dễ dàng và không cần tiêu tốn thêm chi phí cho việc bảo dưỡng, vệ sinh Hệ thống Điện Năng lượng Mặt trời. Trong suốt quá trình hoạt động vệ sinh các tấm pin Năng lượng Mặt trời, GEC Robotic giúp tiết kiệm nước đến 10 lần và chi phí nhân sự đến 7 lần (so với việc sử dụng phương

pháp thủ công) cho chính GEC cũng như các Chủ đầu tư đang sử dụng loại Robot này. Chỉ với 1 phút, GEC Robotic đã có thể làm sạch hoàn toàn gần 30 tấm Panel nhờ thời gian bảo trì hệ thống điện nhanh chóng. Hiệu suất làm sạch cao và gần như tuyệt đối của Robot giúp các tấm pin hấp thụ được nhiều quang năng nhất có thể từ mặt trời, tối ưu sản lượng điện năng sản xuất của Nhà máy.

Cuối năm 2019, GEC đã thương mại hóa sản phẩm Robot cho các Khách hàng bên ngoài. Công ty đã đa dạng thành 3 loại Robot là GECBot R1 - 1 chổi, GECBot R1 - 2 chổi và GECBot R3. Năm 2020, Công ty cải tiến linh kiện của các dòng này để giảm thiểu hạn chế của mỗi dòng Robot khi sử dụng. Hoạt động thương mại hóa cũng được triển khai tích cực khi tiếp tục cung cấp cho PECC2 và một số Khách hàng lớn khác như TA Solar, Thuận Nam 19, CTPC Năng lượng DT3... thu về gần 4 tỷ đồng, tăng 85% so với năm 2019.

Loại hình Dự án	Loại Robot	Đặc điểm cấu hình
Điện Mặt trời Áp mái	GECBot R1 - 1 chổi	- Pin lithium 24V-20Ah - Kích thước D*R*C: 970*1185*285 mm - Chiều dài chổi: 1*1100 mm - Khối lượng: 27 kg - Cảm biến: 4 cảm biến - Chế độ điều khiển: remote - Chế độ vệ sinh: Vệ sinh ướt
	GECBot R1 - 2 chổi	- Pin lithium 24V-20Ah - Kích thước D*R*C: 1200*1185*285 mm - Chiều dài chổi: 2*1100 mm - Khối lượng: 27 kg - Cảm biến: 4 cảm biến - Chế độ điều khiển: remote - Chế độ vệ sinh: Vệ sinh ướt
Điện Mặt trời Mặt đất	GECBot R3	- Pin lithium 24V-20Ah - Kích thước D*R*C: 4500*600*380 mm - Chiều dài chổi: 2*2115 mm - Cảm biến: 4 cảm biến - Hành trình đầu cuối - Chế độ điều khiển: tự động - Chế độ vệ sinh: Vệ sinh ướt

GRI 303 NƯỚC

GRI 303-1

LƯỢNG NƯỚC ĐÁU VÀO THEO NGUỒN

Đối với Công ty sản xuất kinh doanh Điện năng như GEC có 3 loại hình Năng lượng chính là Thủy điện, Điện Mặt trời Mặt đất và Điện Mặt trời Áp mái. Lượng nước đầu vào được sử dụng trong công tác sản xuất tại các NM Thủy điện là nước chạy Tuabin, Điện Mặt trời là nước rửa tấm pin và phục vụ cho sinh hoạt của các CBNV. Công ty tuân thủ việc đóng Thuế Tài nguyên, tiến cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định đối với nước dùng cho mục đích kinh doanh sản xuất. Về nước dùng cho sinh hoạt, Công ty tiến hành xử lý để chất lượng nguồn nước đạt tiêu chuẩn QCVN 02:2009/BYT. Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các chỉ tiêu chất lượng đối với nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt không sử dụng để ăn uống trực tiếp nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe cho người lao động tại NM. GEC đã kiểm định nước sinh hoạt cho 13 NM Thủy điện và 5 NM Điện Mặt trời trong 2 năm liên tiếp 2019 và 2020 - kết quả kiểm định đạt với Quy chuẩn hiện hành.

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Nước vô cùng quan trọng với mọi mặt cuộc sống của con người. Hiện nay, nguồn nước đang ngày càng suy kiệt, ô nhiễm ở cả 2 nguồn nước là nước mặt và nước ngầm
- Ô nhiễm nguồn nước không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của người dân mà còn ảnh hưởng đến quá trình sản xuất công nghiệp
- Việc khai thác và sử dụng nguồn nước có trách nhiệm là một trong những vấn đề mà GEC vô cùng quan tâm.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Công ty sử dụng, khai thác nguồn nước hoàn toàn theo quy định và Pháp luật hiện hành điển hình như đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất cho toàn bộ các NM sản xuất điện; sử dụng đúng khối lượng nước đã được cấp phép; đảm bảo nguồn nước không bị ô nhiễm; và quan trọng hơn là tuân thủ quy định trong việc xử lý nước thải
- Công ty tuân thủ việc đóng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước hàng năm, giám sát nguồn nước bằng việc quan trắc môi trường định kỳ.

Công việc	Năm 2018 (m ³ /năm)	Năm 2019 (m ³ /năm)	Năm 2020 (m ³ /năm)	Ghi chú 2019-2020
Nước bề mặt	3.098.000.000	2.350.000.000	2.542.000.000	13 NM Thủy điện
Nước ngầm	NM Điện Mặt trời chưa vận hành	14.566	41.530	5 NM Điện Mặt trời
Nước mưa	Không tính số liệu nước mưa vì tại tất cả các NM nước mưa chảy vào hồ thu hoặc thấm đất nên không tính toán được	Không tính số liệu nước mưa vì tại tất cả các NM nước mưa chảy vào hồ thu hoặc thấm đất nên không tính toán được	Không tính số liệu nước mưa vì tại tất cả các NM nước mưa chảy vào hồ thu hoặc thấm đất nên không tính toán được	x
Nước thải	Không tính số liệu nước thải vì Công ty không sử dụng nước thải từ tổ chức khác để làm nước đầu vào phục vụ sản xuất	Không tính số liệu nước thải vì Công ty không sử dụng nước thải từ tổ chức khác để làm nước đầu vào phục vụ sản xuất	Không tính số liệu nước thải vì Công ty không sử dụng nước thải từ tổ chức khác để làm nước đầu vào phục vụ sản xuất	x
Các nguồn cấp nước đô thị	Khu Sản xuất Điện Phú: Chưa tính Trụ sở Văn phòng 114 Trường Chinh: 78 Nhà Công vụ 28 Phạm Văn Đồng: 562	1.168	3.522	3 Địa điểm: Trụ sở Văn phòng 114 Trường Chinh; Nhà Công vụ 28 Phạm Văn Đồng; Khu Sản xuất Điện Phú

VÌ MÔI TRƯỜNG SỐNG XANH (tiếp theo)

GRI 304 - ĐA DẠNG SINH HỌC



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường sinh thái để phát triển kinh tế luôn được GEC quan tâm hàng đầu
- Những Dự án GEC đầu tư luôn có sự hài hòa giữa 3 yếu tố: Kinh tế - Xã hội - Môi trường trong từng giai đoạn phát triển.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Trong năm 2020, GEC đã tiến hành phát triển 3 DA Điện Gió là Tân Phú Đông 1, 2 và la Bang 1. Các DA này được đánh giá tác động Môi trường và Xã hội để đưa ra các biện pháp giảm thiểu tối đa tác động của DA lên môi trường xung quanh cũng như lên cộng đồng địa phương tại DA
- GEC đánh giá đa dạng sinh học thông qua những công cụ và biện pháp cụ thể như công cụ IBAT (Integrated Biodiversity Assessment Tool) - Công cụ hỗ trợ giảm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn và những loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng nhằm mục đích đảm bảo cân bằng hệ sinh thái - một trong những yếu tố về môi trường của bộ 3 PTBV Kinh tế, Xã hội và Môi trường
- Ngoài ra, GEC còn tận dụng các chức năng sẵn có của Website <https://ebird.org/> - trang Web hàng đầu về thống kê tần suất xuất hiện những loài chim từng khu vực từ những nghiên cứu của các chuyên gia trong lĩnh vực để nhìn nhận khách quan hơn về đa dạng sinh học của DA trong quá trình đầu tư.

Một trong các nhiệm vụ quan trọng trong quá trình tiến xây dựng các DA của GEC là đánh giá đa dạng sinh học nhằm mục đích bảo vệ nguyên vẹn hệ sinh thái sẵn có. Đặc thù các NM Thủy điện của GEC đã được xây dựng từ thời gian trước, nhưng tất cả đều có Đánh giá tác động môi trường của Nhà máy. Do đó mỗi Nhà máy đều có chương trình giám sát môi trường. Cụ thể, trong năm 2020, Công ty đã tiến hành quan trắc môi trường cho toàn bộ các NM Thủy điện, riêng NM Thượng Lộ đã tiến hành thu thập và đánh giá cấu trúc thành phần loài cá phân bố theo tầng tại khu vực sống và lòng hồ NM để theo dõi những ảnh hưởng của việc sản xuất lên môi trường sống của các loài cá tại khu vực NM quản lý nói riêng và địa phương nói chung. Toàn bộ các NM Thủy điện khi thực hiện quan trắc môi trường đều đạt Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/ BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt tại các vị trí kênh, hồ và hạ lưu.

Đối với DA Điện Mặt trời và Điện Gió được đầu tư vào những năm gần đây, ngoài áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam là thực hiện Đánh giá tác động Môi trường còn áp dụng tiêu chuẩn E&S Quốc tế nên GEC đều thực hiện đánh giá E&S cho từng NM. Năm 2018, GEC đã tiến hành đánh giá E&S cho NM Điện Mặt trời Krong Pa và Phong Điền. Năm 2019, Công ty tiếp tục đánh giá E&S cho NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2 và Đức Huệ 1,2. Kết quả đánh giá E&S các NM Điện Mặt trời đều xếp loại B theo chuẩn của IFC, tức là các DA có thể gây ra tác động xã hội hoặc môi trường bất lợi nhưng

các tác động này được giới hạn trong phạm vi của DA và có thể dễ dàng phục hồi và giải quyết được bằng các biện pháp quản lý và giảm thiểu. Tất cả các DA khi thực hiện đánh giá E&S, GEC luôn trao đổi với những chuyên gia hàng đầu của IFC về môi trường và xã hội để thống nhất phương án đánh giá cho từng DA. Sau khi đánh giá E&S, các DA đều thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và xã hội nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động của DA. Các Ban Quản lý DA công bố đến địa phương bản đánh giá tóm tắt nhằm thông báo cho cộng đồng xung quanh nắm rõ các thông tin và DA hoàn toàn đủ điều kiện để tiến hành xây dựng.

Năm 2020, với 3 DA Điện Gió đang triển khai, GEC tiếp tục tiến hành đánh giá E&S bắt buộc theo tiêu chuẩn IFC cho NM Điện Gió la Bang 1 50 MW tại Gia Lai, NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 và 2 150 MW tại Tiền Giang. Tầm quan trọng của đa dạng sinh học được Công ty chú trọng qua việc khảo sát hệ chim, dơi và động vật đầy trước, trong quá trình khởi công xây dựng và sau xây dựng; hỗ trợ Công ty có cái nhìn tổng quan hơn về môi trường sống tự nhiên tại Gia Lai và Tiền Giang. Bên cạnh đó, việc đo đạc tiếng ồn khu vực xung quanh DA để xem xét, dự đoán và đưa ra giải pháp phù hợp nhằm mục đích giảm ảnh hưởng thấp nhất của DA khi đầu tư lên hệ sinh thái. Tính đến tháng 2/2021, GEC đã hoàn thành đánh giá E&S cho DA la Bang 1 xếp loại B theo chuẩn của IFC và hơn nửa chặng đường đánh giá cho DA Tân Phú Đông 1 và 2.



GRI 306 - NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Sự gia tăng dân số cùng với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa ngày càng nhiều đã gây ra áp lực lớn đến môi trường và tài nguyên.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Ý thức cao vấn đề bảo vệ môi trường thông qua những hành động thiết thực, Công ty có luôn ưu tiên những công nghệ xử lý và quản lý nước thải và chất thải theo loại, phù hợp với yêu cầu Pháp luật
- Đối với nước thải: Hệ thống vận hành xử lý nước thải được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, kết quả nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT
- Đối với chất thải: Thực hiện quản lý chất thải gồm chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt được Công ty thực hiện theo NĐ 38/2015/BTMT về quản lý chất thải và phế liệu, TT 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại
- Trong năm 2020, Công ty chú trọng thực hiện Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2015 nhằm mục đích cập nhật và quản lý những loại chất thải theo quy định.

Trong năm 2020, số lượng chất thải sinh hoạt và nguy hại của GEC tăng 51% so với 2019 do công tác bảo dưỡng định kỳ các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và việc đưa vào vận hành 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái. Tuy nhiên, Công ty luôn tập trung thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định như xây dựng kho chứa chất thải nguy hại, trang bị thùng chứa chất thải nguy hại, hợp đồng với các đơn vị đủ năng lực để tiến hành thu gom, vận chuyển, tránh làm ô nhiễm môi trường và mỹ quan khu vực NM.

GRI 305 - PHÁT THẢI



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Với phương châm là phát triển xanh, GEC tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Năng lượng sạch trong sản xuất
- Bảo đảm hoạt động sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm Năng lượng
- Bảo đảm việc khai thác, sử dụng Năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả.

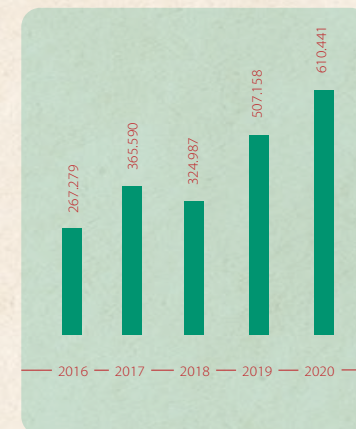
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Với vai trò là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực NLTT và là Công ty có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, GEC luôn đảm bảo tuân thủ tuyệt đối những quy định của Pháp luật về môi trường thông qua những hành động thiết thực, ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu sạch, giảm tối đa lượng phát thải nhà kính độc hại ra môi trường.

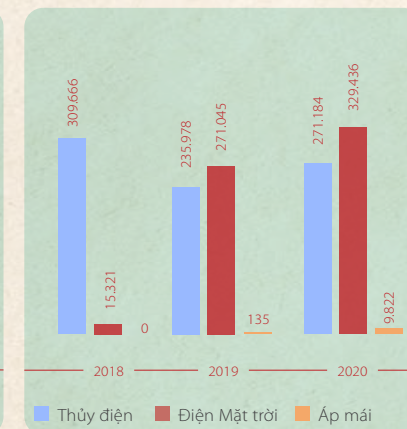
GRI 305-5
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG)

Tất cả Nhà máy chủ yếu sử dụng những nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên là Nước, Gió, Ánh nắng Mặt trời thay cho các nguyên liệu khác để sản xuất Điện năng. Do đó Công ty hạn chế đáng kể phát thải khí nhà kính. Trong giai đoạn 5 năm 2016-2020, tổng lượng giảm phát CO₂ của Công ty tăng gần gấp 3 lần, với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm đạt 18%, đưa tổng lượng CO₂ phát thải đạt 2.075.455 tấn. Trong năm 2020, ngoài việc vận hành ổn định 13 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời, 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, GEC đã mạnh dạn mở rộng sang đầu tư vào Điện Gió với 3 NM Điện Gió V.PL 1, la Bang 1 và Tân Phú Đông 2. Lượng CO₂ giảm phát thải trong năm 2020 đạt 610.441 tấn, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước do các NM Thủy điện, Điện Mặt trời hoạt động hiệu quả cùng với việc phát triển 37 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái. Khi 3 NM Điện Gió đi vào vận hành thương mại hoàn toàn, dự kiến lượng phát thải CO₂ sẽ đóng góp thêm 342.500 tấn CO₂, đưa tổng phát thải CO₂ trong 1 năm tại GEC lên đến khoảng 952.941 tấn CO₂.

Lượng CO₂ giảm phát thải 2016-2021 ĐVT: tấn



Lượng CO₂ giảm phát thải CO₂ theo loại hình sản xuất điện ĐVT: tấn



Nguồn: GEC

GRI 306-2

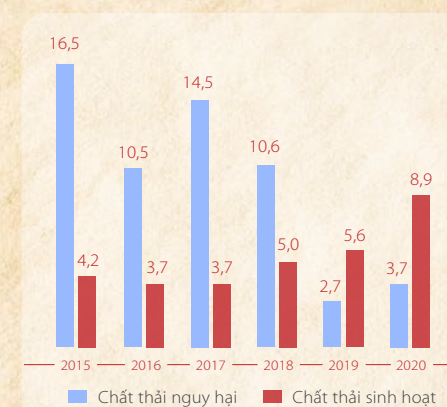
TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

CHẤT THẢI NGUY HẠI CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI

Tính theo thực tế của các NM Thủy điện

Tính theo thực tế của các NM Thủy điện và Điện Mặt trời

Chất thải sinh hoạt và Chất thải nguy hại ĐVT: tấn



Nguồn: GEC

Việc phát sinh chất thải được Công ty theo dõi qua việc trang bị đồng bộ thùng chứa chất thải nguy hại cho NM Thủy điện và tại Văn phòng, đảm bảo công tác phân loại, lưu trữ được thực hiện đúng quy định. Theo định kỳ, Công ty ký hợp đồng với Đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải nguy hại. Từ năm 2019 đến nay, nhờ áp dụng biện pháp lọc và tái sử dụng lại dầu, lượng dầu thải ra năm 2019 và 2020 chỉ ở mức 1,6 tấn và 1,3 tấn, giảm lần lượt 83% và 87% so với năm 2018. Việc lọc lại dầu để tái sử dụng đã được nghiên cứu, thử nghiệm cũng như đem mẫu đi phân tích chất lượng sau lọc tại trung tâm phân tích của Shell - Singapore nên lượng dầu được tái sử dụng vẫn đảm bảo quy định kỹ thuật. Số lượng dầu năm 2020 tăng là do NM định kỳ bảo trì bảo dưỡng thiết bị nên khối lượng dầu truyền nhiệt và cách điện nhiều lên tổng lượng dầu thải ra thấp hơn hẳn so với năm 2018. Năm 2018, GEC tiến hành lọc dầu và tái sử dụng. Đây là số liệu thực tế, khi có sản xuất thì phải có phát sinh chất thải, còn việc thải ít hơn là tốt do Công ty áp dụng lọc lại dầu. Năm 2019, GEC tiến hành lọc dầu nên lượng dầu thải ra thấp hơn hẳn so với năm 2018. Năm 2020, Công ty chỉ tiến hành mua dầu cho 2 NM Thủy điện là Đắk Pí Hao 2 và la Đrăng 1 nên số lượng dầu mua mới tiếp tục giảm mạnh. Công ty tiến hành Quản lý chất thải nguy hại theo TT 36/2015/TT-BTNMT Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Tên chất thải nguy hại	Khối lượng (kg)						Tăng/Giảm	
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2020/2019(%)	2019/2018(%)
Giẻ lau thải nhiễm thành phần nguy hại	127	242	211	239	233	168	-28%	-3%
Pin ắc quy thải	1.894	129	1.621	179	515	88	-83%	+188%
Phụ tùng dầu đảm bảo hoàn toàn rỗng	521	696	915	675	210	345	+64%	-69%
Bóng đèn huỳnh quang, neon thải	38	91	35	12	3	6	+100%	-75%
Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện thải					71	-	-	-
Các loại dầu thủy lực thải	13.796	8.280	11.692	9.489	1.599	1.292	-19%	-83%
Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	112	1.040	17	-	64	1.820	+2.744%	-
Lõi lọc dầu thải	-	-	-	-	-	8	-	-
Tổng	16.487	10.478	14.490	10.593	2.695	3.727		

VÌ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

GRI 401 - VIỆC LÀM



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- GEC chú trọng đầu tư đội ngũ Nhân sự để đảm bảo chiến lược đa dạng hóa nguồn NLTT
- Chính sách tuyển dụng được đặc biệt quan tâm:
 - + Thu hút lao động trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết, gắn bó
 - + Đảm bảo Giá trị cốt lõi "Tâm - Tầm - Tài".

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về phúc lợi, bảo hiểm, thời gian làm việc cho NLĐ theo quy định Việt Nam
- Công tác tuyển dụng với các điều kiện tiên quyết về chất, không cần lượng
- Bộ Chỉ tiêu đo lường hiệu quả công việc - KPI đi vào vận hành đảm bảo sự công bằng trong việc đánh giá CBNV định kỳ làm cơ sở thực hiện các chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương tương xứng.

GRI 401-1

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

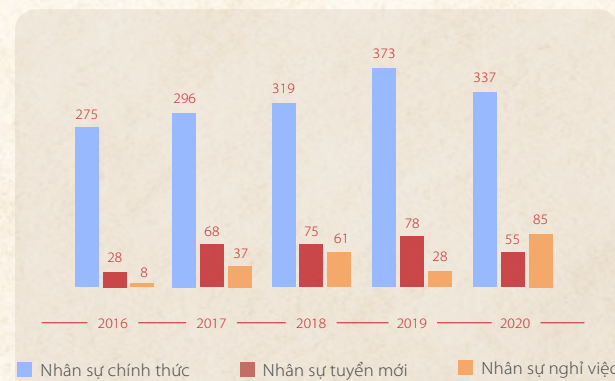
Giai đoạn 2020 đánh dấu một hành trình mới của GEC trong sứ mệnh phát triển NLTT khi chính thức khởi động 3 NM Điện Gió tại Bến Tre, Gia Lai và Tiền Giang. Đi cùng là số lượng nhân sự tăng lên hợp lý với những chế độ lương, phúc lợi, đãi ngộ khác ngoài lương ngày càng được cải thiện tối ưu.

Năm 2020, GEC thực hiện tái cơ cấu nhân sự theo hướng tinh gọn và chọn lọc; tuyển dụng mới 55 người - giảm 30% và nghỉ việc 85 người - tăng 304% so với năm 2019. Nguyên nhân nghỉ việc theo thứ tự nguyên nhân là từ nguyên vọng muốn thay đổi môi trường làm việc sau nhiều năm gắn bó tại GEC, điều chuyển nội bộ trong Tập đoàn, sức khỏe không cho phép và nghỉ hưu theo chế độ. Tuy nhiên đây là mức biến động vẫn trong khả năng kiểm soát và không ảnh hưởng đến hoạt động SXKD vì

nhân sự trước khi nghỉ việc đều có thông báo từ 30-45 ngày để Công ty chủ động tìm nhân sự thay thế, không có trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không có lý do. Số lượng người nghỉ việc có độ tuổi dưới 30 là 33%, từ 30-50 là 58% và trên 50 tuổi là 9%. Số lượng nghỉ việc theo nam và nữ lần lượt là 82% và 18%.

GEC luôn chú trọng nâng cao chế độ đãi ngộ và điều kiện phát triển, tạo niềm tin cho CBNV tham gia và tổ chức và gắn bó lâu dài. Số lượng ứng viên được tuyển dụng có độ tuổi dưới 30 tuổi là 33%, từ 30-50 tuổi là 65% và có 2% trên 50 tuổi. Tỷ lệ nam và nữ lần lượt là 69% và 31%. Nhân sự tuyển mới tuy tập trung tại TP HCM nhưng đều linh động tham gia các DA, đặc biệt là các Tỉnh đang triển khai NM Điện Gió gồm Bến Tre, Gia Lai và Tiền Giang. Việc gia tăng nguồn nhân lực vừa đủ trưởng thành, có chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm thể hiện sự quan tâm của BLĐ GEC đến các yếu tố liên quan đến điều kiện và môi trường làm việc, nhưng vẫn xuyên suốt với chiến lược chuẩn bị Đội ngũ Kế thừa hướng đến mục tiêu phát triển lâu dài. Tại GEC Group luôn ưu tiên chính sách điều chuyển nội bộ và nhân sự kiêm nhiệm nhằm nâng cao năng lực, tạo cơ hội phát triển cho các nhân sự được điều chuyển cọ sát nhiều môi trường làm việc khác nhau, đảm bảo song hành mục tiêu tiết giảm chi phí và gia tăng năng suất lao động. Tỷ lệ điều chuyển của năm 2019 và 2020 lần lượt là 4% và 3%.

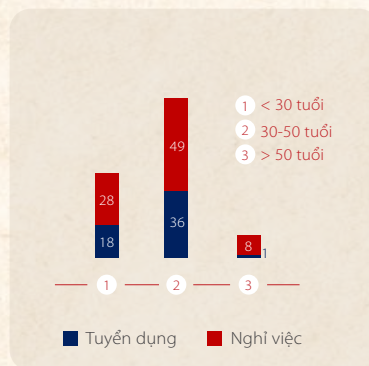
Tình hình nhân sự tại GEC 2016-2020
ĐVT: người



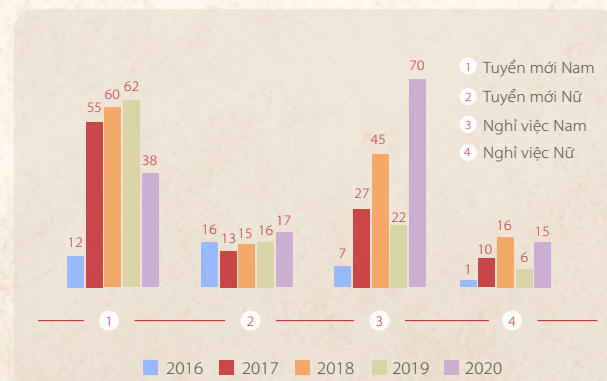
2016-2020 CHI PHÍ PHÚC LỢI

76 TỶ ĐỒNG

Nhân viên mới và thôi việc theo độ tuổi năm 2020 tại GEC
ĐVT: Tuổi



Giới tính trong Tuyển dụng và Nghỉ việc tại GEC 2016-2020
ĐVT: người



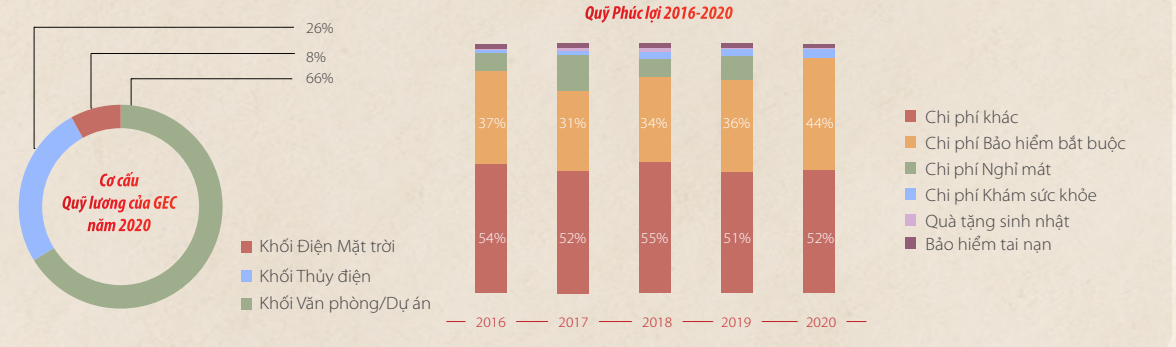
GRI 401-2

PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh, năm 2020 GEC vẫn xuyên suốt 3 mục tiêu Thu hút - gìn giữ nhân sự giỏi, Tạo động lực làm việc cho CBNV, Hòa hòa quan hệ giữa Chi phí và Năng suất thông qua việc thay đổi các chính sách tiền lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương tương xứng với chất lượng công việc, thực hiện so sánh với trung bình Ngành, cập nhật phù hợp chi số mức sống

từng khu vực. Lương bình quân của CBNV năm 2020 vào khoảng 18 triệu đồng/tháng/người - tăng 13% so với năm 2019. Để trang bị đầy đủ các kiến thức phục vụ cho công việc, thu hút và giữ chân những nhân sự chất lượng trên thị trường, Công ty luôn đưa ra lộ trình phù hợp cho chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Quỹ lương và lương bình quân của CBNV năm 2020 cũng có sự gia tăng so với các năm trước. Quỹ lương năm 2020 của GEC đạt 76 tỷ đồng, tăng 5% trong đó quỹ lương của Khối Văn phòng cao nhất, tăng 3% so với 2019. Lương bình quân của Khối Văn phòng, tăng 4% so với năm 2019 do nhân sự tuyển dụng tập trung chính ở Khu vực TP HCM - trung tâm kinh tế của cả nước cũng như là Khu vực có mức sống cao nhất. Lương bình quân của Khối Thủy điện và Điện Mặt trời lần lượt là 11 và 14 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức lương cạnh tranh tại các Địa phương cũng như các Doanh nghiệp trong Ngành đối với lao động tay nghề cứng và trình độ chuyên môn cao.

Năm 2020, Chi phí khác ghi nhận 9 tỷ đồng bao gồm các chi phí tang chế, ốm đau, 8/3, 20/10, Lễ Tết, Sinh con, Kết hôn, Thường đột xuất... - tuy có giảm so với năm 2019 định mức chi phí điều chỉnh nhưng vẫn đảm bảo phúc lợi cho CBNV Công ty. Năm 2020 chịu nhiều xáo trộn về kinh tế xã hội vì dịch bệnh, thiên tai nhưng GEC vẫn chỉ trả đầy đủ các Chi phí Bảo hiểm Bắt buộc, Chi phí khám sức khỏe, Quà tặng sinh nhật và Bảo hiểm tai nạn cho toàn bộ CBNV ghi nhận khoảng 8,2 tỷ đồng so với 2019 là 10,2 tỷ đồng. Riêng trong năm 2020, GEC không có Chế độ đi du lịch hàng năm do tuân thủ theo chỉ thị của Nhà nước hạn chế đi lại do dịch bệnh. Tổng cộng Chi phí Phúc lợi năm 2020 của GEC đạt 17 tỷ đồng so với năm 2019 là 21 tỷ đồng, tuy giảm nhưng thể hiện sự nỗ lực của BDH trong việc đảm bảo mức sống, chế độ và sự quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần đối với từng CBNV. Xét theo chiến lược 5 năm 2016-2020, tổng Chi phí Phúc lợi mà GEC đã dành cho CBNV lên đến con số 76 tỷ đồng.



Nguồn: GEC

GRI 401-3

NGHỈ THAI SẢN

Tại GEC, lao động nữ được đảm bảo nghỉ thai sản theo đúng quy định của Pháp luật. Trong thời gian nghỉ thai sản, CBNV vẫn được hưởng đầy đủ các chính sách nhân sự của Công ty như CBNV nữ được nhận đủ tiền Bảo hiểm Xã hội, CBNV nam được nghỉ tối thiểu 5 ngày khi vợ sinh nở. Ngoài ra là chế độ lương thường, khám sức khỏe định kỳ và quà thăm hỏi với định mức cụ thể trong Quy định chế độ dành cho Người lao động.

Trong năm 2020, GEC có 4 nhân viên nữ nghỉ thai sản, chiếm tỷ lệ gần 1% trong tổng số nhân sự GEC Group và tỷ lệ quay lại làm việc sau khi nghỉ thai sản đạt 100%. Nhằm tạo điều kiện khi CBNV nữ quay lại làm việc sau thời kỳ thai sản, BLĐ tiếp tục hỗ trợ trong việc phân công nhiệm vụ cùng với thời gian làm việc phù hợp để tiện chăm sóc con nhỏ với 7 giờ làm việc/ngày khi nuôi con dưới 12 tháng tuổi.



GRI 403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Làm việc với các Tuabin Gió, tại các NM Thủy điện, Điện Mặt trời tiềm ẩn những rủi ro như tiếng ồn, bóng rung, văng cánh, làm việc trên cao, không gian hạn chế, bức xạ mặt trời... là một môi trường nhiều thách thức
- Với kinh nghiệm hơn 30 năm trong Ngành NLTT, GEC nỗ lực để đảm bảo những rủi ro này được xác định sớm và có thể được loại bỏ, kiểm soát bằng các biện pháp giảm thiểu
- GEC đánh giá tỉ mỉ những rủi ro tồn đọng không thể tránh khỏi và giảm thiểu đến mức thấp nhất có thể.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Khuyến khích CBNV và Nhà thầu chủ động báo cáo mọi rủi ro về An toàn và Sức khỏe tại nơi làm việc và đưa ra các đề xuất để cải thiện
- Để ngăn ngừa thương tích, phơi nhiễm có hại và sự tái phát của sự cố, các sai lệch được báo cáo và nguyên nhân được điều tra; sau khi điều tra, các biện pháp khắc phục được thực hiện nhanh chóng
- Cơ sở dữ liệu và thủ tục báo cáo nhất quán năng cao hiệu quả và tính minh bạch của việc theo dõi hoạt động An toàn và Sức khỏe.

VÌ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



GRI 403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

GRI 403-1

ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BLĐ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

GEC đã tăng cường tính tương tác giữa CBNV và BLĐ bằng cách thành lập mạng lưới An toàn và Sức khỏe ở một số địa điểm. Hiện tại, các mạng lưới An toàn và Sức khỏe đang hoạt động ở các NM Thủy điện, Điện Mặt trời cũng như các công trường Điện Gió đang thi công. Những đại diện trong mạng lưới Ban An toàn và Sức khỏe hiện chiếm 12% tổng số CBNV GEC.

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của lực lượng An toàn lao động tại Công ty, Công đoàn và BLĐ đã thành lập và duy trì hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh vào tháng 7/2020 nhằm mục đích giám sát và kiến nghị với BLĐ trong việc thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Chức năng của đội ngũ là ngăn chặn kịp thời những biểu hiện vi phạm; trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị. Nhiệm vụ của đội ngũ là nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong ca thực hiện các quy định, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người mới; kiến nghị với cấp trên thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn, khắc phục kịp thời những biểu hiện mất an toàn của máy, thiết bị và nơi làm việc. Trong năm 2020 - 100% người lao động được sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, giảm tác động của yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp. Đội ngũ tiếp tục duy trì 100%

kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ thực hiện quy trình làm việc nhằm giảm nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong năm 2021.

Là đại diện tập thể người lao động, Công đoàn tại Công ty thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn lao động trong thỏa ước lao động; tham gia, phối hợp với Phòng EHSS tổ chức kiểm tra công tác An toàn lao động; tham gia, phối hợp với Đại diện BLĐ điều tra tai nạn lao động (nếu có); tổ chức các phong trào thi đua, phong trào làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; hướng dẫn, tư vấn cho nhân viên về quyền, nghĩa vụ của NLD khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc với Công ty; đại diện cho tập thể NLD thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể; đối thoại với Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của NLD.

GRI 403-2

LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÃY CÔNG BỊ MẮT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẮT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC

Từ năm 2018, GEC đã triển khai Chương trình Nâng cao Nhận thức An toàn cho nhân viên và quản lý bằng huấn luyện, đào tạo an toàn. Mục tiêu cuối cùng của chương trình này là loại bỏ tất cả các thương tích, rủi ro. Để tăng cường hơn nữa văn hóa an toàn và khuyến khích các hành vi an toàn tốt, tất cả các Ban Quản lý NM, Trưởng ca, Công nhân,

Văn phòng, Công trường xây dựng đều phải tham gia các khóa học an toàn. Tuy tình hình dịch bệnh diễn ra khá phức tạp nhưng Công ty đã hoàn thành mục tiêu đào tạo đặt ra với chi phí tiết giảm nhờ linh hoạt trong công tác tổ chức và triệt để phát huy nguồn lực nội bộ hiện có.

BLĐ GEC đã thể hiện cam kết đối với vấn đề an toàn bằng cách tham gia vào các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn và kiểm tra an toàn. Kiểm tra an toàn là cơ hội để các nhà quản lý tham gia vào cuộc đối thoại mang tính xây dựng và thảo luận về hành vi an toàn với nhân viên. Vào năm 2020, Công ty đã thực hiện 27 lần kiểm tra an toàn - đáp ứng mục tiêu đã đặt ra vào năm 2017 là tối thiểu 12 lần kiểm tra an toàn trong phạm vi mỗi năm và không có ca chấn thương xảy ra. Do đặc thù Ngành có yêu cầu cao về an toàn vệ sinh lao động; tham mưu kịp thời các tiêu chuẩn,

quy chuẩn, quy định mới của đơn vị chuyên môn nghiệp vụ xây dựng thành quy trình an toàn nên mỗi hoạt động của các NM vận hành luôn đảm bảo tính tuân thủ quy trình. Công tác đánh giá, nhận diện rủi ro, phổ biến biện pháp làm việc được thực hiện đầy đủ trong các buổi họp an toàn đầu ca làm việc và bàn giao cho ca/kíp mới. Các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt luôn được kiểm tra, bảo dưỡng, kiểm định định kỳ, có bảng hướng dẫn vận hành an toàn rõ ràng. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên có kinh nghiệm trong sản xuất, cũng như an toàn được trải rộng khắp các ca làm việc nhờ vậy sẽ giám sát tốt hơn công việc của công nhân; qua đó kịp thời phòng ngừa, giảm nguy cơ chấn thương tai nạn. Trong suốt 5 năm qua, Công ty đã thực hiện Báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đến Sở Lao động Thương binh Xã hội với ghi nhận không có tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tử vong.

GRI 404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Sức mạnh cạnh tranh của GEC bắt nguồn từ đội ngũ nhân sự kinh nghiệm, chuyên môn và gắn bó
Những thay đổi trong môi trường kinh doanh, công nghệ, phương pháp làm việc và công cụ đòi hỏi phải học hỏi và cải tiến kiến thức liên tục.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Kế hoạch đào tạo được xây dựng phù hợp với thực tế nhu cầu của từng Phòng Ban chuyên môn và được phê duyệt bởi BLĐ
Thực hiện đánh giá KPI đối với công tác đào tạo nhằm đánh giá, quản lý và theo dõi công tác thực hiện việc đào tạo của các Phòng Nhân sự cũng như các Phòng Ban chuyên môn
Đổi mới các khóa đào tạo nội bộ, Phòng Ban chuyên môn tham mưu để cương phù hợp với thực tế hoạt động và cập nhật quy định hiện hành.

GRI 404-1

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

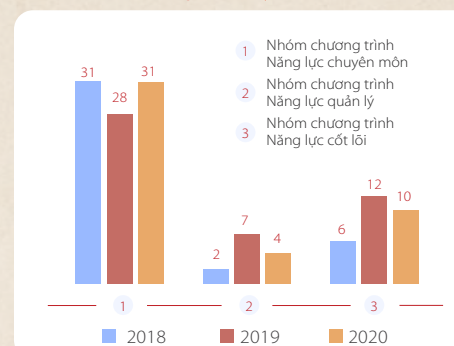
GEC hỗ trợ và khuyến khích toàn bộ nhân sự tích cực phát triển kiến thức và chuyên môn của họ thông qua đào tạo từ lý thuyết đến thực tế. GEC luôn nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi nhân viên đối với việc học tập và phát triển của chính họ. Năm 2020 ghi nhận 45 khóa học với sự tham gia của 708 học viên, 856 giờ học và chi phí đào tạo là 355 triệu đồng. Số lượng khóa học giảm 4%, số lượt học viên giảm 4%, số giờ đào tạo giảm 52% tuy nhiên chi phí đào tạo vẫn tương đương năm 2019. Số giờ đào tạo trung bình cho CBNV Nữ là 8,2 giờ/người, giảm 28% và Nam là 1,6 giờ/người, giảm 68% so với năm 2019. Số giờ đào tạo trung bình cho cấp Quản lý là 15,9 giờ/người, tăng 15% và nhân viên là 1,6 giờ/người, giảm 65% so với năm 2019. Do có những chương trình đào tạo định kỳ 2 năm/lần có số lượng học viên lớn nên năm 2020 ghi nhận giảm về số lượng khóa học, học viên cũng như số giờ đào tạo. Ngoài ra, trong năm không thực hiện đào tạo vận hành hệ thống điện do GEC đã sở hữu nguồn nhân sự Trưởng ca Vận hành ổn định từ những năm trước.

GRI 404-2

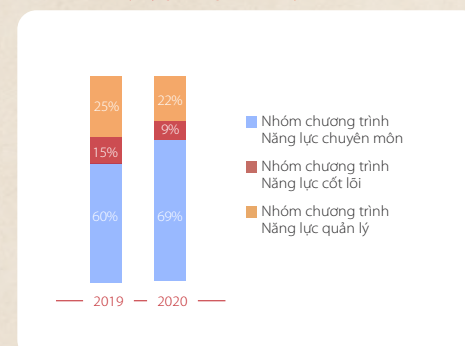
CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP

Quản lý đóng một vai trò quan trọng tại GEC trong việc tạo điều kiện và hỗ trợ học tập. Tất cả các nhà quản lý có trách nhiệm lập kế hoạch phát triển các hoạt động học tập cùng với nhóm của họ. Phát triển và kiến thức chuyên môn luôn phù hợp với các giá trị của GEC cũng như nhu cầu và mục tiêu kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020, các khóa đào tạo nội bộ chiếm 20%, tăng 3% so với năm 2019 bao gồm các khóa chia sẻ kỹ năng như phổ biến các quy trình/quy định của Công ty, lập dự toán kinh phí sửa chữa, chia sẻ kiến thức về nghiệp vụ quản lý vận hành, workshop về công tác quản lý DA, huấn luyện sát hạch an toàn điện định kỳ. Các khóa đào tạo bên ngoài được Công ty chú trọng để góp phần nâng cao kỹ năng tay nghề của CBNV, chiếm tỷ trọng 82% tổng chi phí đào tạo. Để góp phần nâng cao hiệu quả các chương trình đào tạo nội bộ, CBNV được khuyến khích tham gia Chương trình Giảng viên nội bộ "TTC Trainer Master 2020" và có 4 Giảng viên nội bộ được công nhận - tăng 300% so với năm 2019. Mặc dù với tình hình Covid 19 nhưng để đáp ứng chuyên môn cho nhân sự triển khai các DA, tổng các chương trình đào tạo vẫn duy trì tương đương năm ngoài và tỷ trọng Nhóm Chương trình Năng lực chuyên môn tăng 9% lên 69% so với năm 2019.

Chương trình đào tạo 2018-2020



Tỷ trọng chương trình đào tạo 2019-2020



Nguồn: GEC

Chương trình đào tạo thực hiện

Nhóm Chương trình	Nội dung chính	Các Chương trình Tiêu biểu	Đối tượng	Năm 2019		Năm 2020			
				Số lượng học viên	Số giờ khóa học	Số giờ đào tạo	Số lượng khóa học	Số giờ đào tạo	
Năng lực chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật kiến thức chuyên môn cần thiết nhằm phục vụ công việc Đáp ứng yêu cầu của Pháp luật về tiêu chuẩn trình độ cũng như kiến thức cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên môn đặc thù: Thuế - Kế toán, Bảo hiểm Xã hội, Cập nhật EVFTA, Lập dự toán kinh phí sửa chữa, Công tác quản lý DA... Triển khai xây dựng Hệ thống Quản lý Môi trường theo chuẩn ISO 14001:2015 Bộ Chương trình đáp ứng yêu cầu của Pháp luật: Huấn luyện An toàn điện; Huấn luyện PCCC và cứu nạn cứu hộ; Huấn luyện An toàn Vệ sinh Lao động; Vận hành thiết bị nâng, thiết bị áp lực 	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý cấp trung Chuyên viên / Nhân viên 	659	28	1.296	662	31	492
Năng lực Quản lý, Lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng Quản lý, Lãnh đạo cho các Cấp Quản lý Chương trình theo khung đào tạo đối với chức danh Quản lý hiện hành/Quản lý tiềm năng 	<ul style="list-style-type: none"> GD KTNB Quản lý Cấp trung tiềm năng Bồi dưỡng năng lực Quản lý Cấp trung Nghệ thuật làm việc và giải tỏa áp lực 	<ul style="list-style-type: none"> CBQL các cấp 	36	7	416	8	4	312
Năng lực cốt lõi (Hội nhập, Kỹ năng mềm, Văn hóa Doanh nghiệp...)	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp kiến thức hội nhập cho Nhân viên mới Phát triển Kỹ năng mềm đáp ứng với nhu cầu công việc Lan tỏa Văn hóa Doanh nghiệp tới CBNV 	<ul style="list-style-type: none"> Hội nhập Tập đoàn, Hội nhập Ngành Năng lượng Kỹ năng mềm: Soạn thảo văn bản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu; Nghiệp vụ hành chính... 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên viên/ Nhân viên 	43	12	52	38	10	52
Tổng cộng				738	47	1.764	708	45	856



VÌ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Nhân viên hợp đồng ngắn hạn, dài hạn được đối xử công bằng, bình đẳng
- Nhân viên làm việc trong môi trường an toàn, cởi mở, hợp tác, cộng đồng
- Thúc đẩy bình đẳng giới.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Công bằng trong tuyển dụng, ứng dụng công nghệ trong việc đăng tải thông báo tuyển dụng để gia tăng mức độ tiếp cận thông tin đến tất cả mọi đối tượng
- Thực hiện các chính sách Quản trị hướng tới đảm bảo công bằng cho mọi Nhân viên, gia tăng nữ là thành phần quản lý.

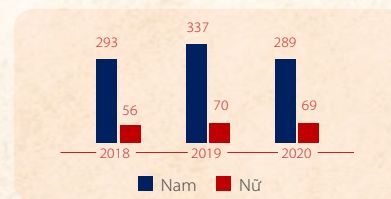
GRI 405-1
SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

GEC đối xử bình đẳng với tất cả CBNV và ứng viên trong tất cả các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển. Bình đẳng và công bằng cũng là những yếu tố quan trọng trong chính sách của Công ty. GEC không phân biệt giới tính trong các kế hoạch phúc lợi cho CBNV. Lao động nữ chiếm tỷ trọng

tương đối trong cơ cấu nhân sự GEC, tuy nhiên sự bình đẳng giới luôn được BLĐ quan tâm. Với đặc thù về Ngành nghề trong lĩnh vực Năng lượng, tỷ lệ lao động nữ thấp so với lao động nam chỉ chiếm khoảng 20%. Tuy nhiên tỷ trọng lao động nữ đã tăng đáng kể so với mức 16% của năm 2019. Số lao động Nữ tập trung vào các vị trí công việc Văn phòng, hỗ trợ công tác cho Khối Sản xuất. Tại GEC, các vấn đề về bình đẳng giới luôn được coi trọng thực hiện, các lao động nữ luôn được tạo cơ hội để phát huy và phát triển tài năng. Điều này thể hiện qua tỷ lệ lao động Nữ làm công tác Quản lý chiếm tới 26% trên tổng số CBQL, tăng 2% so với năm 2019. Năm 2020, Thành viên HĐQT có 2/5 người là Nữ, chiếm 40% tổng số Thành viên nhưng giảm 10% so với năm 2019; BDH có 3/5 người là nữ, chiếm 60% - tăng 31%

so với năm 2019; Trưởng Đơn vị trở lên có 7/25 người là nữ, chiếm 28% - tăng 7% so với năm 2019. Lao động có trình độ cao ngày càng tăng trong cơ cấu nhân sự của GEC, đặc biệt là lao động có trình độ Đại học và Sau Đại học ngày càng chiếm tỷ lệ lớn với 50%, Cao đẳng 17%, Trung cấp 21% và còn lại là Lao động phổ thông 12%.

Cơ cấu nhân sự theo giới tính 2018-2020
ĐVT: Người



Nguồn: GEC



GRI 413 - CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- GEC có các NM đặt tại khu vực kinh tế chậm phát triển, vùng sâu vùng xa với mong muốn cùng với sự hình thành các DA công nghiệp sẽ góp phần vào kích thích tăng trưởng kinh tế và cơ sở hạ tầng địa phương
- GEC luôn quan tâm đến giá trị lợi ích bền vững, không bỏ qua yếu tố an toàn nghiêm ngặt và tác động ảnh hưởng môi trường xung quanh.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Phương châm của GEC "Sản xuất phải an toàn, An toàn thì mới sản xuất"
- Đảm bảo việc vận hành các NM an toàn, tránh gây ra các sự cố gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Pháp luật, theo tiêu chuẩn IFC tránh gây ảnh hưởng an ninh trong quá trình từ xây dựng đến đi vào hoạt động SXKD
- Luôn công bố đầy đủ và kịp thời các thông tin về DA nhằm giảm thiểu xuống mức thấp nhất và tránh những rủi ro có thể xảy ra
- Hướng ứng các chương trình vì cộng đồng xã hội.

GRI 413-1
NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

Năm 2020 đánh dấu bước quan trọng trong HKDK của GEC khi lần đầu tiên phát triển các DA Điện Gió. Đây là một loại hình hoàn toàn mới, cả trong nghiên cứu, xây dựng lẫn vận hành.

Điều này mang lại lợi ích, cơ hội tuy nhiên cũng tiềm ẩn những rủi ro có thể xảy đến, đặc biệt là những rủi ro về An toàn, Môi trường và Xã hội trong quá trình thi công và giai đoạn vận hành thương mại. GEC đã chủ động thuê Đơn vị Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) của các DA Điện Gió là Bang 1 Gia Lai, Tân Phú Đông 1 và 2 Tiền Giang.

Với đặc thù của 3 DA khác nhau hoàn toàn về vị trí địa lý, điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, đất đai cũng như hoàn cảnh địa phương, Tư vấn thực hiện ESIA đã tiến hành tham vấn cộng đồng để đánh giá điều kiện kinh tế xã hội địa phương. Quá trình tham vấn được thực hiện với không ít khó khăn. Tại DA la Bang 1, cộng đồng địa phương xung quanh có đến

60% là người đồng bào Dân tộc Jrai, ngôn ngữ tiếng Việt không thông thạo, tuy nhiên, với kinh nghiệm đặc thù và được sự hỗ trợ của Chính quyền địa phương đã hoàn tất công tác tiến hành tham vấn lấy ý kiến.

DA Điện Gió Tân Phú Đông 1 và 2, công tác khảo sát, lấy mẫu các yếu tố môi trường như khảo sát chim, dơi, lấy mẫu động vật đáy, lấy mẫu tiếng ồn được thực hiện phần lớn ở trên biển do vị trí Tuabin Gió nằm ngoài biển cách bờ đến 20 km. Từ đất liền đi tàu ra ngoài biển, dập dềnh theo con sóng, các Chuyên gia khảo sát và lấy mẫu đã rất vất vả để thu thập đủ dữ liệu để đánh giá các yếu tố môi trường này.

GEC cũng đã tiến hành lập Kế hoạch tham gia của các BLQ (SEP) trong đó có xét đến sự quan tâm và ảnh hưởng đến các bên như cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp, Chính quyền Trung ương và Địa phương, Đối tác, Khách hàng, Tổ chức Tài chính, Đơn vị Truyền thông trong khu vực... nhằm mục đích hiểu được sự quan tâm cũng như tâm tư, nguyện vọng của các đối tượng đảm bảo DA có thể ảnh hưởng thấp nhất và mang lại lợi ích nhiều nhất. DA đồng thời xây dựng Cơ chế Tiếp nhận khiếu nại, bao gồm số Đường dây nóng tiếp nhận mọi khiếu kiện, phản nàn cũng như ý kiến đóng góp của người dân, chính quyền hay bất cứ đơn vị nào quan tâm. Sau khi kết thúc đánh giá ESIA, Báo cáo tóm tắt sẽ được gửi đến Chính quyền Địa phương để CBTT, công khai mọi dữ liệu của DA.

Loại hình DA	Đánh giá Môi trường Xã hội Việt Nam		Đánh giá Môi trường Xã hội IFC	DA áp dụng tại GEC
	Đánh giá tác động môi trường	Kế hoạch bảo vệ môi trường		
Thủy điện vừa và nhỏ	- Công suất từ 2 MW trở lên - Chuyển nước sang lưu vực khác	Công suất dưới 2 MW	PS6 đa dạng sinh học	x
Điện Mặt trời	Trên diện tích từ 200 ha trở lên	Trên diện tích từ 50 ha đến dưới 200 ha	PS1: Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội PS2: Điều kiện làm việc và lao động PS3: Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm PS4: Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng PS5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện PS6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững PS7: Người thiểu số bản địa PS8: Di sản văn hóa	Krong Pa, Đức Huệ 1, Hàm Phú 2, Phong Điền
Điện Gió	Trên diện tích từ 200 ha trở lên	Trên diện tích từ 50 ha đến dưới 200 ha		la Bang 1, Tân Phú Đông 1 và 2



VÌ MỘT NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

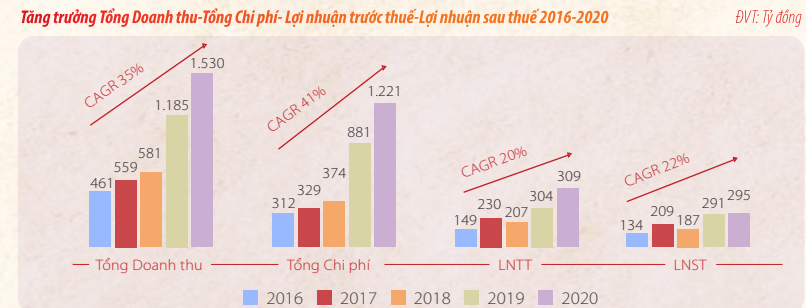
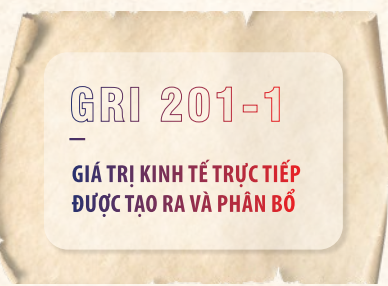
GRI 201 - HIỆU QUẢ KINH TẾ

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

- Chiến lược PTBV của GEC hướng tới lợi ích lâu dài cho Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CD/NĐT tiềm năng và Cộng đồng Địa phương
- Hiệu quả kinh tế được xác định là chủ đề trọng yếu, là nền tảng quan trọng để GEC hiện thực hóa cam kết với các BLQ, thông qua các hoạt động chính:
 - Chủ trọng công tác vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời Mặt đất, Điện Mặt trời Áp mái tạo nguồn thu ổn định
 - Tiết giảm chi phí hợp lý để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- GEC ghi nhận Hiệu quả hoạt động kinh tế với các chỉ tiêu:
 - TTS, Doanh thu, Lợi nhuận đạt mức tăng trưởng ổn định và bền vững qua các năm
 - Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hợp lý và ổn định
 - Mở rộng danh mục đầu tư từ Thủy điện, Điện Mặt trời đến Điện Gió
 - Đảm bảo quyền lợi tài chính cho CD/NĐT, Người lao động và các Nhà cung cấp vốn
 - Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định.



GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA - DOANH THU

Tổng kết HDKD 5 năm, GEC tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng ổn định đến từ các HDKD cốt lõi. Tổng Doanh thu ghi nhận trong năm 2020 là 1.530 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Trong đó, DTT hợp nhất năm 2020 đạt hơn 1.493 tỷ đồng, tăng 29%, đưa DTT lũy kế 5 năm 2016-2020 lên 4.183 tỷ đồng với tỷ lệ tăng trưởng kép đạt con số ấn tượng là 36%.

Doanh thu từ hoạt động bán điện vẫn là chủ lực khi chiếm tỷ trọng lớn nhất với 84% đạt 1.249 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Như vậy, trong 5 năm qua, thông qua hoạt động bán điện, GEC đã đem về nguồn Doanh thu lũy kế là 3.631 tỷ đồng. Cơ cấu Doanh thu có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu khi tỷ trọng của Doanh thu bán hàng đang dần gia tăng trong suốt 5 năm qua, từ việc chiếm tỷ trọng không đáng kể năm 2016 đã lên đến 13% trong 2020. Lũy kế Doanh thu đạt gần 238 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là khoảng 190 tỷ đồng - đến từ hoạt động cung cấp các thiết bị Năng lượng, Robot lau pin, Tấm Pin Mặt trời... Mặc dù có sự sụt giảm

tỷ trọng trong suốt 5 năm qua, tuy nhiên lũy kế Doanh thu Cung cấp dịch vụ đã kịp đóng góp 313 tỷ đồng, riêng năm 2020 đạt gần 54 tỷ đồng với tỷ trọng 4%, tương đương cùng kỳ. Giai đoạn 2016-2020, Doanh thu Tài chính gần như ổn định với lũy kế giá trị đạt 119 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng kép đạt 3%. Riêng năm 2020, việc hoàn tất chuyển nhượng NM Thủy điện Kênh Bắc có công suất 1 MW cũng góp phần nâng Doanh thu tài chính từ 24 tỷ đồng trong năm 2019 lên gần 31 tỷ đồng trong năm 2020, tăng 26%.

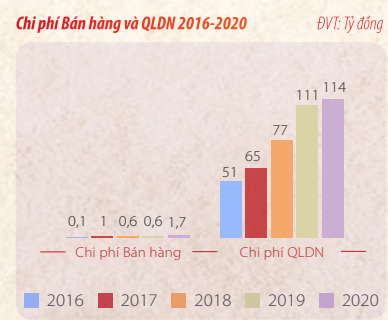
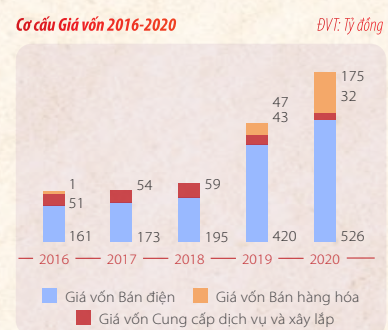
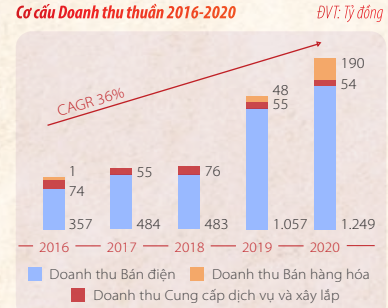
GEC vẫn giữ vững Biên LNG trong suốt 5 năm qua ở mức từ 51% nhờ vào sự ổn định của hoạt động SXKD. Năm 2020, GEC lần lượt ghi nhận mức LNG, LNTT và LNST lần lượt 761 tỷ đồng, 309 tỷ đồng và 295 tỷ đồng, tăng tương ứng 17%, 2% và 2% so với cùng kỳ. Lũy kế 5 năm, GEC gia nhập câu lạc bộ Lợi nhuận ngàn tỷ với 2.247 tỷ đồng, 1.199 tỷ đồng và 1.116 tỷ đồng cho LNG, LNTT và LNST. Tốc độ tăng trưởng kép 5 năm theo đó đạt các con số ấn tượng 37%, 20% và 22%.

GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC PHÂN BỐ

CHI PHÍ VẬN HÀNH

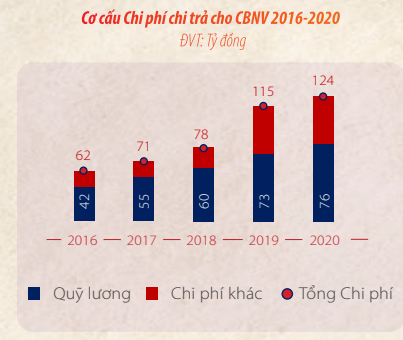
Cùng với sự tăng trưởng Doanh thu trong các năm vừa qua, Giá vốn sản xuất cũng ghi nhận tăng tương ứng với giá trị 733 tỷ đồng, tăng 44% chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng hóa với 175 tỷ đồng, hoạt động sản xuất điện ghi nhận tăng 25% với Giá vốn là 526 tỷ đồng, còn lại là hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ 32 tỷ đồng, giảm 25% so với cùng kỳ. Tỷ lệ tăng trưởng kép 5 năm qua của Giá vốn cũng xấp xỉ mức tăng của DTT. Riêng đối với hoạt động cốt lõi là sản xuất điện, nhờ vào các hoạt động tiết giảm chi phí hợp lý nên Giá vốn ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép thấp hơn nhiều so Doanh thu bán điện là 37%.

Là một trong những đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTT, Chi phí Bán hàng gần như chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu Chi phí Hoạt động của Công ty. Mặc dù ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép 93% trong 5 năm, tuy nhiên giá trị ghi nhận chỉ đạt gần 4 tỷ đồng, chủ yếu gia tăng chi phí phục vụ cho các hoạt động bán hàng, thiết bị Năng lượng mới phát sinh trong năm 2020. Chi phí QLDN tiếp tục được kiểm soát khi chỉ tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ, ghi nhận giá trị 114 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng kép 5 năm đạt 22%. Đây cũng là mức tăng hợp lý so với sự tăng trưởng về quy mô hoạt động của Công ty.



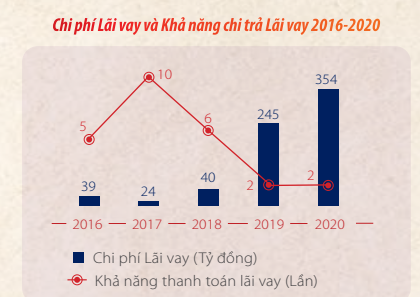
LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI

Lũy kế trong vòng 5 năm qua, tổng số CBNV đã tăng từ 275 người lên 337 người - tỷ lệ tăng trưởng kép 5% với tổng chi phí đã chi trả cho CBNV lên đến 449 tỷ đồng - tỷ lệ tăng trưởng kép 19%. Trong đó lũy kế tổng quỹ lương ghi nhận 306 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng kép 16%, còn lại là các Chi phí Phúc lợi khác với giá trị lũy kế là 143 tỷ đồng và mức tăng trưởng 24%. Như vậy, bình quân chi phí chi trả cho 1 CBNV đã tăng từ 19 triệu đồng/tháng lên gần 31 triệu đồng/tháng với tỷ lệ tăng trưởng kép khoảng 13%.



Riêng năm 2020, GEC đã chi trả gần 124 tỷ đồng cho gần 337 CBNV, tăng 8% so với cùng kỳ. Nhằm tạo môi trường làm việc chất lượng thông qua các chính sách chăm lo cho đời sống CBNV, GEC đã cập nhật, rà soát và ban hành Quy chế Tiến lương vào đầu năm 2021. Việc điều chỉnh này không chỉ nhằm mục đích chi trả hợp lý cho các nhân sự hoàn thành xuất sắc công việc chuyên môn mà còn tạo động lực để họ gia tăng năng suất lao động, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty.

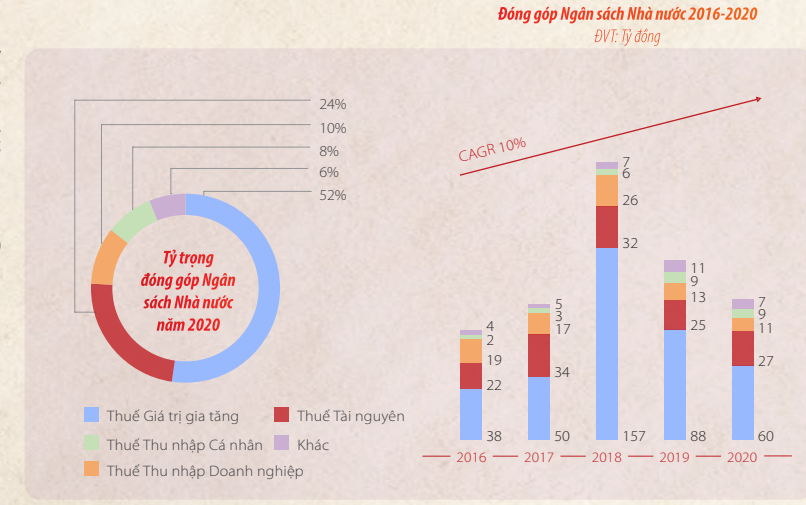
CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO NHÀ CUNG CẤP VỐN



Một trong những đóng góp lớn nhất để hệ thống các DA NLTT của GEC đi vào vận hành thương mại theo đúng thời gian quy định và thụ hưởng các cơ chế ưu đãi của Chính phủ chính là sự ủng hộ của các Định chế tài chính thông qua hoạt động tài trợ vốn. Tại thời điểm 31/12/2020, GEC đã và đang hợp tác với các Định chế tài chính lớn, uy tín tại Việt Nam và

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO CHÍNH PHỦ

Định hướng trở thành một trong những Công ty NLTT hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2020, GEC luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Chính phủ, đóng góp tích cực cho địa phương, cộng đồng, xã hội thông qua nghĩa vụ nộp thuế đặc biệt tại các địa phương GEC có những NM đang hoạt động. Lũy kế giá trị nộp thuế trong giai đoạn 2016-2020 đạt 683 tỷ đồng, ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép 10%. Đặc biệt, năm 2020 GEC đóng góp Ngân sách hơn 115 tỷ đồng, với tỷ trọng lớn nhất đến từ Thuế Giá trị gia tăng 60 tỷ đồng - chiếm 52%, tiếp đến là Thuế Tài nguyên chiếm tỷ trọng 24% với giá trị 27 tỷ đồng. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Thuế Thu nhập Cá nhân cũng đóng góp với tổng giá trị gần 21 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18% và cuối cùng là các loại Thuế khác với giá trị 7 tỷ đồng, chiếm 6% tỷ trọng nộp Ngân sách Nhà nước.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CÔNG ĐỒNG

Bên cạnh việc thể hiện trách nhiệm với Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CD/NĐT tiềm năng, GEC cũng tích cực đóng góp cho cộng đồng, xã hội tại các địa phương mà GEC đang hoạt động. Có thể kể đến các hoạt động tiêu biểu như quyền góp ủng hộ đồng bào Miền Trung, tổ chức các chương trình hiến máu tự nguyện, hỗ trợ thiên tai tại địa bàn NM Phong Điền, hội khuyến học... với tổng giá trị ghi nhận trong năm 2020 khoảng 708 triệu đồng. Từ năm 2012 đến năm 2020, GEC đã đóng góp khoảng 13 tỷ đồng cho hoạt động CSR - Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp.

Quốc tế như Vietcombank (1.977 tỷ đồng), Wooribank (406 tỷ đồng), Agribank (431 tỷ đồng), BIDV (173 tỷ đồng), Vietinbank (49 tỷ đồng)... Đặc biệt là việc Ngân hàng Wooribank - một trong những Ngân hàng lớn nhất tại Hàn Quốc đồng ý tài trợ NM Điện Mặt trời Trúc Sơn với lãi suất ưu đãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng Quốc doanh cộng biên độ 3,2%/năm với tổng giá trị nhận nợ 437 tỷ đồng. Bên cạnh đó, BIDV đồng ý tài trợ cho các DA Điện Mặt trời Áp mái với thời hạn 102 tháng, lãi suất 12 tháng đầu là 9%-9,2%/năm, các năm tiếp theo được tính bằng lãi suất cơ sở cộng biên 3%/năm với tổng giá trị hơn 173 tỷ đồng. Tổng Chi phí Lãi vay trong năm 2020 khoảng 354 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ do ghi nhận Chi phí Lãi vay cả năm của 3 DA Điện Mặt trời Hàm Phú 2 - Bình Thuận, Đức Huệ 1 - Long An, Trúc Sơn - Đắk Nông, các gói Trái phiếu và lãi vay của những DA Điện Mặt trời Áp mái mới.

Bên cạnh việc đa dạng hóa các loại hình NLTT để tối đa hóa Doanh thu, GEC tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vừa để duy trì tốt mối quan hệ sẵn có với các Định chế, vừa để phát triển Thị trường vốn. Năm 2020, GEC đón nhận hàng loạt tin vui từ các kênh huy động vốn, có thể kể đến: (1) Sự đồng thuận của các Định chế tài trợ vốn với tỷ lệ 4:1, GEC thu về gần 510 tỷ đồng để triển khai đầu tư các DA Điện Gió tiềm năng và hợp tác triển khai DA

Điện Mặt trời Áp mái. VDL cuối năm 2020 đạt 2.712 tỷ đồng, tăng 33% so với đầu kỳ. (2) GEC hoàn tất gói Trái phiếu 200 tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng với lãi suất cố định 10,5%/năm. Trong 2 năm 2019-2020, GEC đã phát hành thành công 2 gói Trái phiếu trị giá gần 450 tỷ đồng với lãi suất hợp lý và kỳ hạn dài để đáp ứng nhu cầu phát triển danh mục DA NLTT và bổ sung VLĐ. (3) GEC hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2019 với tỷ lệ 8%. Tuy vào kế hoạch và tình hình kinh doanh thực tế trong năm, GEC luôn đảm bảo quyền lợi của Định chế thông qua việc chi trả cổ tức đều đặn bằng tiền hoặc Cổ phiếu, ở mức cổ tức hấp dẫn so với mặt bằng chung của các Công ty niêm yết trên thị trường. Cổ tức của GEC chủ yếu được chia đa phần bằng tiền mặt với mức tỷ lệ từ 7-11%/năm. Riêng năm 2016, Công ty thực hiện chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%. Tổng giá trị cổ tức lũy kế được chi trả bằng tiền/Cổ phiếu ghi nhận gần 630 tỷ đồng trong giai đoạn 2016-2020.

Năm 2020, tổng nợ vay ngắn và dài hạn ghi nhận giảm 2% so với cùng kỳ, đạt 3.801 tỷ đồng, do GEC thực hiện chi trả các khoản nợ đúng hạn đến từ nguồn hoạt động sản xuất ổn định. Bên cạnh đó, tại GEC khả năng chi trả lãi vay luôn được đảm bảo, thông qua hệ số thanh toán EBIT/Chi phí Lãi vay năm 2020 mặc dù có giảm nhẹ so với năm 2019 nhưng vẫn ở mức hợp lý là 1,9 lần.



VÌ MỘT NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



GRI 201 - HIỆU QUẢ KINH TẾ (tiếp theo)

Việt Nam là một trong những Quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới đối với biến đổi khí hậu, trong 2020 nhiều hiện tượng thời tiết, thủy văn bất thường như mưa to kèm dông lốc, mưa đá liên tục xảy ra ở các tỉnh Phía Bắc vào các thời điểm rất hiếm khi, thậm chí chưa từng xảy ra. Hạn hán, xâm nhập mặn đã và đang diễn ra khốc liệt ở các khu vực Nam Bộ, Trung Bộ. Hoạt động trong lĩnh vực NLTT, GEC cùng nhiều doanh nghiệp cùng Ngành bị ảnh hưởng đáng kể liên quan đến hoạt động SXKD bởi sự bất thường của thời tiết. Tuy nhiên với kinh nghiệm hoạt động trong Ngành hơn 31 năm, GEC có những phương pháp quản trị và quản lý hữu ích để giảm thiểu rủi ro, như đa dạng hóa nguồn thu và tối đa hóa giá trị gia tăng.

GRI 201-2

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NĂM 2020

- Thời tiết hạn hán vào những tháng đầu năm
- Mưa lớn tập trung nhiều vào giai đoạn cuối năm, chủ yếu ở Khu vực Trung và Nam Trung Bộ
- Nhờ vào việc đa dạng hóa các loại hình NLTT, đã chia sẻ đều rủi ro cho các loại hình.

NĂM 2019

- Mùa khô, tổng lượng mưa trên các trạm khác nhau trên lưu vực thiếu hụt so với trung bình nhiều năm khoảng 55%
- Mùa mưa, lượng mưa giảm nhiều, chỉ đạt trung bình 20% so với nhiều năm.

CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	RỦI RO	CƠ HỘI	NĂM 2019
--------------------	--------	--------	----------

TÁC ĐỘNG

Đối với Thủy điện: Thời tiết không thuận lợi khiến cho các NM Thủy điện hầu như không đạt Kế hoạch vào những tháng đầu năm. Mặc dù đến cuối năm, Sản lượng Thủy điện đạt 321 triệu kWh, tăng 15% so với cùng kỳ nhưng vẫn thấp hơn 6% bình quân sản lượng 5 năm gần nhất

Đối với Điện Mặt trời: Ở những tháng cuối năm, hầu hết các NM Điện Mặt trời đều không đạt Kế hoạch tháng; tuy nhiên nhờ vào thời tiết thuận lợi ở những tháng đầu năm đã giúp sản lượng Điện Mặt trời ghi nhận 381 triệu kWh, đạt Kế hoạch đề ra

Giảm tác động đáng kể bởi các điều kiện bất lợi như hạn hán hoặc bão lũ

Tối đa hóa nguồn thu từ các loại hình sản xuất điện, tận dụng được tình hình thời tiết trong năm để tạo nguồn thu ổn định và bù đắp thiếu hụt nếu có

Tiến hành triển khai các DA Điện Gió để tiếp tục chiến lược đa dạng hóa nguồn thu từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có

Sản lượng các NM Thủy điện tại GEC chỉ đạt 279 triệu kWh, là mức sản lượng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020

5 NM Điện Mặt trời đã đi vào hoạt động tại các Khu vực có điều kiện bức xạ tốt, tổng sản lượng đạt gần 314 triệu kWh

PHƯƠNG ÁN QLRR SỬ DỤNG

Hoàn tất lắp đặt kết nối SCADA các NM Thủy điện và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái để đảm bảo công tác theo dõi và vận hành từ xa

Chủ động phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề tồn tại tại các công trình Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái

Áp dụng các sản phẩm công nghệ như Robot Lau pin GEC Bots cho các NM Điện Mặt trời, công nghệ lọc dầu cho các NM Thủy điện... tiết giảm thời gian và chi phí

Tối ưu hóa công tác vận hành, giám sự cố và tổn thất điện năng

Nghiên cứu và áp dụng các sản phẩm công nghệ để gia tăng hiệu quả sản xuất, điển hình như áp dụng Hệ thống Tracking với quy mô lớn để tối ưu hóa sản lượng ở các NM Điện Mặt trời, cải tiến, nâng cấp và thương mại hóa các dòng GEC Bots...

Tăng cường đào tạo và ban hành các quy trình dành cho hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, hướng dẫn kiểm tra định kỳ để đảm bảo công tác vận hành xuyên suốt

Nghiên cứu và ban hành các quy trình vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị các DA Điện Gió nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành

Thành công nghiên cứu Hệ thống Robot lau pin GEC Bots để áp dụng vào các NM Điện Mặt trời

Hội đồng Khoa học Thủy công được tổ chức định kỳ để phân tích các vấn đề về Thủy điện, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu suất và gia tăng hiệu quả hoạt động

ẢNH HƯỞNG VỀ MẶT TÀI CHÍNH SAU KHI CÓ CÁC BIỆN PHÁP QLRR

Doanh thu từ Thủy điện, Điện Mặt trời đều vượt so với cùng kỳ, ghi nhận lần lượt 395 tỷ đồng và 832 tỷ đồng, tăng tương ứng 4% và 23%

Gia tăng Doanh thu đến từ Điện Mặt trời Áp mái với 22 tỷ đồng, chiếm 2% tỷ trọng Doanh thu

Cơ cấu Doanh thu có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu khi tỷ trọng của Doanh thu Bán hàng tăng lên 13% đạt gần 190 tỷ đồng. Doanh thu Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong Ngành NLTT và Xây lắp với tỷ trọng 4%, đạt 54 tỷ đồng

Nguồn Doanh thu Thủy điện thấp nhất trong giai đoạn 5 năm với 379 tỷ đồng, tuy nhiên nhờ vào đa dạng hóa nguồn thu kịp thời từ Điện Mặt trời với 677 tỷ đồng nên Doanh thu điện đạt 1.057 tỷ đồng.

GRI 201-4

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

Ngành NLTT luôn nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Chính phủ, bắt đầu từ khi triển khai đầu tư DA cho đến khi các đi vào vận hành chính thức, đặc biệt là ở lĩnh vực tài chính. Chính điều này đã và đang là động lực đối với hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là sự phát triển của GEC tại thị trường NLTT Việt Nam. Hầu hết, các NM NLTT tại GEC đều thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư khi được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo cơ chế ưu đãi của Luật Đầu tư. Các NM tại GEC, đặc biệt là các NM Điện Mặt trời đều hoạt động tại khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tính đến cuối năm 2020, GEC đã nhận hơn 14 QĐ miễn tiền thuê đất của 14 NM với tổng giá trị được miễn tiền thuê đất lên đến

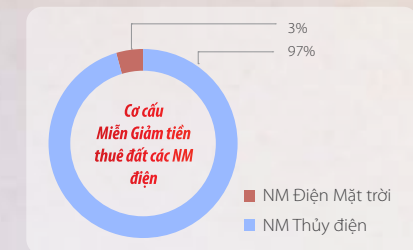
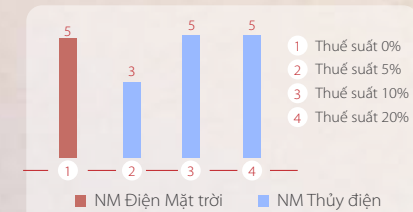
153 tỷ đồng trong suốt thời hạn từ 1-50 năm. Trong đó, chiếm tỷ trọng 97% đến từ các NM Điện Mặt trời và 3% của các NM Thủy điện.

Bên cạnh miễn giảm tiền thuê đất, GEC còn nhận được ưu đãi miễn và giảm Thuế Thu nhập Doanh nghiệp đối với các DA NLTT. GEC đang chịu mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% theo TT 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Riêng đối với các DA đầu tư sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng DA và theo quy định tại TT 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành ND 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và CV số 111684/BTC-TCT ngày 16/9/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế.

Với hệ thống 18 NM sản xuất điện, có đến 5 NM được hưởng thuế suất ưu đãi 0%, chiếm tỷ trọng 28%, 3 NM được hưởng thuế suất ưu đãi 5%, chiếm tỷ trọng 16%, 5 NM được hưởng thuế suất ưu đãi 10%, chiếm tỷ trọng 28%, còn lại là 5 NM có thuế suất 20%, chiếm tỷ lệ 28% trong cơ cấu. Chính những ưu đãi

của Chính phủ đối với NLTT nói chung và các hoạt động sản xuất của GEC nói riêng đã hỗ trợ tích cực về mặt tài chính, góp phần tạo nên một nền tảng hình ảnh cân bằng lợi ích về mối tương giao giữa GEC và Chính phủ.

Ưu đãi thuế tại hệ thống NM điện trong năm 2020 ĐVT: NM



GRI 202 - SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG



- Đảm bảo chính sách tiền lương linh hoạt phù hợp với yêu cầu khách quan của môi trường kinh doanh, quy chế, quy định của Pháp luật - công khai, công bằng và hợp lý
- Chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương có tác động lớn đủ để tăng năng suất lao động, cạnh tranh với các Doanh nghiệp cùng Ngành
- Đóng góp vào sự phát triển an sinh xã hội của địa phương và tác động tích cực đến mặt bằng tiền lương chung của thị trường lao động.

- Mức lương bình quân đảm bảo mức sống cơ bản cho CBNV nhưng vẫn phù hợp với tình hình tài chính Công ty
- Chính sách Tiền lương chi trả theo thực tế Doanh thu tại các Đơn vị Sản xuất, khuyến khích tinh thần làm việc, gắn liền giữa trách nhiệm và thu nhập được hưởng
- Mức lương khởi điểm cho CBNV Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định.



VÌ MỘT NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



GRI 202 - SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

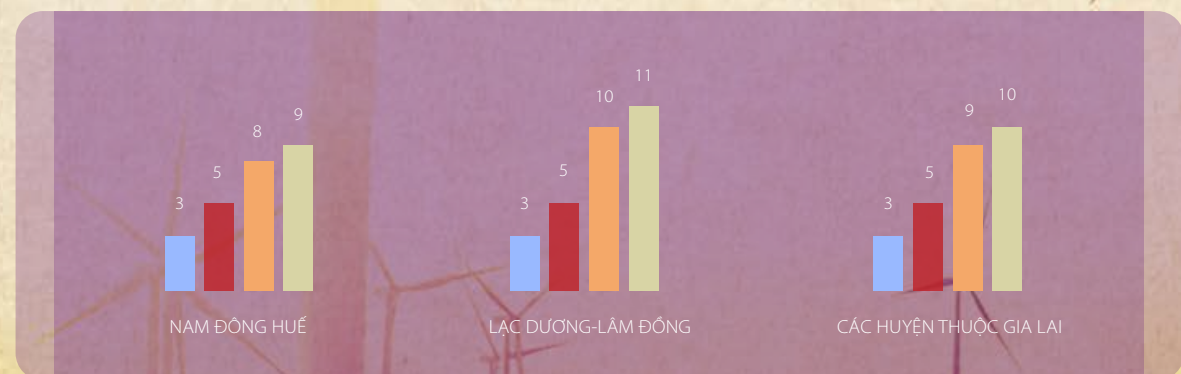
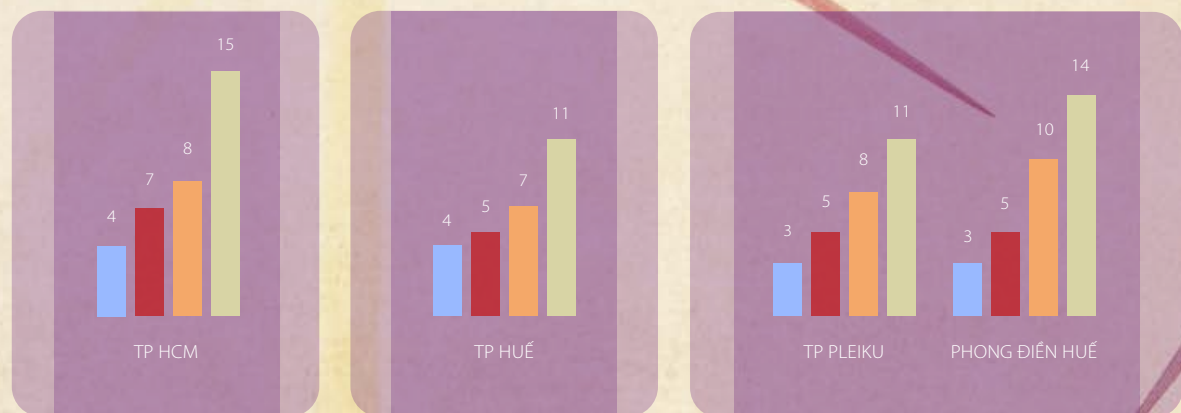
GRI 202-1

TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với hệ thống 18 NM sản xuất điện và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái trải dài rộng khắp kéo dài từ Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ, GEC luôn đảm bảo cuộc sống của từng CBNV tại mỗi Địa phương GEC đang hoạt động. GEC luôn xem trọng, cập nhật và cải tiến phù hợp với trung bình Ngành, mức sống từng Khu vực, đảm bảo tối thiểu chi phí trong cuộc sống cho CBNV dựa trên các chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV GEC với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 37% trở lên tùy theo vị trí và khu vực.

Chi phí lương bình quân cho 1 nhân viên trong năm 2020 là 18 triệu đồng/tháng, tăng 13% cùng kỳ. Trong đó, Lương bình quân Khối Thủy điện đạt 11 triệu đồng/tháng, tương đương trung bình Ngành đối với Thủy điện vừa và nhỏ; Khối Điện Mặt trời đạt 14 triệu đồng/tháng, cao hơn 4% so với trung bình Ngành đối với các NM Điện Mặt trời có công suất tương đương và cao hơn rất nhiều so với mức lương tối thiểu Vùng. Đây là mức lương cạnh tranh tại các Địa phương cũng như so với các Doanh nghiệp trong Ngành. Điều này tạo động lực làm việc, gia tăng mức độ gắn bó với Công ty, thúc đẩy năng suất lao động, qua đó Công ty gián tiếp gia tăng hiệu quả kinh doanh, lớn mạnh về cả chất và lượng, cũng như trở thành thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn để khẳng định sự hiện diện của GEC trên thị trường.

Thu nhập CBNV GEC so với mức lương tối thiểu Vùng
ĐVT: Triệu đồng/tháng



■ Lương tối thiểu Vùng ■ GEC - Lao động Phổ thông ■ GEC - Bậc Nhân viên ■ GEC - Bậc Chuyên viên

THÔNG TIN DÀNH CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

HỆ THỐNG VĂN PHÒNG

	Trụ sở chính	Văn phòng đại diện TTC HCM	Văn phòng đại diện TTC Hà Nội
Địa chỉ	114 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tầng 10, Tòa nhà Văn phòng Tập đoàn TTC, 253 Hoàng Văn Thu, Quận Tân Bình, TP HCM	Số 9, Ngõ 310, Ngách 22, Đường Nghi Tâm, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
Giám đốc	x	Ông Phạm Thành Tuấn Anh GD Văn phòng Đại diện	Ông Nguyễn Trung Phong GD Văn phòng Đại diện
Số điện thoại	0269 3823 604	028 3999 8822 - 6012	0917 748 067
Số fax	0269 3826 365	x	x
Email	info@geccom.vn	com-off.dep-mgr@geccom.vn	business.mgr@geccom.vn
Website	http://www.geccom.vn	http://www.geccom.vn	http://www.geccom.vn

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

	Chi nhánh TTC Mang Yang	Chi nhánh TTC Aun Hạ	Chi nhánh TTC Chư Prông	Chi nhánh TTC Lâm Đồng	Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế
Địa chỉ	Làng Rô, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai	Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai	268 Hùng Vương, Thị trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng	189 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, TP Huế
Giám đốc	Ông Lê Quang Quốc Dũng GD Chi nhánh	Ông Lê Hoàng Khanh GD Chi nhánh	Ông Phạm Văn Hiệp GD Chi nhánh	Ông Nguyễn Mạnh Hùng GD Chi nhánh	Ông Trương Văn Lân GD Chi nhánh
Email	my.dir@geccom.vn	ayh.dep-dir@geccom.vn	cp.dir@geccom.vn	ld.dir@geccom.vn	hue.dir@geccom.vn
Số điện thoại	0357 777 779	0269 3855 256	0269 6275 190	0263 3615 091	0234 3933 913

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư	Người phụ trách Công bố thông tin	Đường dây chính trực
Huỳnh Quốc Thắng GD Quan hệ NĐT	Ông Phạm Thành Tuấn Anh Chánh Văn phòng Công ty	Mai Văn Nhớ Trưởng Phòng KTNB
028 3999 8822 - 6035	028 3999 8822 - 6012	028 3999 8822
ir.dir@geccom.vn	tbvpct@geccom.vn	ia.mgr@geccom.vn

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Khối Phát triển DA	Phòng Kinh doanh	Phòng Nhân sự	Phòng EHSS	Phòng Hành chính Quản trị (Cung ứng)
Nguyễn Phong Phú GD Phát triển DA	Nguyễn Trung Phong GD Kinh doanh	Nguyễn Thị Hồng Vân GD Nhân sự	Bùi Thị Thúy Hằng Phó Phòng EHSS	Châu Tiểu Phụng GD Hành chính Quản trị
0269 3823 604 - 110	0269 3823 604 - 123	028 3999 8822 - 106	028 3999 8822 - 6051	028 3999 8822
cpdo@geccom.vn	business.mgr@geccom.vn	hr.mgr@geccom.vn	cons.dep3-mgr@geccom.vn	ciao.mgr@geccom.vn

Sang trang

Bến Tre, ngày 30 tháng 3 năm 2021

TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Những đoạn cọc đầu tiên của Dự án đã được dựng lên trên biển...
Niềm vui, tự hào xen lẫn xúc động khi logo GEC
xuất hiện thấp thoáng từ phía xa...
Chúng tôi đặt những nền móng đầu tiên cho hành trình Đón Gió...

*Đồng hành trên mỗi chặng đường là những Dự án Điện Mặt trời Áp mái
kết hợp Nông nghiệp, tối ưu hóa quỹ đất sẵn có tại 10 Tỉnh Thành,
gیا tăng sản lượng Điện thêm 18 triệu kWh, đa dạng hóa thu nhập
với 36 tỷ đồng Doanh thu trong năm 2020...*



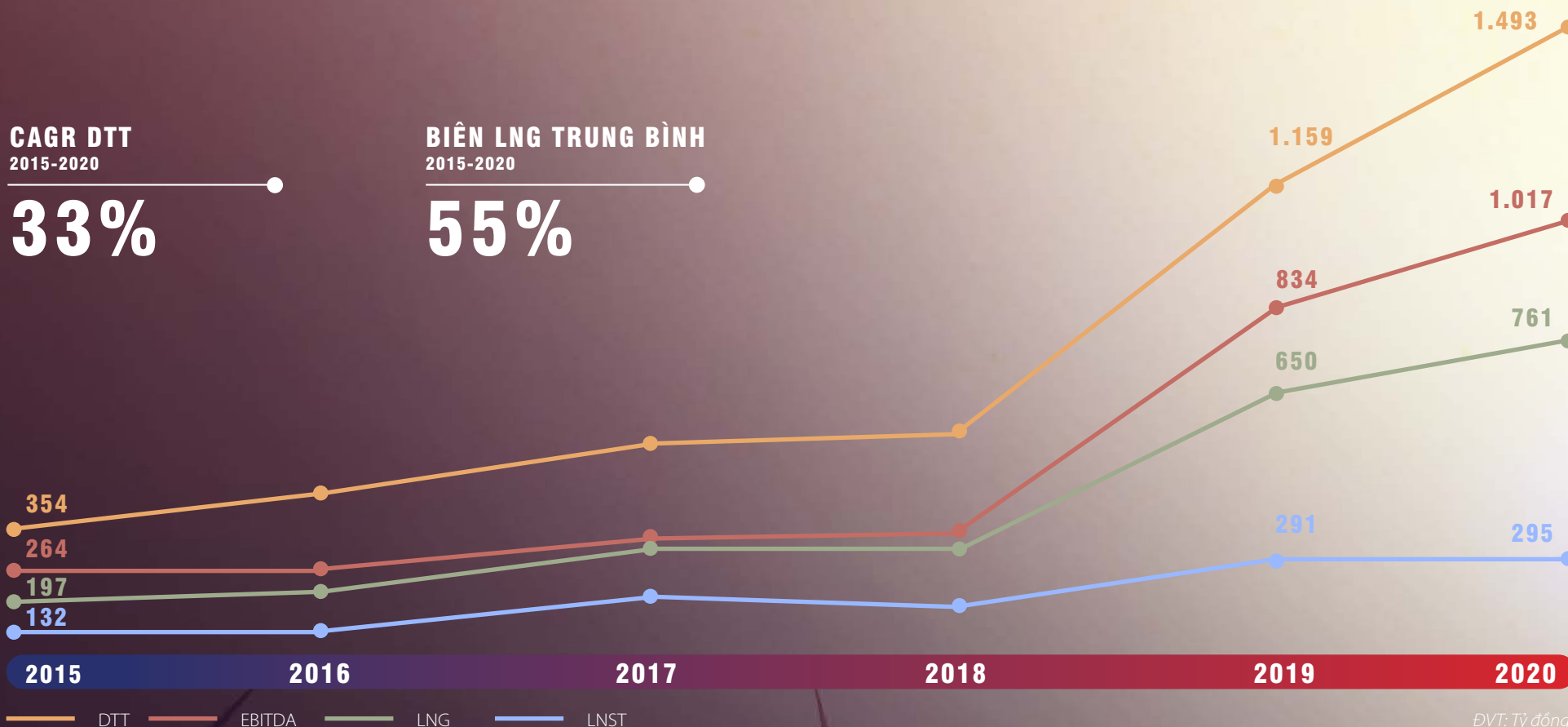


CAGR DTT
2015-2020

33%

BIÊN LŨNG TRUNG BÌNH
2015-2020

55%



TTS 2020

7.773 TỶ ĐỒNG

GẤP HƠN 4 LẦN 2015-2020

VĐL 2020

2.712 TỶ ĐỒNG

GẤP GẦN 4 LẦN 2015-2020



TÀI CHÍNH LÀ NỀN TẢNG

DOANH THU THUẦN - LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO
- LỢI NHUẬN GỘP - LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Giai đoạn 2015-2020, DTT duy trì xu hướng tăng với tốc độ tăng trưởng CAGR

33%

Tổng DTT và LNST lũy kế trong giai đoạn 2015-2020 ghi nhận

4.535
1.248
TỶ ĐỒNG

GEC vào Câu lạc bộ Doanh thu và Lợi nhuận nghìn tỷ với Biên LNR hấp dẫn trung bình

28%

TỔNG TÀI SẢN - VỐN ĐIỀU LỆ

Năm 2020, GEC tiếp tục việc mở rộng quy mô đầu tư các DA NLTT thể hiện qua mức tăng trưởng TTS

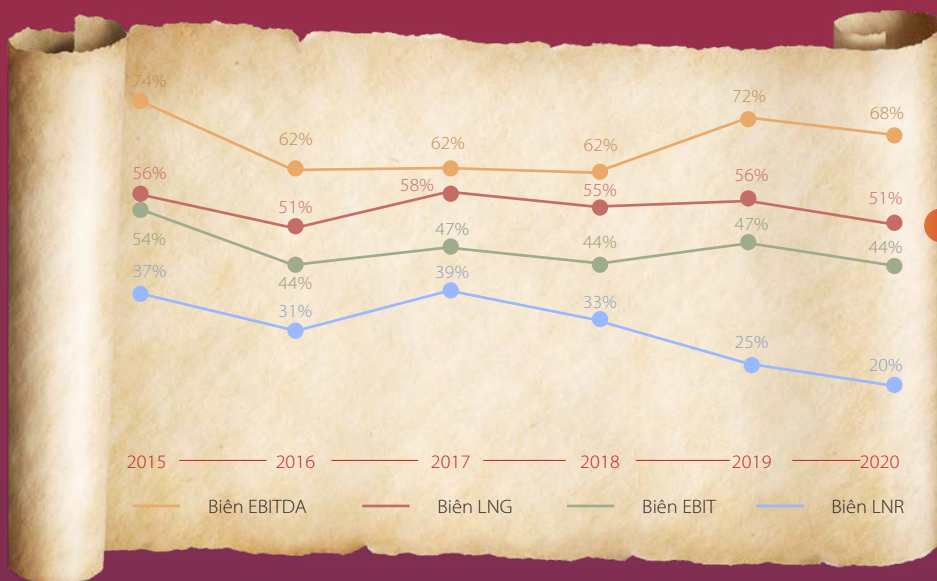
>1.000 TỶ ĐỒNG
tương ứng 15% so với năm 2019

Quy mô TTS tăng gấp hơn 4 trong vòng 6 năm. VĐL năm 2020 tăng lên

2.712 TỶ ĐỒNG
cũng ghi nhận mức tăng gần 4 lần trong giai đoạn 2015-2020 thông qua các hình thức phát hành tăng vốn và chia cổ tức.



TÀI CHÍNH LÀ NỀN TẢNG (tiếp theo)



KHẢ NĂNG SINH LỜI: HẤP DẪN

Biên LNG vẫn duy trì mức ổn định qua nhiều năm, luôn cao hơn mức 50% và vượt trội so với trung bình Ngành khoảng 37%, cho thấy khả năng sinh lời và kiểm soát chi phí hiệu quả.

Biên EBITDA và Biên EBIT duy trì trong biên độ **62%-74%** và **44%-54%**, cao hơn nhiều so với trung bình Ngành cuối năm 2020 vào khoảng 47% và 32%.



KHẢ NĂNG THANH TOÁN: ĐẢM BẢO

Kết thúc năm 2020, Hệ số Thanh toán hiện hành và Hệ số Thanh toán nhanh ghi nhận tăng lần lượt 14% và 41% so với cùng kỳ.

Khả năng thanh toán của GEC được cải thiện đáng kể nhờ sự tăng trưởng mạnh từ các chỉ tiêu tài sản có tính thanh khoản cao như Tiền và tương đương tiền tăng **29%** và mức tăng **108%** từ các Khoản phải thu ngắn hạn.



CƠ CẤU VỐN: AN TOÀN

Giai đoạn 2015-2019, Tỷ số Nợ vay/VCSH có xu hướng tăng chủ yếu là do các khoản vay và phát hành Trái phiếu để đầu tư cho các DA Điện Mặt trời.

Tuy nhiên năm 2020, Tỷ số Nợ vay/VCSH ghi nhận giảm mạnh **27%** do Công ty thực hiện tăng vốn từ việc phát hành thêm **51** triệu Cổ phiếu cho CĐ hiện hữu.

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016-2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm cùng kỳ	CAGR 2016-2020
Tài sản	1.552	1.659	4.361	6.763	7.773	15%	50%
Tài sản ngắn hạn	342	486	1.230	1.190	1.779	49%	51%
Tiền và tài sản tương đương tiền	68	223	609	105	135	29%	19%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	8	252	12	-	(100%)	0%
Khoản phải thu ngắn hạn	257	227	246	688	1.434	108%	54%
Hàng tồn kho	16	26	25	314	152	(52%)	75%
Tài sản ngắn hạn khác	1	1	98	71	58	(18%)	201%
Tài sản dài hạn	1.210	1.173	3.131	5.573	5.994	8%	49%
Khoản phải thu dài hạn	1	11	1	1	26	4.423%	147%
Tài sản cố định	1.169	1.114	2.878	5.259	5.375	2%	46%
Tài sản dài hạn dở dang	6	18	216	263	541	106%	214%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	-	-	3	-	(100%)	(100%)
Tài sản dài hạn khác	34	30	36	48	52	8%	11%
Nguồn vốn	1.552	1.659	4.361	6.763	7.773	15%	50%
Nợ phải trả	401	341	1.953	4.183	4.305	3%	81%
Nợ phải trả ngắn hạn	135	103	528	836	1.101	32%	69%
Nợ vay ngắn hạn	45	6	106	554	601	8%	91%
Nợ phải trả dài hạn	266	237	1.424	3.347	3.204	(4%)	86%
Nợ vay dài hạn	265	232	1.420	3.343	3.201	(4%)	87%
Vốn Chủ sở hữu	1.151	1.318	2.408	2.580	3.468	34%	32%
Vốn Điều lệ	745	971	1.942	2.039	2.712	33%	38%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm cùng kỳ	CAGR 2016-2020
Doanh thu thuần	431	539	559	1.159	1.493	29%	36%
Giả vốn hàng bán	213	227	253	510	732	44%	36%
Lợi nhuận gộp	219	312	306	649	761	17%	37%
Chi phí lãi vay	39	24	40	257	354	38%	74%
Doanh thu ròng từ hoạt động tài chính	(19)	(7)	(22)	(233)	(341)	46%	106%
Chi phí Bán hàng và Quản lý Doanh nghiệp	51	66	77	112	116	4%	23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	149	239	207	304	304	0%	20%
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1	(9)	-	-	5	(1.470%)	58%
Lợi nhuận trước thuế	149	230	207	304	309	2%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	21	20	13	14	1%	(2%)
Lợi nhuận sau thuế	134	209	187	291	295	2%	22%
EBIT	188	255	247	549	663	21%	37%
EBITDA	268	334	345	834	1.017	22%	40%

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

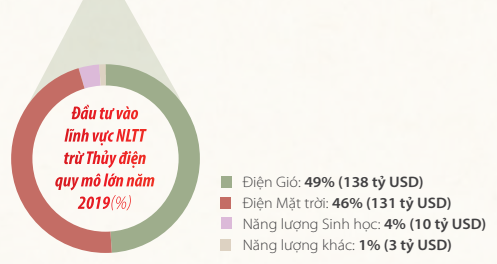
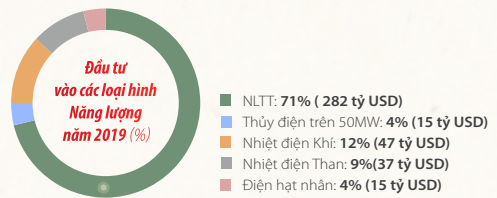
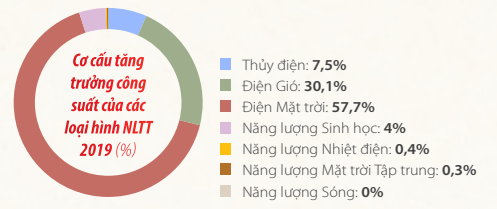
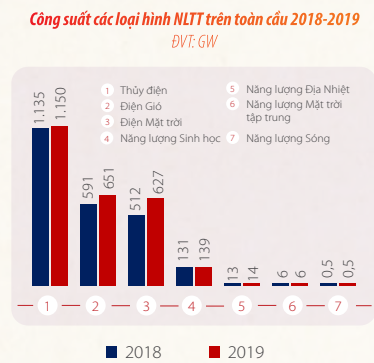
Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm cùng kỳ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế	149	230	206	304	309	2%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	168	244	141	(333)	421	227%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	91	5	(1.946)	(2.642)	(937)	64%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(280)	(93)	2.191	2.471	547	(78%)
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	(21)	155	386	(504)	30	106%
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	68	223	609	105	135	29%



LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA GEC TRONG SỨ MỆNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI DẪN ĐẦU VỀ SỰ TĂNG TRƯỞNG CÔNG SUẤT TRONG CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG TRÊN TOÀN CẦU

Ngành NLTT toàn cầu tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng kỷ lục vào năm 2019 khi công suất lắp đặt tăng thêm 200 GW. Đây là mức tăng cao nhất từ trước đến nay, nâng tổng công suất toàn cầu từ 2.387 GW lên 2.588 GW, duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 8% trong vòng 5 năm từ 2015-2019. Dẫn đầu là sự tăng trưởng công suất đến từ Điện Mặt trời khi công suất 2019 đạt 627 GW, tăng 115 GW so với năm 2018; kế đến là Điện Gió khi công suất đạt 651 GW, tăng 60 GW so với năm 2018 và cuối cùng là công suất Thủy điện tăng 15 GW từ 1.135 GW lên 1.150 GW. Còn lại là các loại hình NLTT khác bao gồm Năng lượng Sinh học, Năng lượng Địa nhiệt, Năng lượng Mặt trời tập trung, Năng lượng Sóng với tổng công suất là 160 GW, tăng thêm 9 GW so với năm 2018.



Cũng trong năm 2019, tổng đầu tư vào công suất năm 2019 vào các loại hình Năng lượng đạt 396 tỷ USD, trong đó NLTT tiếp tục thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư hơn so với các lĩnh vực khác như Nhiệt điện Than, Nhiệt điện Khí hoặc Điện Hạt nhân. Ước tính khoảng 297 tỷ USD đầu tư vào công suất NLTT, trong đó 15 tỷ USD đầu tư vào các DA Thủy điện có công suất trên 50 MW, còn lại 282 tỷ USD đầu tư vào công suất NLTT bao gồm các DA Thủy điện có công suất nhỏ hơn 50 MW. Đối với loại hình Nhiệt điện Khí, Nhiệt điện Than và Điện Hạt nhân, con số này lần lượt là 47 tỷ USD, 37 tỷ USD và 15 tỷ USD. Nhìn chung, năm 2019 đầu tư vào công suất NLTT nhiều gấp 3 lần so tổng đầu tư của cả 3 loại hình Nhiệt điện Than, Nhiệt điện Khí và Điện Hạt nhân.

Điện Gió và Điện Mặt trời tiếp tục chiếm ưu thế khi chiếm tỷ trọng lần lượt 49% và 46% trong tổng đầu tư NLTT không bao gồm Thủy điện có công suất trên 50 MW, tương ứng với 138 tỷ USD và 131 tỷ USD. Tiếp theo là đầu tư vào loại hình Năng lượng Sinh học, Nhiên liệu Sinh học hơn 10 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 4%; còn lại là các loại hình NLTT khác như Thủy điện nhỏ, Năng lượng Địa nhiệt và Năng lượng Sóng với tổng giá trị đầu tư trong năm 2019 là 3 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1%.

Nguồn: Báo cáo NLTT toàn cầu xuất bản năm 2020, REN21

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á DẪN CHUYỂN MÌNH THEO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA TOÀN CẦU

Toàn bộ Khu vực Đông Nam Á vẫn phụ thuộc nhiều vào Nhiên liệu Hóa thạch để sản xuất điện, điển hình là Brunei và Singapore gần như phụ thuộc hoàn toàn vào Khí đốt tự nhiên. Bên cạnh đó hơn 60% sản lượng điện ở Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Philippines và Indonesia đến từ Than và Khí đốt tự nhiên. Mặc dù tất cả các nước ASEAN đều xác định triển khai NLTT là mục tiêu năng lượng Quốc gia, nhưng nguồn NLTT - bao gồm Thủy điện, Địa nhiệt, Năng lượng Mặt trời, Gió và Nhiên liệu Sinh học hiện đại chỉ đáp ứng 15% nhu cầu Năng lượng của Khu vực vào năm 2019. Để con số này gia tăng hơn nữa đòi hỏi rất lớn mở rộng sản xuất NLTT trong những năm tới.

Thực trạng và mục tiêu NLTT của một số Quốc gia tại Khu vực Đông Nam Á

Quốc gia	Công suất NLTT (MW)	Mục tiêu công suất NLTT	Tổng quan về nguồn Năng lượng
Việt Nam	17.900	129.500 MW (2030)	- Nhiệt điện Than và Thủy điện là những nguồn chính chiếm tỷ trọng 60% trong cơ cấu phát điện - Nguồn điện từ NLTT (Thủy điện, Điện Gió, Điện Mặt trời, Điện Sinh khối...) đang được đẩy mạnh, từng bước gia tăng tỷ trọng của điện năng sản xuất trong cơ cấu
Indonesia	6.680	46.307 MW (2025)	- Quốc gia đông dân nhất, cũng là Quốc gia nhập khẩu Năng lượng lớn nhất tại ASEAN - Indonesia là nhà xuất khẩu Khí thiên nhiên hóa lỏng LNG, nhà xuất khẩu than lớn nhất thế giới - Đây là một trong những Quốc gia có tiềm năng Địa nhiệt cao nhất trên toàn cầu
Malaysia	6.286	21.370 MW (2050)	- Dầu và Khí đốt là nguồn Năng lượng chính và cũng là nhân tố chính mang lại Doanh thu cho Chính phủ - Thủy điện, Điện Mặt trời và Nhiên liệu Sinh học là một trong những loại NLTT hàng đầu đang được chú trọng
Thái Lan	7.901	19.684 MW (2036)	- Hiệu suất sử dụng chính là mục tiêu chính trong lĩnh vực Năng lượng tại Thái Lan - Nguồn cung cấp Năng lượng hàng đầu là Nhiên liệu Hóa thạch, cùng với đó là sự gia tăng tỷ trọng của việc nhập khẩu Năng lượng - Năng lượng Mặt trời, Năng lượng Sinh học và Thủy điện cũng đang được chú trọng

Quốc gia	Công suất NLTT (MW)	Mục tiêu công suất NLTT	Tổng quan về nguồn Năng lượng
Singapore	5.898	15.306 MW (2030)	- Quốc gia hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào việc nhập khẩu Năng lượng với nguồn cung cấp cốt lõi là các sản phẩm dầu mỏ - Chính phủ đặt mục tiêu về trở thành Quốc gia hàng đầu về việc nghiên cứu và phát triển NLTT đặc biệt Năng lượng Mặt trời
Campuchia	952	2.241 MW (2020)	- Mức độ tiếp cận Năng lượng thấp, đồng thời việc sử dụng NLTT đang dần được khuyến khích để điện hóa tại khu vực nông thôn - Năng lượng Sinh khối và Dầu là nguồn cung cấp Năng lượng chủ yếu - Đây cũng là Quốc gia có nhiều tiềm năng về Thủy điện và Nhiên liệu Sinh học
Lào	3.348	951 MW (2025)	- Thủy điện và Năng lượng Sinh khối truyền thống đang là nguồn cung cấp Năng lượng chủ yếu - Thủy điện nhỏ đang là loại NLTT được kỳ vọng - Đây cũng là khu vực có tiềm năng Thủy điện quan trọng, có khả năng xuất khẩu sang các nước láng giềng
Philippines	33	350 MWp (2020)	- Là Quốc gia sản xuất điện bằng loại NL địa nhiệt lớn thứ hai thế giới - Địa nhiệt và Thủy điện là các nguồn cung cấp NLTT chính tại Quốc gia này
Brunei	1,7	954 GWh (2025)	- Với chính sách NL chủ yếu tập trung vào lĩnh vực Dầu và Khí, là Quốc gia sản xuất và xuất khẩu Dầu và Khí quan trọng tại Khu vực - Năng lượng Mặt trời cũng là loại NLTT đang được ưu tiên.

Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quốc tế - Tập 9, xuất bản ngày 10/10/2020

Thủy điện là nguồn Năng lượng đóng góp đáng kể vào sản xuất điện tại Khu vực ĐNA. Đây là loại Năng lượng cung cấp phần lớn sản lượng điện ở Lào (75%), Campuchia (64%) và Myanmar (55%). Sau Thủy điện, Địa nhiệt và Năng lượng Sinh khối đều có dấu ấn lịch sử lâu đời trong Khu vực so với các loại Năng lượng khác. Mặc dù Địa nhiệt chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong nguồn Năng lượng toàn cầu, nhưng với vị trí dọc theo Vành đai lửa làm cho các Quốc gia tại Khu vực nơi đây rất thích hợp để sản xuất điện Địa nhiệt. Đặc biệt là Indonesia và Philippines - 2 Quốc gia có nguồn

tài nguyên Địa nhiệt đáng kể có thể được khai thác để đáp ứng nhu cầu Năng lượng trong tương lai, hiện sở hữu công suất lắp đặt Năng lượng Địa nhiệt lớn thứ 2 và thứ 3 trên toàn cầu, tương ứng với 2.133 MW và 1.988 MW. Mặc dù xuất hiện sau trong các loại hình NLTT khác, Năng lượng Mặt trời và Gió thực sự đã ghi được dấu ấn tại thị trường Đông Nam Á. Bắt đầu từ năm 2015, các Quốc gia tại ASEAN đã nghiêm túc bắt đầu, triển khai, mở rộng và tăng trưởng mạnh mẽ các DA Năng lượng Mặt trời. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2019,

công suất phát điện từ Năng lượng Mặt trời tăng gần gấp 6 lần - 2 GW lên hơn 11 GW. Mặc dù hầu hết các Quốc gia đều đạt sự tăng trưởng nhất định, tuy nhiên phần lớn vẫn đến từ sự đóng góp từ Việt Nam và Thái Lan. Tính đến cuối năm 2019, Năng lượng Mặt trời chiếm 10% công suất lắp đặt của Việt Nam và gần 6% của Thái Lan. Đối với Điện Gió, tốc độ tăng trưởng có phần thấp hơn và tập trung hơn. Giai đoạn 2015-2019, công suất tăng gấp 3 lần từ 800 MW lên 2.384 MW - một lần nữa đến từ sự đóng góp công suất của Thái Lan và Việt Nam.

CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT ĐIỆN MẶT TRỜI KHU VỰC ASEAN 2015-2019

QUỐC GIA	2015	2016	2017	2018	2019
Việt Nam	6	6	9	106	5.695
Thái Lan	1.425	2.451	2.702	2.967	2.987
Philippines	165	776	897	897	922
Malaysia	229	278	370	536	882
Singapore	46	97	118	160	255
Indonesia	51	58	60	62	197
Campuchia	12	18	29	28	98
Myanmar	21	32	44	48	88
Brunei	1	1	1	1	1
Tổng	1.956	3.717	4.230	4.805	11.125

CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT ĐIỆN GIÓ KHU VỰC ASEAN 2015-2019

QUỐC GIA	2015	2016	2017	2018	2019
Thái Lan	234	507	628	1.103	1.507
Philippines	427	427	427	427	427
Việt Nam	136	160	205	237	374
Indonesia	1	1	1	76	76
Brunei	0	0	0	0	0
Campuchia	0	0	0	0	0
Malaysia	0	0	0	0	0
Myanmar	0	0	0	0	0
Singapore	0	0	0	0	0
Tổng	798	1.095	1.261	1.843	2.384

Nguồn: IRENA, Thống kê công suất NLTT năm 2020

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NLTT CỦA VIỆT NAM NĂM 2020

Theo Luật Điện lực số 28/2004/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 03/12/2004, thị trường Điện lực Việt Nam sẽ hình thành và phát triển theo các cấp độ: Thị trường Phát điện cạnh tranh, Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh và Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh. Theo Báo cáo của BCT, thị trường điện hiện đang triển khai đúng lộ trình được duyệt. Cụ thể, Thị trường Phát điện cạnh tranh đã được chính thức vận hành từ tháng 7/2012 và đang ngày càng hoàn thiện,

góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngành Điện, đưa hệ thống điện và thị trường điện được vận hành an toàn, ổn định. Nếu như năm 2012 mới chỉ có 32 NM với tổng công suất 9.200 MW tham gia Thị trường Phát điện cạnh tranh thì đến ngày 31/3/2020 đã có 98 NM điện trực tiếp tham gia cạnh tranh trên thị trường với tổng công suất 26.895 MW. Tới đầu năm 2019, Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh chính thức vận hành. Từ đây, EVN không còn là

đơn vị mua buôn điện duy nhất như trước đây mà đã có thêm 5 Tổng Công ty Điện lực trực tiếp tham gia mua điện trên thị trường giao ngay cũng như ký hợp đồng song phương với các NM điện. Ngày 9/6/2020, Thủ tướng đã phê duyệt chủ trương xây dựng Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh. BCT theo đó đã ban hành quyết định phê duyệt để án thiết kế mô hình Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh với 3 giai đoạn.



LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA GEC TRONG SỨ MỆNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (tiếp theo)

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NLTT CỦA VIỆT NAM NĂM 2020 (tiếp theo)

GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ

Giai đoạn 1: Đến hết 2021

- Triển khai thực hiện chuyển đổi Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia thành Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định tại QĐ số 168/QĐ-TTg và QĐ số 852/QĐ-TTg của TTCP
- Trình TTCP phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Ngành Điện phục vụ Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh trong năm 2020
- rà soát, sửa đổi, hoàn thiện Quy định vận hành Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh và các VB Pháp luật có liên quan để thí điểm cho phép các đơn vị phát điện sử dụng NLTT ký hợp đồng trực tiếp cho các khách hàng sử dụng điện

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN THAM GIA MUA ĐIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO NGAY

Giai đoạn 2: 2022-2024

- Thực hiện Chương trình Thí điểm cơ chế khách hàng sử dụng điện lớn ký hợp đồng trực tiếp với các đơn vị phát điện sử dụng NLTT (Gió, Mặt trời) theo quy định do BCT ban hành. Căn cứ kết quả thí điểm, xây dựng kế hoạch và chính thức triển khai mô hình khách hàng sử dụng điện mua điện trên Thị trường Điện Giao ngay
- Các khách hàng sử dụng điện chưa tham gia thị trường điện tiếp tục mua điện từ các đơn vị phân phối bán lẻ điện theo biểu giá bán lẻ do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định

KHÁCH HÀNG LỰA CHỌN MUA ĐIỆN TỪ ĐƠN VỊ BÁN LẺ ĐIỆN

Giai đoạn 3: Sau năm 2024

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế cho khách hàng sử dụng điện mua điện trên Thị trường Điện Giao ngay
- Các khách hàng sử dụng điện được lựa chọn đơn vị bán lẻ điện theo lộ trình phù hợp với quy mô tiêu thụ điện và cấp điện áp đấu nối của khách hàng sử dụng điện do BCT ban hành trong từng giai đoạn.

Nguồn: QĐ số 2093/QĐ-BCT ngày 7/8/2020

Với một năm đầy biến động, đặc biệt do ảnh hưởng của Dịch Covid-19, phụ tải điện tăng trưởng thấp, thủy văn diễn biến bất thường, phức tạp và khó dự báo, nhưng kinh tế Việt Nam nói chung vẫn duy trì được sự ổn định, kiểm soát tốt lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng, đạt mức tăng trưởng 2,9% vào loại cao nhất thế giới. Trong kỳ tích của nền kinh tế có sự đóng góp quan trọng của Ngành Năng lượng khi đã nỗ lực, phấn đấu đạt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch.

Chọn lọc những sự kiện tiêu biểu của Ngành Năng lượng Việt Nam do Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam bình chọn

- Ban hành NQ 55/11/02/2020 của Bộ Chính trị về “Chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045”**
 - NQ đề ra quan điểm, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển Ngành Năng lượng đến năm 2045
- Triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Quy hoạch tổng thể về Năng lượng Quốc gia 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” theo QĐ số 1743/QĐ-TTg 3/12/2019 của TTCP**
 - Lần đầu tiên Việt Nam lập một quy hoạch tổng thể về Năng lượng Quốc gia, xem xét phát triển hài hòa các phân Ngành Năng lượng Than, Dầu khí, Điện lực, NLTT
- Hoàn thành Báo cáo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia 2021-2030, có xét tới năm 2045 - Quy hoạch Điện VIII**
 - Với định hướng của NQ 55, Quy hoạch Điện VIII hiện đang được trình BCT để thẩm định và Báo cáo TTCP xem xét, phê duyệt. Tới năm 2030 và 2045, tỷ lệ NLTT chiếm tới 47% và 53% tổng công suất nguồn điện, trong đó nguồn NLTT (phi Thủy điện) lên tới 29% và 44%. Nhiệt điện Than sẽ giảm tỷ trọng từ khoảng 33% hiện nay xuống 27% vào 2030 và còn 18% vào 2045
- Phát hiện mới về Mỏ Khí Kèn Báu tại Lô 114 nằm ở ngoài khơi thềm lục địa phía Bắc Việt Nam, thuộc Bể Sông Hồng**
 - Đây là phát hiện lịch sử của Ngành Dầu khí Việt Nam đến thời điểm năm 2020. Đến 2030, sau khi có những khẳng định chắc chắn về trữ lượng, Mỏ Khí được kỳ vọng sẽ góp phần quan trọng về tự chủ cung cấp Năng lượng trong bối cảnh các Mỏ Dầu khí hiện hành đang suy giảm sản lượng
- Nhập khẩu than đá tăng cao kỷ lục**
 - 9 tháng đầu năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 45 triệu tấn than đá các loại, trị giá 3 tỷ USD, tăng 38% về lượng và tăng 6% về giá trị so với cùng kỳ. Sản lượng Than nhập khẩu trong 9 tháng đã vượt cả năm 2019. Đây là điều đã được dự đoán trước, Việt Nam sẽ tiếp tục ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu nhiên liệu
- Ngành Điện lực đạt dấu mốc mới với quy mô hệ thống điện đứng thứ 2 Đông Nam Á và thứ 23 thế giới trong đó công suất nguồn do EVN sở hữu là hơn 29.600 MW**
 - EVN đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc cải thiện tiếp cận Điện năng, với tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đến năm 2020 là 99,5%, gấp đôi so với 25 năm trước
- Tiếp tục phát triển bùng nổ nguồn Điện NLTT (phi Thủy điện)**
 - Với các chính sách khuyến khích NLTT của Chính phủ, tính đến cuối năm 2020 tổng công suất lắp đặt Điện Gió đạt 485 MW, Điện Mặt trời đạt 19.400 MWp - trên 25% tổng công suất nguồn điện toàn quốc, trong đó 9.296 MWp từ Điện Mặt trời Mái nhà và Điện Sinh khối đạt 327 MW

Nguồn: Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam

TÍNH ĐẾN CUỐI NĂM 2020, TỔNG CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT NGUỒN ĐIỆN TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT 69.300 MW, TĂNG GẦN 14.000 MW SO VỚI NĂM 2019, TRONG ĐÓ TỔNG CÔNG SUẤT CÁC NGUỒN ĐIỆN TÁI TẠO LÀ 17.430 MW, TĂNG 11.780 MW SO VỚI NĂM 2019 VÀ CHIẾM TỶ TRỌNG 25%. QUY MÔ HỆ THỐNG ĐIỆN VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 2 KHU VỰC ASEAN VÀ ĐỨNG THỨ 23 THẾ GIỚI. SẢN LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG PHẨM TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT 217 TỶ KWH, TĂNG 4% SO VỚI NĂM 2019 VÀ BẰNG 95% KẾ HOẠCH NĂM. TRONG ĐÓ, ĐIỆN CẤP CHO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG 12%; QUẢN LÝ TIÊU DÙNG 7%; CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG 3%; THƯƠNG MẠI KHÁCH SẠN NHÀ HÀNG - THÀNH PHẦN BỊ ẢNH HƯỞNG NHIỀU NHẤT BỞI DỊCH COVID-19, GIẢM 12% SO NĂM 2019.

Cho đến nay, không có công nghệ Năng lượng nào rẻ bằng Thủy điện. Các chi phí vận hành và bảo dưỡng hàng năm thấp so với vốn đầu tư và thấp hơn nhiều các NM Điện khác. Chi phí thực tế để sản xuất điện của các NM Thủy điện ở Việt Nam hiện nay rất thấp, khoảng 2-3 UScent/kWh; trong khi bình quân giá thành sản xuất điện của các loại hình Năng lượng năm 2018 là 1.727 đồng/kWh, tương đương trên 7 UScent/kWh. Hiện Việt Nam đang khai thác, vận hành 19.700 MW Thủy điện, chiếm 40% công suất và 37% điện năng của hệ thống điện và là nguồn Năng lượng chính đáp ứng nhu cầu điện trong nước. Trong năm 2020, tỷ trọng đóng góp của Thủy điện và NLTT tăng 10% và 110% so với năm trước, Nhiệt điện Than tăng nhẹ 3% và Nhiệt điện Khí giảm mạnh 18%.

Theo Chỉ số bổ sung NLTT của HIS Markit (Anh), mạng lưới phát triển NLTT đã tăng vọt ở Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Khoảng 1/3 số DA Năng lượng đang được xây dựng khoảng 80 GW để sản xuất Điện Gió, Điện Mặt trời, Thủy điện và các loại NLTT khác ở 16 thị trường trọng điểm trong Khu vực. Australia đứng đầu chỉ số, với 89% công suất đang được xây dựng là Điện Gió, Điện Mặt trời hoặc Điện Sinh khối.

Xếp thứ 2 là Nhật Bản, Việt Nam đứng thứ 3 trong Khu vực và đứng đầu trong số các thị trường mới nổi khi Việt Nam đưa ra biểu giá điện tốt để thu hút đầu tư vào Điện Gió và Điện Mặt trời. Có thể nói trong những năm gần đây, cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam đã mang lại sự phát triển bùng nổ đối với NLTT nói chung và Điện Mặt trời nói riêng. Toàn bộ sản lượng điện phát từ Điện Mặt trời trên toàn quốc trong cả năm 2020 là 11 tỷ kWh, chiếm khoảng 4% tổng sản lượng huy động nguồn toàn hệ thống điện Quốc gia. Nếu so sánh với cơ cấu công suất nguồn điện năm 2019 cho thấy QĐ số 13 đã rất hấp dẫn, thu hút các NĐT vào Điện Mặt trời.

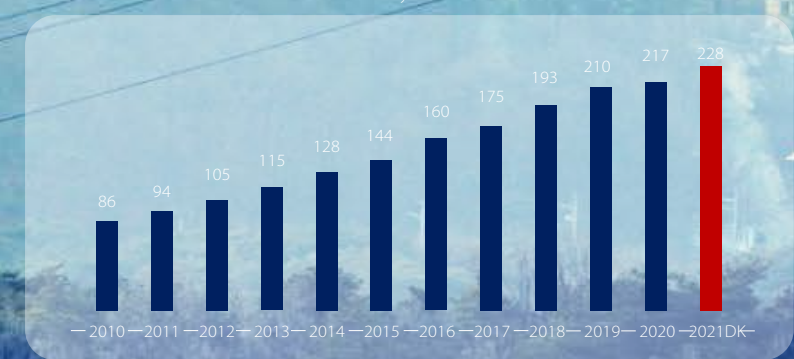
Với lợi thế đường biển dài hơn 3.200 km và tốc độ gió trung bình ở Biển Đông hàng năm lớn hơn 6 m/s ở độ cao 65 m, phát triển Năng lượng Gió tại Việt Nam có triển vọng rất lớn. Rất nhiều DA Điện Gió đã triển khai từ năm 2019 và đồng loạt triển khai mạnh mẽ từ 2020. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6/2020, BCT đã có 3 VB Báo cáo TTCP bổ sung quy hoạch thêm 7.000 MW Điện Gió vào Quy hoạch Điện. Đề nghị này đã được Thủ tướng đồng ý BSQH tại VB số 795/TTG-CN 25/6/2020, VB số 911/TTG-CN 15/7/2020. Sau khi phê duyệt BSQH, TTCP đã có VB số 196/TTG-CN 18/2/2021 gửi BCT, về việc Báo cáo kết quả rà soát danh mục các DA Điện Gió đã hoàn thành công tác thẩm định. Báo cáo của BCT cho thấy đến nay quy mô công suất các DA nguồn Điện Gió được bổ sung vào Quy hoạch Điện VII (điều chỉnh) đã ở mức cao - 11.800 MW, trong đó mới chỉ có 538 MW đưa vào vận hành đến cuối năm 2020, còn khoảng 11.262 MW đang được triển khai. Như vậy, rất nhiều DA đã và đang thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng để chạy đua kịp tiến độ vào vận hành trước tháng 11/2021. Thực hiện DA trong giai đoạn nước rút, việc mua thiết bị, tuabin không phải là dễ dàng, các doanh nghiệp phải xoay sở để tìm kiếm và đàm phán với các Công ty cung cấp thiết bị trong Top 5 thế giới. Tất nhiên, do thời gian còn rất ngắn nên giá thiết bị cũng tăng trên 10% so với trước. Khi đã có hợp đồng mua sắm thiết bị, doanh nghiệp phải tìm kiếm đơn vị lắp đặt, lắp đặt thiết bị, tổ chức ký hợp đồng với đơn vị vận chuyển. Tất cả các hoạt động đều được thực hiện khẩn trương, gấp rút để đảm bảo tiến độ.

BCT cũng có văn bản gửi các Bộ, Ngành, đơn vị liên quan để nghị cho ý kiến đối với

dự thảo Báo cáo TTCP về phương án giải quyết khó khăn trong đầu tư xây dựng các DA Điện Gió. Trong dự thảo, BCT kiến nghị Thủ tướng đồng ý chủ trương kéo dài thời điểm áp dụng giá FIT cho các dự án Điện Gió đến hết năm 2023. Các DA vận hành từ tháng 11/2021 đến hết năm 2022 sẽ áp dụng mức giá mua vào 7,02 UScent/kWh cho Điện Gió mặt đất - giảm khoảng 17% so với giá FIT trước đó là 8,5 UScent/kWh và 8,47 UScent/kWh cho các Điện Gió ngoài khơi hoặc gần bờ - giảm khoảng 13% so với giá FIT trước đó là 9,8 UScent/kWh. Các DA vận hành từ năm 2023 sẽ áp dụng mức giá lần lượt 6,81 UScent/kWh và 8,21 UScent/kWh. Đồng thời, do thời gian thẩm định riêng lẻ các DA Điện Gió đến khi trình Quy hoạch Điện VIII không còn nhiều, BCT tạm dừng xem xét thẩm định BSQH các DA Điện Gió vào Quy hoạch Điện phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến 2030 - Quy hoạch Điện VII hiệu chỉnh.

Trước đề xuất nêu trên, Hội đồng Năng lượng gió Toàn cầu (GWEC) cho rằng, việc cắt giảm mức giá FIT sẽ làm ảnh hưởng đến việc đầu tư vào các DA Điện Gió mới đã lên kế hoạch ở Việt Nam, cũng như đe dọa vị trí hiện tại của đất nước là thị trường Điện Gió hàng đầu ở Đông Nam Á. Bởi lẽ các NĐT vốn đã phải đối mặt với sự chậm trễ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và những thách thức chung gặp phải đối với thị trường Điện Gió, do đó, trong giai đoạn đầu sẽ gặp khó khăn về việc đóng tài chính, có thể dẫn đến "phá sản", làm giảm tới 80% việc lắp đặt Điện Gió mới vào năm 2023, và 25% mỗi năm sau đó. Cùng quan điểm với GWEC, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam đã có văn bản gửi Chính phủ và BCT, kiến nghị kéo dài giá FIT hiện tại của Điện Gió "thêm ít năm nữa" cho đến khi Chính phủ BCT thực hiện được việc đấu thầu rộng rãi, lúc đó mới thay đổi giá Điện Gió.

Sản lượng Điện thương phẩm toàn hệ thống 2010-2021
ĐVT: tỷ kWh



Nguồn: EVN tổng hợp



LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA GEC TRONG SỨ MỆNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (tiếp theo)

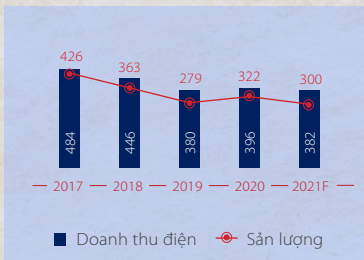
GEC - LOẠI HÌNH THỦY ĐIỆN

Tỉnh	Thị phần GEC	Công suất GEC (MW)
Gia Lai	23%	70
Huế	2%	6
Lâm Đồng	2%	8,1

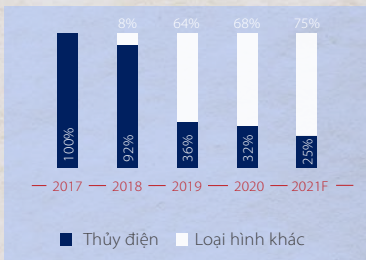
Trong năm, GEC đã hoàn tất chuyển nhượng NM Thủy điện Kênh Bắc có công suất 1 MW để tập trung nguồn lực phát triển Điện Gió. Đến cuối năm 2020, hệ thống Thủy điện tại GEC bao gồm 13 NM Thủy điện với tổng công suất 84 MW. Với những nỗ lực đa dạng hóa nguồn Doanh thu điện để giảm rủi ro về thời tiết, cơ cấu Doanh thu Thủy điện đang giảm dần qua các năm. Nếu năm 2017, Doanh thu Thủy điện đóng góp 100%, thì 2020 giảm còn 32% và dự báo trong năm 2021 là 25%. Tính trong giai đoạn 5 năm 2016-2020, Thủy điện đã đóng góp lũy kế 2.036 tỷ đồng Doanh thu cho GEC. Năm 2021, với mục tiêu sản lượng gần 300 triệu kWh, BĐH sẽ nỗ lực triển khai các biện pháp chủ đạo để đảm bảo duy trì Doanh thu Thủy điện gần 390 tỷ đồng.

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong 9 tháng đầu năm 2020, lượng nước đổ về các NM Thủy điện thấp nên tổng sản lượng Thủy điện của GEC năm 2020 là 321 triệu kWh, tuy chỉ đạt 97% kế hoạch nhưng tăng hơn 15% so với cùng kỳ. Trong năm 2020, GEC đã triển khai rà soát tất cả các hiện trạng và xử lý tồn tại của các NM nhằm đảm bảo công tác vận hành an toàn, liên tục, đồng thời nâng cao hiệu suất hoạt động, phát huy tối đa công suất chạy máy, đảm bảo Doanh thu. Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng định kỳ luôn được BĐH chú trọng, chủ động thực hiện theo kế hoạch dựa trên cơ sở kiểm soát chi phí. Biên LNG của các NM Thủy điện trong năm 2020 theo đó đã tăng nhẹ so với năm 2019, từ 23% lên 25%.

Cơ cấu Sản lượng - Doanh thu Thủy điện 2017-2021 (ĐVT: Sản lượng: triệu kWh, ĐT: tỷ đồng)



Tỷ trọng Doanh thu Thủy điện trong cơ cấu Doanh thu Điện 2017-2021



Nguồn: GEC

1. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các NM kết hợp nghiên cứu nâng công suất nhằm đảm bảo vận hành tối ưu.

2. Xây dựng các phương án, kế hoạch phối hợp vận hành cụ thể tại các NM trên cùng dòng sông phù hợp với quy định của Pháp luật về môi trường trên cơ sở đảm bảo cho hoạt động SXKD.

3. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các giải pháp để tự động hóa kết hợp tối ưu hoá hoạt động tại các NM - đảm bảo công tác kiểm soát chi phí; nghiên cứu các giải pháp nâng công suất, cảnh báo sự cố, giảm thiểu tổn thất, cải tiến máy móc, thiết bị... nâng cao hiệu quả vận hành.

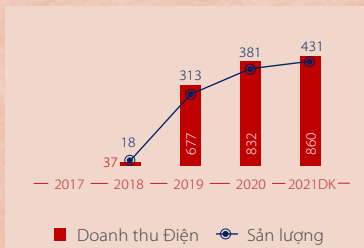
GEC - LOẠI HÌNH ĐIỆN MẶT TRỜI

Tỉnh	Thị phần GEC	Công suất GEC (MW)
Gia Lai	79%	49
Đắk Nông	42%	37
Huế	45%	35
Long An	21%	41
Bình Thuận	4%	41

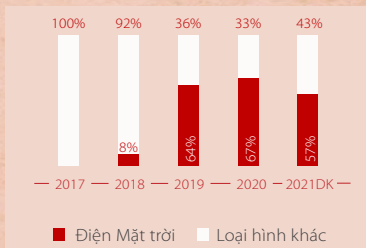
Trong năm 2020, GEC đã cùng với Chủ Đầu tư là các cá nhân sở hữu điện tích mái nhà lớn hợp tác phát triển các DA Điện Mặt trời Mái nhà trải dài từ Khu vực Miền Trung đến Nam Bộ với tổng công suất là 34 MWp. Tính trên toàn quốc, GEC chiếm khoảng 0,4% thị phần Điện Mặt trời Áp mái tại Việt Nam vào khoảng 9.300 MWp công suất. Mặc dù chỉ mới bắt đầu vận hành từ những tháng cuối năm 2020, nhưng hệ thống Điện Mặt trời Áp mái cũng đã kịp đóng góp 22 tỷ đồng vào Doanh thu GEC, nâng tỷ trọng từ 0,03% lên đến 2% trong cơ cấu Doanh thu điện với Biên LNG cũng ở mức hấp dẫn ở tỷ lệ 50%, thấp hơn Điện Mặt trời nổi lưới, nhưng cao hơn so với Thủy điện. Bước sang năm 2021, khi các hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà vận hành ổn định, dự kiến sẽ cung cấp gần 48 triệu kWh, đóng góp khoảng 6% cơ cấu Doanh thu điện.

Bắt đầu từ cuối năm 2018, 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên của GEC và Việt Nam đi vào vận hành thương mại và với những nỗ lực của BLEĐ, 3 NM Điện Mặt trời tiếp theo là Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 và Trúc Sơn cũng kịp nối lưới để hưởng Giá FIT 1 9,35 UScent/kWh. GEC đã bước đầu thành công trong việc giảm thiểu tối đa các rủi ro gây nên bởi thời tiết. Vận hành từ những tháng cuối năm 2018 nhưng các NM Điện Mặt trời cũng đã kịp đóng góp 8% trong cơ cấu Doanh thu. Cuối năm 2020, các NM Điện Mặt trời thể hiện rõ lợi thế với tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu Doanh thu đạt 67% - tăng 3% so với cùng kỳ. Doanh thu các NM Điện Mặt trời ghi nhận 832 tỷ đồng trong năm qua với Biên LNG ở mức hấp dẫn khoảng 62%. Tính trong giai đoạn 3 năm 2018-2020 từ khi Điện Mặt trời bắt đầu đóng điện, lĩnh vực này đã đóng góp lũy kế 1.546 tỷ đồng Doanh thu cho GEC.

Cơ cấu Sản lượng - Doanh thu Thủy điện 2017-2021 (ĐVT: Sản lượng: triệu kWh, ĐT: tỷ đồng)



Tỷ trọng Doanh thu Điện Mặt trời trong cơ cấu Doanh thu điện 2017-2021



Nguồn: GEC

1. Nghiên cứu và áp dụng các cơ chế, chính sách cho các DA Điện Mặt trời đảm bảo mang hiệu quả đầu tư (cơ chế đấu giá, DPPA...)
2. Thực hiện kiểm soát, tiết giảm chi phí đầu tư thông qua việc tận dụng các chính sách hạn mức nhà thầu, công nợ trả chậm
3. Hoàn thiện các quy trình, quy định, sổ tay hướng dẫn nội bộ... trong hoạt động quản lý vận hành tại các NM Điện Mặt trời
4. Tích cực chủ động đánh giá hoạt động sản xuất hiện hữu để đưa ra các giải pháp vận hành phòng ngừa rủi ro phát sinh, đưa ra các cảnh báo và đánh giá rủi ro trong tương lai
5. Kết hợp với các chuyên gia và các kỹ sư lành nghề xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng đúng lịch định kỳ để tối ưu chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trên cơ sở bám sát các QĐ của TTCP về cơ chế thí điểm triển khai các DA Điện Mặt trời, BĐH sẽ nỗ lực đưa NM Điện Mặt trời Đức Huệ 2 đã được TTCP chấp thuận BSQH trong năm 2020 đi vào vận hành năm 2021, nâng tổng sản lượng Điện Mặt trời lên 479 triệu kWh và dự kiến Doanh thu sẽ đạt 946 tỷ đồng. Các giải pháp của Điện Mặt trời trong năm 2021 sẽ được định hình như sau:

GEC - LOẠI HÌNH ĐIỆN GIÓ

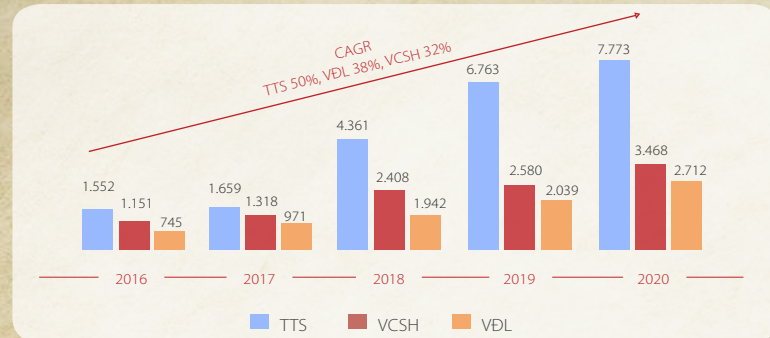
Để đa dạng hóa danh mục NLTT theo chiến lược 5 năm 2021-2025, bắt đầu từ cuối năm 2018, GEC đã lắp đặt các trụ đo gió tại các Khu vực Nam Bộ để đánh giá tiềm năng gió tại các vị trí tiềm năng phát triển Điện Gió. Bước ngoặt đầu tiên của GEC trong lĩnh vực Điện Gió là thành công M&A DA Điện Gió VPL1 - Bến Tre 30 MW. Tiếp đến, GEC đã được TTCP phê duyệt BSQH 230 MW Điện Gió theo CV số 795/TTg-CN 25/6/2020 bao gồm DA V.P.L 2 - Bến Tre 30 MW, la Bang 1 - Gia Lai 50 MW và cụm Tân Phú Đông - Tiền Giang 150 MW. Thị phần Điện Gió được BSQH của GEC chiếm khoảng 2,2% trên thị trường gió với 260 MW so với tổng công suất là 11.800 MW.

Dự kiến 130 MW sẽ COD trước tháng 11/2021 để hưởng Giá FIT 1 Điện Gió 9,8 UScent/kWh và 8,5 UScent/kWh cho 2 DA ngoài khơi V.P.L 1 tại Bến Tre, Tân Phú Đông 2 tại Tiền Giang và 1 DA trên bờ la Bang 1 tại Gia Lai. Sau khi các DA Điện Gió chính thức đi vào hoạt động sẽ đóng góp tỷ trọng khoảng 12% trong cơ cấu Doanh thu Điện năm 2021.

KINH DOANH ỔN ĐỊNH, TỔNG TÀI SẢN TĂNG GẦN 15% SO VỚI CÙNG KỲ

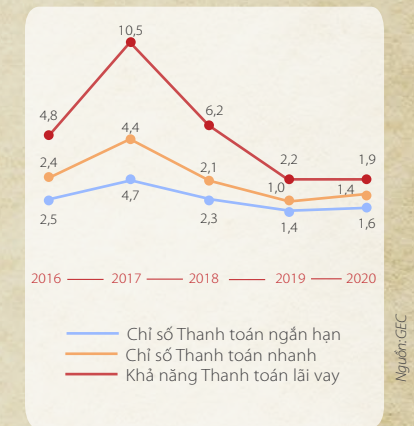
Hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2019 với tỷ lệ 8% và thành công trong việc phát hành cổ phiếu chào bán cho CĐ hiện hữu với tỷ lệ 4:1, GEC đã nâng VDL lên từ 2.039 tỷ đồng lên đến 2.712 tỷ đồng, tăng 33% so với đầu kỳ. Đến cuối năm 2020, TTS của GEC đạt 7.773 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu kỳ. VCSH theo đó cũng tăng tương ứng từ 2.580 lên 3.468 tỷ đồng - tăng 34%. Tỷ lệ tăng trưởng kép của TTS, VDL và VCSH giai đoạn 2016-2020 đạt tương ứng 50%, 38% và 32%. Tiền và các khoản tương đương tiền ghi nhận mức tăng đáng kể 29%, đạt 135 tỷ đồng - đảm bảo các Khả năng Thanh toán lãi vay, Chỉ số Thanh toán ngắn hạn và Chỉ số Thanh toán nhanh lý luận là 1,9 lần, 1,6 lần và 1,4 lần.

Cơ cấu tài sản 2016-2020



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ số thanh toán 2016-2020



Nguồn: GEC

GEC đang tăng trưởng mạnh mẽ công suất phát điện trong danh mục nhằm đảm bảo dòng tiền ổn định trong 20 năm vòng đời các DA. Công ty tiếp tục nhận được sự tin nhiệm cao từ các tổ chức tài chính thông qua việc chấp thuận tài trợ vốn đầu tư các DA NLTT tiềm năng bởi các Ngân hàng hàng đầu của Việt Nam. Tháng 7/2020, GEC đã ký kết hợp tác với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để thu xếp việc tài trợ khoản vay và các chi phí liên quan với giá trị hơn 437 tỷ đồng cho gói vay DA Điện Mặt trời Trúc Sơn 44,4 MWp tại Đắk Nông. Mức lãi suất dựa trên bình quân lãi suất cố kỳ hạn 6 tháng của 4 Ngân hàng có cổ phần Nhà nước, cộng với biên độ 3,2%/năm. Ngân hàng Woori Bank có trụ sở tại Seoul, Hàn Quốc với lịch sử phát triển lâu đời 120 năm và là Chi nhánh của Công ty mẹ Woori Financial Group - Tập đoàn nắm giữ dịch vụ tài chính và ngân hàng và là Ngân hàng lớn nhất tại Hàn Quốc. Việc hợp tác này ngoài việc hỗ trợ tiết giảm chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả hoạt động của Điện Mặt trời Trúc Sơn, đảm bảo tối ưu sử dụng nguồn vốn, còn góp phần mở rộng mối quan hệ của GEC với các định chế tài chính Quốc tế.

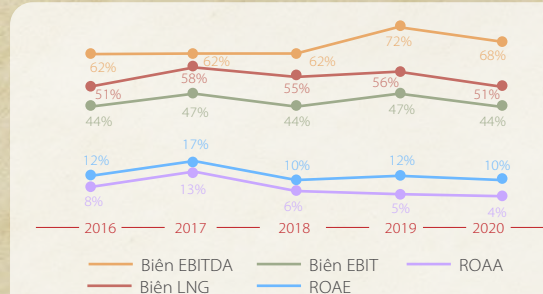
Để phát huy thế mạnh của thị trường vốn, ngoài nguồn vốn tín dụng huy động cho các DA từ các định chế tài chính uy tín như Vietcombank, Vietinbank, Agribank, Woori Bank nhờ vào uy tín trong thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay, Công ty còn tập trung vào việc huy động vốn thông qua hình thức Trái phiếu. Trong 2 năm 2019-2020, GEC đã phát hành thành công 2 gói Trái phiếu trị giá gần 450 tỷ đồng với lãi suất hợp lý và kỳ hạn dài để đáp ứng nhu cầu phát triển danh mục DA NLTT và bổ sung VDL. Trong đó năm 2020 là gói Trái phiếu 200 tỷ đồng, lãi suất cố định 10,5%/năm. Tổng số tiền thu từ đợt phát hành Trái phiếu và chào bán cổ phiếu cho CĐ hiện hữu được Công ty sử dụng để triển khai các DA Điện Gió trọng điểm.

Tổng nợ vay cuối năm 2020 giảm nhẹ so với đầu năm ghi nhận 3.801 tỷ đồng. Hệ số Nợ vay/TTS và Nợ vay/VCSH vẫn duy trì ở mức an toàn lần lượt là 0,5 lần và 1,1 lần, tương đương trung bình Ngành. Bên cạnh đó, GEC cũng đón chào năm mới 2021 khi Vietcombank đồng ý tài trợ tín dụng cho DA Điện Gió la Bang 1 50 MW với tổng giá trị 1.560 tỷ đồng sau thuế. Trước đó, GEC cũng đã ký với Vestas hợp đồng cung cấp

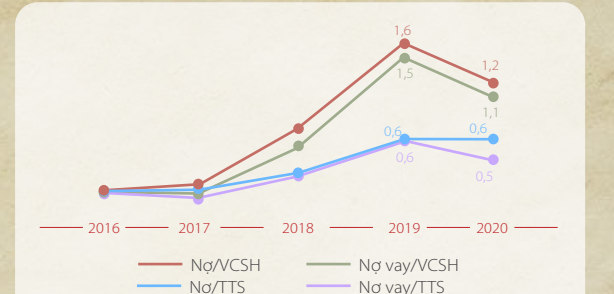
Turbine, thỏa thuận về Quản lý vận hành có giá trị trong vòng 14 năm với cam kết hệ số khả dụng theo sản lượng nhằm đảm bảo tối đa hiệu quả hoạt động của DA.

Công ty vẫn duy trì mức Biên LNG hấp dẫn vào khoảng 51% so với trung bình Ngành ở mức 37%, nhờ vào sự đóng góp của các NM Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và NM Thủy điện lần lượt là 62%, 50% và 25%. Hoạt động kiểm soát chi phí hiệu quả nên đã góp phần tích cực vào các Chỉ số Biên LN qua các năm, cụ thể Biên EBITDA và EBIT lần lượt đạt 68% và 44%, cao hơn trung bình Ngành đang ở mức 47% và 32%. Chỉ số ROAA và chỉ số ROAE lần lượt đạt giá trị 4,1% và 9,8%, giảm nhẹ so với cùng kỳ do Lợi nhuận ghi nhận chưa tăng tương ứng so với TTS tăng trong cùng kỳ. Tuy nhiên khi các NM NLTT mới đi vào vận hành trong năm 2021, các Chỉ số này sẽ cải thiện đáng kể và gia tăng lợi ích cho CĐ và NĐT.

Chỉ số Lợi nhuận 2016-2020



Chỉ số Nợ 2016-2020



Nguồn: GEC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 cấp ngày 13 tháng 11 năm 2020.	
Hội đồng Quản trị	Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên
	Ông Deepak C. Khanna	Thành viên (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên độc lập (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
	Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
	Ông Jean-Paul Pinard	Thành viên (đến ngày 29 tháng 4 năm 2020)
	Ông Andrew Mark Affleck	Thành viên (đến ngày 23 tháng 11 năm 2020)
	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (đến ngày 8 tháng 6 năm 2020)
Ủy ban Kiểm toán	Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
	Ông Deepak C. Khanna	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)
	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 10 năm 2020)
	Ông Hà Nguyên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 10 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 7 năm 2020)
	Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Trụ sở chính	Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 112 đến trang 165. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÁI HÀ

Tổng Giám đốc

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 12 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 116 đến trang 165.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



NGUYỄN HOÀNG NAM

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-01

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10128
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

VÕ NGỌC HUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-01



Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (028)38230796, www.pwc.com/vn



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.779.276.110.911	1.190.392.725.330
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	135.405.178.447	105.369.786.743
111	Tiền		69.739.178.447	41.394.120.296
112	Các khoản tương đương tiền		65.666.000.000	63.975.666.447
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	12.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	12.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.434.320.814.289	688.223.591.129
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	321.098.794.534	213.458.474.069
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	466.162.375.770	74.261.127.861
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	144.200.397.839	157.900.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	503.133.564.435	243.109.307.488
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(280.028.312)	(511.028.312)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.710.023	5.710.023
140	Hàng tồn kho		151.972.986.314	314.266.073.214
141	Hàng tồn kho	11	151.972.986.314	314.266.073.214
150	Tài sản ngắn hạn khác		57.577.131.861	70.533.274.244
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	7.107.451.871	4.016.324.932
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		49.814.446.416	65.908.880.789
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		640.233.574	608.068.523
155	Tài sản ngắn hạn khác		15.000.000	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.993.832.023.391	5.572.826.698.456
210	Các khoản phải thu dài hạn		25.783.175.551	573.204.382
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	26.511.459.351	1.264.387.882
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	10	(728.283.800)	(691.183.500)
220	Tài sản cố định		5.374.793.361.158	5.258.943.513.481
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	5.330.215.557.752	5.239.715.688.579
222	Nguyên giá		6.564.361.478.067	6.139.920.226.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.234.145.920.315)	(900.204.537.424)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	13(b)	27.831.887.192	-
225	Nguyên giá		28.086.588.959	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(254.701.767)	-
227	Tài sản cố định vô hình	13(c)	16.745.916.214	19.227.824.902
228	Nguyên giá		21.320.599.372	21.138.099.372
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.574.683.158)	(1.910.274.470)
240	Tài sản dở dang dài hạn		541.416.894.763	262.815.515.612
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	541.416.894.763	262.815.515.612
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	2.600.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.600.000.000

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
260	Tài sản dài hạn khác		51.838.591.919	47.894.464.981
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	40.515.271.615	35.277.229.931
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	24	6.994.352.293	6.488.769.008
269	Lợi thế thương mại	15	4.328.968.011	6.128.466.042
270	TỔNG TÀI SẢN		7.773.108.134.302	6.763.219.423.786
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.305.192.356.027	4.183.591.094.623
310	Nợ ngắn hạn		1.101.060.622.205	836.408.133.707
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	375.696.287.279	80.713.949.471
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.427.489.507	11.796.642.987
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	37.688.208.417	15.931.688.434
314	Phải trả người lao động		942.072.351	1.530.099.939
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	34.311.373.812	13.694.099.460
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		245.510.991	25.531.756
319	Phải trả ngắn hạn khác	20	12.151.024.381	127.513.150.076
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21(a)	600.884.827.153	553.636.649.775
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	35.713.828.314	31.566.321.809
330	Nợ dài hạn		3.204.131.733.822	3.347.182.960.916
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		46.238.198	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21(b)	3.200.587.035.002	3.343.142.603.654
342	Dự phòng phải trả dài hạn	23	3.215.584.109	3.450.265.592
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		282.876.513	590.091.670
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.467.915.778.275	2.579.628.329.163
410	Vốn chủ sở hữu		3.467.915.778.275	2.579.628.329.163
411	Vốn góp của chủ sở hữu	25, 26	2.711.751.880.000	2.038.916.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.711.751.880.000	2.038.916.770.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	26	38.206.262.153	38.672.862.153
418	Quỹ đầu tư phát triển	26	87.318.702.905	78.812.869.051
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	26	219.977.103.593	164.750.484.627
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		23.238.923.236	81.399.995.653
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		196.738.180.357	83.350.488.974
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	410.661.829.624	258.475.343.332
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.773.108.134.302	6.763.219.423.786

NGHIÊM THỊ LỆ QUYÊN
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị: VND

Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.494.522.681.791	1.159.374.278.952
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.199.328.000	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	1.493.323.353.791	1.159.374.278.952
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	732.667.176.739	509.711.047.062
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	760.656.177.052	649.663.231.890
21	Doanh thu hoạt động tài chính	30.534.655.288	24.241.133.071
22	Chi phí tài chính	371.239.616.425	257.818.850.423
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	354.411.196.128	244.931.515.892
25	Chi phí bán hàng	1.699.625.268	624.900.198
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	114.323.940.038	111.170.664.590
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	303.927.650.609	304.289.949.750
31	Thu nhập khác	5.833.789.856	972.920.848
32	Chi phí khác	1.175.195.994	1.315.105.672
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	4.658.593.862	(342.184.824)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	308.586.244.471	303.947.764.926
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	14.128.972.505	13.686.317.528
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(505.583.285)	(254.299.999)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	294.962.855.251	290.515.747.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Đơn vị: VND

Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	308.586.244.471	303.947.764.926
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và lợi thế thương mại	354.011.564.767	285.015.783.034
03	Các khoản dự phòng	(428.581.183)	477.322.100
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.401.956.010	523.857.886
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(25.831.628.111)	(23.708.166.041)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	357.949.394.950	247.285.032.554
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	995.688.950.904	813.541.594.459
09	Tăng các khoản phải thu	(667.314.566.197)	(295.700.046.844)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	161.784.286.101	(289.427.752.445)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	324.844.677.678	(282.425.353.337)
12	Tăng chi phí trả trước	(8.578.944.871)	(13.180.305.444)
14	Tiền lãi vay đã trả	(356.191.254.634)	(246.682.608.022)
15	Thuế TNDN đã nộp	(11.277.867.934)	(12.973.903.877)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(18.397.324.713)	(5.917.361.561)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	420.557.956.334	(332.765.737.071)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(779.261.921.659)	(2.667.667.656.710)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32.054.070.316	2.784.066.944
23	Tiền chi cho vay	(166.289.904.119)	(252.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	191.989.506.280	334.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(247.822.540.000)	(81.980.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.760.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	20.412.009.838	22.654.307.147
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(937.158.779.344)	(2.642.109.282.619)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	673.340.390.000	270.260.397.000
33	Tiền thu từ đi vay	1.130.060.879.068	2.901.352.147.173
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.220.480.684.535)	(533.556.028.107)
35	Chi trả nợ gốc thuế tài chính	(624.585.807)	-
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(35.572.713.730)	(166.922.935.987)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	546.723.284.996	2.471.133.580.079
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	30.122.461.986	(503.741.439.611)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	105.369.786.743	609.411.234.157
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(87.070.282)	(300.007.803)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	135.405.178.447	105.369.786.743

NGHIÊM THỊ LỆ QUYÊN
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

NGHIÊM THỊ LỆ QUYÊN
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là năng lượng, thương mại và dịch vụ.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Tại ngày cuối năm, Công ty có 5 chi nhánh độc lập và 2 văn phòng đại diện (tại ngày đầu năm: 5 chi nhánh độc lập và 2 văn phòng đại diện), cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;

- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;

- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;

- Chi nhánh TTC Ayun Hạ tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;

- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam;

- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và

- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày cuối năm, Công ty có 13 Công ty con đang hoạt động và 1 Công ty con đã thành lập, nhưng chưa góp vốn (tại ngày đầu năm: 11 Công ty con đang hoạt động và 4 Công ty con đã thành lập, nhưng chưa góp vốn) như được trình bày như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%)		Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Công ty con đang hoạt động						
1. Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (i)	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	60,59	58,14	60,59	58,14
2. Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thương Lộ	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00	100,00	100,00
3. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	100,00	100,00	100,00	100,00
4. Công ty Cổ phần Điện TTC Tây Sơn - Bình Định	Tỉnh Bình Định	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00	51,00	51,00
5. Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định	Tỉnh Bình Định	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00	51,00	51,00
6. Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An (ii)	Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối điện	99,95	99,94	99,95	99,94
7. Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối điện	51,03	66,14	51,00	51,00
8. Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00	100,00	100,00
9. Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn (ii)	Tỉnh Đắk Nông	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96	99,96	99,96
10. Công ty Cổ phần Năng lượng VPL (iii)	Tỉnh Bến Tre	Sản xuất và phân phối điện	99,90	89,90	99,90	89,90
11. Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang (iv)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và phân phối điện	80,61	60,46	77,27	9,15
12. Công ty Cổ phần Điện gió la Bang (v)	Tỉnh Gia Lai		89,96	0,00	99,00	0,00
13. Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi - Ja (vi)	Thành phố Hồ Chí Minh		100,00	0,00	99,00	0,00
14. Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ (vii)	Tỉnh Gia Lai		0,00	65,33	0,00	65,33



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Công ty con đã thành lập, nhưng chưa góp vốn

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%)		Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Một Thành viên Điện Mặt trời Phong Điền	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất và phân phối điện	-	-	100,00	100,00

Trong năm, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2020, Công ty cũng đã chấm dứt hoạt động những Công ty con sau đây:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ %
1. Công ty Cổ phần Điện TTC Bắc Bình - Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và phân phối điện	51,00
2. Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Bắc Bình - Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và phân phối điện	51,00
3. Công ty Cổ phần Năng lượng TTC Bắc Bình - Bình Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và phân phối điện	51,00

Thông tin các giao dịch đầu tư vào Công ty con trong năm như sau:

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 23/2020/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tăng vốn góp cho các Công ty thành viên, Công ty đã tăng vốn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai với giá trị đầu tư thêm là 148,9 tỷ đồng tương đương 5.959.682 cổ phiếu. Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 35/2020/QĐ-CT.HĐQT ngày 1 tháng 12 năm 2020, Công ty phê duyệt việc đăng ký và nộp tiền mua 1.374.742 cổ phiếu phân phối đợt 2 của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai, với tổng giá trị 34 tỷ đồng. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu 60,59% vốn điều lệ của Công ty này.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 17/2020/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc tăng vốn góp cho các Công ty thành viên, Công ty đã tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn với giá trị đầu tư thêm lần lượt là 47 tỷ đồng (tương đương 4.700.000 cổ phần) và 46,9 tỷ đồng (tương đương 4.697.888 cổ phần).

(iii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 25/2019/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Tờ trình Tổng Giám đốc số 02/2020/TTr-GEC ngày 10 tháng 6 năm 2020, Công ty đã tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Năng lượng VPL bằng hình thức mua lại cổ phần từ các cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty đã nhận chuyển nhượng tổng cộng là 19.979.000 cổ phần từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL, sở hữu 99,9% vốn điều lệ của Công ty này.

(iv) Trong năm, Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đã tăng vốn tại Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang với giá trị đầu tư thêm là 151,9 tỷ đồng, tương đương 15,19 triệu cổ phần, sở hữu bao gồm trực tiếp và gián tiếp là 80,61% trong Công ty này.

(v) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2020, Công ty quyết định thành lập Công ty Cổ phần Điện gió la Bang, với tổng vốn điều lệ là 334 tỷ đồng. Trong năm, Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đã góp tổng cộng là 300,4 tỷ đồng, tương đương 30,04 triệu cổ phiếu, sở hữu bao gồm trực tiếp và gián tiếp là 89,96% trong Công ty này.

(vi) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2020, Công ty quyết định thành lập Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng sạch VI-JA, với tổng vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã góp vốn với giá trị là 15 tỷ đồng, tương đương 1,5 triệu cổ phiếu. Theo đó, Công ty sở hữu 100% Công ty này.

(vii) Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ bằng việc bán toàn bộ 588.000 cổ phần, tương đương 65,33% vốn cổ phần của Công ty này theo chủ trương của Hội đồng Quản trị tại Trích yếu Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02A/2020/TYNQ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2020.

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn có 538 nhân viên (ngày đầu năm: 582 nhân viên).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hay "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua và tỷ giá bán trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua Công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của Công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các Công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong Công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần vượt trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua Công ty con được coi là một loại tài sản và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại Công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ hao mòn lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng năm theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn có tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Tập đoàn là bên góp vốn). Theo đó, Tập đoàn ghi nhận doanh thu, giá vốn và lợi nhuận tương ứng của Tập đoàn trong BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 20 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Khác	2 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thời hạn hoạt động của dự án.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 40 năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, Công ty tài chính, và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.18 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.21 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 40 và các quy định hiện hành có liên quan. Cách xác định số dư của khoản dự phòng là bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm tài chính.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê nhận trước. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.24 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn thực hiện phân phối lợi nhuận thuần như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.25 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này đã phát sinh.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

2.26 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây dựng và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.27 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chi phí lãi trả chậm, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.28 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.30 Thuế thu TNDN và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.31 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.32 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.34 Ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến các số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (các Thuyết minh 2.13 và 13);
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời (Thuyết minh 24).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang ("TGE")

Theo Tờ trình số 13/2019/TT-TGD ngày 17 tháng 9 năm 2019, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt chủ trương mua 1.830.000 cổ phần chào bán riêng lẻ của TGE tương đương 9,15% vốn điều lệ trong Công ty này. Khi đó, Công ty đã thanh toán 260.000 cổ phiếu, tương đương 2,6 tỷ đồng và khoản đầu tư này được trình bày vào đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Theo Giấy Đăng ký mua lại cổ phần phát hành thêm ngày 8 tháng 10 năm 2019, Công ty đã trình cho Hội đồng Quản trị của TGE về việc mua thêm 18.000.000 cổ phần không mua hết của các cổ đông sáng lập của TGE, tương đương 99,15% vốn điều lệ trong Công ty này, và đã được chấp thuận.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn đã phân loại khoản đầu tư vào TGE từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang đầu tư vào Công ty con và quyết định hợp nhất TGE vào ngày này.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

Đơn vị: VND

Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất	
Tài sản	
Tiền	21.427.794
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.342.823.101
Tài sản ngắn hạn khác	589.188.174
Tài sản dở dang dài hạn (Thuyết minh 14)	6.179.058.101
Tài sản dài hạn khác	33.645.162
	8.166.142.332
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	3.866.142.332
Tài sản thuần	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 26)	1.700.000.000
Tổng giá phí	
Tiền	2.600.000.000

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	44.641.533	1.042.507.503
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.694.536.914	40.351.612.793
Các khoản tương đương tiền (*)	65.666.000.000	7.743.765.404
	135.405.178.447	105.369.786.743

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	12.000.000.000

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu hơn 3 tháng và dưới 1 năm.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba (*)	162.253.260.049	142.059.927.128
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	158.845.534.485	71.398.546.941
	321.098.794.534	213.458.474.069

(*) Chi tiết cho khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu khách hàng bên thứ ba như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua Bán Điện	100.965.179.614	133.141.455.372

Tại ngày cuối năm và đầu năm, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 280 triệu đồng và 742 triệu đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 10.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba (*)	466.162.375.770	47.694.596.781
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	-	26.566.531.080
	466.162.375.770	74.261.127.861



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(*) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vestas Asia Pacific A/S	196.317.410.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	108.446.126.693	-
China Power Construction Engineering Consulting Co., Ltd.	75.959.284.500	-
Công ty TNHH ABB Power Grids Việt Nam	37.483.357.764	35.228.977.255

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan				
(Thuyết minh 37(b))	144.200.397.839	-	157.900.000.000	-

Biến động các khoản cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Tại ngày đầu năm	Chi cho vay	Thu hồi nợ vay	Tại ngày cuối năm
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	111.000.000.000	-	(40.000.000.000)	71.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	30.000.000.000	165.789.904.119	(126.589.506.280)	69.200.397.839
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	13.400.000.000	-	(13.400.000.000)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	3.500.000.000	500.000.000	-	4.000.000.000
	157.900.000.000	166.289.904.119	(179.989.506.280)	144.200.397.839

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Đơn vị: VND

Bên đi vay	Số cuối năm	Thời hạn cho vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	32.000.000.000	Đã được gia hạn đến tháng 2 năm 2021	9,50	Tín chấp
	39.000.000.000	Đã được gia hạn đến tháng 3 năm 2021	10,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	69.200.397.839	Đã được gia hạn đến tháng 3 năm 2021	13,00	Tín chấp
	3.500.000.000	Đã được gia hạn đến tháng 6 năm 2021	10,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	500.000.000	Đã được gia hạn đến tháng 2 năm 2021	10,00	Tín chấp
	144.200.397.839			

Các khoản vay trên được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần (i)	205.959.520.000	-	-	-
Đặt cọc quyền chọn mua cổ phần (ii)	110.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên (iii)	96.067.294.926	-	36.477.455.839	-
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (iv)	74.419.296.000	-	198.000.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	9.981.104.927	-	6.657.720.508	-
Khác	6.706.348.582	-	1.974.131.141	-
	503.133.564.435	-	243.109.307.488	-
Trong đó				
Bên thứ ba	173.067.029.608	-	239.181.995.382	-
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	330.066.534.827	-	3.927.312.106	-
	503.133.564.435	-	243.109.307.488	-

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/2020/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 15.843.040 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTC") tại Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An. Theo đó, Công ty đã đặt cọc 205,9 tỷ đồng cho TTC theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 4 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng Đặt cọc số 159A/TTC-GEC ngày 9 tháng 12 năm 2020, để đảm bảo cho việc ký kết và thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần này (Thuyết minh 41(a)).

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 39/2020/NQ-HĐQT tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt chủ trương thực hiện quyền chọn mua cổ phần phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú"). Theo đó, Công ty đã đặt cọc 110 tỷ đồng cho Công ty Trường Phú để đảm bảo quyền chọn mua 11 triệu cổ phần theo Biên bản Thỏa thuận ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng đặt cọc số 65/2020/GEC-TPH ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty và Công ty Trường Phú.

(iii) Đây là khoản tạm cho nhân viên chủ yếu thực hiện các dự án của Tập đoàn.

(iv) Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư thể hiện khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Năng lượng V.P.L với các cá nhân theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/HĐHTĐT/V.P.L ngày 10 tháng 6 năm 2017.

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

9 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Ký quỹ thực hiện dự án	24.100.000.000	-	-
Ký quỹ thuê tài chính	1.111.800.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược khác	571.375.551	-	568.204.382	-
Khác	728.283.800	(728.283.800)	696.183.500	(691.183.500)
	26.511.459.351	(728.283.800)	1.264.387.882	(691.183.500)
Trong đó				
Bên thứ ba	26.013.254.969	(728.283.800)	766.183.500	(691.183.500)
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	498.204.382	-	498.204.382	-
	26.511.459.351	(728.283.800)	1.264.387.882	(691.183.500)

Tại ngày cuối năm, số dư các khoản phải thu dài hạn khác đã quá hạn thanh toán là 728 triệu đồng (đầu năm: 691 triệu đồng) như đã trình bày tại Thuyết minh 10.

10 NỢ XẤU

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Gia Lâm	691.183.500	-	(691.183.500)	Trên 3 năm
Công ty TNHH GKC	280.028.312	-	(280.028.312)	Trên 3 năm
Khác	37.100.300	-	(37.100.300)	Trên 1 năm
	1.008.312.112	-	(1.008.312.112)	
	Số đầu năm			
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Gia Lâm	691.183.500	-	(691.183.500)	Trên 3 năm
Công ty TNHH GKC	280.028.312	-	(280.028.312)	Trên 2 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	462.000.000	231.000.000	(231.000.000)	Trên 1 năm
	1.433.211.812	231.000.000	(1.202.211.812)	

11 HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	97.574.396.202	-	252.263.642.321	-
Nguyên vật liệu	42.512.963.925	-	35.837.959.166	-
Chi phí SXKD dở dang	9.346.111.356	-	14.972.093.074	-
Công cụ, dụng cụ	2.484.635.260	-	10.976.809.111	-
Thành phẩm	54.879.571	-	215.569.542	-
	151.972.986.314	-	314.266.073.214	-

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	402.065.688	-	1.453.412.250	-
Chi phí mua bảo hiểm	1.779.880.701	-	877.460.754	-
Khác	4.925.505.482	-	1.685.451.928	-
	7.107.451.871	-	4.016.324.932	-

(b) Dài hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Chi phí thuê sử dụng đường truyền (*)	12.378.033.213	-	-	-
Chi phí mua bảo hiểm	9.765.416.673	-	10.915.416.669	-
Chi phí trả trước tiền thuê đất	5.062.882.503	-	5.195.385.121	-
Chi phí bảo trì nhà máy thủy điện	2.279.937.241	-	4.456.593.537	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.615.416	-	2.971.795.387	-
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa	-	-	1.421.985.772	-
Khác	9.513.386.569	-	10.316.053.445	-
	40.515.271.615	-	35.277.229.931	-

(*) Thể hiện khoản phí chia sẻ vốn đầu tư đường dây 110kV Đăk Srông 3B - Ayun Pa cho mục đích truyền tải điện của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

13. TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

Nguyên giá	Đơn vị: VND					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Tại ngày đầu năm	1.722.309.631.627	3.808.510.792.854	353.589.663.594	85.317.967.761	170.192.170.167	6.139.920.226.003
Mua trong năm	1.141.374.268	64.151.313.682	7.948.464.611	320.585.162	9.442.774.556	83.004.512.279
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	95.636.146.378	289.534.767.299	10.542.626.612	-	5.058.615.804	400.772.156.093
Chuyển từ hàng tồn kho	-	488.651.465	-	-	-	488.651.465
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.690.220.884)	(2.615.370.139)	(290.882.599)	-	(35.596.473.622)
Phân loại lại	76.117.189	22.740.774.331	(12.648.910.594)	(1.434.787.422)	(8.733.193.504)	-
Giảm do bán Công ty con	(8.519.635.186)	(12.802.843.755)	(2.857.640.210)	(47.475.000)	-	(24.227.594.151)
Tại ngày cuối năm	1.810.643.634.276	4.139.933.234.992	353.958.833.874	83.865.407.902	175.960.367.023	6.564.361.478.067
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày đầu năm	337.568.338.519	314.446.342.350	75.762.268.344	9.535.601.750	162.891.986.461	900.204.537.424
Khấu hao trong năm	90.631.955.028	214.944.447.313	19.578.263.480	10.278.187.628	13.830.102.832	349.262.956.281
Thanh lý, nhượng bán	(31.312.350)	(3.709.908.942)	(1.753.427.049)	(143.988.819)	-	(5.638.637.160)
Phân loại lại	22.790.686.996	75.065.200.588	4.700.970.528	553.885.105	(103.110.743.217)	-
Giảm do bán Công ty con	(3.064.459.660)	(5.305.866.587)	(1.274.604.459)	(38.005.524)	-	(9.682.936.230)
Tại ngày cuối năm	447.895.208.533	595.440.214.722	97.013.470.844	20.185.680.140	73.611.346.076	1.234.145.920.315
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.384.741.293.108	3.494.064.450.504	277.827.395.250	75.782.366.011	7.300.183.706	5.239.715.688.579
Tại ngày cuối năm	1.362.748.425.743	3.544.493.020.270	256.945.363.030	63.679.727.762	102.349.020.947	5.330.215.557.752

Tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 3.817 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 5.112,7 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 21).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 94,2 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 52,3 tỷ đồng).

(b) TSCĐ thuê tài chính

Đơn vị: VND

Máy móc thiết bị	
Nguyên giá	
Tại ngày đầu năm	-
Tăng trong năm	28.086.588.959
Tại ngày cuối năm	28.086.588.959
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày đầu năm	-
Khấu hao trong năm	254.701.767
Tại ngày cuối năm	254.701.767
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	27.831.887.192

(c) TSCĐ vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày đầu năm	14.172.847.431	6.793.512.757	171.739.184	21.138.099.372
Mua trong năm	-	140.000.000	-	140.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	72.500.000	-	72.500.000
Giảm do bán Công ty con	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Tại ngày cuối năm	14.172.847.431	6.976.012.757	171.739.184	21.320.599.372
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày đầu năm	1.146.317.719	643.646.343	120.310.408	1.910.274.470
Khấu hao trong năm	591.987.882	2.089.537.642	12.883.164	2.694.408.688
Giảm do bán Công ty con	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Tại ngày cuối năm	1.738.305.601	2.703.183.985	133.193.572	4.574.683.158
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	13.026.529.712	6.149.866.414	51.428.776	19.227.824.902
Tại ngày cuối năm	12.434.541.830	4.272.828.772	38.545.612	16.745.916.214

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 516,9 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 329,4 triệu đồng).

Tại ngày cuối năm, TSCĐ vô hình với tổng giá trị còn lại là 9,2 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 9,5 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 21).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án điện mặt trời		
Đức Huệ - Long An 2 (i)	226.044.981.606	223.150.023.724
Hàm Phú 1	8.831.117.103	7.132.518.012
Dự án điện gió		
V.P.L (ii)	198.420.802.958	2.691.665.636
la Bang (iii)	55.374.070.719	-
Tiến Giang (iv)	48.936.758.737	-
Dự án điện rooftop		
Điện mặt trời áp mái (v)	811.606.101	26.630.357.352
Các dự án khác	2.997.557.539	3.210.950.888
	541.416.894.763	262.815.515.612

(i) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 công suất thiết kế 49MWp với tổng mức đầu tư ước tính trước thuế là 947 tỷ đồng. Theo Công văn của Thủ Tướng Chính phủ số 1632/TTG-CN ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc bổ sung danh mục các dự án điện mặt trời vào quy hoạch phát triển điện lực, Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 đã được bổ sung vào danh mục các dự án điện mặt trời và lưới điện đấu nối vào quy hoạch điện VII điều chỉnh để triển khai thực hiện theo cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời được cấp có thẩm quyền ban hành.

(ii) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 2712/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Năng lượng V.P.L ngày 27 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện gió V.P.L Bến Tre. Ngày 15 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT thông qua chủ trương điều chỉnh quy mô, công suất, diện tích, vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án nhà máy điện gió V.P.L Bến Tre giai đoạn 1 và 2. Trong đó, giai đoạn 1 từ năm 2017 đến năm 2021, giai đoạn 2 từ năm 2020 đến năm 2021 với tổng công suất của dự án cho hai giai đoạn là 60 MW gồm 14 tuabin gió với tổng mức đầu tư là 3.070 tỷ Đồng tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

(iii) Thực hiện theo Trích yếu Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 28A/2020/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện gió la Bang 1 với công suất 50MW.

(iv) Thực hiện Trích yếu Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 28B/2020/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 8 năm 2020, đã thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1 với công suất dự kiến 100MW.

(v) Đây là các dự án điện mặt trời mái nhà theo hình thức hợp tác kinh doanh giữa các Công ty: Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An, Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Nhà máy Điện mặt trời Trúc Sơn với các hộ dân. Theo đó, các Công ty này sẽ góp chi phí xây dựng và thiết bị, hộ dân sẽ góp chi phí đất đai và chi phí khác. Cũng theo thỏa thuận, các Công ty này sẽ đứng ra điều hành toàn bộ dự án. Lợi nhuận của dự án sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế và nợ vay (nếu có).

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm là 444 triệu đồng (năm trước: 5,9 tỷ đồng).

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	262.815.515.612	215.763.242.101
Tăng trong năm	675.265.075.537	2.695.084.896.768
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(400.772.156.093)	(2.633.646.229.792)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 13(c))	(72.500.000)	(13.542.090.296)
Thanh lý dự án	(1.768.098.394)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	6.179.058.101	-
Giảm do bán Công ty con	(230.000.000)	-
Khác	-	(844.303.169)
Số dư cuối năm	541.416.894.763	262.815.515.612

15 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị: VND	
	Lợi thể thương mại	
Nguyên giá		
Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm		18.132.983.897
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày đầu năm		12.004.517.855
Khấu hao trong năm		1.799.498.031
Tại ngày cuối năm		13.804.015.886
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		6.128.466.042
Tại ngày cuối năm		4.328.968.011

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên thứ ba (*)	307.675.562.771	307.675.562.771	71.329.794.053	71.329.794.053
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	68.020.724.508	68.020.724.508	9.384.155.418	9.384.155.418
	375.696.287.279	375.696.287.279	80.713.949.471	80.713.949.471

(*) Chi tiết nhà cung cấp có số dư chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	1.990.126.520	270.400.000
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	1.437.362.987	11.526.242.987
	3.427.489.507	11.796.642.987



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ("Agribank") - Chi nhánh Gia Lai	69.419.340.570	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Thời hạn cho vay tối đa 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên	(i)	Nguồn thu bán điện của nhà máy Phong Điền
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai	11.609.677.963	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện	Thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân theo từng giấy nhận nợ	(ii)	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và một số tài sản đang cầm cố cho khoản vay trung dài hạn tại ngân hàng Vietcombank (Thuyết minh 21(b)(ii))
	2.845.362.520	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân theo từng giấy nhận nợ		
	603.436.656	Đầu tư vào dự án nhà máy thủy điện H'Mun, H'Chan	Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	(iii)	Nhà máy thủy điện H'Mun và H'Chan
	84.477.817.709				

(i) Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất được tính bằng mức phí điều hòa vốn thấp nhất của Agribank tại thời điểm điều chỉnh cộng 1,5% áp dụng đối với chi nhánh thiếu vốn. Tại ngày cuối năm, lãi suất cho vay là 10,5%/năm trong 2 tháng đầu tiên và 5%/năm cho 7 tháng tiếp theo.

(iii) Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank. Tại ngày cuối năm, lãi suất cho vay là 5,5 – 6,5%/năm.

(iii) Lãi suất 5,6%/năm được cố định trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(b) Dài hạn

Đơn vị: VND	Đơn vị: VND					Đơn vị: VND
	Tại ngày đầu năm	Tăng	Giảm	Phân loại lại	Giảm do bán Công ty con	
Vay ngân hàng (*)	2.858.081.146.993	616.152.959.519	(450.855.029.436)	(282.018.000.000)	(2.665.000.000)	2.738.696.077.076
Phát hành trái phiếu (**)	489.000.000.000	200.000.000.000	(3.000.000.000)	(231.000.000.000)	-	455.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (***)	(3.976.983.338)	(2.600.000.000)	1.838.705.559	-	-	(4.738.277.779)
Nợ thuê tài chính (***)	-	14.758.310.957	(624.585.807)	(2.528.769.444)	-	11.604.955.706
Khác	38.439.999	-	(14.160.000)	-	-	24.279.999
	3.343.142.603.654	828.311.270.476	(452.655.069.684)	(515.546.769.444)	(2.665.000.000)	3.200.587.035.002

Đơn vị: VND	Đơn vị: VND			Đơn vị: VND
	Số cuối năm	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	750.400.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Kông Pa	Đến tháng 11 năm 2030	(i)
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	664.000.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2	Đến tháng 1 năm 2030	(ii)
Vietcombank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	547.350.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời TTC - Đức Huệ 1	Đến tháng 3 năm 2031	(iii)
Agribank - Chi nhánh Gia Lai	431.000.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Phong Điền	Đến tháng 9 năm 2029	(iv)
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	406.361.320.000	Để thanh toán khoản vay tại Vietinbank	Đến tháng 12 năm 2026	(v)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Gia Định	86.073.280.740	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp	Đến tháng 3 năm 2029	(vi)
BIDV - Chi nhánh Gia Định	70.555.361.154	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp	Đến tháng 2 năm 2029	(vii)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.256.115.182	Đầu tư vào dự án nhà máy thủy điện của Thượng Lộ	Đến tháng 1 năm 2026	(viii)
BIDV - Chi nhánh Gia Định	16.500.000.000	Đầu tư vào dự án điện mặt trời mái nhà Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2, Tây Ninh 3 và Sông Bình 3	Đến tháng 4 năm 2029	(ix)
Đảo hạn trong vòng 1 năm	3.021.496.077.076 (282.800.000.000)			
	2.738.696.077.076			

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(i) Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên cố định 7,8%/năm. Trong các năm tiếp theo, lãi suất định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng tiền Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai cộng biên lãi suất 2,6%/năm.

Tài sản thế chấp bao gồm nhà máy điện mặt trời Krong Pa, các nhà máy thủy điện bao gồm Ayun Thượng 1A, Đak PiHao 1 (Thuyết minh 13).

(ii) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai cộng bổ trong từng thời kỳ cộng với mức biên là 2,6%/năm. Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm.

Tài sản thế chấp là tài sản và/hoặc quyền tài sản thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2 (Thuyết minh 13).

(iii) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với biên lãi suất 1,7%/năm cho năm đầu tiên và 3%/năm cho các năm tiếp theo.

Tài sản thế chấp là dự án Điện Đức Huệ 1 - Long An, Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng 1A (Thuyết minh 13), quyền sở hữu và thư bảo lãnh của Công ty cho việc thanh toán nợ vay của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An.

(iv) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau toàn bộ của Agribank - Chi nhánh Gia Lai tại ngày đầu tiên của kỳ trả nợ cộng 2,7%/năm (riêng năm đầu tính từ ngày nhận nợ đầu tiên cộng 2,5%/năm)

Tài sản thế chấp bao gồm dự án điện mặt trời Phong Điền và các công trình phụ trợ (Thuyết minh 13).

(v) Lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng bình quân lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng của các Ngân hàng Quốc doanh (BIDV, Vietcombank, Vietinbank) với biên độ lãi suất là 3,2%/năm.

Tài sản thế chấp là dòng tiền và các khoản phải thu từ điện lực đối với Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn, bảo lãnh bởi Công ty cho việc thanh toán nợ vay của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn.

(vi) Lãi suất cho vay được xác định và thông báo định kỳ 6 tháng /lần.

Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản, các khoản và các quyền theo hợp đồng thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn.

(vii) Lãi suất cho vay được xác định và thông báo định kỳ 6 tháng /lần.

Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản, các khoản và các quyền theo hợp đồng thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp.

(viii) Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng của Vietinbank - Chi nhánh 1 TPHCM cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và biên độ lãi suất 3%/năm. Tại ngày cuối năm, lãi suất là 10,3%/năm (tại ngày đầu năm: 9,8%/năm).

Tài sản thế chấp là nhà máy thủy điện Thượng Lộ (Thuyết minh 13).

(ix) Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở do BIDV - Chi nhánh Gia Định thông báo. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 6,9%. Tài sản thế chấp là dự án điện mặt trời mái nhà Hậu Giang 3 và dự án điện mặt trời mái nhà Bàu Cạn 2 (Thuyết minh 13).

(**) Trái phiếu phát hành

Chi tiết số dư cuối năm của trái phiếu phát hành như sau:

Đơn vị: VND	
	Số cuối năm
Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán và được phát hành dưới hình thức ghi sổ (a)	270.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không bảo đảm và không kèm theo chứng quyền (b)	216.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản (c)	200.000.000.000
Đáo hạn trong vòng 1 năm	686.000.000.000 (231.000.000.000)
	455.000.000.000

(a) Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp. Công ty đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các dự án của Công ty.

Theo đó, Công ty đã phát hành 300 trái phiếu trong đợt 1 năm 2018, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn trong vòng 10 năm. Công ty có nghĩa vụ mua lại khoản gốc trái phiếu trước hạn theo lịch trình như đã cam kết trong hợp đồng. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Mục đích là để đầu tư vào dự án nhà máy năng lượng mặt trời Phong Điền và dự án nhà máy năng lượng mặt trời Krông Pa.

Tài sản thế chấp cho khoản phát hành trái phiếu này bao gồm dự án điện mặt trời Krông Pa, các dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng 1A, Đak PiHao 1 (Thuyết minh 13).

Tại ngày cuối năm, số dư thể hiện khoản gốc trái phiếu còn phải trả từ đợt phát hành này.

(b) Theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động và đảm bảo khả năng tín dụng của Công ty trong giai đoạn đầu tư và theo hợp đồng số 29/2019/NHĐT-SSIHO ngày 1 tháng 7 năm 2019, Công ty đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI làm đại lý đăng ký, đại lý lưu ký, đại lý thanh toán và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 300 tỷ đồng, tương đương 3.000 trái phiếu, mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu với lãi suất trái phiếu từ 11,5% đến 12%/năm và phí dịch vụ từ 1% đến 1,5%/năm. Các trái phiếu này có kỳ hạn là 2 đến 3 năm, không có tài sản đảm bảo và có thể mua lại trước hạn khi Công ty có đủ nguồn lực.

Trong năm, Công ty đã mua lại 30 trái phiếu trước hạn, mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu, theo Công bố thông tin số 143/2020/CV-GEC ngày 14 tháng 5 năm 2020 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc.

(c) Theo Trích yếu Nghị quyết số 31A/2020/TYNQ-HĐQT ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Công ty về việc phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động và đảm bảo khả năng tín dụng của Công ty trong giai đoạn đầu tư và theo hợp đồng mua trái phiếu ngày 28 tháng 9 năm 2020, Công ty đã phát hành 2.000 trái phiếu tương đương 200 tỷ đồng, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Lãi suất trái phiếu cố định là 10,5%/năm trong thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành. Tài sản thế chấp là 19.253.788 cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai. Trái phiếu bị hạn chế giao dịch trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Công ty có quyền mua lại trái phiếu sau 1 năm kể từ ngày phát hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(***) Nợ thuê tài chính

Chi tiết số dư cuối năm của trái phiếu phát hành như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi thuê	Nợ gốc	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi thuê	Nợ gốc
Dưới 1 năm	3.659.605.370	1.130.835.926	2.528.769.444	-	-	-
Từ 1 đến 5 năm	12.355.962.201	2.323.655.562	10.032.306.639	-	-	-
Trên 5 năm	1.693.218.829	120.569.761	1.572.649.067	-	-	-
	17.708.786.400	3.575.061.249	14.133.725.150	-	-	-

Thuê tài chính bao gồm các khoản thuê máy móc thiết bị với Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết các hợp đồng thuê tài chính được thể hiện như sau:

Hợp đồng	Hình thức	Giá trị	Nợ gốc	Thời hạn	Giá trị mua lại
88.20.01/CTTC ngày 26 tháng 6 năm 2020	Bán và thuê lại	7,14 tỷ đồng (80% giá trị tài sản thuê)	6.456.138.251	84 tháng kể từ ngày hợp đồng	9 triệu đồng
92.20.09/CTTC ngày 15 tháng 12 năm 2020	Bán và thuê lại	6,98 tỷ đồng (57% giá trị tài sản thuê)	7.677.586.899	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	11,2 triệu đồng
			14.133.725.150		

Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh công bố trong từng thời kỳ cộng với mức biên là 2,7%/năm.

Tại ngày cuối năm, số dư nợ phải trả cho Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến hợp đồng thuê tài chính là 14.133.725.150 đồng; phải thanh toán trong vòng 1 năm là 2.528.769.440 đồng.

22 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	31.566.321.809	20.790.093.500
Tăng trong năm (Thuyết minh 26)	22.544.831.218	24.613.836.804
Sử dụng trong năm	(18.295.140.292)	(13.837.608.495)
Giảm do bán Công ty con	(102.184.421)	-
Số dư cuối năm	35.713.828.314	31.566.321.809

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn bao gồm dự phòng trợ cấp thôi việc của người lao động.

24 THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	8.311.473.568	7.461.665.654
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(1.317.121.275)	(972.896.646)
	6.994.352.293	6.488.769.008

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	6.488.769.008	6.234.469.009
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm (Thuyết minh 34)	505.583.285	254.299.999
Số dư cuối năm	6.994.352.293	6.488.769.008

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch lợi nhuận chưa thực hiện	6.994.352.293	6.488.769.008

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả cho năm nay và năm trước.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

25 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	271.175.188	203.891.677



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

25 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm Cổ phiếu phổ thông	%	Số đầu năm Cổ phiếu phổ thông	%
AVH Pte. Ltd	55.305.970	20,39	39.057.174	19,16
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	49.139.903	18,12	36.947.296	18,12
International Finance Corporation	37.924.393	13,99	28.514.582	13,99
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	29.323.026	10,81	39.280.580	19,27
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	19.820.145	7,31	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	11.846.310	4,37	8.907.000	4,37
Ông Đặng Văn Thành	10.588.141	3,90	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai	6.650.000	2,45	5.000.000	2,45
Các cổ đông khác	50.577.300	18,66	46.185.045	22,65
	271.175.188	100,0	203.891.677	100,0

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

Đơn vị: VND

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	194.182.550	1.941.825.500.000
Cổ phiếu mới phát hành	9.709.127	97.091.270.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	203.891.677	2.038.916.770.000
Cổ phiếu mới phát hành (*)	50.972.919	509.729.190.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	16.310.592	163.105.920.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	271.175.188	2.711.751.880.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và các Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2020 và 23/2020/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã phát hành thêm 50.972.919 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 16/2020/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2020, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với mức chi trả là 8%, được lấy từ lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2019.

26 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.941.825.500.000	28.963.735.153	60.968.109.047	145.084.524.459	231.093.442.173	2.407.935.310.832
Phát hành cổ phiếu	97.091.270.000	9.709.127.000	-	-	-	106.800.397.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	250.999.983.798	39.515.763.599	290.515.747.397
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	17.844.760.004	(17.844.760.004)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(22.148.752.669)	(2.465.084.135)	(24.613.836.804)
Thay đổi tỉ lệ sở hữu trong Công ty con	-	-	-	(55.412.725.957)	(79.263.274.042)	(134.675.999.999)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	20.321.039.737	20.321.039.737
Chia cổ tức	-	-	-	(135.927.785.000)	(34.806.544.000)	(170.734.329.000)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	84.080.000.000	84.080.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.038.916.770.000	38.672.862.153	78.812.869.051	164.750.484.627	258.475.343.332	2.579.628.329.163
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25(c))	509.729.190.000	(466.600.000)	-	-	-	509.262.590.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 25(c))	163.105.920.000	-	-	(163.105.920.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	257.355.412.178	37.607.443.073	294.962.855.251
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.556.036.633	(8.556.036.633)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(20.619.983.549)	(1.924.847.669)	(22.544.831.218)
Thay đổi tỉ lệ sở hữu trong Công ty con	-	-	-	(9.897.055.809)	(10.051.829.435)	(19.948.885.244)
Tặng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	-	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Giảm do bán Công ty con	-	-	(50.202.779)	50.202.779	(3.051.090.277)	(3.051.090.277)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	164.077.800.000	164.077.800.000
Chi cổ tức	-	-	-	-	(36.170.989.400)	(36.170.989.400)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.711.751.880.000	38.206.262.153	87.318.702.905	219.977.103.593	410.661.829.624	3.467.915.778.275

Đơn vị: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

27 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước	
		Theo báo cáo kiểm năm trước	Đã điều chỉnh
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	257.355.412.178	250.999.983.798	250.999.983.798
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(20.619.983.549)	(22.148.752.669)	(22.148.752.669)
	236.735.428.629	228.851.231.129	228.851.231.129
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	230.004.914	199.646.301	215.956.893
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.029	1.146	1.060

(*) Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành năm trước đã được điều chỉnh lại để phản ánh số cổ phiếu thường phát hành trong năm nay.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ khác là 18.957 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 15.304,8 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 39(a).

29 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu bán điện	1.249.420.657.995	1.056.885.008.939
Doanh thu bán hàng hóa	191.150.859.838	47.679.229.030
Doanh thu hợp đồng xây dựng	22.816.106.661	29.084.183.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.135.057.297	25.725.857.625
	1.494.522.681.791	1.159.374.278.952

29 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(1.199.328.000)	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán điện	1.249.420.657.995	1.056.885.008.939
Doanh thu bán hàng hóa	189.951.531.838	47.679.229.030
Doanh thu hợp đồng xây dựng	22.816.106.661	29.084.183.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.135.057.297	25.725.857.625
	1.493.323.353.791	1.159.374.278.952

30 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	525.699.828.147	420.383.714.918
Giá vốn hàng hóa	175.121.465.317	46.790.746.707
Giá vốn hợp đồng xây lắp	22.653.022.698	25.346.556.175
Giá vốn dịch vụ cung cấp	9.192.860.577	17.190.029.262
	732.667.176.739	509.711.047.062

31 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và cho vay	23.735.394.257	23.330.069.724
Lãi từ việc bán Công ty con	6.009.868.325	-
Khác	789.392.706	911.063.347
	30.534.655.288	24.241.133.071

32 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	354.411.196.128	244.931.515.892
Chi phí phát hành trái phiếu	3.538.198.822	2.353.516.662
Khác	13.290.221.475	10.533.817.869
	371.239.616.425	257.818.850.423



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	66.571.553.092	58.593.073.135
Dịch vụ mua ngoài	7.683.469.988	4.644.373.507
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.745.876.503	3.837.706.809
Công cụ, dụng cụ	2.134.229.409	2.835.362.075
Khác	32.188.811.046	41.260.149.064
	114.323.940.038	111.170.664.590

34 THUẾ TNDN

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện và điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

- Đối với Nhà máy thủy điện Đa Khai: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 1: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- Đối với Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2, điều 23, Thông tư 78.
- Đối với Nhà máy thủy điện Ia Puch 3: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2020 đến năm 2021) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2, điều 23, Thông tư 78.
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Phong Điền: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Krông Pa: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với các Nhà máy thủy điện Ayun Hạ, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chu Prông - Trà Bá, Ia Đrăng 3 và Ia Meur: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành sau khi hết thời gian ưu đãi thuế.

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

- Đối với dự án thủy điện H'Chan, Tập đoàn được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.
- Đối với dự án thủy điện H'Mun, Tập đoàn được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với dự án điện mặt trời TTC- Hàm Phú 2, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Dự án thuộc Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ

- Đối với dự án nhà máy thủy điện Thượng Lộ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An

- Đối với dự án nhà máy điện TTC Đức Huệ 1 – Long An, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn

- Đối với dự án nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn được tính theo các mức thuế suất áp dụng như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	308.586.244.471	303.947.764.926
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	22.413.110.600	26.144.989.041
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(2.527.916.425)	(1.271.499.995)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.805.788.511	562.975.806
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	371.014.156
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	-	(15.323.216)
Thu nhập chịu thuế ước tính	331.277.227.157	329.739.920.718
Thuế tính ở thuế suất 20%	17.716.298.655	11.220.661.767
Thuế tính ở thuế suất 10%	23.056.730.995	27.521.998.490
Thuế được miễn hoặc giảm	(27.149.640.430)	(25.317.768.250)
Bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước	-	7.125.522
Chi phí thuế TNDN (*)	13.623.389.220	13.432.017.529
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	14.128.972.505	13.686.317.528
Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 24) (**)	(505.583.285)	(254.299.999)
	13.623.389.220	13.432.017.529



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

34 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm chủ yếu là các khoản chênh lệch tạm thời khi tính thuế TNDN hiện hành.

35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại của Tập đoàn. Chi tiết được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ	351.957.364.969	283.084.648.927
Chi phí nhân viên	123.850.362.888	114.511.420.335
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.396.336.691	64.369.255.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.745.496	51.659.648.452
Khác	98.458.812.706	69.128.857.111
	654.082.622.750	582.753.829.849

36 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Mua TSCĐ chưa thanh toán	376.776.879.521	343.928.965.786
Phân loại lại khoản cho vay thành vốn góp	101.589.506.280	-
Phân loại lại khoản phải thu thành vốn góp	8.410.493.720	-

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Vay theo kế ước thông thường	575.691.337.592	2.685.177.147.173
Phát hành trái phiếu thường	200.000.000.000	219.000.000.000

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.193.788.580.594	518.556.028.107
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	18.000.000.000	15.000.000.000

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre

Bên liên quan khác trong cùng Tập đoàn

Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung

Công ty Cổ phần Năng lượng TTC

Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín

Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long

Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận

Công ty Cổ phần Thành Thành Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Ninh Hòa

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xanh TTC

Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình

Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu

Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín

Công ty Cổ phần Năng lượng Bình Thuận

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận

Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín

Công ty Cổ phần Điện Gió Mê Kông

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang

Công ty TNHH Nhiệt điện Ninh Hòa

Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa

Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa

Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Chi tiền đặt cọc tiền mua lại cổ phần	205.959.520.000	-
	Nhận góp vốn	73.980.000.000	163.360.000.000
	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.213.288.085	30.706.183.990
	Chuyển nhượng cổ phần	-	214.056.000.000
	Lãi chậm thanh toán	-	1.485.054.575
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.393.000.440
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	309.036.247.764
	Nhận góp vốn	7.500.000.000	-
	Chia cổ tức	2.580.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	34.979.194.580	239.506.055.004
	Trả nợ vay	7.000.000.000	5.000.000.000
	Mua hàng hóa dịch vụ	22.877.928.928	1.147.434.800
	Hàng bán trả lại	1.199.328.000	-
	Chi phí lãi vay	623.013.701	132.691.235
	Vay	-	12.000.000.000
	Cho vay	-	20.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	20.000.000.000
	Ứng trước tiền mua hàng	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	-	183.561.644

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cho vay	165.789.904.119	32.000.000.000	
	Chuyển đổi cho vay thành đặt cọc	101.589.506.280	-	
	Thu hồi khoản cho vay	25.000.000.000	1.000.000.000	
	Chuyển đổi khoản phải thu lãi vay thành đặt cọc	8.410.493.720	-	
	Lãi cho vay	10.283.618.193	1.337.698.637	
	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	11.129.105.905	36.540.417.609	
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.817.600	-	
	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.000.000.000	
	Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	Mua hàng hóa dịch vụ	28.087.935.335	11.969.669.600
		Thu hồi cho vay	13.400.000.000	2.500.000.000
	Lãi cho vay	380.479.451	360.794.520	
	Cho vay	-	15.900.000.000	
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận	Cho vay	500.000.000	3.500.000.000	
	Lãi cho vay	354.931.503	-	
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.272.424	10.000.000	
	Thu hồi khoản vay	-	159.178.080	
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	20.022.000	
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.754.490.274	3.147.597.594	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	754.705.272	1.023.337.430
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	574.700.000	574.700.000
	Phạt vi phạm hợp đồng	-	50.573.600
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.271.434.004	3.777.724.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xanh TTC	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	434.895.573
Công ty TNHH Nhiệt điện Ninh Hòa	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.043.876	203.023.144
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Mua hàng hóa và dịch vụ	64.723.669.793	-
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.882.781.455	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	165.398.096	413.184.098
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Mua hàng hóa và dịch vụ	90.545.459	226.940.460
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín	Mua hàng hóa và dịch vụ	24.600.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bình Thuận	Chi phí chi hộ	8.723.030	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Mua hàng hóa dịch vụ	103.636.364	50.318.182
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.763.636	-
	Thu hồi khoản cho vay	40.000.000.000	59.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Lãi cho vay	10.528.328.769	3.660.657.532
	Cho vay	-	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Biên Hòa	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.387.740	6.922.056

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị: VND

		Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	390.000.000	315.250.000
Jean-Paul Pinard	Thành viên	78.666.667	176.944.444
Andrew Mark Affleck	Thành viên	214.666.667	214.319.444
Deepak C.Khanna	Thành viên	143.722.223	33.900.000
Phạm Hồng Dương	Thành viên	143.722.223	-
Phạm Thị Khuê	Thành viên	143.722.223	-
Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	260.000.000	214.319.444
Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên	104.666.667	214.319.444
Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc			
Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	1.899.452.667	1.990.418.417
Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc	2.570.568.583	1.760.616.000
Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	2.041.740.283	1.512.467.865
Hà Nguyễn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.141.892.400	707.911.232
Nguyễn Lê Hùng	Phó Tổng Giám đốc	189.015.000	938.378.044
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	483.988.000	947.411.000
Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc	529.853.591	910.518.000
Trần Thị Hồng Thắm	Giám đốc tài chính	1.033.908.912	663.059.436
		11.369.586.106	10.599.832.770



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư với các bên liên quan

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	80.701.629.284	40.627.304.642
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	40.853.051.200	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	31.636.370.217	27.805.335.186
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	5.500.469.721	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	2.592.325.483
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	-	136.395.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa	23.148.264	223.325.458
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	130.865.799	13.861.172
	158.845.534.485	71.398.546.941
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	-	16.566.531.080
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	10.000.000.000
	-	26.566.531.080
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8)		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	71.000.000.000	111.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	69.200.397.839	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	-	13.400.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	4.000.000.000	3.500.000.000
	144.200.397.839	157.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	205.959.520.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	112.239.425.791	1.291.202.523
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	11.365.945.206	1.999.479.451
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận	501.643.830	159.178.080
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	-	477.452.052
	330.066.534.827	3.927.312.106
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))		
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	498.204.382	498.204.382

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	50.862.592.851	-
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	11.900.788.005	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	4.902.878.652	7.020.903.685
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	237.407.000	120.262.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	114.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	3.058.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	-	1.509.666.570
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	-	526.617.062
Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai	-	206.706.101
	68.020.724.508	9.384.155.418
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Biên Hòa Thành Long	1.437.362.987	1.437.362.987
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	-	88.880.000
	1.437.362.987	11.526.242.987
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	900.000
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 21)		
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	-	7.000.000.000

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất và phân phối điện;
- Hoạt động xây lắp: xây dựng các công trình thủy điện và công trình dân dụng vừa và nhỏ;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các dự án thủy điện; và
- Hoạt động bán hàng hóa: mua bán, nhập khẩu pin mặt trời và phụ tùng thiết bị ngành điện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn như sau:

Đơn vị: VND

Doanh thu	Hoạt động sản xuất và bán điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng hóa	Loại trừ	Tổng cộng
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.249.420.657.995	22.816.106.661	31.135.057.297	189.951.531.838	-	1.493.323.353.791
Trong nội bộ Tập đoàn	-	17.597.230.245	31.699.034.222	139.415.755.173	(188.712.019.640)	-
Tổng doanh thu	1.249.420.657.995	40.413.336.906	62.834.091.519	329.367.287.011	(188.712.019.640)	1.493.323.353.791
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	720.362.961.404	163.083.963	24.262.933.279	24.900.290.897	(9.033.092.491)	760.656.177.052
Chi phí không phân bổ						(116.023.565.306)
Doanh thu hoạt động tài chính						30.534.655.288
Chi phí tài chính						(371.239.616.425)
Lợi nhuận khác						4.658.593.862
Lợi nhuận trước thuế TNDN						308.586.244.471
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(14.128.972.505)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						505.583.285
Lợi nhuận sau thuế TNDN						294.962.855.251

Đơn vị: VND

Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2020	Hoạt động sản xuất và bán điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng hóa	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	6.008.061.331.627	44.762.296.816	98.721.519.422	1.341.957.410.151	-	7.493.502.558.016
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	279.605.576.286
Tổng tài sản						7.773.108.134.302
Công nợ bộ phận	3.485.293.131.424	30.884.305.144	64.716.100.652	723.724.193.105	-	4.304.617.730.325
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	574.625.702
Tổng công nợ						4.305.192.356.027



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(ii) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn như sau:

Đơn vị: VND

Doanh thu	Hoạt động sản xuất và bán điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng hóa	Loại trừ	Tổng cộng
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.056.885.008.939	29.084.183.358	25.725.857.625	47.679.229.030	-	1.159.374.278.952
Trong nội bộ Tập đoàn	-	3.641.753.368	23.882.579.666	244.086.058.728	(271.610.391.762)	-
Tổng doanh thu	1.056.885.008.939	32.725.936.726	49.608.437.291	291.765.287.758	(271.610.391.762)	1.159.374.278.952
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận góp của bộ phận	610.922.856.070	4.369.611.569	28.620.047.808	10.844.607.584	(5.093.891.141)	649.663.231.890
Chi phí không phân bổ						(111.795.564.788)
Doanh thu hoạt động tài chính						24.241.133.071
Chi phí tài chính						(257.818.850.423)
Lợi nhuận khác						(342.184.824)
Lợi nhuận trước thuế TNDN						303.947.764.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(13.686.317.528)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						254.299.999
Lợi nhuận sau thuế TNDN						290.515.747.397

Đơn vị: VND

Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2020	Hoạt động sản xuất và bán điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng hóa	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	5.490.863.047.093	54.355.983.977	141.059.440.513	799.071.165.460	-	6.485.349.637.043
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	277.869.786.743
Tổng tài sản						6.763.219.423.786
Công nợ bộ phận	3.536.344.161.701	38.256.365.626	100.674.295.328	507.700.648.542	-	4.182.975.471.197
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	615.623.426
Tổng công nợ						4.183.591.094.623



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

39 CÁC CAM KẾT

a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.637.016.957	5.394.075.053
Từ 1 đến 5 năm	4.237.639.303	4.721.828.132
Trên 5 năm	33.228.597.052	27.239.634.551
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	41.103.253.312	37.355.537.736

b) Chi đầu tư tài sản

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	2.806.350.605.164	200.103.879.668

c) Góp vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này, Tập đoàn có cam kết góp vốn vào một số Công ty như sau:

i) Các Công ty chưa được góp vốn

	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ %
Công ty TNHH Một Thành viên Điện Mặt trời Phong Điền (*)	100,00

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2019/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 7 năm 2019, Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Điện Mặt trời Phong Điền, với tổng vốn điều lệ là 120 tỷ đồng.

(ii) Các Công ty đã được góp vốn

Đơn vị: VND

	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ %	Số tiền cam kết sẽ góp	Số tiền đã thực góp	Số tiền còn phải góp
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định	51,00	105.570.000.000	2.550.000.000	103.020.000.000
Công ty Cổ phần Điện TTC Tây Sơn - Bình Định	51,00	105.570.000.000	2.550.000.000	103.020.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Sạch Vi-Ja	99,00	148.500.000.000	15.000.000.000	133.500.000.000

40 NỢ TIỀM TÀNG

Hiện tại, Tập đoàn đang có phát sinh các hợp đồng thuê đất trực tiếp từ nhà nước để phục vụ cho các dự án thủy điện và điện mặt trời. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất thì việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Theo Điều 273 của Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, thì trong trường hợp bên cho thuê đất không muốn kế thừa các tài sản gắn liền trên đất hoặc các bên có thỏa thuận khác thì Tập đoàn phải có nghĩa vụ xử lý các tài sản gắn liền trên đất khi kết thúc hợp đồng thuê đất. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên tham gia hợp đồng thuê đất vẫn chưa xác định được phương thức xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất và do đó, Tập đoàn chưa trích lập bất kỳ khoản chi phí khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án thủy điện và điện mặt trời nào trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

41 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

(a) Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 76/TTC-GEC ngày 4 tháng 1 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Tập đoàn, Tập đoàn đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 15.843.040 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công tại Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An, với giá chuyển nhượng là 13.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 205,9 tỷ đồng. Theo đó Tập đoàn nắm 99,9% quyền sở hữu trong Công ty này.

(b) Thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 9/2021/QĐ-CT.HĐQT ngày 4 tháng 2 năm 2021, Chủ tịch Công ty đã phê duyệt chủ trương thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành với vốn điều lệ là 200 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện và có trụ sở chính ở Tỉnh Tiền Giang.

(c) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 10/2021/QĐ-CT.HĐQT ngày 22 tháng 2 năm 2021, Chủ tịch Công ty đã phê duyệt chủ trương góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang. Trong đó, Công ty sẽ góp 999.000 cổ phần, tương đương 9.990.000 đồng và sở hữu 99,9% Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 12 tháng 3 năm 2021.

NGHIÊM THỊ LỆ QUYÊN
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 cấp ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Hội đồng Quản trị	
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên
Ông Deepak C. Khanna	Thành viên (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên độc lập (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập (từ ngày 12 tháng 6 năm 2020)
Ông Jean-Paul Pinard	Thành viên (đến ngày 29 tháng 4 năm 2020)
Ông Andrew Mark Affleck	Thành viên (đến ngày 23 tháng 11 năm 2020)
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (đến ngày 8 tháng 6 năm 2020)

Ủy ban Kiểm toán	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Deepak C. Khanna	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 10 năm 2020)
Ông Hà Nguyên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 10 năm 2020)
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 7 năm 2020)
Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật Ông Tân Xuân Hiến Chủ tịch

Trụ sở chính Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 170 đến trang 173. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÁI HÀ

Tổng Giám đốc

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 12 tháng 2 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



NGUYỄN HOÀNG NAM

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-01

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10128
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

VÕ NGỌC HUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-01



Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (028)38230796, www.pwc.com/vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		764.577.373.466	642.524.860.464
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.873.265.553	78.705.218.186
111	Tiền		21.873.265.553	21.705.218.186
112	Các khoản tương đương tiền		-	57.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		635.021.043.285	309.833.249.928
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	179.441.737.611	102.559.633.365
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.197.573.488	25.266.691.276
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	69.200.397.839	130.200.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	384.181.334.347	51.806.925.287
140	Hàng tồn kho		102.835.030.993	228.892.255.271
141	Hàng tồn kho	8	102.835.030.993	228.892.255.271
150	Tài sản ngắn hạn khác		4.848.033.635	25.094.137.079
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	4.738.145.828	3.033.804.977
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		-	22.060.332.102
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		109.887.807	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		4.408.498.292.462	3.905.600.220.009
210	Các khoản phải thu dài hạn		531.104.082	568.204.382
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	1.259.387.882	1.259.387.882
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(728.283.800)	(691.183.500)
220	Tài sản cố định		2.412.072.415.892	2.570.481.534.371
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.404.018.706.225	2.561.630.907.786
222	Nguyên giá		3.106.250.898.500	3.091.565.645.737
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(702.232.192.275)	(529.934.737.951)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	8.053.709.667	8.850.626.585
228	Nguyên giá		10.871.988.181	9.788.567.784
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.818.278.514)	(937.941.199)
240	Tài sản dở dang dài hạn		9.322.026.194	8.368.479.489
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.322.026.194	8.368.479.489
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.959.839.670.535	1.305.701.413.681
251	Đầu tư vào Công ty con	12	1.966.425.276.909	1.307.965.896.909
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.600.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(6.585.606.374)	(4.864.483.228)

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
260	Tài sản dài hạn khác		26.733.075.759	20.480.588.086
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	26.733.075.759	20.480.588.086
270	TỔNG TÀI SẢN		5.173.075.665.928	4.548.125.080.473
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.085.941.337.931	2.209.126.396.802
310	Nợ ngắn hạn		536.578.034.448	539.080.423.721
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	81.115.479.429	16.846.619.837
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.967.926.670	1.270.400.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	22.621.636.098	6.748.006.278
314	Phải trả người lao động		-	7.182.217
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	9.563.993.853	4.993.911.728
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	5.983.284.423	121.811.458.185
320	Vay ngắn hạn	17(a)	400.552.621.053	371.935.322.960
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	14.773.092.922	15.467.522.516
330	Nợ dài hạn		1.549.363.303.483	1.670.045.973.081
338	Vay dài hạn	17(b)	1.546.086.002.220	1.666.461.456.661
342	Dự phòng phải trả dài hạn		2.994.424.750	2.994.424.750
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		282.876.513	590.091.670
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.087.134.327.997	2.338.998.683.671
410	Vốn chủ sở hữu		3.087.134.327.997	2.338.998.683.671
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	2.711.751.880.000	2.038.916.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.711.751.880.000	2.038.916.770.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	38.206.262.153	38.672.862.153
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	43.211.135.161	35.594.096.475
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		293.965.050.683	225.814.955.043
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	20	62.709.035.043	32.013.494.071
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		231.256.015.640	193.801.460.972
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.173.075.665.928	4.548.125.080.473

NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị: VND

Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	931.998.898.694	748.808.477.220
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	931.998.898.694	748.808.477.220
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	557.246.476.007	371.719.402.706
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	374.752.422.687	377.089.074.514
21	Doanh thu hoạt động tài chính	171.462.138.343	97.284.887.684
22	Chi phí tài chính	196.916.380.019	161.710.336.099
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	191.499.694.983	153.733.601.190
25	Chi phí bán hàng	1.202.335.753	624.900.198
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.061.233.164	91.254.315.087
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	255.034.612.094	220.784.410.814
31	Thu nhập khác	3.375.750.586	994.167.555
32	Chi phí khác	141.630.237	471.430.346
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	3.234.120.349	522.737.209
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	258.268.732.443	221.307.148.023
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	4.367.442.900	4.056.742.103
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	253.901.289.543	217.250.405.920

NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	258.268.732.443	221.307.148.023
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và lợi thế thương mại	174.366.800.590	160.944.304.110
03	Các khoản dự phòng	1.758.223.446	2.597.038.189
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.423.870	524.057
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(170.882.476.518)	(97.101.307.081)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	195.037.893.805	153.733.601.190
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	458.551.597.636	441.481.308.488
09	Tăng các khoản phải thu	(54.653.198.552)	(44.423.061.499)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	125.568.572.813	(220.878.112.931)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	76.784.420.299	(4.692.000.617)
12	Tăng chi phí trả trước	(7.956.828.524)	(1.447.954.714)
14	Tiền lãi vay đã trả	(188.752.720.230)	(151.913.665.904)
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.956.742.104)	(4.917.194.997)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(15.722.664.811)	(10.050.012.144)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	391.862.436.527	3.159.305.682
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(22.899.216.225)	(482.287.626.708)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.405.970.627
23	Tiền chi cho vay	(229.600.000.000)	(254.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	200.800.000.000	377.691.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(985.521.540.000)	(825.807.610.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.760.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	161.336.739.788	73.599.167.020
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(864.124.016.437)	(1.108.999.099.061)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	509.262.590.000	106.800.397.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	479.485.337.185	996.316.201.250
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(573.082.199.092)	(354.997.762.927)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	(43.011.140)	(135.835.944.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	415.622.716.953	612.282.890.423
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(56.638.862.957)	(493.556.902.956)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	78.705.218.186	572.264.189.785
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(193.089.676)	(2.068.643)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	21.873.265.553	78.705.218.186

NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG THẨM
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÁI HÀ
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2021



NHỮNG THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Thuật ngữ	Tên đầy đủ	Thuật ngữ	Tên đầy đủ	Thuật ngữ	Tên đầy đủ
Armstrong	AVH PTE LTD. - Armstrong Asset Management Pte. Ltd	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	PPA	Hợp đồng mua bán điện
BCT	Bộ Công thương	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	PTBV	Phát triển bền vững
BCTC	Báo cáo tài chính	GHC	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	QCUX	Quy chế ứng xử
BCTN	Báo cáo thường niên	HĐKD	Hoạt động kinh doanh	QĐ	Quyết định
BDH	Ban Điều hành	HĐLĐ	Hợp đồng lao động	QLDN	Quản lý Doanh nghiệp
BLĐ	Ban Lãnh đạo	HĐQT	Hội đồng Quản trị	QLRR	Quản lý rủi ro
BLQ	Bên Liên quan	HSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	QTRR	Quản trị rủi ro
BSQH	Bổ sung quy hoạch	HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	QTCT	Quản trị Công ty
BTC	Bộ Tài chính	HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	QTDN	Quản trị Doanh nghiệp
BTP	Bộ Tư pháp	HTTT	Hệ thống thông tin	ROAA	Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân
CAGR	Tốc độ tăng trưởng kép hằng năm	IRR	Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ	ROAE	Lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân
CBNV	Cán bộ nhân viên	KQKD	Kết quả kinh doanh	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
CBQL	Cán bộ quản lý	KSNB	Kiểm soát nội bộ	SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBTT	Công bố thông tin	KTNB	Kiểm toán nội bộ	TCBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
CD	Cổ đông	LCK	Luật Chứng khoán	TGD	Tổng Giám đốc
CNTT	Công nghệ thông tin	LDN	Luật Doanh nghiệp	TPDN	Trái phiếu Doanh nghiệp
COD	Vận hành thương mại	LNG	Lợi nhuận gộp	TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	LNST	Lợi nhuận sau thuế	TT	Thông tư
CTV	Cộng tác viên	LNTT	Lợi nhuận trước thuế	TTS	Tổng Tài sản
CTCP	Công ty Cổ phần	M&A	Mua bán và sáp nhập	TTCK	Thị trường chứng khoán
CTTV	Công ty Thành viên	MTV	Một Thành viên	TTCP	Thủ tướng Chính phủ
CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn	MAS	Công ty TNHH Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
CV	Công văn	ND	Nghị định	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
DA	Dự án	NDT	Nhà đầu tư	UBND	Ủy ban Nhân dân
DTT	Doanh thu thuần	NLTT	Năng lượng tái tạo	VBLQ	Văn bản lập quy
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	NNB	Người Nội bộ	VCBS	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
EBIT	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế	NM	Nhà máy	VCSH	Vốn Chủ sở hữu
EBITDA	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao	NQ	Nghị quyết	VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
E&S	Báo cáo Môi trường & Xã hội	O&M	Vận hành và Bảo trì	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
EPTC	Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	PCCC	Phòng cháy chữa cháy	VDL	Vốn Điều lệ
FIT	Biểu giá Điện hỗ trợ	PHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	WTG	Tuabin gió
				Yuanta	Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam



...**Đón Điện**
Mở tương lai ...





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính Gia Lai: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Văn phòng Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM

Điện thoại: 0283 9998 822

Email: info@geccom.vn / ir.dir@geccom.vn

Website: <http://www.geccom.vn>